

PHẬT GIÁO HÒA HẢO

---oOo---

**SẨM GIẢNG
THI VĂN TOÀN BỘ
CHÚ GIẢI**

QUYỀN HẠ
Phần Thi Văn Giáo Lý

Tập 2/2
Chú Giải Các Bài Thơ Nôm

CHÁNH VĂN : ĐỨC HUỲNH GIÁO CHỦ
CHÚ GIẢI : THIỆN TÂM

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)

Lời Đức Huỳnh Giáo Chủ:

***“Từ sấm kinh cho đến thi thơ,
Trong chốn ấy nhiều nơi trọng yếu”.***

*

* *

***“Sớm tỉnh kệ kinh tìm hiểu lý,
Một ngày hiệp hội hết mờ lu”.***

MỤC LỤC

SẮM GIẢNG THI VĂN TOÀN BỘ CHÚ GIẢI

QUYỂN HẠ

Tập 2/2

Chú Giải Các Bài Thơ Nôm

	Trang:
Thay Lời Tựa	5
Lời Nói Đầu Của Soạn Giả	7
Bài 1. Say	
Bài 2. Thi Xuân	
Bài 3. Cấm cảnh dân nghèo	
Bài 4. Hai mươi chín tháng chạp	
Bài 5. Đầu năm	
Bài 6. Tội mỏng mặt	
Bài 7. Viếng non Ông Két	
Bài 8. Xuân Hạ tác cuồng thơ	
Bài 9. Từ giã bốn đạo khắp nơi	
Bài 10. Tạm ngưng lý thuyết	
Bài 11. Đến làng Nhơn Nghĩa	
Bài 12. Cho Hương bộ Thạnh	
Bài 13. Từ giã làng Nhơn Nghĩa	
Bài 14. Ai người tri kỷ	
Bài 15. Bóng hồng	
Chỉ Dẫn Tra Cứu	
Linh tinh	

THAY LỜI TỰA

(Tái Bản tại Hoa Kỳ Lần 1, Năm 2010)

Sấm Giảng Thi Văn của Đức Huỳnh Giáo Chủ là bộ pháp bảo, hàm chứa giáo thuyết căn bản, giúp người tín đồ PGHH hiểu biết tông chỉ và phương thức hành đạo.

Đức Giáo Chủ Phật Giáo Hòa Hảo khẳng định Ngài không lập một tôn giáo mới lạ. Ngài chỉ là vị thánh tăng vùng linh Đức Thế Tôn hạ giới xuống trần hưng truyền chánh pháp. Cho nên Ngài đã **“nổi theo chí Thích Ca ngày trước”** và **“rút trong các Luật các Kinh”** để thành lập một giáo thuyết khế cơ, giản dị, dễ học, dễ tu cho căn cơ thấp kém của phần lớn chúng sanh trong thời Mạt pháp.

Tuy nhiên, dù cố giản dị đến đâu, một bộ **Sấm Kinh** chỉ vốn vắn khoảng 500 trang mà tóm lược cả **“rừng kinh kệ”** của chư Phật Thánh thì nội dung tất phải hàm súc cô đọng. Hơn nữa, về hình thức, lời lẽ có bình dị cũng không tránh khỏi việc cần sử dụng điển tích, điển văn, Hán ngữ, dụng ngữ Phật pháp, phương ngữ, ... để diễn đạt tư tưởng. Đó là các lý do khiến người tu học đôi khi không dễ hiểu nếu thiếu phương tiện sưu tầm tra cứu.

Cố soạn giả Thiện Tâm là một tín đồ PGHH, một tu sĩ cả đời xả thân tu học, một giảng viên trong Ban Hoằng Pháp chùa Tây An Cổ Tự và Ban Phổ Thông Giáo Lý Giáo Hội Trung Ương Phật Giáo Hòa Hảo trước năm 1975. Ông nhận thức sự cần thiết của một bộ **Chú Giải Sấm Giảng Thi Văn** để giúp chư tín hữu khắc phục các trở ngại nói trên nên đã tự nguyện đứng ra làm công tác khó khăn này.

Văn-Tư-Tu là phương châm của người tu học Phật pháp: đọc nghe, suy nghiệm rõ ràng rồi hạ công tu tập thì mới thành tựu được Đạo Giải Thoát.

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng nhắc nhở:

“Coi rồi phải nhận cho rõ lý.”

Và: ***“Nghe cạn lời chớ có mờ hồ,
Tìm hiểu nghĩa làm theo đức đạo.”***

Cố Soạn Giả tự nhận việc làm để thể hiện mục tiêu trên không thể hoàn hảo ngay từ bước đầu. Công tác sưu khảo biên soạn này cần có nhiều người góp sức, cần có sự tiếp tục và tiếp tục chỉnh đốn bổ sung mãi mãi,...

Tái bản và phát không bộ sách này, chúng tôi muốn nối vòng tay thể hiện hoài bão của cố Soạn Giả hầu giúp lợi ích trên đường tu học cho chư đồng đạo và tín hữu Phật giáo gần xa trong tinh thần khiêm tốn đó.

Chúng tôi chân thành cảm tạ quý bạn đạo, hữu danh cũng như ẩn danh, đã và sẽ yểm trợ tích cực về tinh tài cũng như công sức để thực hiện hoàn thành Phật sự này.

Hoa Kỳ, Mùa Xuân Năm Canh Dần, 2010, P.L. 2554

BAN HIỆU ĐÍNH

Phụ chú: *Phần Chánh Văn và các câu giảng trích* trong các mục Chú Giải của Soạn giả được hiệu đính theo Sám Giảng Thi Văn Toàn Bộ, ấn bản năm 2004 (SGTVTB 2004) của Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo tại Hải Ngoại và được *in chữ đậm (bold) nghiêng (italic)*.

LỜI NÓI ĐẦU

Lẽ ra phần Chú Giải Thi Văn Quyển Hạ đã tới tay quý vị khá lâu. Nhưng vì hoàn cảnh và thời gian trắc trở nên cho đến hôm nay tập sách này mới ra mắt quý vị. Soạn giả xin cáo lỗi, mong chư đồng đạo thông cảm cho.

Như quý vị đã biết qua các lời giới thiệu tại Quyển Thượng Tập 1/3 trang 8, bộ Chú Giải Thi Văn Quyển Hạ là gồm các bài Thi Văn Giáo Lý do Đức Huỳnh Giáo Chủ sáng tác từ khoảng tháng năm năm Kỷ Mão (1939) tới tháng 2 nhuận năm Đinh Hợi (1947). Đức Huỳnh Giáo Chủ tùy cảnh tùy duyên mà sáng tác chớ chẳng phải nhất loạt. Sau này, những người có trách nhiệm sưu tập sắp xếp lại theo đề mục cho có thứ tự.

Trong quá trình chú giải, chúng tôi cũng không theo thứ tự đề mục trong Sám Giảng Thi Văn Toàn Bộ (Chánh Văn), mà tùy vào sự nhu cầu học hỏi của các đồng đạo khóa sinh nhiều hơn. Song đến phút cuối cùng chúng tôi cũng phải cố biên soạn mong hoàn tất Quyển Hạ này. Công việc chưa viên thành, vẫn còn đang tiếp tục...

Chúng tôi không quên chân thành cảm tạ quý vị điểm xuyết và góp ý cho những chỗ còn thiếu sót.

*Soạn Giả
THIỆN TÂM*

Bài 1.- SAY

(SGTVTB 2004, tr. 252-254)

XUẤT XỨ:

Ngược dòng lịch sử nhân loại nói chung, dân tộc Việt Nam nói riêng, vào những tháng mới khai Đạo tại Tổ Đình Hòa Hảo, Đức Huỳnh Giáo Chủ đã thật hiện những cách truyền thừa qua đường lối “Tam độ nhất như”. Nhờ đường lối đó mà Ngài thâm phục tín đồ một cách mau lẹ. Song song với việc trị bệnh, Ngài còn thuyết giảng cho mọi người đến quy y thụ giáo nghe và khuyên họ lo tu hành. Ngoài ra, Ngài còn viết Sấm Giảng. Chỉ trong vòng bốn tháng Ngài đã sáng tác được năm quyển giảng dài, mỗi quyển trên dưới 500 câu. Có một điều đặc biệt là Ngài viết một mạch không cần giấy nháp và bôi xóa. Ngoài 5 quyển giảng lớn Ngài còn sáng tác những thi thơ ngắn để trả lời cho những ai đến chất vấn hoặc trao tặng. Căn cứ tiến trình sắp xếp theo thứ tự và thời gian. Tám bài thi tứ cú khoán thủ mang tựa đề “SAY” được liệt vào những trang trong Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ: 193 + 194 (?) vào những năm đầu mới khai Đạo. Được biết bài này Đức Thầy sáng tác vào khoảng tháng 9 năm Kỷ Mão (1939).

VĂN THỂ:

Bài này thuộc thể văn thất ngôn tứ cú Đường luật, bài khoán thủ đặc biệt (độc nhứt vô nhị). Lối thuyết giáo, dài 32 câu, lối khoán thủ chỉ viết chữ “SAY” suốt từ câu đầu đến câu chót. Bài thi “SAY” khởi đầu bằng câu: *“Say mùi tục lụy vẫn lao đao”*, và chấm dứt bởi câu: *“Say điều trăm họ vượt mây truông”*.

NỘI DUNG:

Đức Huỳnh Giáo Chủ so sánh giữa mùi tục lụy và chơn lý giải thoát của kiếp tục tiên. Kế đó Ngài luận giải giá trị cái đạo huyền vi của chư Phật và Bồ Tát. Rồi Ngài bình phẩm giữa anh chàng Lưu Khánh và tiên trưởng Trần

Đoàn, và câu chuyện của Tiết Nhơn Quý say bị mang họa như thế nào.

Sau cùng Ngài khuyên người đời nên tập say theo chí Lão Khùng, thì nạn tai được vượt qua và thành công chắc chắn trên đường đưa đất nước đến ngày phục hưng đoàn tụ.

CHỦ ĐÍCH:

Đức Giáo Chủ mượn cơn say để nói lên lập trường đấu tranh vì chánh nghĩa, vì dân tộc. Rồi Ngài xác định tông tích của bản thân cho mọi người vững lòng tin để sách tấn đồng bào, đồng chí hướng vươn cao ngọn đèn chơn lý, đồng tâm phò trợ Đức Thánh Vương, đưa nhân loại thoát vòng kèm kẹp của thực dân Pháp. Đó là thỏa nguyện vọng của Ngài.

CHÁNH VĂN:

SAY

- 1.- *“Say mùi tục lụy vẫn lao-đao,
Say nổi kẻ ngu rất hỗn-hào.
Say thấm Đạo lành ban vạn vật,
4.- Say đời chưa rõ chuyện vàng thau”.*

CHÚ THÍCH:

SAY: Choáng váng, chóng mặt, hưng chí, mất một phần trí khôn hoặc mê man vì chất độc của rượu hay thuốc. Nhưng chữ SAY ở đây Đức Thầy tạm mượn làm đề tài bàn luận việc đời, việc Đạo cho rõ nét.

LAO ĐAO: Lâm vào tình cảnh phải ứng phó với nhiều khó khăn vất vả. Thí dụ: Cuộc sống lao đao.

HỔN HÀO: Vô lễ, hỗn xược, không giữ được khuôn phép. Thí dụ: Cháu không được hỗn hào với người trên.

ĐẠO LÀNH: Đạo là con đường hợp với lẽ phải. Lành: Nghĩa của chữ Thiện. Con đường đưa đến việc thiện cho người nắm bắt. Đức Thầy có câu: *“Đạo lành mở cửa nơi miền Nam bang”.*

VẠN VẬT: Nói chung muôn loài vạn vật. Những gì ta thấy chung quanh, bao gồm: Cây cỏ sông núi, các loài động vật và con người. Đức Thầy có câu: ***“Phá bức tường mây nhìn vạn vật”***.

VÀNG THAU: Vàng là loại kim khí quý, không đổi dạng, có tỷ trọng nặng nhất, sắc vàng óng ánh. Thau: Kim loại nhẹ, pha kẽm sắc vàng nhạt. Nghĩa bóng: Giữa cái quý giá (báu) và không quý giá lẫn lộn nhau. Sự giả thiết đan xen nhau. Đức Thầy có câu: ***“Bây giờ chưa biết vàng thau”***.

LUỘC GIẢI:

(Từ câu 1 đến câu 4)

Say là bệnh ghiền thường sự của thế gian. Nếu say mùi tục lụy phải lao đao thân xác, vì cơn say nó làm cho tâm trí đảo điên, kẻ ngu trở nên hỗn hào láo xược.

Ngược lại, nếu hành giả say thâm đạo lành thì cơn say chỉ là một phương tiện giúp họ tiến tu, hoặc mượn cơn say đem đạo màu ban rải khắp nơi nơi trong bá tánh, từ loài người cho đến vạn vật. Đó là cái say của bậc thức giả. Như trường hợp bản thân của Đức Thầy cũng mượn đề tài “SAY” để nói lên ý chí của kẻ đạt Đạo.

Đức kết cái say của tuồng đời chưa phân biệt được đâu chân đâu giả (vàng thay còn lẫn lộn), tà chánh chưa phân minh. Vậy hành giả phải điều chỉnh cái say cho đúng lẽ, đúng lý để hòa vào cái say của Phật Thánh.

CHÁNH VĂN:

- 5.- ***“Say ngọc bồ-đề đức hạnh cao,
Say dân ngu muội tưởng điên nào.
Say chừng nó biết ta Tiên-trưởng,
Say chén quỳnh-tương chốn núi cao”***.

CHÚ THÍCH:

BỒ ĐỀ: Tiếng phạn Bodhi. Dịch là Chánh giác hay Giác ngộ. Còn có nghĩa nữa: Đạo lý hay trí tuệ. Đức Thầy có câu: ***“Lòng bồ đề sắt đá dám kinh”***.

ĐỨC HẠNH: Đức: Có lòng nhơn, ăn ở hợp với đạo lý. Hạnh: Nết na. Tâm lành và nết tốt. Đức Thầy có câu: ***“Chốn Phật đường rán trau đức hạnh”***.

NGU MUỘI: Ngu: Dân độn, tối tăm. Muội: Tội không hiểu việc. Nghĩa bóng: Hành động thiếu lý trí. Đức Thầy có câu: ***“Làm ngu muội đạo thân uổng kiếp”***.

TIÊN TRƯỞNG: Đứng đầu quả Tiên.

QUỲNH TƯỚNG: (Xem chú thích bài Nang Thơ Cảm Tú, Q.Hạ, Tập 1/2, Trang 382).

LƯỢC GIẢI

(Từ câu 5 đến câu 8)

Thật sự, cái say của Đức Huỳnh Giáo Chủ là với dụng tâm chánh giác ***“Say đạo pháp say mùi hương khói”***. Càng ngày càng điều luyện tâm đức được cao. Còn cái say của trần thế là say điều ngu muội, cho Đức Thầy là điên thật. Ngài càng say chừng nào chúng dân biết Ngài là vị Tiên trưởng. Say chén rượu đào nơi non Bồng nước Nhục mới thỏa dạ Ngài luống ước ao.

CHÁNH VĂN:

- 9.- ***“Say thời vận bể vẫn còn xa,
Say chuyện trần gian lắm cáo-xà.
Say lấy gậy thiền toan dẹp hết,***
12.- ***Say chờ Thiên-lịnh phán cho ta.***

*

* *

- Say Đạo huyền-vi nước tịnh-dương,
Say câu Bồ-Tát rưới cho thường.
Say mê Tiên-cảnh ôi thanh-nhã,***
16.- ***Say việc trần-gian lắm họa-wang”***.

CHÚ THÍCH:

VẬN BỈ: Vận: Khí số. BỈ: Xấu. Khí số gặp lúc xấu. Nghĩa bóng: Chưa tới thời kỳ, chưa gặp vận may. Đức Thầy có câu:

“Vận thời luân chuyển đưa Ta tới,

Tới chốn nhà thương dưỡng bệnh điên”.

TRẦN GIAN: Trần: bụi. Gian: khoảng giữa cõi đời. Nói chung cõi chúng sanh đang ở. Đức Thầy có câu: ***“Trần gian khói lửa với binh đao”.***

CÁO XÀ: Con chó cùng với loài chồn và con rắn. Nghĩa rộng: Chỉ loài độc dữ. Ở đây Đức Thầy muốn chỉ những người bùng nổ theo giặc Pháp.

GÂY THIỀN: Còn gọi là thiền trượng. Gậy của nhà thiền. Nghĩa bóng: Chỉ giáo pháp của chư Phật. Đức Thầy có câu: ***“Đạp cáo cây dùng cây thiền trượng”*** (Diệu Pháp Quang Minh).

THIÊN LỊNH: Lịnh Trời. Nghĩa bóng: Chờ đợi thời cơ. Đức Thầy có câu:

***“Đợi cơ thiên địa xây vắn đến,
Chờ cuộc phong lôi đổi vận lành”.***

SAY ĐẠO HUYỀN VI NƯỚC TỊNH DƯƠNG: Say mê mùi đạo Phật. Vì nền đạo này phát xuất từ gốc cứu khổ của Đức Phật Thích Ca và Quan Âm Bồ Tát. Do câu chuyện như sau: Theo truyện Tây Du Ký lược thuật: Thánh Anh La Sát là con trai của Ngưu Ma Vương và Thiết Phiến Công Chúa. Sau trận mượn quạt Ba Tiêu để quạt tắt Hỏa Diệm Sơn. Phật Bà Quan Âm hàng phục được Thánh Anh La Sát bắt luôn về Phổ Đà Sơn, giáo hóa y cho tâm ý y hoàn toàn phục thiện. Cũng may Thánh Anh La Sát thật tâm cải hối. Phật Bà mới đổi lại pháp danh là Hồng Hải Nhi. Từ đó thầy trò thường đi sát bên nhau. Mỗi lần ra trận Hồng Hải Nhi hai tay cầm tịnh bình (nước phép) và nhành dương liễu để cứu độ chúng sanh lâm nạn. Nếu đem so bửu pháp tác dụng của nước tịnh bình và nhành dương liễu, Phật Bà chỉ thua Đức Phật Thích Ca mà thôi. Ngoài ra Đức Quan Âm không thua một vị Phật nào khác. Nên câu: ***“Say đạo huyền vi nước tịnh dương”*** là Đức Tôn Sư muốn nói: Ngài say mùi đạo vô vi huyền diệu

của Đức Quan Âm Bồ Tát. Đó là nền Đạo vừa cao siêu, vừa thiết thực và vừa giản dị.

BỒ TÁT: Nói cho đủ là “Bồ Đề Tát Đỏa”. Tiếng phạn Bodhisatha, nghĩa là: Người đã hoàn toàn giác ngộ, đạt đến chỗ bất thối chuyển. Thường dùng lục độ vạn hạnh giáo hóa chúng sanh. Trong Kinh ví như xe trâu, chở nặng bao nhiêu cũng không biết mỏi, bất chấp nơi nào, quốc độ nào nếu có một chúng sanh đang đau khổ, lòng biết ăn năn hối lỗi, dùng tâm hướng thẳng về bản nguyện của các Ngài, tất hàng hàng Bồ Tát bất thối lâm phạm cứu độ.

TIÊN CẢNH: Còn gọi là cảnh Tiên, cảnh thoát tục. Bạc tu trên núi đã chứng đắc đạo quả. Đức Thầy có câu:

“Kìa trên Tiên cảnh vị ngôi sẵn dành”.

THANH NHÃ: Thanh: Trong sạch. Nhã: Tao nhã, thanh nhã. Vừa trong sạch, vừa tao nhã, cũng gọi cảnh Tiên. Cảnh hoàn toàn thoát tục, không còn bận bịu trần ai.

TRẦN GIAN: Trần: Bụi bặm. Gian: Gian nan. Cõi đời chúng sanh đang sống.

HỌA ƯƠNG: Hiềm họa, tai ương. Gặp điều không tốt.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 9 đến câu 14)

Đức Huỳnh Giáo Chủ giả say vì thời vận bĩ vẫn còn xa lắm, nhưng tính theo cái mốc thời gian hiện giờ thời vận bĩ đã cách nay 2/3 thế kỷ. Xa là lúc mới sáng tác bài “SAY” này. Chớ hiện giờ không còn xa nữa. Cái say của người dương thế là cái say lừa đảo có dụng tâm mảnh khốc chẳng khác nào loại độc địa cáo xà. Nếu suy rộng cái say của người Việt thân Pháp, trở lại hại quê hương đất Việt. Trông thật gớm ghiếc!

Đức Huỳnh Giáo Chủ mượn cơn say để dùng cây thiền trượng của nhà tu quyết một lòng dẹp tan những chương ngại vật của kẻ trần gian đang gây hiềm họa.

Ngài mượn cơn say để chờ Trời Phật phân định phán quyết cho Ngài thi hành sứ mạng trong những ngày sắp tới mới là hợp lý.

Để xác định cơn say, Đức Huỳnh Giáo Chủ bày tỏ lập trường, Ngài đang say với mùi đạo huyền vi của Đức Phật Tổ và Đức Phật Bà Quan Âm Nam Hải. Say với nước tịnh bình trút xuống trần gian để cứu độ muôn dân qua cơn ách nạn: ***“Nạn trời ách nước thành linh”***. Đức Giáo Chủ luôn hằng say dùng tâm bi mẫn đem phép nhiệm mầu rưới xuống trần gian bằng linh dược của Tiên Thánh. Đồng thời Ngài báo tin cho nhơn loại biết Ngài đang say mê Tiên cảnh. Vì cõi này hoàn toàn trong sạch thanh bai đẹp gấp trăm ngàn lần cõi chúng ta đang ở. Nếu chúng sanh không sớm tìm đường giác ngộ, càng mê say cảnh ô trọc càng mang lắm họa ương.

CHÁNH VĂN:

- 17.- *“Say-sưa chuyện cổ nhắc chùng đời,
Say nói với trần việc tử-tôi.
Say biểu tri tâm đừng vội-vã,*
20.- *Say buồn lữ chó sữa mùi dơi.*

*

* *

- Say của Thần-Tiên rút cuộc đời,
Say câu diệu lý hồi người ơi!
Say như Lưu-Khánh ai thêm chịu,*
24.- *Say thể Trần-Đoàn mới thanh thoi”.*

CHÚ THÍCH:

CHUYỆN CỔ: Chuyện xưa, chuyện cách đây từ một thế kỷ trở về trước. Thí dụ: Như chuyện Đức Phật Thầy Tây An ở Núi Sam, chuyện thế chiến thứ nhất, chuyện các anh hùng cứu nước thời Trịnh - Nguyễn phân tranh và xa hơn nữa; Chuyện Phù Đổng Thiên Vương cỡi ngựa sắt và dùng roi sắt; Chuyện Lý Thường Kiệt phạt Tống bình Chiêm...

SAY SỬA CHUYỆN CỔ NHẮC CHỪNG ĐỜI,
SAY NÓI VỚI TRẦN VIỆC TẢ TÔI: Ý nói Đức Huỳnh
Giáo Chủ say mê chuyện cổ tích. Chuyện nước nhà tự chủ
qua các triều đại: Đinh, Lê, Lý, Trần. Tổ tiên ta xưa hai
lần đánh thắng giặc Nguyên Mông, đất nước hoàn toàn
độc lập, toàn dân an hưởng cảnh thái bình nhà nhà no ấm,
chớ không phải như ngày nay và mai sau nữa, hồng trần sẽ
trở lại màu u ám, giặc giã tràn lan làm cho muôn dân phải
chịu lăm điều cơ cực.

TRÌ TÂM: Gìn giữ tâm lặng yên một chỗ. Nghĩa
bóng: Bảo thủ lập trường trung với nước, hiếu với dân,
đừng vội vã phóng mình theo lũ giặc.

VỘI VÃ: Bôn chôn, phóng túng.

LŨ CHÓ SỬA MÙI ĐÔI: Bạ đâu tin đó, bạ đâu
làm đó. Nghĩa bóng: Hành động thiếu suy xét, thiếu phân
biệt rõ ràng, hư thật, tà chánh.

THẦN TIÊN: Thần: Những bậc có công trạng với
nước và đầy lòng trung quân ái quốc, khi chết được vua
phong làm Thần. Thí dụ: Tuyên Trưng Hậu Nguyễn Hữu
Cảnh, Thượng Đẳng Đại Thần Nguyễn Trung Trực... Tiên:
Người tu trên núi được trường sanh bất lão, có nhiều pháp
thuật. Thí dụ: Như Ngài Cử Đa, Trần Đoàn, Lão Tử,
Ngươn Thi... Thần Tiên: Những vị đã dứt hồng trần, có
mặt trên đời là để cứu nước non dân tộc, các Ngài làm vì
bổn phận hay vì một sứ mạng Trời Phật đã giao phó. Như
Đức Huỳnh Giáo Chủ xác nhận:

***“Tăng sĩ quyết chùa am bế cửa,
Tuốt gươm vàng lên ngựa xông pha.***

***Đền xong nợ nước thù nhà,
Thiền môn trở gót Phật Đà nam mô”.***

DIỆU LÝ: Diệu: Tốt đẹp. Lý: Lý lẽ. Chơn lý cao
sâu màu nhiệm.

SAY CÂU DIỆU LÝ HỒI NGƯỜI ƠI: Say mê
chơn lý diệu huyền của đạo Phật vì đạo Phật là đạo thật tế,

dung thông cả tam giáo (Nho, Thích, Lão). Nó không chấp hữu mà cũng không chấp vô: “*Sắc tức thị không, không tức thị sắc*” (Sắc chẳng khác gì không, không chẳng khác gì sắc). Đức Huỳnh Giáo Chủ xác nhận trong bài Tỉnh Bận Trần Gian nên Ngài khuyên:

***“Điều huyền chơn lý nơi đường sáng,
Áo thuật tà tâm kiếm nẻo ra”.***

Cho nên say câu điệu lý, lòng rộng bụng đầy, không vướng mắc một sắc thái nào trong cõi đời ô trọc. Lìa cả tánh nhân ngã, ngã nhân để đạt đến chỗ phi ngã, phi hữu, phi vô để vào cõi vô sanh ***“Niết Bàn tịch tịnh là đường vô sanh”.***

LƯU KHÁNH: Biệt hiệu Phi Sơn Hồ, một trong ngũ hổ đời nhà Tống bên Trung Hoa. Địch Thanh, Thạch Ngọc, Trương Trung, Lý Nghĩa và Lưu Khánh.

Sau khi được phong “Bình Tây Đại Nguyên Soái”, Địch Thanh đem quân đánh Tây Liêu, lộn đường sang Thộn Thộn gặp Thoại Ba Công Chúa kết nghĩa phu thê. Trên đường tiến quân, Địch Thanh bị tướng Liêu là Tinh Tinh La Hải có phép thuật vây hãm tuyệt đường lương thực. Địch Thanh sai Lưu Khánh sang Thộn Thộn quốc xin binh tiếp viện với Thoại Ba Công Chúa. Nhưng còn sợ Lưu Khánh hay uống rượu sẽ làm hỏng đại sự. Địch Thanh bắt Lưu Khánh thề độc, không uống rượu lúc đi đường; muốn nhắc nhở Lưu Khánh, Địch Thanh cho mang trước ngực tấm bảng “cấm uống rượu” để nhớ mà chừa.

Nhưng chứng nào tật nấy. Khi sang đến gần Thộn quốc, gặp một quán rượu, con ma men nổi dậy, Lưu Khánh bèn nghĩ: Uống tạm vài chén thôi, đâu có hại chi. Nghĩ thế bèn vào quán kêu rượu thịt ngồi nhâm nhi. Chén chú chén anh cho đến say mềm đến nỗi bị quân sĩ nước Thộn đi tuần lột lưng lấy được quốc thư đem về dâng cho Thoại Ba Công Chúa. Nàng bèn truyền lệnh bắt Lưu Khánh đánh 10 hèo, mặc cho Lưu Khánh hết lời năn nỉ, để

chừa đi tánh uống rượu. Rồi nàng mới truyền lệnh xuất quân đi giải vây để cứu Địch Thanh.

Ở đây ý Đức Thầy trách chàng Lưu Khánh và khuyên mọi người chớ học đòi theo tất xấu ấy, nhưt là tín đồ PGHH vì vướng vào vừa phạm giới vừa hỏng việc quốc gia.

TRẦN ĐOÀN: (Xem chú thích từ Trần Di ngũ, Quyển Hạ, Tập 1/2, trang 292). Từ Trần Đoàn ở đây Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên chúng sanh hãy noi theo gương sáng của Ngài Trần Đoàn, tức là say với *“Trà tiên, rượu thánh”* cho tâm hồn thanh thoi, đất nước thái bình, toàn dân lạc nghiệp âu ca.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 17 đến câu 24)

ĐHGC say sưa chuyện cổ tích và thường nhắc nhở nhơn sanh răn học đòi theo gương tốt đẹp của người xưa. Người xưa tuy bề ngoài ô dề nhưng bên trong lòng thật dạ ngay. Trái lại người đời nay lòng xảo dạ gian. Nên Đức Tôn Sư PGHH nói rõ cho trần gian biết cũng vì gian xảo nên dương trần phải chịu cảnh tả tơi khổ sở.

Đức Huỳnh Giáo Chủ đây lòng từ ái khuyên bảo mọi người răn trì tâm chờ đợi sẽ có ngày an vui thông thả, chớ đừng vội vã chạy theo lũ giặc ngoại bang lai căn mất gốc, và nhưt là:

“Đừng bạ đâu tin bướng nghe càn,

Làm ngu muội đọa thân uống kiếp”.

Cái say của bậc Thần Tiên là cái say thoát tục rút bỏ cuộc đời *“Cư trần bất nhiễm, Lân tục đừng mê”*. Các Ngài say với diệu lý thâm huyền của chơn lý đạo Phật. *“Sự vô sự”, “vì bất vì”* để bước xa trên đàng giải thoát, chớ chẳng phải say như anh chàng Lưu Khánh, lãnh nhiệm vụ tới mặt cầu viện binh bên Thộn Thộn quốc qua giải vây mà chẳng dẫn được con say, thật là quá quắc.

Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên chúng ta say như Trần Đoàn, uống rượu Thánh để mừng vua Tống Thái Tổ mới lên ngôi, thiên hạ thật sự thái bình. Say như vậy mới đáng nên say.

CHÁNH VĂN:

- 25.- *“Say mãi say hoài say vẫn say,
Say cho bá-tánh tập xong bài.
Say như Nhơn-Quý thì mang họa,*
28.- *Say của lão Khùng ách nạn bay”.*

CHÚ THÍCH:

SAY MÃI SAY HOÀI SAY VẪN SAY, SAY CHO BÁ TÁNH TẬP XONG BÀI: Ý Đức Tôn Sư PGHH xác định: Nếu biết cách say thì ta cứ say mãi, say hoài, say càng nhiều càng tốt. Càng say ta càng đem nguồn đạo lý ban bủa trong sanh chúng và càng làm mọi người say mê tu tỉnh. Càng say ta càng tu tập ôn bài cho nhuần nhuyễn đến chừng nào được thành công mới là toại chí.

SAY NHƯ NHƠN QUÍ: Tiết Nhơn Quý tên thật là Tiết Lễ, người ở Thái Bình Trang, huyện Long Môn, tỉnh Sơn Tây (Trung Hoa). Thân phụ là Tiết Anh, thân mẫu là Phàn Thị, gia thế vốn giàu có nhất vùng, bởi cha ông là viên ngoại.

Ông là một danh tướng đời nhà Đường (từ năm 618 đến năm 906). Vua Đường Thế Dân nằm mộng thấy hiện thần ứng vào Tiết Nhơn Quý, lúc công danh còn lận đận ông là một hỏa đầu quân. Bởi lòng ganh tỵ yểm tài của tướng tiên phuông Trương Sĩ Quý trong lúc chinh Đông, dựa vào công cán của Tiết Nhơn Quý ghi cho rỏ hấn là Hà Tôn Hiến.

Đến khi Nguyên soái Uất Trì Cung thân hành đi châm công để ban thưởng hầu tìm kiếm hiện thần. Trương Sĩ Quý sợ cơ mưu bại lộ, liền bày ra kế độc dụ cho Nhơn Quý vào Hồ Lô Cốc đốt cho chết để phi tang dấu tích. Nhưng nhờ Tiên Y của bà Cửu Thiên mà chín anh em đều

thoát nạn. Từ đó ở ẩn cho đến khi Đường Thế Dân bị Cáp Tô Văn rượt chạy rơi xuống đầm lầy.

Nhơn Quý mới ra tay cứu chúa, sau được phong Nguyên Soái, giúp Đường Thế Dân hoàn tất cuộc chinh Đông, chinh phục Cao Ly. Tiết Nhơn Quý được phong vương tước.

Lúc bấy giờ, vua Đường Thế Dân có một người chú tên là Lý Đạo Tông, tuy đã già nhưng rất háo sắc. Nguyên con gái của Trương Sĩ Quý đang có hèm thù với Tiết Nhơn Quý, hiện nàng này ngày đêm đang say đắm với Lý Đạo Tông, cùng bày mưu để hãm hại Nhơn Quý.

Một hôm có việc lai kinh mà không có chiếu triệu hồi. Đạo Tông biết được tìm cách mời cho bằng được Tiết Nhơn Quý ghé vào dinh, thiết tiệc đãi đằng, ép uống rượu cho đến say mềm, rồi khiêng Nhơn Quý bỏ vào phòng con gái (người vợ chánh thất của Lý Đạo Tông) để vu oan. Quận chúa vì xấu hổ nên đập đầu tự vận.

Nhân đó, Lý Đạo Tông đến đầu cáo với vua Đường rằng: Tiết Nhơn Quý tự ý lai kinh, ghé vào dinh đòi thiết tiệc rồi cưỡng hiếp Quận Chúa.

Trước sự việc đành rành, vua Đường bắt tội Nhơn Quý đem chém, nhờ Từ Mậu Công rồi tấu việc vua ban chiếu chỉ từ ba năm trước: “Dẫu Nhơn Quý có tội gì cũng tha”, nên chỉ giam vào ngục cho đến Tây Phiên xâm lăng. Có Nguyên Soái Tô Bửu Đường tài cao phép giỏi, không ai đánh lại. Nhơn Quý mới được tha và được phong “Chinh Tây Đại Nguyên Soái”, lúc đến Bạch Hổ Quan bị giặc vây vào hiểm địa. Tiết Đình San là con làm Nhị Lộ Nguyên Soái ra tiếp viện lại bắn lầm Tiết Nhơn Quý vong mạng.

Ở đây, Đức Thầy đánh giá, Tiết Nhơn Quý vì không đề phòng lầm mưu lũ gian thần hãm hại để lâm vào cảnh say, thiếu chút nữa chiếc đầu lia khỏi cổ. Nếu không nhờ quới nhơn ủng hộ 10 chức Nguyên Soái cũng mang họa

vào thân. Cho nên, Đức Thầy giác tỉnh mọi người hãy lấy đó làm bài học để răn mình.

SAY CỦA LÃO KHÙNG: Là *“Say Đạo pháp say mùi hương khói”* hoặc giả *“Say thấm Đạo lành ban vạn vật”*, *“Say chừng nó biết Ta Tiên Trưởng, Say chén quỳnh tương chôn núi cao”*. Hơn nữa, Ngài *“Say Đạo huyền vi nước tịnh dương, Say câu Bồ Tát rưới cho thường, Say mê Tiên cảnh ôi thanh nhã”*. Tóm lại, cái say của Đức Huỳnh Giáo Chủ là cái say của bậc Thần Tiên, say như Trần Đoàn Lão Tổ vừa rút cuộc đời vừa cải sửa cho đời, vừa dựng nền xã tắc cho đức Thánh Vương và vừa diu trăm họ vượt tai nạn thống khổ.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 25 đến câu 28)

Đức Huỳnh Giáo Chủ xác định phải biết cách say mới xứng đáng con người. Nếu nhận được ta cứ mãi say. Càng say càng luân lưu giáo đạo, càng tập nhiễm bá tánh *“Say đạo pháp, say mùi hương khói”*, cho mọi người tu tập làm tròn bốn phận một nhà tu.

Nếu say như Nhon Quý thì tai vạ vướng vào thân. Vì Nhon Quý quá say nên không còn tự chủ. Cái say của Nhon Quý là cái say của men rượu, cái say của kẻ cuồng trí. Đường đường một vị nguyên soái phải ăn uống cho có chừng mực, bao đời để quá say. Âu cũng là định mệnh an bày.

Vậy ta hãy tập say như Đức Huỳnh Giáo Chủ *“Say câu diệu lý, hồi người ơi!”*. Nghĩa là ta phải sửa đổi cái say của thể nhân thành cái say của một bậc thoát tục, mới xứng đáng là một tín đồ ngoan đạo trong thế kỷ 21 này. Say được như vậy ách nạn đều qua hết.

CHÁNH VĂN:

- 29.- *“Say cho tiêu hết giống con buôn,
Say của Thánh-Nhon xuất lập tuồng.
Say tạo một nền qui vạn vật,*

32.- *Say dịu trăm họ vượt mây truông*”.

CHÚ THÍCH:

GIỐNG CON BUÔN: Giống kẻ chuyên nghề buôn bán (hàm ý coi khinh). Thí dụ: Tính toán như lối con buôn, thủ đoạn con buôn.

SAY CHO TIÊU HẾT GIỐNG CON BUÔN: Đức Huỳnh Giáo Chủ say thật. Nhưng lấy con say để diệt trừ giống làm con buôn cho thực dân Pháp, cũng rắn cần gà nhà. Xét thấy hạng chạy theo Pháp quốc không phải là ít. Đức Giáo Chủ lấy con say để tiêu diệt bọn họ.

SAY CỦA THÁNH NHƠN XUẤT LẬP TUỒNG: Đức Huỳnh Giáo Chủ say vì mùi thánh giáo. Được biết Ngài có mặt trong đời là do một nhân duyên lớn. Vừa hưng truyền đạo pháp cho nền Phật giáo, vừa trợ giúp cho vị Thánh Vương an bang tái thế ở cuộc đời tận. Nên Ngài mượn con say để nói lên chí khí của bậc Thánh nhơn cho mọi người rõ thấu và còn gọi là đạo Thánh nhơn.

Mặc dù nền Đạo này phát tích từ Trung Quốc. Nhưng tổ tiên ta đã nhờ giếng mối này un đúc thành bậc trí nhân quân tử, giữ vững nước nhà, trung thành với tổ quốc và hiếu thảo với cha mẹ, cho nên Đức Thầy mới đặt đề là nơi phát tích lập tuồng.

SAY TẠO MỘT NỀN QUI VẠN VẬT, SAY DÌU TRĂM HỌ VƯỢT MÂY TRUÔNG: Đức Huỳnh Giáo Chủ giả dạng say để nói lên cái hoài bão phi thường cho mọi người được biết, hoài bão đó phải chăng là “Lấp biển vá trời”. ***“Đấng anh hùng dựng nên thời thế”*** mặc dù đất nước bị bọn thực dân giày đạp nhưng chí quật cường không phút nào xao lãng: ***“Dòm êm trời thì cứ ra tay. Quyết chèo thuyền đến chốn Bồng lai, Mối ngời nghỉ tâm thân của Lão”***. Ngài quyết định phải tạo lập một nền tự chủ, đánh đuổi bọn giặc Pháp ra khỏi bán đảo Đông Dương, xây dựng một nền móng quốc gia thật sự ***“Biết làm sao gieo Đạo khắp đại đồng, Đưa nhơn loại đi vãi***

vòng hạnh phúc”. Nhưng thời thế cứ đổi thay khiến Ngài phải tạm vắng mặt một thời gian chừng đúng lúc, đúng thời cơ Ngài sẽ trở về để hoàn thành sứ mạng ***“Chúa vãng ngai vàng sẵn mới yên”***. Hoặc giả: ***“Chừng nào Thầy lại gia trung, Thì trong bốn đạo bóng tùng phủ che”***.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 29 đến câu 32)

Đức Huỳnh Giáo Chủ mượn cơn say để nói lên hoài bão chí khí của một bậc thức giả yêu nước, yêu đời, yêu nền đạo Thánh đã un đúc trên 25 thế kỷ qua, hiện giờ đã bị mai một. Hôm nay, Ngài có sứ mạng dung hòa tam giáo (Nho, Thích, Lão), Ngài ví mình như Đức Khổng Tử thuở xưa, phải an bang định quốc cho Đức Minh Vương ngự trị chôn ngai vàng. Trước trừ tiêu giống con buôn chạy theo Pháp quốc, sau dựng xây đất nước thanh bình, toàn dân hưởng cảnh trời Nghiêu đất Thuấn, cả vạn vật đồng qui về một mối nhà Phật con Tiên. ***“Trên cùng dưới sum vầy một buổi, Dựng mười hai may rủi mới hay. Làm cho rõ mặt râu mày, Thượng nguơn hồi phục là ngày an cư”***.

Đến chừng đó, chúng dân mới biết giá trị của nền đạo PGHH và bản lĩnh của Đức Huỳnh Giáo Chủ.

Bài 2. **THI XUÂN**

(SGTVTB 2004, tr. 261-262)

XUẤT XỨ:

Nhân dịp xuân về trên quê hương đất mẹ mến yêu. Xuân qua rồi xuân lại đến, bốn mùa cứ tiếp diễn dần xoay theo thời gian không cố định. Vào dịp cuối Đông để nhường bước cho mùa Xuân đến. Thi nhân xưa nay thường mượn cảnh xuân để thi thố tài ba hòa vui cùng đất nước, quê hương, tổ tiên, nòi giống, cho nên hàng loạt thi thơ sáng tác đăng lên văn đàn nghệ thuật.

Cũng nhân dịp xuân về, Đức Huỳnh Giáo Chủ mượn cảnh xuân để nói lên tiếng lòng trắc ẩn qua cái nhìn thực tiễn của bậc chân tu. Những cảnh rước xuân, áo quần lòe loẹt, bánh trái đầy đầy, tục lệ cúng gà đơm mùi mê tín... Những bài thi xuân này được viết vào ngày cuối năm nhằm ngày 28 tháng chạp năm Kỷ Mão (1939) Ngài viết tại Tổ Đình Thánh Địa Hòa Hảo.

VĂN THỂ:

Đức Huỳnh Giáo Chủ viết bài “THI XUÂN” này bằng thể thơ thất ngôn tứ cú Đường luật. Tất cả 11 bài, dài 44 câu. Khởi đầu bằng câu **“Rước xuân năm mới tiếng đi ùng”** và chấm dứt bởi câu **“Con buồn chấp bút chuyển huyền thông”**. Tuy viết thi Đường nhưng Đức Huỳnh Giáo Chủ có vài bài phá lệ, không theo khuôn khổ Đường thi. Chứng tỏ là Ngài không muốn hoàn toàn lệ thuộc vào luật thơ Đường. Đây cũng là cách phá chấp của bậc thơ Thần. Như Ngài đã bày tỏ **“Miệng nhích môi đầy văn tao nhã, Hạ bút thần thơ đã đề khai”**.

NỘI DUNG:

Đức Huỳnh Giáo Chủ tả cảnh xuân sang, tục lệ mê tín cổ hủ của người Tàu bày đặt làm mê hoặc giống dân Việt Nam. Nhân cơ hội vui xuân, Ngài khuyến khích mọi người rán tâm Đạo Ma ha, xem tường Đạo lý. Rồi Ngài

kêu réo giống dân Hồng Lạc rán lo tu để nhờ Trời Phật che chở sống sót qua cảnh chiến tranh tàn khốc do loài người tàn bạo gây nên. Sau cùng Ngài so sánh kiếp sống trần trụi của buổi Hạ nguon, và cái vui đẹp gặp Phật gặp Thầy của buổi thanh nhàn đời Thượng nguon Thánh đức sắp đến.

CHỦ ĐÍCH:

Đức Huỳnh Giáo Chủ cải sửa cái hủ hóa của tục lệ đầu xuân rồi Ngài khuyên đời giác tỉnh tâm đạo Thích Ca trước nỗi khổ đớn đau của người dân bị mất nước ***“Chiến tranh thảm khốc toàn lê thứ, Lo nỗi đói đau giống Lạc Hồng”***.

CHÁNH VĂN:

THI XUÂN

- 1.- ***“Rước xuân năm mới tiếng đi-đùng,
Cờ phất trẻ mừng chúc cội thung.
Áo quần lòe-loẹt đi cùng xóm,
Bánh trái đầy-đầy nổi cúc cung”***.

CHÚ THÍCH:

XUÂN: Mùa đầu tiên của một năm (từ tháng giêng đến hết tháng 3).

ĐI ĐÙNG: Tiếng nổ. Không liên tiếp nhưng to và vang từ xa vọng lại. Thí dụ: Tiếng nổ đi đùng.

CỘI THUNG: Cội: Gốc rễ. Thung: Là loại cây sống lâu. Biểu tượng người cha (thung cội huyên già) cha già, Đức Thầy có câu: ***“Lo bề cúc dực cội thung”*** hoặc giả ***“Lúc áo nào cội thung lo liệu”***.

LÒE LOỆT: Màu sắc sặc sỡ, kém phần thanh nhã.

DẦY ĐẦY: Tràn lan ở đâu cũng có.

CÚC CUNG: Cúi mình xuống để làm lễ. Theo cách lạy của Nho giáo ngày xưa. Đức Thầy có câu: ***“Cúc cung hưng bái, cúc cung hoai”***.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 1 đến câu 4)

Đức Huỳnh Giáo Chủ tả cảnh xuân theo tục lệ xưa. Nào pháo nổ đi đùng, cờ bay phất phới; trẻ già đua nhau chung diện áo quần lòe loẹt đi cùng xóm. Nhứt là theo phong tục “*Mùng một tết cha, mùng ba tết thầy*”. Vẫn còn giữ nhưng nó không đậm đà như xưa nữa. Ngày nay đã vắng tiếng pháo xuân. Tuy thế, tục lệ rước ông bà vẫn còn giữ. Việc đi chúc thọ cha mẹ cũng bỏ bớt lần lần. Bánh trái cũng cần lo sắm để cúng kiếng, nhưng nổi cục cung đã lui về quá khứ. Vì dân tộc tiến bộ, những cổ hủ xưa đã yên ả với thời gian.

CHÁNH VĂN:

- 5.- “Chúc mừng năm mới, mới buổi qua,
Bỏ bớt dị-đoan chẳng cúng gà.
Tre nêu phơ-phất không còn thấy,
8.- Ra mắt tiêu mòn bữa thứ ba.

*

* *

- Kỷ-Mão năm nay đã hết rồi,
Tâm thần hoài tưởng chuyện xa-xôi.
Đạo mầu Nam địa càng thâm-diệu,
12.- Dẫn dắt nhơn-sanh cũng chữa rồi”.**

CHÚ THÍCH:

DỊ ĐOAN: Dị: Lạ. Đoan: Mạnh mỗi. Những điều mạnh mỗi lạ lùng, không đúng chơn lý. Thí dụ: Cúng gà, coi sao, coi hạn, xin xăm, bói quẻ...Nghĩa rộng: Các tà thuyết, tà giáo bày ra các điều mê tín dối gạt dân chúng. Đức Thầy có câu:

- “Bỏ đi đoạn mới thấy đạo mầu,
Bớt giả dối gặp người Thượng cổ”.***

BỎ BỐT DI ĐOẢN CHẰNG CÚNG GÀ: Theo tục lệ ông bà xưa thường ba ngày đầu xuân lại sát sanh cúng tế. Nhứt là ngày mừng ba ra mắt thường làm gà vịt cúng tế tổ tiên, tỏ cho thiên hạ biết là con có hiếu. Theo quan niệm

“Chữ Hiếu” của Đức Huỳnh Giáo Chủ không phải đợi đến ngày tết mà thường nhứt ngày hai bữa cơm, có chi cúng nầy, nguyện vái ông bà cha mẹ quá vãng về ăn cơm với mình. Điều cần nhứt là lo tu cầu và nuôi cha dưỡng mẹ lúc còn sanh tiền. Đó mới thật đạo hiếu. Đồng quan điểm này, Thánh nhơn đã bảo: *“Lập thân hành đạo dương danh ư hậu thế, dĩ hiển kỳ phụ mẫu hiếu chi chung dã”*. (Lập thân hành đạo để tiếng đời sau, đó là cách báo hiếu sau cùng của người con chí hiếu vậy). Hiện nay Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng sách tấn:

***“Rán tu đức đạo cứu Cửu huyền,
Thoát chốn mê đồ đến cảnh Tiên.
Ngõ đáp ơn dày công sáng tạo,
Cho ta hình vóc học cơ huyền”***.

Ở đây Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên ta bỏ bớt những điều dị đoan mê tín, tức là không nên sát sanh hại vật mà cúng tế một thần thánh, hay cúng kiếng ông bà trong ba ngày xuân nhứt. Vì đó là việc cổ hủ, trái với luật lệ công bằng của tạo hóa, vì chơn lý của đạo Phật là giết người phải đền mạng, chém một dao trả một dao. Đảng này, cúng tổ tiên quá vãng lại sát sanh hại vật. Đó là do dị đoan mê tín do tà thần cảm dỗ.

TRE NÊU PHỞ PHẤT: Ngày xưa vào dịp tết Nguyên Đán, người ta buộc “bùa nêu” vào cây tre thật cao dựng trước cửa nhà bắt đầu vào ngày 23 tết (cũng là ngày rước Táo Quân) và đến ngày mùng 7 mới hạ nêu.

TRE NÊU PHỞ PHẤT KHÔNG CÒN THẤY, RA MẮT TIÊU MÒN BỮA THỨ BA: Tre nêu cũng là tục lệ của ông bà xưa chịu ảnh hưởng của người Tàu. Ngày nay xã hội văn minh phong tục Nho giáo đã lùi về dĩ vãng, những tập quán cổ hủ người dân Việt cũng bỏ bớt lần lần. Vấn đề dựng nêu không còn thấy ai làm nữa. Đức Huỳnh Giáo Chủ đã khẳng định ***“Ra mắt tiêu mòn bữa thứ ba”*** tức nói ngày mùng ba là hết tết. Ở đây, Đức Huỳnh Giáo

Chủ tiên tri thời thế dân tộc Việt Nam là dân tộc bị trị, hãy cố vươn lên mọi mặt để kịp các nước siêu cường; những việc ăn chơi xa xỉ vụn vặt, tập tục mê tín hãy bỏ đi mới xứng đáng con Hồng cháu Lạc.

KỶ MÃO: Tức năm 1939, năm Đức Huỳnh Giáo Chủ khai Đạo tại Tổ Đình Hòa Hảo.

TÂM THẦN: Phần tinh thần (đối với thể xác) sự thông minh sáng suốt trong con người. Đức Thầy có câu: ***“Lấy tâm thần làm chủ mới mau”***.

HOÀI TUỞNG: Hoài: tưởng nhớ. Tuởng: Nghĩ đến. Tưởng nhớ người nào hay việc đã qua.

XA XÔI: Quá xa vời, thiếu thực tế.

NAM ĐỊA: Đất ở phương Nam, chỉ chung đất Nam kỳ lục tỉnh.

THÂM DIỆU: Thâm: Sâu, nhiều. Diệu: Khéo léo. Càng tốt đẹp, khéo léo, càng thâm sâu vi diệu. Đức Thầy có câu: ***“Chuyển miền Nam địa càng thâm diệu”***.

DẪN DẮT: Đưa lối chỉ đường.

NHƠN SANH: Nhơn: Người. Sanh: Ra đời, chỉ chung mọi người cùng sống chung trong quả địa cầu, không phân biệt màu da, tiếng nói. Nghĩa rộng: Đời sống con người. Đức Thầy có câu: ***“Tạm dất nhơn sanh khỏi ái hà”***.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 5 đến câu 12)

Đức Huỳnh Giáo Chủ chúc mừng xuân mới, chuyện gì cũng mới, mới buổi vừa qua. Những tập tục lỗi thời dựng nêu, rước Táo quân, cúng gà vịt ngày tết ngày càng bỏ bớt, vì nó đượm mùi mê tín. Thực chất là do báo hiếu cha mẹ lúc sanh tiền, khi chết cầu nguyện linh hồn siêu thoát. Ông bà cha mẹ chứng tâm lòng thành, chớ không ăn uống chi đáng.

Ngày nay, dựng nêu và hạ nêu nó đã theo thời gian đi vào dĩ vãng. Và ngày tết chỉ vào ba ngày xuân nhứt.

Kỷ Mão đã qua để nhường năm Canh Thìn sắp đến, vậy những tư tưởng cũ ta cũng phải nhường cho tinh thần mới được tốt lành hơn. Chớ đừng hoài tưởng chuyện xa vời chỉ cho mệt trí. Ta phải sống thực tại sống với lẽ đạo màu trong tôn giáo hoàn toàn đời mới tư duy mới đúng là bậc thức giả. Nền đạo PGHH ở miền Nam Việt Nam, Đức Huỳnh Giáo Chủ ngày càng bành trướng càng lúc phổ giáo càng thâm sâu cho mọi người được hiểu chân lý vô thượng của nhà Phật. Nhưng với thời gian ngắn chưa phát huy tốt đỉnh, nó phải nằm chờ cơ hội thật thuận tiện mới làm xong nhiệm vụ.

CHÁNH VĂN:

- 13.- *“Bước qua năm mới, mới mừng à,
Khuyến-khích dân tâm đạo Thích-Ca.
Tự giác, giác tha ta phải nói,*
16.- *Hồi người dương-thế bớt xa-hoa.*

*

* *

- Xa-hoa năm mới, mới khổ à,
Dân chớ chân-chờ chớ bỏ qua.
Đạo-lý xem tường âu mới hãn,*
20.- *Rán tìm cận-kê nổi ma-ha”.*

CHÚ THÍCH:

ĐẠO THÍCH CA: Đạo do Phật Tổ Thích Ca khai lập tại xứ Trung Ấn Độ. Như Đức Thầy cho biết: *“Đạo Thích Ca nhiều nẻo cao sâu, Hãy tìm kiếm cái không mới có”.*

TỰ GIÁC, GIÁC THA: Tự mình giác ngộ để trở nên người tốt đẹp, Đức Thầy có câu: *“Lòng tự giác xả thân tâm đạo”.*

GIÁC THA: Giác: Biết. Tha: Người khác. Làm cho người khác được tỉnh ngộ. Đức Thầy có câu: *“Rằng ta có cái bổn phận giác ngộ trần gian, bỏ những oan trái luân hồi cay nghiệt”.* (Chánh tinh tấn).

DƯƠNG THẾ: Cõi đời. Cõi chúng ta đang ở.

XA HOA: Tiêu xài phung phí. Nghĩa bóng: Hạng người chơi bời phung phí.

ĐẠO LY: Đạo là con đường hợp với lẽ phải. Lý: lẽ. Nghĩa lý phù hợp với đạo đức. Đức Thầy có câu: ***“Học đạo lý như đèn trúng điệu, Hòa bản rồi thì cứ làm theo”***. (Q. IV)

CẶN KẼ: Kỹ lưỡng, tỉ mỉ.

MA HA: Phạn ngữ Ma ha. Dịch nghĩa: Rộng lớn. Sự rộng lớn ấy ví như hư không, đồng bản thể với đạo tâm, nói đến Ma ha tức là nói đến đạo, cái gốc để hoàn nguyên phản bản, trực kiến chân như tự tánh. Đức Thầy có câu: ***“Nước ma ha tưới tắt lòng phàm”***.

LUỘC GIẢI:

(Từ câu 13 đến câu 20)

Năm cũ đã qua, năm mới sắp đến, những cái cũ đã lui về dĩ vãng, nhường bước cho cái hiện tại và cái sắp đến. Đức Huỳnh Giáo chủ chúc phúc cho dân tộc Việt Nam nói chung, cho dân tộc miền Nam nói riêng phải hoàn toàn đổi mới từ tâm hồn đến vật chất. Ngài khuyến khích toàn dân rần rần đạo Thích Ca. Đạo Thích Ca là đạo vô vi thật tướng và vô tướng, chớ không phải đạo chỉ tu ngoài hình thức là đủ. Ngài vừa là một bậc tự giác và có bốn phận giác tha nên phải nói lên cho mọi người được hiểu, để tránh những điều đã sai chơn lý; nhưt là Ngài khuyên người dương thế bớt xa hoa, xa hoa là tập tục ngàn đời của người Tàu, người Pháp, bày đặt chung diện cho đúng mốt, làm cho cuộc sống thường nhứt càng sa sút. Năm cũ vừa qua dân ta đã gian khổ cơ cực, bước qua năm mới ngày càng khổ hơn. Vậy chúng dân hãy cương quyết bỏ những tục lệ xa hoa phung phí, không nên chần chờ mới xứng đáng con nhà đạo đức.

Đạo lý là kỷ cương, giềng mối thường hằng của nền dân tộc Á đông, người dân Việt phải luôn nắm bắt, nghiệm

suy cạn kể cho được am tường diệu lý. Nhất là phải truy nguyên nền Đạo rộng lớn của nước mình, để ta quyết định hành trình tiến tới mục đích.

CHÁNH VĂN:

- 21.- *“Năm Thìn bước tới thiệt là rỗng,
Nanh gút vầy-vùng nổi long-đong.
Chiến-tranh thăm-khốc toàn lê-thứ,*
24.- *Lo nổi đói đau giống Lạc-Hồng.*

*

* *

- Canh-Thìn bước tới hồi dân ơi!
Thế-giới đao binh ruột rã-rời.
Khốn nguy đa sự chào xuân mới,*
28.- *Dân-chúng hoàn cầu khó thanh-thời”.*

CHÚ THÍCH:

NĂM THÌN: Tức năm Canh Thìn 1940. Đức Thầy có câu:

*“Cuối năm Thìn sẽ lo vận chuyển,
Xứ Hà Tiên linh hiển cơ quan”.*

NANH GÚT: Nanh: Răng lớn nhọn mọc ở cạnh răng của các loài thú ăn thịt. Gút: Nút thắt. Nghĩa bóng: Những hiện tượng dễ sợ.

VẦY VÙNG: Tung hoành khắp nơi.

LONG ĐONG: Vất vả, không nơi nương tựa. Đức Thầy có câu: *“Thấy đời trần hạ long đong”.*

CHIẾN TRANH: Chiến: Đánh nhau. Tranh: Giành. Hai phe hoặc hai nước dùng võ lực đánh nhau để giành đất đai hoặc quyền hành. Đức Thầy có câu: *“Cho nên gây sự lu bù chiến tranh”.*

THĂM KHỐC: Thăm: Đau xót. Khốc: Bạo ngược. Cảnh bạo ngược làm cho người hết sức đau khổ.

LÊ THỨ: Lê: Dân đen. Thứ: Đông nhiều. Chỉ chung nhân dân sống chung trên quả đất hay một vòm trời.

GIÓNG LẠC HỒNG: Còn gọi là Hồng Lạc, tức là họ Hồng Bàng sanh ra Lạc Long Quân, tức tổ tiên của người Việt Nam. Nghĩa rộng: Nguồn gốc con Rồng cháu Tiên. Ca dao có câu:

*“Nhớ câu mội bốn thủy nguyên,
Cháu con Hồng Lạc lưu truyền ngàn xưa”.*

Đức Thầy có câu: ***“Quyết chí nâng niu giống Lạc Hồng”.***

THẾ GIỚI: Thế: đời. Giới: là đất đai nằm trong một khu vực chỉ chung hoàn cầu, những người sống chung trên trái đất. Đồng nghĩa với vũ trụ. Đức Thầy có câu:

*“Ước mơ thế giới lân hòa hảo,
Nhà Phật con Tiên hé miệng cười”.*

ĐAO BÌNH: Gươm đao và binh lính. Nghĩa bóng: Cảnh giặc giã chiến tranh. Đức Thầy có câu: ***“Hết đao binh qui cổ diệt kim”.*** Hoặc: ***“Trần gian khói lửa với binh đao”.***

RÃ RỜI: Cảm thấy như nát rời ra, vì mệt mỏi. Đức Thầy có câu: ***“Trẻ nhỏ rời xa bố mẹ”.***

KHỐN NGUY: Cùng khổ khôn đốn và nguy hiểm.

ĐA SỰ: Đa: Nhiều. Sự: Việc. Nhiều việc, nhiều công việc.

DÂN CHÚNG: Dân: Người ở trong làng, trong nước. Chúng: Đồng người. Chỉ toàn thể hay số lớn nhân dân ***“Khải hoàn dân chúng mới nhàn an”.*** (ĐT)

HOÀN CẦU: Khắp cả trái đất, các nước trên thế giới. Nghĩa rộng: Chỉ hành tinh đang quay xung quanh hệ mặt trời. Bề mặt tính được 510 triệu km², vòng tròn 140.000 km, đường trục kín 12.740 km. Riêng biển chiếm 3/4 mặt địa cầu. Đức Thầy có câu: ***“Khắp hoàn cầu ó ré một nơi”.***

THÀNH THỜI: Thung dung nhàn nhã. Rảnh rang không vướng bận. Đức Thầy có câu:

“Minh quân xuất thế khắp tròng thành thời”.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 21 đến câu 28)

Năm Canh Thìn là năm con Rồng, rồng thì vẫy vùng nanh gút nên thế giới xảy nổi chiến tranh tàn khốc cả toàn lê thứ. Đức Tôn Sư PGHH cảm thương giống dân Hồng Lạc phải chịu nhiều cuộc đao binh rã rời cả khúc ruột. Đức Huỳnh Giáo Chủ vẫn chào xuân mới, nhưng xuân khôn nguy đa sự dân chúng phải chịu nhiều vất vả đau thương ***“Khấp hoàn cầu ó rế một nơi”***. Khó mà thành thoi. Thật là cảnh đón đầu chua chát chưa từng thấy trong lịch sử Việt Nam.

CHÁNH VĂN:

29.- ***“Phi phi bồng xuất mặt Huỳnh-Long,
Dụng lối Bá-Nha réo Lạc-Hồng.***

Chánh cảm cha còn con chẳng biết,

32.- ***Phải nhờ đạo-đức mới tường thông.***

*

* *

Phần ta thương chúng luống âu sầu,

Dân sự nào tường nẻo cao sâu.

Bôn Bắc tẩu Nam cam khổ rồi,

36.- ***Nhưng vì bốn-phận phải toan âu.***

*

* *

Con người Ngươn-hạ mấy nhiều hơi.

Đạo-đức nhiệm mầu chẳng có chơi.

Lê-la chậm bước đàng bụi gió,

40.- ***Phải sớm lánh xa khỏi cuộc đời”.***

CHÚ THÍCH:

PHI PHI: Sự bất ngờ. Sự cố bất ngờ.

HUỲNH LONG: Huỳnh: Vàng. Long: Rồng. Rồng vàng. Đức Thầy có câu: ***“Huỳnh Long tự thể gần sanh chúng, Bốn tánh hòa thôn hảo dĩ đầu”***.

BÁ NHA: (Xem STTĐ.....)

PHI PHI BỔNG XUẤT MẶT HUỲNH LONG,
DỤNG LỐI BÁ NHA RÉO LẠC HỒNG: Bổng nhiên vị
chơn chúa xuất hiện tại miền Nam Việt Nam trong một
ngày gần đây, đó là cơ thiên định. Đức Huỳnh Giáo Chủ vì
một đại nhân duyên, nhân thời kỳ của vị Thánh vương có
mặt lập lại đời tân, Ngài dùng Kế Giảng giục thúc con
Hồng cháu Lạc hãy sớm thức tỉnh quày đầu, cải tà qui
chánh cho kịp đúng ngày Phật Tiên phân định. Ngài dùng
tài đờn của Bá Nha nhủ khuyên bá tánh:

“Đờn những câu tử mĩ rung hồn.

Cho người lành dạ ái bắt nôn,

Cúi đầu trước qui y Phật pháp”.

Vậy ai là bạn tri âm cùng Ngài hãy xuất đầu lộ diện
như Tử Kỳ xưa kia, tất cả giống dân Hồng Lạc nói chung,
tín đồ PGHH nói riêng đều là bạn tri âm cùng Ngài. Vậy
hãy tiến tu để kịp ngày Phật trời chuyển lập.

ÂU SÂU: Lo lắng, buồn phiền.

BÔN BẮC TÀU NAM: Bôn: Ra. Bắc: Miền Bắc
Việt Nam. Tầu: Chạy. Nam: Miền Nam Việt Nam. Nghĩa
là ra miền Bắc vào miền Nam.

BÔN PHẬN: Phần việc của mình, trách nhiệm của
mình. Đức Thầy có câu: ***“Hổ mình là bực tu mi, Chưa
tròn bốn phận mà tì tôn mình”***. Bôn phận: Còn nghĩa thứ
hai của chữ Đạo.

BÔN BẮC TÀU NAM CAM KHỔ RỐI, NHƯNG
VÌ BÔN PHẬN PHẢI TOÀN ÂU: Vào Nam ra Bắc, là
một việc vô cùng gian khổ, một thân phải gánh lấy hai
miền thật là khó khăn gian khổ nhưng xét vì đây là bốn
phận, là việc đạo đức, con người có trách nhiệm phải làm,
phải lo liệu cho chu toàn.

NGUỒN HẠ: Nguồn cuối cùng của lý Tam nguồn.

I. Thượng Nguồn Thượng, Thượng Nguồn Trung,
Thượng Nguồn Hạ.

II. Trung Nguơn Thượng, Trung Nguơn Trung, Trung Nguơn Hạ.

III. Hạ Nguơn Thượng, Hạ Nguơn Trung, Hạ Nguơn Hạ.

Ý chỉ đời sắp rớt. Đức Thầy có câu:

***“Hạ nguơn nay đã hết đời,
Phong ba biến chuyển đổi dời gia cang”.***

ĐẠO ĐỨC: Đạo: Con đường phải hợp với tâm hồn, hợp với nhân sanh, với xã hội. Đức: Tâm lành. Đạo đức: Đường lối của một tôn giáo chân chính vạch đúng với lẽ phải, với tâm hồn, vừa cao thượng vừa siêu thoát.

NHIỆM MÀU: Còn gọi màu nhiệm. Huyền diệu sâu kín. Đức Thầy có câu: ***“Chừng ni mới thấy nhiệm màu của Ta”.***

LÊ LA: Lê: Kéo dài. La: Lân la. Nghĩa rộng: Sự việc, công việc kéo dài mãi.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 29 đến câu 40)

Diễn phức thay ***“Đức Minh Vương ngự chốn Nam thành, Đặng phân xử những người bội nghĩa”.*** Đức Huỳnh Giáo Chủ có bốn phận phò vị Thánh Vương nên Ngài phải dùng đòn Bá Nha réo kêu chúng dân Hồng Lạc mau thức tỉnh tu hành kịp kỳ phò trợ. Ngài kêu gọi ai là bạn tri âm phải nhận. Tự tâm kiểm giáo lý, truy nguyên lại nguồn gốc của mình. Ông cha ta xưa kia là con Hồng cháu Lạc, vẫn còn nguồn cội căn gốc tu hành. Đó là vị Thánh vương sắp xuất hiện nay mai, sao chúng ta chẳng biết? Nỡ hờ hững thật đáng tiếc thay!

Con người sống trên đời phải cần có Đạo đức, Đạo đức là thành đồng, vách sắt chở che cho mình vượt qua bao thử thách gai chông và đưa mình đến nơi an dưỡng trường tồn vĩnh cửu. Như câu: ***“Thiếu đạo đức sắt gan cũng chảy”.*** Cho nên nhờ Đạo đức mới tường thông và nhận chân mọi sự việc. Đức Huỳnh Giáo Chủ vì quá

thương đời nên lúc nào cũng lo lắng, hết vào Nam lại ra Bắc khuyên bảo nhơn sanh làm lành lánh ác thật là âu sầu vất vả. Chúng dân nào tường nẻo cao sâu trong Phật pháp lại còn thờ ơ với bốn phận, chưa quyết chí tu hành, cuộc đời Hạ Nguơn thật là mỏng meo có mấy lâm hơi. Đạo đức là con đường siêu thoát nhiệm mầu không phải chuyện tầm thường như chúng sanh hiểu. Chúng ta chớ chần chờ đeo níu con đường danh lợi nữa mà phải sớm lánh xa để tiến về chân thiện mỹ.

CHÁNH VĂN:

- 39.- *“Mãnh hổ đầu đưa chí tang-bồng,
Rạng mây nở mặt với non sông.
Quân-tử thánh-nhơn ghi Nhược-thủy,*
42.- *Con buồn chấp bút chuyển huyền thông”.*

Hòa Hảo, ngày 28 tháng chạp năm Kỷ Mão
(Chép theo bản chánh do ông Nguyễn Chi Diệp giữ).

CHÚ THÍCH:

MÃNH HỔ: Cọp dữ. Đức Thầy có câu: *“Miệng là mãnh hổ ý là sài lang”.*

TANG BỒNG: Tang: Cây dâu. Bồng: Cỏ bồng. Cung làm bằng cây dâu, tên làm bằng cỏ bồng. Nghĩa bóng: Chí khí làm trai. Đức Thầy có câu: *“Nghênh hai vai gánh nặng non sông”.*

QUÂN TỬ: Người có phẩm hạnh cao khiết, tài năng vượt trội hơn kẻ tầm thường. Mẫu người quân tử được Nho giáo đề xướng như bậc *“Chí nhân quân tử”*. Đức Thầy có câu:

*“Chí quân tử lòng nhơn vạn đại,
Đốc làm sao rõ mặt tang bồng”.*

THÁNH NHƠN: Thánh: Là người hiểu thấu việc trên đời, học thức và đạo đức rất cao sâu. Nhơn: Người xưa hay chỉ Đức Khổng Tử. Trong Lục Vân Tiên có câu: *“Thương là thương đức thánh nhơn”*. Đức Thầy cũng có

câu: ***“Bực Thánh nhơn công lao chẳng chán, Huống chi Ta nào dám than van”.***

NHƯỢC THỦY: Nói cho đủ “Non bồng nước nhược”. Nghĩa bóng: Nơi Tiên ở. Đức Thầy có câu: ***“Cố tưởng ước mơ về nhược thủy”.***

HUYỀN THÔNG: Huyền: Sâu kín, màu nhiệm. Thông: Thấu suốt. Đức Thầy có câu: ***“Huệ tâm khai ngữ chuyển huyền thông”.***

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 41 đến câu 44)

Dầu thực dân Pháp hùng dũng cỡ nào cũng không đua nổi chí tang bồng của đáng trọng phụ quân tử. Chí khí của bực thánh nhơn quân tử có thể lấp biển vá trời, làm nở mày rạng mặt khắp non sông. Đó là bực Thánh vương ở cuộc đời Thượng nguơn sắp đến. Nhưng cuộc thế còn chờ cơ Thiên định. Trong khi nhàn rồi các Ngài chấp bút nghiên chuyển hóa cơ mầu cho nhơn sanh rõ thấu huyền thông của Phật pháp.

Bài 3.- CÁM CẢNH DÂN NGHÈO

(SGTVTB 2004, tr.263)

XUẤT XỨ:

Máy tuần hoàn luân lưu theo năm tháng, hết xuân rồi hạ, kế sang thu đông, năm cùng tháng tận để bắt sang xuân nữa. Kỷ Mão vừa qua là một năm nghèo đói, đồng ruộng xơ xác bởi vì ngập lụt, nhưng cái tết đến nơi, thử hỏi đám bần dân xử trí ra sao. Trăm việc đưa đến cũng cậy vào đồng tiền, nhưng đồng tiền lấy từ đâu đem lại, trong khi nhà thiếu gạo ăn hằng bữa, bầy con rách rưới lang thang, cảnh sống cơ cực trông thật thảm nảo!

Hơn nữa, không biết lệ xưa của ai bày đặt cảnh rượu trà cờ bạc trong ba ngày tết. Ôi! Thật là phung phí. Xã hội băng hoại, nghèo đói thiếu phương tiện sinh sống; thế mà người dân không ý thức được hoàn cảnh khổ sở của mình, mãi chạy theo cái vui sướng nha nhóp nhứt thời, bỏ quên nền luân thường lễ giáo của ông cha từ nhiều đời trước. Nhân dịp xuân về, tết đến cũng là lệ tất niên. Vào ngày 28 tháng chạp niên Kỷ Mão, Đức Huỳnh Giáo Chủ cảm chạnh nỗi niềm trắc ẩn của người dân nghèo, làm Ngài động mối từ tâm sáng tác 5 bài tứ cú thi, tại Tổ Đình Hòa Hảo mang tựa đề là “CÁM CẢNH DÂN NGHÈO”. Nhằm tác động tâm lý tín đồ và quần chúng.

VĂN THỂ:

Đức Huỳnh Giáo Chủ viết bài “CÁM CẢNH DÂN NGHÈO” theo thể thất ngôn tứ cú Đường luật dài 20 câu, lối tự thuật có lồng thuyết giáo. Khởi đầu bằng câu: ***“Tết đến cùng năm tháng hết mà”*** và chấm dứt bởi câu: ***“Mê một tâm can trí bất cuồng”***.

NỘI DUNG:

Đức Huỳnh Giáo Chủ diễn tả cảnh ba ngày tết, sự nghèo đói của dân chúng ở thôn quê, đồng lúa xơ xác, cảnh đói bụng lung. Ngài nhấn nhủ hóa công: lệ xưa, việc

rượu trà, cờ bạc trong ba ngày tết do ai bày đặt ra? Và dịp tết cứ liên tay làm cho dân sự vui nhà nhóp. Rồi Ngài bày tỏ tâm sự u buồn về thế sự.

CHỦ ĐÍCH:

Đức Huỳnh Giáo Chủ cảm cảnh dân nghèo trong ba ngày tết và Ngài thông trách lệ xưa do ai bày đặt rượu trà cờ bạc trong ba ngày xuân? Rồi thời gian cứ chồng chất tệ nạn xã hội cứ tái diễn trong dịp tết.

CHÁNH VĂN:

- 1.- *“Tết tết cùng năm tháng hết mà,
Thằng bần công nợ chạy bên-ba.
Hẹn mai hẹn một chờ khai hạ,
Con đòi áo tốt rồi chàng ta”.*

CHÚ THÍCH:

TẾT: Ba ngày đầu âm lịch: Ăn tết, chợ tết. Năm hết, tết đến. Tết còn gọi là tiết, thời tiết, lâu ngày đọc chạy thành tết.

CÔNG NỢ: Khoản nợ của cá nhân, nói chung: Trang trải công nợ.

BÊN BA: Xuôi ngược bốn phương, rày đây mai đó.

ĐT có câu: *“Tuy là lưu lạc bên ba, Đến khi mãn hạn bạn xưa cũng nhìn”.*

Hoặc là: *“Từ đây Ta mắc bên ba”.* (Q. III)

KHAI HẠ: Hạ nêu, ngày cuối cùng của tết Nguyên Đán. Theo lệ xưa thường định vào ngày mùng 7 tháng giêng.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 1 đến câu 4)

Thời gian cứ tuần tự trôi, ngày lại ngày qua năm cùng tháng tận *“Tết rồi tết nữa tết liên tay”* làm cho những gia đình nghèo đói phải cong lưng chạy hỏi công nợ thật là vất vả. Tại sao? Tại vì suốt 12 tháng mới đáo lệ đầu năm. Tục lệ rước xuân là để cúng kiếng ông bà cha mẹ, kẻ đi nội, người về ngoại, dầu ở góc bể chân trời, nhân dịp tết

cũng phải trở về viếng lại làng quê. Bởi con người có tổ có tông. Nhiều gia đình nghèo khổ, túng quẫn, lại sinh con đông, nên cứ an ủi bày con hẹn lần hẹn lựa cho qua ngày tháng, đợi đến hạ nêu mới sắm sửa áo quần. Hơn nữa, với thời đại kim tiền, xã hội băng hoại mọi người cứ đua chen chung diện quần áo mới, nhà cửa mới, xe cộ mới... làm cho những gia đình nghèo gặp nhiều hoàn cảnh bối rối, mất ngủ quên ăn, lại thêm lũ trẻ thúc giục cha mẹ mua sắm này nọ.

CHÁNH VĂN:

- 5.- *“Năm nay ăn tết thật là nghèo,
Sanh-chúng u-buồn nỗi nạn eo.
Đồng khô lúa ngập coi xơ-xác,
Cảnh đói bụng lung nỗi giạt bèo”.*

CHÚ THÍCH:

U BUỒN: Nỗi lo lắng giấu kín trong lòng.

XƠ XÁC: Rách nát, tả toại, tan ra thành từng mảnh.

Nghĩa rộng: Chỉ cho cảnh hoang phế điêu tàn.

BUÔNG LUNG: Bỏ trôi, bồng lung. Nghĩa rộng: Phó thác cho số mệnh.

GIẠT BÈO: Trôi nổi, bênh bồng. Như cụm từ “*bèo giạt mây trôi*”.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 5 đến câu 8)

Ngược dòng lịch sử dân tộc Việt Nam, cái tết năm Canh Thìn đã đánh dấu nhiều kỷ niệm u buồn. Nước lũ quá lớn đồng lúa bị ngập lụt, dân làng trở nên nghèo khổ và nhiều tai nạn xảy ra hoàn cảnh đói đau không thuốc. Nhiều nhà túng quẫn không nghĩ gì xuân, mỗi năm có một mùa vụ, lúa lại bị ngập, đồng trống ruộng hoang, không còn biết trông cậy vào đâu để xây xài và cúng quảy ông bà trong ba ngày tết. Có người phải đi làm thuê làm mướn ở phương xa, rồi ăn tết ở xứ người. Cảnh sống buông lung

như bèo nổi mây trôi, không biết đâu là định hướng. Ôi!
Đau đớn quá nhỉ!

CHÁNH VĂN:

- 9.- *“Nhấn-nhủ khắp nơi hỏi một bài,
Ba ngày xuân nhứt bởi nơi ai?
Rượu-trà, cờ-bạc, ôi phung-phí,
Chẳng biết lệ xưa của ai bày?”.*

CHÚ THÍCH:

NHẤN NHỦ: Nhấn: Gởi lời. Nhủ: Khuyên bảo.
Gởi lời khuyên bảo. Đức Thầy có câu: *“Nhấn nhủ cùng
ai có mấy lời”.*

XUÂN NHỰT: Ngày tết.

RƯỢU, TRÀ, CỜ, BẠC: Bốn thứ say nghiện. Một
họ của tứ đồ tường làm con người nghèo khổ và vô liêm
sỉ. Ai sa vào khó mà bước ra.

PHUNG PHÍ: Tiêu xài một cách bừa bãi.

LỆ XƯA: Do chữ cổ lệ. Những lễ lối phong tục xưa
đã quy định. Hoặc luật pháp ban hành từ trước để mọi
người tuân theo.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 9 đến câu 12)

Đức Tôn Sư PGHH mượn bút làm bài thơ tứ cú trên
đây với nội dung nhấn nhủ khắp mọi nơi rằng: Không biết
ba ngày xuân tự đâu mà có. Có từ đời nào? Và do ai dựng
đặt. Theo tiền sử Việt Nam cho biết: Ba ngày xuân có từ
khi lập quốc, trên 4.000 năm văn hiến. Từ khi dân Giao
Chỉ bắt được con Thần qui trên lưng có khắc ngày giờ năm
tháng, tứ mùa tám tiết, thủy triều lên xuống nhằm ngày sóc
và ngày vọng. Vua ta không riêng hưởng của quý mới dâng
qua Trung Quốc. Vua Tàu nhân đó mới khắc định ngày,
giờ, năm tháng, tiết canh, năm nhuận, tháng thiếu...rồi trả
lại vua ta. Và cũng từ đó Việt Nam có âm lịch và có ba
ngày xuân.

Tục lệ ngày xuân là cúng kiếng ông bà và đi chúc thọ nội ngoại. Còn rượu trà cờ bạc là phong tục hủ bại phát sinh từ số người chơi bời trác táng, họ chỉ biết hơn thua và lợi lộc trước mắt. Họ đâu ngờ thành thói quen và đưa dân sinh đến mằm trụ lạc sa đọa. Nghĩ thật là phung phí. Đức Tôn Sư PGHH nhìn cảnh trạng đê hèn trên, lòng Ngài đau xót không biết than thở cùng ai. Nên chấm một dấu hỏi to tướng lệ cờ bạc rượu trà là do ai bày đặt ra?

CHÁNH VĂN:

- 13.-** *“Tết rồi tết nữa, tết liền tay,
Năm cuối mỗi năm cũng tết hoài.
Làm cho dân-sự vui nha-nhóp,
Chơi giỡn ba ngày rước xuân lai”.*

CHÚ THÍCH:

DÂN SỰ: Dân: Người dân. Sự: Việc. Việc thuộc người dân. Có tánh cách dân chúng. Đức Thầy có câu: *“Tình yêu dân sự, sự xa vời”*. Hoặc giả: *“Dân sự nào tường nẻo cao sâu”*.

NHA NHÓP: Nha: Mằm, manh nha. Nhóp: Nhơ xấu. Mằm mống sanh ra thói hư tật xấu.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 13 đến câu 16)

Ngày tháng tự do đưa, mới tết năm nay, tết sang năm, rồi sang năm nữa, ví như trở bàn tay. Thật vậy *“Mười hai tháng mà còn mau tới”*. Từ tháng giêng đầu năm tới tháng chạp cuối năm rất mau lẹ. Nếu đã cuối năm phải trở lại đầu năm là ta ăn tết nữa. Càng tết càng làm cho dân sự vui say theo tập tục trác táng. Những bài bạc rượu trà làm cho mình say sưa tung quần thật là nhơ nhóp. Họ chỉ mong đến ba ngày tết để rước xuân, vui xuân, chưng diện áo quần lòe loẹt đi cùng xóm rồi tùm năm tùm bảy trò chơi giải trí có tánh cách thủ lợi ích kỷ đê hèn.

CHÁNH VĂN:

- 17.- *“Lòng ta cảm thấy nỗi u-buồn,
Suy xét việc đời lụy muốn tuôn.
Chào xuân chẳng thấy xuân mừng nói,*
20.- *Mê-mệt tâm can trí bất cuồng”.*

CHÚ THÍCH:

U BUỒN: Nỗi lo lắng giấu kín trong lòng. Đức Thầy có câu: ***“Sanh chúng u buồn nỗi nạn eo”.***

SUY XÉT: Nghĩ suy, xem xét.

MÊ MỆT: Mê man, mệt mỏi. Đức Thầy có câu: ***“Xác trần mê mệt nỗi long đong”.***

TÂM CAN: Tâm: Tim. Can: Gan. Nghĩa bóng: Tình ý chân thật trong lòng của con người. Những điều chất chứa trong lòng mà chẳng ai rõ. Đức Thầy có câu: ***“Nhìn xem thế sự nảo nề tâm can”.***

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 17 đến câu 20)

Đức Huỳnh Giáo Chủ cảm thấy nỗi u buồn dần dặt trong tâm. Ngài buồn vì sanh chúng lợi dụng ngày tết để vui say theo tập tục hư hèn, đời trụy cổ hủ đã ăn sâu vào lòng quần chúng. Càng suy xét việc đời khiến hai dòng lệ cứ tuôn trào đúng với câu ***“Thương quá sức bất cuồng tâm nảo”.*** Mặc dù vậy, chẳng lẽ Ngài bỏ phế công trình mà Ngài phải thực hiện: ***“Quyết cứu đời dùng Đạo phổ thông”.***

Rồi nhân dịp xuân về, Ngài tỏ vẻ với chúa xuân để cùng Ngài chia xẻ niềm vui nhục, nhưng chẳng thấy xuân mừng nói điều chi khiến lòng Ngài như cuồng trí.

Bài 4.- HAI MƯƠI CHÍN THÁNG CHẠP

(SGTVTB 2004, tr.264 - 267)

XUẤT XỨ:

Cũng như bài “CÁM CẢNH DÂN NGHÈO”, bài “HAI MƯƠI CHÍN THÁNG CHẠP”, Đức Huỳnh Giáo Chủ sáng tác vào những ngày cận tết. Những bài này Ngài chỉ viết phớt qua cảnh xuân sang, dành việc khuyên tu và giục thúc đạo đồng. Đồng thời, Ngài tường trình lai lịch bản xứ “*Tạo xác Huỳnh danh thanh sắc trẻ*”, và cho biết căn gốc “Kim Sơn Thượng Đẳng”, xuất phát từ đâu để trấn tĩnh mọi người lo tu tiến. Ngài sáng tác một mạch suốt 19 bài tứ cú Đường luật vào dịp cuối năm (29 tháng chạp năm Kỷ Mão).

VĂN THỂ:

Đức Huỳnh Giáo Chủ viết bài “Hai Mươi Chín Tháng Chạp”, thuộc thể thơ tứ cú Đường luật. Nhưng Ngài phá lệ, phần nhiều không theo luật bằng trắc của thể luật Đường. Ngài chỉ chú trọng vào lời thuyết giáo, giục thúc nhơn sanh tìm kiếm đạo mầu. Ba bài đầu Ngài theo thể tùy hứng. Từ bài thứ tư đến bài thứ mười ba viết theo thể liên hoàn. Riêng bài thứ mười lăm có xen bài khoán thủ, viết đúng luật bằng trắc. Lời văn hùng hồn khúc chiết, đượm mùi đạo vị sâu xa từ đầu đến cuối. Khởi đầu bằng câu: “*Bước tới hùng ca bước tới hoài*”, và chấm dứt bởi câu: “*Nghĩ chuyện đời ma chẳng dám làm*”.

NỘI DUNG:

Đức Huỳnh Giáo Chủ một mực xiển dương chánh pháp, mặc kệ đời hủ bại khen chê. Ngài giục thúc nhơn sanh tầm kiếm đạo mầu một lòng lo tu tĩnh.

Ngài vạch rõ sứ mạng chuyển kiếp độ đời và phân tách con đường thoát khổ, giải nghiệp duyên. Và Ngài hứa sẽ ra sức tháo dây xiềng xích của kẻ ngoại bang để dân chúng được an nhàn.

Sau rốt Ngài chỉ rõ nơi cư trú của Kim Sơn Phật và Thượng Đẳng. Và xuyên qua ba ngày xuân buồn tẻ, khuyến dân chúng bỏ dứt dị đoan về tục đốt giấy tiền.

CHỦ ĐÍCH:

Đức Huỳnh Giáo Chủ giục thúc nhơn sanh kiếm đạo mâu. Ngài nói lên chí nguyện tháo dây xích xiềng cho thế tục. Ngài vạch rõ con đường bon chen theo giặc Pháp là hung ác công rắn cắn gà nhà.

CHÁNH VĂN:

- 1.- *“Bước tới hùng ca bước tới hoài,
Đạo đời hủy báng mặc tình ai.
Cổ chí nhiệm-mâu truyền diệu-pháp,
Bởi vì cốt-nhục cũng hoài thai”.*

CHÚ THÍCH:

HÙNG CA: Bài ca hùng tráng, như bản “Anh Hùng Ca”. Tức bài ca thúc giục mạnh mẽ cho đoàn quân hăng hái trên đường chiến đấu.

HỦY BÁNG: Hủy: Phá hoại, nói xấu. Báng: Bêu xấu, nói chuyện riêng tư của người khác. Nói xấu nhục mạ người khác nhằm mục đích phá hoại danh dự và gia cang. Đức Thầy có dạy: *“Phải tôn trọng sự thờ phượng trong chùa, không nên hủy báng”.*

NHIỆM MÀU: Còn gọi mâu nhiệm. Nghĩa là mâu nhiệm sâu kín. Đức Thầy có câu: *“Chừng nì mới thấy nhiệm mâu của Ta”* hoặc *“Đặng sau xem Phật pháp nhiệm mâu”.*

DIỆU PHÁP: Diệu: Tốt đẹp, cao sâu. Pháp: Lời của chư Phật (giáo pháp). Giáo pháp cao sâu mâu nhiệm của chư Phật. Tức nói đến ba tạng: Kinh, Luật, Luận của Đức Phật và mười ba vị tổ. Thí dụ: Diệu pháp Liên Hoa, Diệu Pháp Đẳng...tức là nói đến “chánh pháp Nhân tạng Niết bàn diệu tâm” của Đức Phật Thích Ca xưa truyền cho Ngài Ma Ha Ca Diếp. Rồi Tổ Tổ tiếp tục hưng truyền. Diệu pháp này truyền thừa đến Ngài Lục Tổ Huệ Năng thì dứt

bật y bát suốt cả ngàn năm nay. Hôm nay, Đức Huỳnh Giáo Chủ có sứ mạng hưng truyền lại vào thời mạt pháp này để chấn chỉnh cho đúng chánh pháp xưa. Vì cả ngàn năm gần đây **“Bị người Thần Tú bày chè cùng xôi”** thay vì **“Diệu pháp vô vi”**. Thần Tú bày ra **“Diệu pháp hữu vi”**. Thế nên tu hoài chẳng thấy ai thành.

CỐT NHỤC: Cốt: Xương. Nhục: Thịt. Nghĩa rộng: Tinh thần ruột thịt chung một dòng máu, còn gọi chung thân tộc. Đức Thầy có câu: **“Giành của tiền cốt nhục giết nhau”**.

HOÀI THAI: Hoài: Mang trong lòng. Thai: Bào thai. Cùng chung một mẹ sanh ra. Nghĩa rộng: Người Việt Nam tổ tiên là vua Lạc Long Quân và bà Âu Cơ. Đức Thầy có câu: **“Cũng đồng cốt nhục hoài thai”**.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 1 đến câu 4)

Đức Huỳnh Giáo Chủ mang một chí nguyện truyền Đạo nhiệm màu trong sanh chúng. Ngài cứ một đường bước tới, dù cho đời hủ bại hay bị giặc Pháp cản ngăn cũng mặc tình thế sự. Vì Ngài quán xét toàn dân Việt Nam đều là cốt nhục, sinh chung trong một bào thai của bà Âu Cơ và vua Lạc Long Quân.

CHÁNH VĂN:

- 5.- **“Diệu-vội xa-xăm nổi khổ hoài,
Cuộc đời lao-khổ thấy chiều mai.
Chợt ngó xuân sang xuân biết khóc,
Đến thời Thiên định lối bi ai!**

*

* *

- 9.- **Giục-thúc nhơn-sanh kiếm Đạo màu,
Sao còn hoài tưởng chuyện dàu dàu?
Sự sống người đời, ôi! thấy khổ,
Miệt-mài Đạo-đức về huyền sâu”**.

CHÚ THÍCH:

DIỆU VỢI: Xa thăm mênh mông. Đức Thầy có câu: ***“Diệu vợi đàng xa đến Bạc Liêu”***.

XA XĂM: Rất xa, xa lắm. Đức Thầy có câu: ***“Xa xăm các chỗ các nơi”***.

LAO KHỔ: Khổ sở cực nhọc. Đồng bào lao khổ. Thí dụ: Lao khổ bao năm nơi đồng chua nước mặn.

CHỢT NGÓ XUÂN SANG XUÂN BIẾT KHÓC, ĐẾN THỜI THIÊN ĐỊNH LỐI BI AI: Chợt ngoảnh lại mùa xuân sắp đến, tức mùa xuân năm Canh Thìn (1940) là một mùa xuân đầy máu lệ. Bên ngoài giặc giã làm cho máu đổ thịt rơi, quân Pháp chiếm đóng khắp nơi chực nuốt sáu tỉnh miền Tây làm nơi thuộc địa chiến đấu lâu dài. Bên trong lòng người ly tán, ruộng đồng ngập lụt, thiếu gạo ăn, cảnh sống cơ cực...Nhìn lại cảnh xuân sang đồng bào ta rước xuân bằng nước mắt, bằng tâm khảm bi ai, buồn lo cho số mệnh. Nhưng xét lại âu cũng là trời đất định bày, nhơn dân phải chịu nạn đói khổ.

GIỤC THÚC: Giục giã, thúc hối làm việc gì cho mau xong. Đức Thầy có câu: ***“Thêm lời giục thúc gọi về đàng tu”***.

NHƠN SANH: Chỉ chung mọi người đang sanh sống trên quả địa cầu, không phân biệt màu da tiếng nói. Nghĩa rộng: Đời sống con người. Đức Thầy có câu: ***“Tạm dất nhơn sanh khỏi ái hà”***.

ĐẠO MÀU: Đạo: Con đường hợp với lẽ phải, với tâm hồn trong trắng, với chơn lý tuyệt đối mà bốn phận con người phải noi theo. Màu: Sâu xa, kín đáo. Đạo màu là chủ nghĩa bất di dịch, là hướng nhắm của các tôn giáo phải noi theo. Đức Thầy có câu: ***“Đạo màu diệt khổ có từ lâu”***.

HOÀI TUỞNG: Tưởng nhớ người nào, hay sự việc đã qua còn lưu lại trong ký ức. Đức Thầy có câu: ***“Tâm thần hoài tưởng chuyện xa xôi”***.

MIỆT MÀI: Miệt: Mải miết, cần cù, chăm chú. Mài: Cọ xát nhau. Nghĩa bóng: Bền chí kiên nhẫn để làm

một việc gì. Đức Thầy có câu: ***“Chữ tu hãy rán miệt mài”***.

ĐẠO ĐỨC: Đạo (xem từ ngữ Đạo ở trên). Đức: Tâm lành. Con đường hợp với người có bản tánh lành. Đức Thầy có câu:

***“Việc đạo đức bất cần thói thẳng,
Chữ tu hành ngay thẳng lẫn hồi”***.

HUYỀN SÂU: Huyền: Mâu nhiệm, kín đáo. Sâu: Thông suốt tận ngọn ngành.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 5 đến câu 12)

Sau thời đại chiến thứ hai (1939-1945) nỗi khổ của nhơn sanh càng kéo dài thăm thẳm. Hiện giờ, nỗi khổ ấy đã thấy trước mắt, đã lan diễn khắp mọi nơi. Nhưng ngày tết đến, tưởng rằng nó bớt cảnh tóc tang, nghèo đói. Nào ngờ tết năm nay là cái tết đau buồn nhất. Âu cũng là định mệnh của hóa công, đã an bày số phận cho giống dân Hồng Lạc.

Đức Huỳnh Giáo Chủ giục thúc nhơn sanh tầm kiếm Đạo mau để an ủi lòng mình một phần nào. Nhưng vẫn thấy mọi người hoài tưởng chuyện xa vời, không cần thiết đến mùi Đạo. Ngài nhấn mạnh rằng: Đạo là con đường diệt khổ, là chân hạnh phúc cho hiện tại và tương lai vô cùng quý báu, không bút mực nào tả hết nỗi cao siêu. Chúng sanh hãy nếm qua và thực nghiệm sẽ tự mình nhận chân sự an tĩnh và giải thoát.

CHÁNH VĂN:

**13.- *“Hùng ca chuyển pháp kiếm tôi hiền,
Thiên-địa tuần hoàn chẳng vị riêng.
Gian nịnh phản thần, ôi! nhớ-nhuốc,
Gìn lòng trung hiếu sách ghi biên.***

*

* *

17.- *Ghi biên những kẻ quá lương hiền,
Một mực trung thành với Phật-Tiên.
Cổ tưởng ước-mơ về Tiên cảnh,
Hiếu hạnh gìn lòng chí u thiên.*

*

* *

21.- *U' thiên Trời Phật chẳng dụng tiền,
Tìm kiếm con lành giải nghiệp-duyên.
Mê-muội ác-hung về địa-ngục,
Hiền lành nhắm mắt thấy non Tiên”.*

CHÚ THÍCH:

CHUYÊN PHÁP: Chuyên: Bánh xe quay. Pháp: Giáo pháp của Phật. Truyền bá sâu rộng từ kiếp này qua kiếp khác giáo lý của nhà Phật.

HÙNG CA CHUYÊN PHÁP KIẾM TÔI HIỀN: Đức Huỳnh Giáo Chủ muốn nhắc lại “*Nhiều tiền kiếp đã hy sinh vì Đạo, nào quản xác thân...*” hoặc “*Ta Diên thuở Tam hoàng Thượng cổ*”. Ý nói: “*Đã chuyển kiếp từ lâu, chờ đến ngày ra trợ thế*”.

Thật vậy, nếu suy diễn gần đây, từ giáo hệ Bửu Sơn Kỳ Hương đến nay đã 5 lần chuyển kiếp. Năm lần thay đổi giáo pháp “*Tùy phong hóa dân sanh phù hạp*”. Thay đổi trên hình thức: Từ BSKH thay ra PGHH. Từ trần điều đổi lại trần Đà. Từ lối tu yếm thế đổi ra nhập thế, vào đời để cải sửa cho đời “*Thân tuy còn tục, tâm lìa cõi mê*”. Hoặc giả:

*“Tăng sĩ quyết chùa am bế cửa,
Tuốt gươm vàng lên ngựa xông pha.*

*Đền xong nợ nước thù nhà,
Thiền môn trở gót Phật Đà Nam mô”.*

Vì Ngài quan niệm rằng: “*Hễ nước mất thì cơ sở Đạo phải bị lấp vùi; nước còn thì nền Đạo được phát khai rực rỡ*”. Nên Ngài hăng hái lên đường cứu quốc và cổ vũ đệ tử mình đền xong nhiệm vụ làm trai.

Ngài chuyển pháp độ đời tìm bậc hiền tài, cũng như người lương thiện hầu dẫn dắt cùng nhau đi trên con đường chánh nghĩa, chánh pháp đúng với chân lý vô vi của từ phụ Thích Ca.

THIÊN ĐỊA TUẦN HOÀN: Định luật xoay vòng của trời đất. Do câu: “*Thiên địa tuần hườn châu nhi phục thi*”(Trời đất xoay giáp vòng rồi trở lại từ đầu). Ý nói: Không ai trốn khỏi luật xoay vòng của tạo hóa, hiền lành hay hung dữ cũng thế. Trời đất không bao giờ tư vị tình riêng.

GIAN NINH PHẢN THẦN ÔI NHỚ NHUỐC, GÌN LÒNG TRUNG HIẾU SÁCH GHI BIÊN: Ý nói những bầy tôi gian tà nịnh tặc, trào đại nào cũng để tiếng nhớ trong lịch sử. Đời Tống có Tần Cối, Trương Ban Xương, đời Hiến Đế có Đổng Trác, Tào Tháo...luôn bán nước cầu vinh, mưu hại tôi hiền...những bậc bầy tôi lương đồng, tiết nghĩa một mực trung hiếu vẹn toàn, sách sử ghi biên, như: Quan Công, Nhạc Phi, Nguyễn Trung Trực... Ngụ ý Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên ta dù sống thời đại nào cũng gìn lòng trung hiếu, xa kẻ gian tà nịnh tặc, mãi quốc cầu vinh.

TRUNG THÀNH: Trung: Hết sức thành thật, một lòng một dạ. Thành: Ngay thẳng. Hết sức ngay thẳng thành thật với Phật Tiên.

PHẬT TIÊN: Phật: Bậc hoàn toàn giác ngộ. Thượng thông thiên văn, hạ đạt địa lý, trung quán nhân sự, có đủ đức Từ, Bi, Hỷ, Xả và đầy lòng tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn. Tiên: Bậc thoát tục, “*Ngao du tứ hải, dạo khắp Tiên bang, cảnh an nhàn của người liêu đạo*”. Có đủ ngũ thông, thường hay cứu giúp kẻ nguy nàn. Phật Tiên: Là những bậc quên mình vượt ngoài vòng ngã chấp. Thị hiện vào đời để cứu độ chúng sanh, và có sứ mạng an bang định quốc cho bậc chánh vị vương qua từng thời đại.

CÓ TUỞNG ƯỚC MƠ VỀ TIỀN CẢNH, HIẾU HẠNH GÌN LÒNG CHỈ Ư THIÊN: Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên người đời luôn tưởng nhớ và ước mơ được về cảnh Tiên, để được tự tại an nhàn, sống cuộc đời thanh thoát, ngoài vòng ràng buộc của thế trần. Muốn được thế phải một lòng hiếu hạnh, dầu gặp một trở lực nào cũng không sa ngã, cố chí bền lòng theo con đường của Phật Tiên chỉ vạch. Nếu ta thực sự trung thành, gìn lòng chặt dạ. Trời Phật sẽ cảm động và luôn phù hộ cho mình hoàn thành ước vọng.

NGHIỆP DUYÊN: Nghiệp: Những việc làm do thân, khẩu, ý gây tạo nhiều đời nhiều kiếp kết thành (Hạt giống). Duyên: Những phương tiện phù trợ cho cây sanh quả, như đất, nước, gió, lửa. Nghiệp duyên: Những chủng tử khởi mầm để dẫn dắt con người gây tạo hạt giống sanh tử, chông chát qua nhiều đời nhiều kiếp để đền trả. Đức Thầy có câu: ***“Phải rõ nghiệp duyên trần cấu tạo”***, hoặc ***“Lánh cõi trần mê giải nghiệp duyên”***. Ý nói: Con người đã mang xác thân đều có duyên nghiệp. Ở đây Đức Thầy khuyên chúng ta tu để giải nghiệp.

MÊ MUỘI: Mờ tối, không sáng suốt. Đức Thầy có câu: ***“Thương đời mê muội luống bầm gan”***.

ÁC HUNG: Còn gọi hung ác. Dã man và tàn ác. Thí dụ: Bọn giặc hung ác, hành động hung ác.

ĐỊA NGỤC: Phạn ngữ Niraya, naraka. Phiên âm: Nêlêgiá, nalacca. Dịch là địa ngục. Là nơi giam cầm và trừng phạt những linh hồn phạm tội lúc ở thế gian. Chữ địa ngục có nhiều nghĩa:

1/. Bất lạc, bất khổ lạc: Nơi chẳng vui, chẳng có thể vui được.

2/. Bất khả cứu tế: Không thể cứu cho thoát khỏi liền được, vì cảm ứng các việc ác đã làm.

3/. Âm minh: Nơi tối tăm, chúng sanh ở cảnh ấy không hề được biết Đạo lý, chánh pháp.

4/. Địa ngục: Cảnh ngục thất, cảnh hành phạt ở dưới đất.

Địa ngục là một trong sáu đường luân hồi (lục đạo luân hồi) và cũng là một trong lục thú. Địa ngục là nơi có đủ thứ khổ đau, vị trí của nó hoặc ở dưới đất hoặc ở kẹt núi hoặc ở theo sông rạch hoặc ở theo biển cả, hay đồng nội. Những người nào sống ở dương gian phạm các tội trọng như ngũ nghịch, hay thập ác, khi chết phải đọa Địa ngục. Đức Thầy cho biết:

***“Mê muội ác hung về địa ngục,
Hiền lành nhắm mắt thấy non Tiên”.***

HIỀN LÀNH: Hiền lương tốt đẹp, biết thương người mến vật. Đức Thầy có câu: ***“Hiền lành chừng đó sum vầy, Quân thần cộng lạc mấy ngày vui chơi”.*** (Q.III)

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 13 đến câu 24)

Đức Huỳnh Giáo Chủ cho biết đã nhiều lần chuyển pháp độ đời qua các triều đại, hôm nay là kiếp chót. Ngài đã chọn trung tâm điểm Việt Nam, tức Thánh địa Hòa Hảo, từ ***“Chánh pháp nhãn tàng Niết bàn diệu tâm”*** của Đức Phật Tổ ngày xưa, đã bật truyền thời gian cả ngàn năm, ngày nay có dịp tái phục hưng trở lại. Như Ngài cho biết: ***“Đạo vô vi của Phật ân cần, Nói theo chí Thích Ca ngày trước”.***

Ngài chuyển pháp tìm kiếm tôi hiền kịp tu để kịp ngày mừng chúa Thánh thời Thượng nguơn sắp đến. Đến chừng đó trời đất không tư vị một ai. Gian nịnh phản thần bị Phật Tiên phân xử thật là nhơ nhục. Người trung hiếu sử sách ghi biên, mấy tuần huân luân lưu phải đáo đầu không sao tránh khỏi.

Đức Huỳnh Giáo Chủ lập lại lần nữa sách sử ghi biên những vị quá lương hiền, một lòng một dạ trung thành với Phật, Tiên, Thần, Thánh; và Ngài khuyên răn cô

tưởng ước mơ về cõi Phật Tiên, gìn tâm hiếu hạnh sẽ cảm động đến Phật Trời, tắt cho mình toại nguyện.

Ngài cân nhắc cho nhơn sanh biết: Trời đất Phật Tiên chẳng bao giờ dụng tiền bạc, mục đích thị hiện là để cứu đời; tìm kiếm con lành giải thoát nghiệp duyên trần cấu tạo. Nếu ta mê muội ác hung, chần chặc phải sa đọa vào cõi Địa ngục, chịu nhiều nỗi cực hình. Nhược bằng hiền lương đức hạnh, khi lìa khỏi xác linh hồn sẽ sanh hóa cõi Phật Tiên chắc chắn như vậy.

CHÁNH VĂN:

- 25.- *“Non Tiên ra sức tháo dây xiềng,
Dân-chúng an nhàn dạ mới yên.
Cảnh cảnh thương đời, ôi! mê-muội,
Mong-ước ngày kia giải mộng phiền.*

*

* *

- 29.- *Mộng phiền muốn khỏi phải làm sao?
Hung dữ, ác nhơn chớ bước vào.
Gìn tâm nhu-nhược chờ vận đến,
Vây mới rời xa cảnh máu đào.*

*

* *

- 33.- *Máu đào khắp nước khổ vô cùng,
Nam-Việt dân tình mãi thung dung.
Chẳng lo tu tỉnh cầu Phật Thánh,
Để nước đến chơn mới nhảy đùng.*

*

* *

- 37.- *Nhảy đùng ắt phải lọt ngoài sâu,
Chẳng gặp xuống ghe chững mới rầu.
Làm sao lo liệu tu cho kịp,
40.- Bập-bẹ nam-mô cũng nhọc cầu”.*

CHÚ THÍCH:

DÂN CHÚNG: Dân: Người ở trong làng, trong nước. Chúng: Đồng người. Chỉ toàn thể hay một số lớn nhân dân. Đức Thầy có câu: ***“Khải hoàn dân chúng mới nhàn an”***.

AN NHÀN: An: Yên ổn. Nhàn: Rảnh rang. Sống cuộc đời rảnh rang không vướng bận. Đức Thầy có câu: ***“Dựa kê cửa Thánh đài mây an nhàn”***.

MONG ƯỚC: Mong và ước muốn đạt được một cách thiết tha. Thí dụ: Mong ước cuộc sống hạnh phúc. Mong ước đó đã trở thành hiện thực.

MỘNG PHIỀN: Mộng: Chiêm bao. Phiền: Buồn rầu, lo lắng. Chiêm bao thấy cảnh lo lắng.

HUNG DỮ: Độc ác, dữ tợn, gây nhiều tai họa cho con người. Thí dụ: Con thú dữ. Trận cuồng phong hung dữ.

ÁC NHƠN: Ác: Hung dữ. Nhơn: Người. Người hung dữ. Truyện Kiều có câu: ***“Dưới hoa đầy lũ ác nhơn”***.

NHU NHUỢC: Nhu: Mềm mỏng. Nhuợc: Yếu, mềm yếu. Lấy nhu để thắng cương.

GÌN TÂM NHU NHUỢC CHỜ VẬN ĐẾN, VẬY MỚI RỜI XA CẢNH MÁU ĐÀO: Thời Đông Châu nước Triệu có hai người tôi trung là Nguyên soái Liêm Pha và tướng quốc Lạn Tương Như. Liêm Pha là tướng tài đánh đầu thắng đó, nên có ý kiêu hùng. Lạn Tương Như khi chưa gặp vận chỉ là một xá nhân (người tiếp việc) nhưng nhờ lòng cứng rắn không sợ uy quyền. Và nhờ mang ngọc bích (quốc bảo) đến tận nước Tần đổi lấy 15 thành cho vua Triệu nhưng vua Tần kiêu kãnh lừa đảo. Họ Lạn thẳng thắn đem tánh mạng bảo vệ ngọc bích về tận quê nhà. Và sau đó cùng vua Triệu hội kiến với vua Tần tại Thăng Trì, nhờ tài biện luận bẻ gãy dã tâm của vua tôi nhà Tần, nên sau được thăng Tể tướng (Tướng đứng đầu một nước) được vua Triệu trọng dụng một thời. Lúc đó, Liêm Pha đem lòng ganh tỵ định mưu sát hại họ Lạn. Tương Như nghe

được hung tin tìm cách lẫn trốn không dám đầu mặt với Liêm Pha, nhiều lần như vậy. Sau đó, nhờ hiền sĩ Ngu Khanh đến yết kiến vua Triệu, biết được tin đó mới tâu Triệu vương...và được vua Triệu phái đến phân trần hơn thiệt với Liêm tướng quân về việc rạn nứt của hai tướng Liêm Lạn. Ngu Khanh cặn kẽ nên Liêm Pha thấy được lòng tốt của họ Lạn, và sau đó xin nhờ Ngu Khanh hướng dẫn đến gặp mặt và chịu lỗi với nhà họ Lạn. Bây giờ Liêm Lạn đều thông cảm và thân mật bắt tay nhau rồi đi đến minh thệ kết nghĩa kim băng, đồng đem tài trí phụng sự cho vua nước Triệu. Nhờ đó nước nhà được hùng cường tránh được nạn vua nhà Tần dòm ngó một thời gian khá lâu.

Qua câu chuyện trên giúp chúng ta thấy rằng: Lạn Tương Như dùng đức độ nhu hòa mà thắng được lòng tự kiêu của Liêm Pha, đem lại sự hài hòa giữa tình huynh đệ. Ước gì mỗi quốc gia đều có bấy tôi như Lạn Tương Như thì lo gì đất nước chẳng được phú cường.

Qua hai câu giảng trên, ý Đức Thầy khuyên ta ẩn nhẫn tùy thời, chớ đương đầu với giặc Pháp và bè lũ Việt gian để đất nước bớt nạn đao binh.

NAM VIỆT: Quốc hiệu nước Việt Nam thời nhà Triệu (206-111 trước TL). Thời Nguyễn gọi Nam Việt là miền Nam nước Việt Nam, thời Pháp thuộc gọi là Nam Kỳ. Đức Thầy có câu: ***“Nam Việt cúi lòn dài dậm dặc”***.

DÂN TÌNH: Tình hình hoàn cảnh của dân. Thí dụ: Dân tình khổ cực hay dân tình sung sướng. Ở đây ý nói dân tình thời Nam Việt thung dung nhàn nhã. Nhưng bị giặc Pháp đô hộ biến cảnh máu đào.

THUNG DUNG: Còn gọi là thông dong. Rảnh rang thông thả. Truyện Kiều có câu: *“Tẩy trần vui chén thông dong”*.

TU TỈNH: Thức tỉnh và trau sửa thân tâm cho được trọn lành trọn sáng.

PHẬT THÁNH: Phật là đấng hoàn toàn giác ngộ và tỉnh thức. Ở đây chỉ cho bậc Thánh thừa, hay tối thượng thừa và hàng Bồ tát đại thừa, hoặc Duyên giác trung thừa, Phật đối với chúng sanh. Đức Thầy khuyên:

***“Rán bắt chước làm theo Phật Thánh,
Nếu thiệt người thì biết thương người”.***

LO LIỆU: Tính trước, sắp đặt việc làm đâu đấy đều song toàn. Đức Thầy bảo:

***“Sớm chiều lo liệu rèn tâm trí,
Đạo đức nhiệm sâu Lão khuyên mời”.***

BẬP BỆ NAM MÔ: Bập bề: Nói tiếng đặng tiếng mất. Nam mô: Tiếng phạn Namal. Tàu dịch: Quy mạng, cung kính, cứu ngã. Nghĩa bóng: Mới vào đạo, mới thức tỉnh tu hành.

LƯỢC GIẢI: (Từ câu 25 đến câu 40)

Đức Huỳnh Giáo Chủ có sứ mạng lâm phạm Ngài quyết tâm cởi mở xích xiềng cho thế tục ra khỏi ách thống trị của ngoại bang; được vậy Ngài mới yên lòng, nhưng xét lại việc đời, thấy chúng sanh quá mê muội, Ngài thật là cảm cảnh. Ngài mới mong ước một ngày gần đây sẽ giải dứt mộng phiền. Nhưng muốn giải mộng phiền ta phải làm sao?

Phải bỏ tâm hung dữ, trừ tánh ác nhờn. Tập hành hạnh vô sanh pháp nhẫn, hòa nhu để chờ vận đến như Lạn Tương Như lòn cúi Liêm Pha thời Đông Châu chiến quốc, chắc chắn sẽ đem phần thắng về mình, và đất nước nhờ thế mà được yên ổn, rời xa cảnh máu đào.

Dân tình Nam Việt thời nhà Triệu rất ung dung nhàn nhã, thế mà giặc Pháp đang tâm cướp lấy, gây cảnh chiến tranh tàn khốc cho lương dân, thật vô cùng khôn khổ. Hiện giờ người dân Việt phải thức thời, trở về con đường tu tỉnh, cầu Trời Phật cứu độ mới kịp lúc. Chớ đừng đợi nước đến chơn mới nhảy đùng, không còn kịp nữa.

Càng nhảy chúng ta càng lọt ngoài sâu, và nếu không gặp xuống ghe làm sao ta yên tâm được. Chỉ bằng lo tu trước cho kịp thời cơ, để chúng tỏ con người biết ăn năn phục thiện. Còn kẻ nào chân chờ giải đãi khó mong Trời Phật cứu độ.

CHÁNH VĂN:

- 41.- *“Nhọc cầu bịnh tật nổi nào đâu,
Lao-khổ nhơn-sanh cảnh nước Tàu.
Trẻ nhỏ rã-rời xa bố mẹ,
Sao còn tranh-đoạt mắng mòi câu.*

*

* *

- 45.- *Mỗi câu danh-lợi chúng dân rầu,
Kim chỉ phải gìn chuyện cạn sâu.
Vinh-hoa phú-quí chòm mây bạc,*
48.- *Nho-nhã thi-văn nẻo nhiệm-mầu.*

*

* *

- Nhiệm-mầu hạnh-đức quá thanh-cao,
Thần, Thánh, Phật, Tiên xuống kêu gào.
Dương-gian mau tỉnh trong tràng mộng,*
52.- *Tâm kiếm nơi nào đạo siêu cao”.*

CHÚ THÍCH:

LAO KHỔ: Khổ sở, cực nhọc. Đồng bào lao khổ.
Thí dụ: Đã lao khổ bao năm ở nơi đồng chua nước mặn.

LAO KHỔ NHƠN SANH CẢNH NƯỚC TÀU:
Theo thống kê sử Trung Hoa thời đệ nhị thế chiến, dân chúng nước Tàu thật là khổ sở “Nạn đói chết gần 2 triệu người”. Và lan dân qua Bắc Việt chúng ta rất nhiều. Đến năm 1945, sau khi chấm dứt đệ nhị thế chiến, nhà trống ruộng hoang. Nhân đó người Nhật yêu cầu Đức Huỳnh Thủ Lãnh đi “Khuyến Nông”. Nhờ cơ duyên Đức Huỳnh Giáo Chủ đi khắp 6 tỉnh miền Tây kêu gọi “tác đất, tác vàng”. Như Ngài cho biết:

***“Nam Kỳ đâu phải sống riêng,
Mà còn cung cấp cho miền Bắc, Trung”.***

TRẺ NHỎ RẢ RỜI XA BỐ MẸ: Trẻ em phải chịu cảnh xa cha xa mẹ, trông thật thảm não, dầu ai có gan sắt dạ đồng cũng phải động mỗi từ tâm, khóc tức tưởi và nhỏ cạn giọt lệ sâu!

Sau đây là câu chuyện có thật trong “Chuyện Bên Thầy”:

“Ở Bắc Việt tại một làng nọ có hai mẹ con còn sống nhưng sức đã kiệt, sau khi ăn hết củ chuối và lá cây, bà ta ra sau hè tìm nơi vắng vẻ lấy len đào một cái hố chừng 6 tấc, vì quá mỏi mòn...Bà mới bồng đứa nhỏ độ 6 tuổi xô xuống cái hố đó để chôn sống đứa trẻ. Đứa trẻ khóc nức nở!!! Và kêu mẹ đừng chôn con, vì con còn sống bỏ mẹ!

Mẹ đứa trẻ dỗ dành: Mẹ chôn con để khỏi bị người ta ăn thịt con!. Rồi dứt quãng từng tiếng một. Mẹ! Mẹ! Con! Con! Một lúc sau hai mẹ con đều phải chết. Thật là cảnh khổ vô cùng rùng rợn.

TRANH ĐOẠT: Giành lấy cho riêng mình, đoạt lấy quyền lợi.

MẮNG MỖI CÂU: Mảng: Mảnh lớn. Mỗi câu: Mồi câu nhử. Mảng mồi câu: Dùng miếng mồi lớn để câu kẻ ham ăn mắc vào bẫy rập. Nghĩa bóng: Âm chi danh, lợi, tình là những thứ câu nhử chực bắt những kẻ nào còn say đắm.

DANH LỢI: Hai điều trong lục đục. Tức danh vị và tài lợi. Nó thường câu nhử khách trần gian.

VINH HOA PHÚ QUÍ: Vinh: Cỏ đơm bông hoa (huệ): Cây đơm bông. Trong Kinh Lễ có câu: “*Thảo mộc vinh hoa*” (Cây cỏ đơm bông). Nghĩa bóng: Hiễn đạt, phú quý, giàu sang, quyền quý. Đức Thầy có câu:

***“Ham công danh quên chữ sanh thành,
Mền phú quý quên câu dưỡng dục”.***

CHÒM MÂY BẠC: Một đám mây màu trắng. Tạm bợ không trường tồn.

NHO NHÃ: Nho: Đạo của Khổng Tử. Nhã: Thanh cao. Người thanh cao có kiến thức rộng rãi.

THI VĂN: Thi: Văn văn, có âm vận tiết mục bằng trắc. Văn: Văn xuôi. Ý nói những bài văn dài... Tiếng chỉ chung các bài văn trong lĩnh vực văn học.

NHIỆM MÀU: Cũng gọi màu nhiệm. Có nghĩa sự cao sâu huyền diệu khó nghĩ lường. Ý nói: Lý nghĩa trong Phật pháp sâu kín màu nhiệm không thể dùng ngôn ngữ hay bút mực mà diễn tả cho hết được. Chỉ có người tu hành khi trực nhận bản tâm mới thông đạt mà thôi.

HẠNH ĐỨC: Hạnh: Tánh nết, cách cư xử. Trong Truyện Kiều có câu: “*Thương vì hạnh, trọng vì tài*”. Kinh Thor dạy: “*Bất năng tế hạnh chung lụy đại đức*” (chẳng giữ hạnh nhỏ có hại cho đức lớn). Đức: Tâm lành. Người có lòng lành. Đức Hạnh: Người có lòng lành và hành những đức tánh tốt hợp với đạo lý, được mọi người trọng dụng.

THANH THAO: Còn gọi là thanh cao. Thanh: trong sạch. Thao: trong sáng. Giọng thanh thao, sáng suốt. Đức Thầy có câu: “***Giọng Tăng Sĩ thanh thao như kiếng***”.

THẦN: Bậc cao hơn thế tục, lượng xét không cùng tốt, linh diệu oai mãnh, thông suốt, không bị chướng ngại. Là bậc bá tánh tôn trọng kính thờ. Cho nên người ta cũng gọi đáng Phạm Thiên, Đế Thích và Phật là bậc Thần. Vậy bậc Thần có 4 bậc: Phật thần, Tiên thần, Thánh thần, A Tu La thần (quỷ thần). Nhưng chữ Thần ở đây chỉ Phật thần hay Tiên thần. Đức Thầy có câu: “***Cha là Phật, Thánh, Tiên, Thần phước dư***”. Thánh: Phạn ngữ (Ser) là ẤY, phiên âm là A DA hay A CÊ DU, dịch là Thánh nhơn, có nghĩa chân thật, chánh trực và thanh tịnh. Thánh nhơn có hai bậc: Thánh thế gian và Thánh xuất thế gian, tức là

hạng tu đắc đạo có đủ trí huệ và các pháp thần thông, dứt khổ não luân hồi. Từ các bậc chứng quả A La Hán, Duyên Giác, Bồ Tát cho đến bậc Như Lai đều là Thánh.

Các kinh điển cũng thường gọi là bậc Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, đến A La Hán là Thánh (Tứ Thánh – Thịnh Văn). Người ta dùng tiếng Thánh để tôn xưng Phật như: Thánh ngôn, Thánh triết. Thánh còn danh từ đối với Phàm. Đức Thầy bảo: ***“Cư trần bất nhiễm là người Thánh”***.

PHẬT TIÊN: (Xem phần chú thích trang...).

TRÀNG MỘNG: Còn gọi là mộng tràng. Tràng: dài. Mộng: giấc ảo ảnh không thiệt. Nghĩa bóng: chỉ cảnh đời giả tạm như giấc mộng.

ĐẠO SIÊU CAO: Cũng gọi là đạo cao siêu. Cái Đạo cao hơn hết, tức chỉ đạo Phật. Trong loạt bài “Những Câu Chú Thường Niệm”, có câu:

*“Thiên thượng, thiên hạ vô như Phật,
Thập phương thế giới diệc vô tỷ.*

*Thế gian sở hữu giả tâm kiến,
Nhứt thiết vô hữu như Phật giả.*

***(Trên dưới Trời chẳng ai bằng Phật,
Khắp mười phương hễ thật khó so.***

***Dòm trong cõi thế rộng to,
Một người khó kiếm sánh đo cùng Ngài).***

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 41 đến câu 52)

Nếu chúng sanh cứ chần chờ không lo trước, e khó tránh khỏi ngày trả quả. Đến phút đó dầu ta có nhọc công cầu nguyện, Trời Phật cũng không thể nào cứu kịp. Cảnh khổ nước Tàu vào thời thập niên 40 thế kỷ trước mọi người đã thấy rõ. Vợ xa chồng, con lìa mẹ, chết đói hàng loạt triệu triệu người. Sao chúng ta không lấy đó làm bài học, còn mải lo tranh danh đoạt lợi.

Danh lợi là mỗi câu nhử chúng dân, biết bao bài học trong sử sách cũng như ngoài xã hội. Nó là mỗi thuốc độc giết người chẳng gớm tay. Cảnh phú quý vinh hoa như đám phù vân trước gió, nước bọt mây bèo. ***“Những cái sanh, cái bệnh, cái lão, cái tử được đặt lên cuộc đời của người này rồi đến người khác...rồi đến người khác nữa, nghĩa là tất cả nhân loại không thiếu sót một ai”***. Ta phải trực nhận đời bằng tâm tự giác, lo kim chỉ gìn lòng cho thật sâu những Thi Văn Giáo Lý của Tổ Thầy để trở nên người nhỏ nhỏ.

Nền Đạo rất cao sâu mầu nhiệm. Phật, Tiên, Thần, Thánh hằng xuống thế kêu gào nhơn sanh mau tỉnh mộng trần gian vì nó giả tạm. Chỉ có nền Đạo Phật là chân lý siêu việt cho ta nương theo để tiến lên cuộc đời tốt đẹp trong hiện tại và tương lai.

CHÁNH VĂN:

53.- ***“Hòa thôn Hảo cảnh xứ chi ta,***

Tạm dất nhơn sanh khỏi ái hà.

Tạo xác Huỳnh danh thanh sắc trẻ,

56.- ***Chờ thời Thiên định thiết hùng ca.***

*

* *

KIM ngọc nào tri Phật, Quỷ, Tà.

SƠN dài ra sức dẹp loài ma.

THƯỢNG thọ chúc cầu an bốn biển,

60.- ***ĐẮNG đặng dưới trên sớm thuận-hòa.***

*

* *

Mong ước ngày kia đặng khai hoàn,

Địa cầu sanh-chúng được nhàn an.

Bốn biển một nhà Cha: Phật, Thánh,

64.- ***Thì là dân sự hết tâng ngang.***

*

* *

*Năm tàn tháng cuối cảnh buồn teo,
Đón rước bạn xuân lễ quá nghèo.
Thượng cổ gần hồi nên sửa lối,
68.- Theo nhà Phật-Giáo phải như keo”.*

CHÚ THÍCH:

HÒA THÔN: Còn gọi làng Hòa Hảo. Một xã trong quận Tân Châu (Châu Đốc) ngày xưa. Nơi đản sanh Đức Huỳnh Giáo Chủ, nay là thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

ÁI HÀ: Ái: Yêu. Hà: Sông. Lòng thương yêu luyện ái như sông biển. Nghĩa bóng: Chỉ tình yêu nam nữ như con sông, làm đắm chìm con người trong nỗi khổ của dục vọng. Kinh Minh Thánh có câu:

*“Ái hà thiên xích lãng,
Khổ hải vạn trùng ba.
Dục thoát luân hồi lộ,
Tảo cấp niệm Di Đà”.*

Tạm dịch:

*(Ái hà ngàn lượng bủa vây,
Ở trong cõi khổ đầy đau thương.
Muốn mau thoát khỏi vô thường,
Di Đà gấp niệm là phương thoát trần).*

Hay là:

*“Bể ái hà là dây oan nghiệt,
Danh lợi tình càng xiết càng đau.
Muốn ra khỏi chốn đồ lao,
Dùng gương trí huệ đoạn mau lòng phàm”.*

Đức Huỳnh Giáo Chủ PGHH có khuyên: **“Bể ái hà gương linh sớm dứt”** và **“Rày tỉnh ngộ ái hà sớm dứt”**.

HUỲNH DANH: Huỳnh: Họ Huỳnh. Danh: Tên tuổi, tiếng tăm. Mượn xác họ Huỳnh, một thanh niên trẻ xinh đẹp, có tiếng tăm trong xã hội.

THIÊN ĐỊNH: Thiên: Trời. Định: Phân định. Trời Phật phân định.

THIỆT HÙNG CA: Thiệt: Đặt để, sắp đặt. Hùng ca: Bài ca hùng tráng. Nghĩa bóng: Sắp đặt làm một việc to lớn, quốc gia đại sự.

KIM SƠN: Núi vàng. Một Phật danh của Đức Huỳnh Giáo Chủ. Trong thơ của “Ông Bán Chiếu” có viết: ***“Kim Sơn Phật ấy giáng sanh dành rành, Ngưỡng cầu Thượng Đẳng Đại Thần...”*** Và sau khi chấm dứt bài, ông còn xác định Phật hiệu: ***“Bán Lộ Giang Hồ kính tặng Kim Sơn Phật”***.

THƯỢNG ĐẲNG: Một danh xưng của Đức Huỳnh Giáo Chủ. Trong bài “Lý Lịch”, Ngài nói rõ:

***“THƯỢNG thâm đạo mầu nẻo cao sâu,
ĐẲNG đẳng hầy làm chớ để lâu.
ĐẠI pháp vô vi là chơn lý,
THẦN làm trọn vẹn khỏi lo âu”***.

KIM SƠN, THƯỢNG ĐẲNG: Là hai vị: Thầy và trò, nhưng thời bấy giờ (khai Đạo) vẫn chung xác Đức Huỳnh Giáo Chủ.

KIM NGỌC: Kim: Vàng. Ngọc: Ngọc trai. Hai loại quý hiếm. Nghĩa rộng: Sự tốt đẹp cao xa. Ngoài ra còn có nghĩa: Một phẩm vật trong hàng cửu phẩm, thường kẻ cận nhà vua. Đức Thầy có câu: ***“Kim ngọc nan tri tường Đông hải”***.

SƠN ĐÀI: Sơn: Núi. Đài: Đài cát trên cao, có thể nhìn thấy khắp bốn phương. Nghĩa bóng: Nơi các Tiên ở hay chỗ nhóm họp của quần Tiên. Đức Thầy có câu: ***“Sơn đài hồ hải luyện tứ phang”***.

QUỈ TÀ: Quỷ quái, tà ma. Đây chỉ cho các tà đạo thường bày ra sát hại sanh vật cúng tế quỷ thần ma quái để cầu cho hết bệnh. Nhưng bệnh đã không hết dứt mà trong gia đình lại thường bị đau ốm liên miên. Nên Đức Thầy kêu gọi:

***“Đừng theo lũ quỷ lũ ma,
Cúng kiếng nó mà nó phải ăn quen”***. (Q.III)

ĐĂNG ĐĂNG: Số nhiều. Nghĩa bóng: Nhiều người, nhiều bậc. Đức Thầy có câu: ***“Đăng đẳng rần làm chớ để lâu”***.

BỐN BIÊN: Xem từ ngữ “Bốn Biên”, bài Đền Làng Nhơn Nghĩa (Cần Thơ) trong tập này.

THUẬN HÒA: Thuận: Nối theo, không trái ý. Hòa: Vui vẻ, không xung đột. Vui vẻ thuận theo lẽ phải. Đức Thầy có câu: ***“Từ trên tới dưới thuận hòa, Hay hơn châu báu ngọc ngà giàu sang”***.

KHẢI HOÀN: Khải: Vui mừng. Hoàn: Trả lại. Khúc hát mừng thắng trận (vui lúc khai hoàn). Đức Thầy có câu: ***“Dân được vui nhờ lúc khai hoàn”***.

ĐỊA CẦU: Còn gọi trái đất. Nó nghĩa như chữ hoàn cầu (Xem từ “Hoàn cầu” bài “Đền làng Nhơn Nghĩa” trong tập này).

SANH CHÚNG: Cũng gọi chúng sanh. Sanh: Sống. Chúng: nhiều người, hết thảy. Những người sanh trên quả đất và sống chung với nhau. Theo Kinh Phật giải chúng sanh gồm có 4 loài: Thai sanh, noãn sanh, thấp sanh và hóa sanh.

NHÀN AN: Nhàn: Thông thả, rảnh rang. An: Yên ổn. Sống yên ổn không bị vật gì vương bận. Đức Thầy có câu: ***“Khải hoàn dân chúng mới nhàn an”***.

BỐN BIÊN: (Xem chú thích bài “Đền Làng Nhơn Nghĩa” trong tập này).

TÀNG NGANG: Còn gọi ngang tàng, không kẻ kẻ trên người dưới.

THƯỢNG CỔ: Còn gọi Thượng Ngươn (thời xa xưa) trước thời Trung Cổ. Đức Thầy có câu: ***“Huòn lai Thượng cổ mới bình yên”***.

PHẬT GIÁO: Còn gọi Đạo Phật. Một tôn giáo phát xuất từ Ấn Độ, Giáo Chủ là Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni. Ngoài ra còn có nghĩa: Giáo lý nhà Phật. Đức Thầy có

câu: **“Nhìn Phật giáo mà tìm cái lý, Coi tại sao ta phải tu hành”.**

LUỢC GIẢI

(Từ câu 53 đến câu 68)

Hòa Hảo là nơi chôn nhau cắt rún phần xác của Đức Huỳnh Giáo Chủ, cũng là nơi phát xuất PGHH, nhưng Ngài không xem đó là trọng mà Ngài chỉ nhận là một phương tiện, như bao phương tiện khác. Ngài chỉ tạm gởi thân nơi đó để dẫn dắt quần sanh vượt vòng sanh tử.

Lần chót Ngài tạo ra xác họ HUỖNH, con của Đức Ông Huỳnh Công Bộ và Đức Bà Lê Thị Nhậm, một thanh niên trẻ đẹp tài ba để chờ thời thiên định mai sau sẽ làm nên bậc xuất chúng.

Vàng bạc là vật quý giá thật, nhưng tùy chỗ sử dụng hữu ích. Nhưng với đạo Phật nó không biểu thị chức năng để phân biệt được: Phật, thần, ma, quỷ. Chỉ có sơn đài là nơi cu hội quần Tiên, là chỗ chư Tiên an trú, có đủ khả năng dẹp hết tà ma quỷ quái, duy trì nền Đại Đạo.

Cũng như oai linh của Ngài Thượng Đẳng có thể trị an thế giới sớm hòa bình, trên hòa dưới thuận theo đúng đường Phật dạy. Và Ngài mong ước một ngày kia toàn dân được ca khúc khải hoàn, nhà nhà được nhàn an, năm châu bốn biển đồng sống chung cảnh thái bình dưới trời Nghiêu đất Thuấn: **“Cha là Phật, Thánh, Tiên, Thần phước dư”.**

Ngày tháng trôi quá nhanh, dòng suy luận đến đây năm tháng tàn cuối, cảnh vật trở nên buồn thảm nên tiệc rước xuân quá đơn sơ vì thời gian không còn chờ được nữa.

Đức Huỳnh Giáo Chủ báo trước cuộc biến thiên sắp đến, đời Thượng Nguơn sẽ tái lập gần đây, chúng ta phải thay đổi cảnh rước xuân cho hợp với Đạo lý, đúng với truyền thống dân tộc Việt Nam, đúng với chơn lý vô vi của Đạo Phật tự nghìn xưa, phải dính chặt như chất keo sơn mới không lạt lỏi.

CHÁNH VĂN:

- 69.- *“Dân chúng chó nên đốt giấy tiền,
Bởi vì Diêm-chúa chẳng tình riêng.
Phán-quan tả hữu không dùng hối,*
72.- *Nên phải dạy dân bỏ giấy tiền.*

*

* *

*Vàng bạc bởi tay khách trú làm,
Phật, Thần, Tiên, Thánh chẳng dùng ham.
Giấy quần giấy áo không nên đốt,
Nghĩ chuyện dối ma chẳng đáng làm”.*

Hòa-Hảo, ngày 29 tháng chạp năm Kỷ-Mão.
(Chép theo bản chánh do Ông Nguyễn-Chi-Diệp giữ)

CHÚ THÍCH:

GIẤY TIỀN VÀNG BẠC: Những tờ giấy được in thành tờ vàng bạc, có nhiều loại tiền: Miên, Mỹ, Anh, Nhật, Pháp, nhưng toàn là giả tạo, nháy theo hình thức, màu mè cho giống để lừa bịp dân chúng. Đức Thầy có câu:

*“Những giấy tiền vàng bạc cũng thôi,
Chớ có đốt tốn tiền vô lý”.*

DIÊM CHÚA: Còn gọi Diêm Vương hay Diêm Ma Vương (Vua cõi Thiên Ma, cõi âm, cõi địa ngục). Ngoài ra còn có tên Pháp Vương hay Bình Đẳng Vương.

TÌNH RIÊNG: Tình riêng lẻ. Không vì tình riêng tư mà bỏ luật công.

PHÁN QUAN TẢ HỮU: Phán quan: Một chức quan có nhiệm vụ đi thanh tra các quan nhỏ. Một chức quan dưới cõi Âm ty. Tả hữu: Bên trái và bên phải. Tất cả hai bên.

KHÁCH TRÚ: Danh từ phát xuất từ chữ “Minh hương”, làng người Minh. Những người phản Thanh phục Minh bị thất bại nên chạy lánh nạn sang Việt Nam. Bởi vậy những người này dân bản địa gọi là khách trú.

GIẤY QUẦN, GIẤY ÁO: Những tờ giấy vàng bạc được cắt thành quần áo để trước khi cúng bái đốt đi, ngày xưa tin tưởng người chết sẽ sử dụng được.

DỐI MA: Dối trá, ma mị. Những trò lừa đảo đầy mê tín dị đoan.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 69 đến câu 76)

Đoạn cuối bài, Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên dân chúng chớ nên đốt giấy tiền, vàng bạc, hay giấy quần áo bởi vì vua Diêm Vương rất công bình, không có vị tình riêng, tả hữu pháp quan cũng không dùng hối như trên thế gian. Bởi tất cả thứ nói trên do người khách trú làm ra để lừa bịp dân chúng.

Một lần nữa, Đức Huỳnh Giáo Chủ xác nhận Phật, Tiên, Thần, Thánh là bậc công minh không có dùng của thế. Tất cả đều là trò ma mị. Vậy chúng dân chẳng nên làm theo.

Bài 5.- ĐÀU NĂM

(SGTVTB 2004, tr. 272-273)

XUẤT XỨ:

Tết là tục lệ ngàn đời của ông bà ta lưu truyền lại cho con cháu. Tiếng pháo giao thừa để cổ vũ trong việc xuân thêm phần sinh động. Nhưng thời điểm năm Canh Thìn lại ăn tết quá nghèo: ***“Xóm trên xóm dưới cùng nhau đốt, Khúc giữa phần ta mãi nghe hùn”*** vì không có tiền mua pháo. Nhưng ***“Nghe hùn lỗ nhĩ cũng lòng tung”***. Bởi tiếng pháo cứ nổ liên tiếp: Đùng! Đùng!...

Vì cảnh trạng éo le của dòng đời xuôi ngược, vì tức cảnh xuân sang dân tình khắc khoải trong cơn nghèo đói, Đức Huỳnh Giáo Chủ động mỗi từ tâm dặt lên bài “ĐÀU NĂM” để nói lên tâm trạng của một vị hoạt Phật ***“Ta chịu khổ , khổ cho bá tánh”***. Ngài sáng tác một mạch suốt 8 bài thi tứ cú vào ngày mừng một tết.

VĂN THỂ:

Bài “ĐÀU NĂM” Đức Huỳnh Giáo Chủ viết theo thể thất ngôn tứ cú Đường luật. Nhưng Ngài cũng không cố định theo niêm luật của thể thơ Đường, như bài “HAI MƯƠI CHÍN THÁNG CHẠP”. Tuy nhiên, hai bài chót Ngài viết đúng luật trở lại. Ngài viết theo lối khuyên giáo. Khởi đầu bằng câu: ***“Đầu năm tục lệ gọi ngày mừng”*** và chấm dứt bởi câu: ***“Niệm tưởng Phật Trời thỏa ước ao”***.

NỘI DUNG:

Ngài sơ lược tục lệ đầu năm, tiếng pháo giao thừa, bởi cảnh chiến tranh tàn khốc của toàn thế giới. Ngài cầu nguyện Đức Quan Âm Nam Hải phổ độ trong sanh chúng. Và Ngài cũng nguyện độ tận chúng sanh khỏi đại khờ. Sau cùng Ngài còn hò hẹn cùng Phật Tiên sẽ hiệp mặt trong một ngày thế giới khỏi bi ai và mong ước chúng sanh bước nhanh vào con đường đạo để ***“Thỏa dạ Thầy nơi chốn mây rồng”***.

CHỦ ĐÍCH:

Đức Huỳnh Giáo Chủ muốn nhơn sanh phá lệ đốt pháo dịp đầu năm vì nó vốn tập quán cổ hủ, tốn tiền vô lý. Đồng thời Ngài nói lên chí nguyện độ đời và báo tin cảnh chiến tranh hãi hùng sắp đến, mong mọi người lo tu tỉnh.

CHÁNH VĂN:

ĐẦU NĂM

- 1.- *“Đầu năm tục lệ gọi ngày mừng,
Tiếng pháo đốt hoài cũng thấy chung.
Xóm trên xóm dưới cùng nhau đốt,
Khúc giữa phần ta mãi nghe hùn.*

*

* *

- 5.- *Nghe hùn lỗ nhĩ cũng lòng-tung,
Ngày một tiếp xuân mới vô cùng.
Mèo lui rồng tới bay vơ-vẩn,
Thế-giới chiến-tranh nổ khắp bùng”.*

CHÚ THÍCH:

ĐẦU NĂM: Còn gọi ngày đầu xuân, tức ngày mồng một tết.

TỤC LỆ: Tục: Quen dùng. Lệ: Lệ lối. Thói quen đã có từ trước lưu lại tới ngày nay.

PHÁO: Vật cuộn bằng giấy, nạp thuốc nổ có ngòi, đốt nổ to, thường dùng vào dịp tết.

LÒNG TUNG: Loạn xạ, không có thứ tự khắp mọi nơi.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 1 đến câu 8)

Đốt pháo đầu năm là tục lệ tốn tiền vô lý, nếu ta đốt hoài cũng bằng thừa. Đầu trên đốt, xóm dưới đốt, chính giữa phần ta chỉ nghe hùn cũng đủ.

Chỉ có nghe hùn mà lỗ nhĩ còn lòng tung. Năm mới tân xuân cũng mới. Năm Mẹo đã qua Canh Thìn sắp tới

Rồng bay vờ vẩn, thế giới phát sinh nạn chiến tranh tràn lan khắp chốn.

CHÁNH VĂN:

- 9.- *“Mông một năm nay rõ thiệt Thìn,
Hẹn cùng non nước vẫn đình-ninh.
Cổ chí tấm lòng gìn đạo-đức,
Mặc tình bá tánh chẳng thêm tin.*

*

* *

- 13.- *Nam-hải Quan-Âm lấy tịnh bình,
Cầm nhành dương-liễu rảy tà tinh.
Quyết lòng độ tận trong sanh-chúng,
16.- Ai ghét ai ưa cũng mặc tình”.*

CHÚ THÍCH:

ĐÌNH NINH: Nói đi nói lại hai ba lần, dặn dò một cách trịnh trọng. truyện Kiều có câu: *“Đình ninh hai mặt một lời song song”*.

BÁ TÁNH: Trăm họ, chỉ tất cả mọi người.

NAM HẢI QUAN ÂM LẤY TỊNH BÌNH, CẦM NHÀNH DƯƠNG LIỄU RẢY TÀ TINH: Âm chỉ Đức Quan Thế Âm ở biển Nam Hải. Kinh Phật chép:

“Lúc chưa xuất gia tu hành, Ngài là con đầu lòng của vua Vô Thánh Niệm, tên là Bất Huyền Thái Tử. Khi vua cha phát tâm hành đạo theo Đức Bảo Tạng Như Lai thì Ngài cũng thức tỉnh tu hành, phát lời đại nguyện: Tôi nguyện đem tất cả công đức mà tôi đã cúng dường Tam Bảo và các món thiện căn tôi đã từng tu tập pháp môn xin hồi hướng về Đạo Vô Thượng Bồ Đề. Nguyện cầu độ tất cả chúng sanh khổ đau hoạn họa, khi có ai niệm đến danh hiệu tôi, tôi sẽ dùng oai thần cứu độ khỏi khổ và đặng an vui”.

Vì vậy trong thế gian này, chỗ nào lúc nào khi có sự khổ đau chúng ta niệm đến danh hiệu Ngài thì Bồ Tát

sẽ rộng lòng từ mẫn, dùng pháp mầu cứu độ chúng sanh đó.

Theo Tây Du Ký kể: Bốn thầy trò Tam Tạng thỉnh kinh đến núi Vạn Thọ, Quán Ngũ Trang, chỗ tu của Trấn Ngươn Đại Tiên, Tôn Hành Giả cạy thân thông làm tróc gốc cây Nhon Sâm. Trấn Ngươn Đại Tiên bắt phải bồi thường. Rốt cuộc phải nhờ Đức Quan Âm ở biển Nam Hải dùng nước tịnh bình ở trong hồ lô, nhúng nhánh dương liễu rảy từ gốc đến ngọn, cây từ từ đứng dậy, rồi rảy thêm lần thứ hai Nhon Sâm mới đơm lá tốt tươi. Và giải tỏa được mối hiềm khích giữa Trấn Ngươn và Tề Thiên Đại Thánh.

Tương truyền: Đức Quan Âm đi đâu cũng có đệ tử là Hồng Hải Nhi đổi pháp danh là Tiên Đồng đi theo, tay cầm tịnh bình và nhánh dương liễu mang sẵn, khi hữu sự thì dùng bửu bối rảy xuống trần gian, cứu độ kẻ nguy nàn thành tâm cầu khẩn; và cũng chính Quan Âm Nam Hải đã truyền thần chú căn cô cho Ngài Tam Tạng khi họ Tôn đỡ chứng, để buộc ông phục tùng theo Thầy thỉnh kinh chuộc tội.

Qua đó ta thấy thần lực của Quan Âm vô lượng vô biên, thiện nguyện cứu độ bất thối. Xét qua hai câu giảng trên, chúng ta rút ra được một bài học kinh nghiệm vô giá. Đức Huỳnh Giáo Chủ gián tiếp bày tỏ tâm nguyện cho mọi người được biết. Việc độ đời của Ngài cũng noi theo chí nguyện của Đức Quan Thế Âm.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 9 đến câu 16)

Mồng một năm Canh Thìn, cái tết năm nay sao nó diễn đúng năm Rồng ***“Thế giới chiến tranh nổ khắp bùng”***. Đức Huỳnh Giáo Chủ hện cùng non nước đình ninh trong tác dạ, cố chí lo gìn Đạo đức, mặc dù bá tánh tin hay không cũng mặc kệ.

Ngài thực hiện như chí nguyện của Đức Quan Âm Nam Hải thuở xưa, dùng nhánh dương liễu nhúng nước tịnh bình rảy xuống trần cứu độ những ai lâm nạn khổ đau, hoặc tà ma dụ dỗ. Quyết một lòng độ tận trong sanh chúng, dù ai ưa, ghét cũng mặc tình.

CHÁNH VĂN:

- 17.- *“Xuân sang ảm-đạm ánh dương mờ,
Thệ quyết một lòng chẳng bỏ ngo.
Có sông có núi cùng cây cỏ,*
20.- *Độ tận chúng-sanh khỏi đại khờ.*

*

* *

- Lòng ta gặp cảnh rối tơ vò,
Gan ruột phổi phèo một bụng to.
Lo hoài lo mãi không sao xiết,*
24.- *Tiên cảnh chúa tôi vẫn hện-hò”.*

CHÚ THÍCH:

ẢM ĐẠM: Ảm: Sắc đen sậm. Đạm: Nhạt. Một sắc đen lò mờ (không đậm hẳn. Nói về cảnh vật, hoặc nói về người). Nghĩa: Tối tăm. Đức Thầy có câu: **“Tiết trời ảm đạm mịt mù gió mây”**.

TƠ VÒ: Tơ: Sợi do tầm nhả ra. Vò: Lấy tay chà xát. Những sợi tơ lộn dính với nhau. Nghĩa bóng là rối rắm trong lòng nhiều nỗi.

TIÊN CẢNH: Tiên là bậc tu trên núi đã chứng đắc có ngũ thông. Cảnh là cõi, chỗ ở, nơi Tiên ở. Đức Thầy có câu: **“Kìa trên Tiên cảnh vị ngôi sẵn dành”**.

HỆN HÒ: Hện gặp nhau, ca dao có câu: **“Trăm năm dầu lồi hện hò”**. Đức Thầy cũng bảo: **“Tích đức chờ ta chốn hện hò”**.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 17 đến câu 24)

Cảnh xuân năm Canh Thìn tiết trời thật ảm đạm, ánh tà dương mịt mờ như khói tỏa. Ý nói đất nước còn

trong vòng kèm kẹp của thực dân. Đức Huỳnh Giáo Chủ
thệ quyết một lòng lo phổ độ tận chúng sanh. Ngài nguyện
hứa có sông, có núi cùng cây cỏ chứng minh cho lòng
Ngài.

Nhưng hoàn cảnh thực tại, giặc Pháp không cho
Ngài rảnh rang, họ cố tình rình rập để tìm cách chặn đứng
trên đường truyền giáo, khiến lòng Đức Thầy vô cùng rối
rắm. Tuy nhiên Ngài cũng nhắc nhở hiệp mặt Chúa tôi nơi
Tiên cảnh vẫn không sai hẹn.

CHÁNH VĂN:

- 25.- *“Hò hẹn Phật-Tiên hiệp một ngày,
Một ngày thế-giới khỏi bi-ai.
Trung-Ương tam côi đều hòa mặt,*
28.- *Ta mới thanh-thời trở gót hài.*

*

* *

- Gót hài muốn trở phải làm sao?
Đạo-đức thâm sâu hãy bước vào.
Sớm chiều lo liệu rèn tâm trí,*
32.- *Niệm tưởng Phật Trời thỏa ước-ao”.*

CHÚ THÍCH:

BI AI: Buồn thảm đau đớn.

TRUNG ƯƠNG TAM CÔI: Trung Ương nghĩa là ở
giữa, chỗ chính giữa. Đức Thầy có câu: **“Nước Việt Nam
nhằm côi Trung Ương”.**

TAM CÔI: Ba côi Thiên Hoàng, Địa Hoàng và
Nhơn Hoàng. Nghĩa bóng: Ngày Thượng Nguơn thánh
đức nước Việt Nam sẽ là Trung Ương ba côi.

THÀNH THỜI: Thung dung, nhàn nhã. Rảnh rang
không vướng bận. Đức Thầy có câu: **“Minh Quân xuất
thế khắp tràng thanh thời”.**

ĐẠO ĐỨC THÂM SÂU: Đạo là con đường cao
siêu, bốn phận chúng ta phải rán tâm bằng tâm thức, bằng
trí giác, bằng cái không mới có. Đức là tâm lành, thể hiện

lòng lành. Thâm sâu là thâm diệu cao sâu. Đạo đức thâm sâu: Con đường đạo rất cao sâu, là con đường thẳng hóa, từ phàm ra Thánh, từ chúng sanh trở thành Tiên Phật. Trên đời không có con đường thâm sâu nào bằng con đường Đạo đức. Đạo đức là con đường tối thượng nhất thừa. Vì nó siêu cả tam giới sáu đàng.

LO LIỆU: Toan tính trừ liệu, tính trước. Đức Thầy có câu: ***“Nghe cơ giảng thiết tha lo liệu”***.

TÂM TRÍ: (Xem Sám Thi Từ điển, trang 372 cột I).

NIỆM TƯỚNG: Dùng tâm tưởng nhớ điều thiêng liêng cao cả, để ta ăn sâu vào trong tiềm thức. Thí dụ: Niệm tưởng Phật Trời, niệm tưởng hồng danh Đức Phật A Di Đà v.v...

ƯỚC AO: Ước muốn thỏa nguyện.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 25 đến câu 32)

Đức Tôn Sư PGHH hò hẹn với Phật Tiên sẽ hiệp mặt trong một ngày gần đây. Ngày đó thế giới thật sự hòa bình, tam cõi đều hòa mặt. Đức Thầy sẽ trở về ngôi vị. Nhưng muốn được trở về ta phải làm sao? Phải lo liệu rèn tâm trí, phải tưởng nhớ Phật Tiên và thực hiện hoài bão cứu nhân độ thế cho tròn vẹn thì chắc chắn được thỏa nguyện.

Bài 6.- TÔI MÔNG MỘT

(SGTVTB 2004, tr. 274 - 276)

XUẤT XỨ:

“TÔI MÔNG MỘT” là cái đêm đầu xuân, nhưng vì nặng hoài bão cứu độ nhơn sanh nên Đức Thầy không nói về xuân, mà chỉ nói toàn lời Đạo pháp. Và nhân dịp có ông Hương Kiểm Chương và anh em ở Hưng Nhơn đến tụng bông lễ Phật, Đức Thầy đem nguyện vọng viết lên một mạch 12 bài tứ cú, gởi tâm sự cùng bốn đạo vào đêm mông một tết.

VĂN THỂ:

Cũng như bài “ĐẦU NĂM” Đức Thầy viết bài này cũng theo thể thất ngôn tứ cú Đường luật. Nhưng có khác là sau hai bài nhập đề tức cảnh. Kế đó Đức Thầy viết luôn mười bài thập thủ liên hoàn. Khởi đầu bằng câu: ***Nhuần gọi ơn trên rải đạo mầu*** và chấm dứt bởi câu: ***“Lòng hiền Phật độ khởi tinh ma”***.

NỘI DUNG:

Vì quá thương đời nên Đức Huỳnh Giáo Chủ quyết khai rùng kinh kệ, tức vạch sâu giáo lý siêu mầu của Phật Tổ Thích Ca. Ngài chỉ rõ cái sai của nền đạo Phật bị thất chân truyền. Rồi Ngài nhấn mạnh ở điểm vâng sứ mạng của Phật Tổ cho mọi người vững niềm tin. Cuối cùng, Ngài khuyên răn ẩn nhẫn chờ thời, và tìm hiểu nghĩa lý để lo tu tỉnh, chóng công thành quả mẫn.

CHỦ ĐÍCH:

Đức Huỳnh Giáo Chủ kêu gọi nhơn sanh răn lo tu hành, làm lành lánh dữ để thoát chôn Diêm phù. Hơn nữa, Ngài vạch rõ con đường tội phước và cải sửa chỗ sai lạc của nền đạo Phật, chấn chỉnh đúng chánh pháp vô vi cao thượng.

CHÁNH VĂN:

- 1.- ***“Nhuần gọi ơn trên rải Đạo mầu,
Thương đời chỉ-vẽ nẻo cao sâu.
Khai rùng kinh kệ câu huyền-bí,
Để cứu nhơn-sanh khỏi thảm-sầu.***

*

* *

- 5.- ***Hương đăng nghi-ngút lễ vọng cầu,
Cám lòng bá-tánh nguyện từ câu.
Chỉ quyết một lời ta độ tận,***
8.- ***Dắt chúng lánh xa cảnh mộng sâu”.***

CHÚ THÍCH:

NHUẦN GỌI: Thuận thực, chan hòa, lan tỏa mọi nơi.

ON TRÊN: Bề trên, ám chỉ được Đức Phật ban ân huệ, nghĩa bóng là: Được sự chiếu cố ban ân.

CHỈ VẼ: Bày cho biết, hướng dẫn một cách cụ thể. Thí dụ: Có người chỉ vẽ cho đường đi nước bước. Hoặc chỉ vẽ từng ly từng tí.

CAO SÂU: Cao cả sâu xa. Đức Thầy có câu: ***“Rằng truyền yếu lý nhiệm cao sâu”.***

KINH KỆ: Kinh: Phiên âm phạm ngữ “Tu đa la (sutras)”. Tàu dịch là tuyền, nghĩa như sợi dâu xâu các hạt châu lại thành chuỗi. Tức là Phật nói ra các giáo pháp, rồi những đệ tử kết lại thành Kinh, lưu truyền đời sau. Kệ: Là thể văn trong kinh Phật, thường cứ thiên kinh thì có bài kệ, để tán tụng hoặc tóm tắt đại ý hay diễn dịch ra. Chữ kinh kệ nói chung là chỉ cho tất cả lời của Phật, của Thầy nói ra để giáo hóa chúng sanh. Đức Thầy có câu:

***“Kệ kinh tụng niệm đêm thanh,
Ấy là châu ngọc để dành ngày sau”.***

HUYỀN BÍ: Huyền là sâu kín, mầu nhiệm. Bí là bí ẩn. Đức Thầy có câu:

***“Trong bá tánh muốn nơi cao quý,
Phải truy tầm huyền bí nơi cơ”.*** (Q. IV)

THẨM SÀU: Thẩm là đau xót. Sầu là buồn rầu. Trong tác phẩm Nhị Độ Mai có câu: *“Cả nhà xiết nỗi thẩm sầu”*.

HƯƠNG ĐĂNG: Hương là mùi hương, còn gọi là nhang. Đăng là đèn. Nhang và đèn là hai vật dùng trong nghi lễ cúng bái.

NGHI NGÚT: Bốc cao lên cuộn cuộn, lan tỏa khắp nơi. Đức Thầy có câu: *“Mây ganh hờn đầy lòng nghi ngút”*.

VỌNG CẦU: Vọng là mong mỏi. Cầu là xin được giúp đỡ. Mong cầu được giúp đỡ một việc gì. Đức Thầy có câu: *“Vọng cầu thế giới dứt can qua”*.

BÁ TÁNH: Trăm họ, chỉ tất cả mọi người.

CẢNH MỘNG SÀU: Cảnh là cõi, nơi. Mộng sâu: Mộng là giấc chiêm bao, sầu là lo lắng. Cảnh mộng sâu là cõi đời như giấc mộng, lo lắng, buồn phiền đủ việc. Nghĩa bóng: Cõi chúng ta đang ở như giấc mộng sâu. Đức Thầy có câu: *“Muốn đó gần đây giải mộng sâu”*.

LƯỢC GIẢI:

Đức Huỳnh Giáo Chủ tha thiết mang ơn Trời Phật sắc lệnh cho Ngài khai mở Đạo PGHH. Vì quá thương đời nên Ngài chỉ rõ nẻo cao sâu trong Phật pháp, khai cả rừng kinh kệ của Đức Phật Tổ, những chỗ yếu lý. Chủ đích là để cứu nhơn sanh.

Nhân dịp đầu năm có người đến dâng bông thấp nhang cúng Phật, Đức Thầy rất chạnh lòng tốt của bá tánh. Và nhân cơ hội đó Ngài phát nguyện độ tận chúng sanh, và cương quyết dắt người vượt thoát cảnh đời mộng ảo.

CHÁNH VĂN:

- 9.- *“Giữ nguyện đình-ninh tiếng tạc thù,
Làm lành đâu phải tốn tiền xu.
Mà sau lại được về Tiên cảnh,
12.- Thêm thoát ngục mê chốn Diêm-phù.*

*

- 16.- *Diêm-phù chơn Chúa chọn người tu,
Hành phạt ác-hung chốn cửa tù.
Tiếp nghinh những kẻ lòng nhơn-đức,
Hồi bớ dương-trần hãy rón tu”.*

CHÚ THÍCH:

GIỮ NGUYỆN: Giữ gìn lời nguyện ước.

ĐÌNH NINH: (Xem chú thích bài “Đầu Năm”)

TẠC THÙ: Còn gọi là thù tạc. Tạc: Khách rót rượu mời lại chủ. Thù là chén rượu mời khách. Truyện Kiều có câu: “*Vợ chồng chén tạc chén thù*”.

DIÊM PHÙ: Nói đủ Diêm Phù Đề. Phạn ngữ: Sampudripa. Một trong bốn châu lớn ở cõi Ta bà. Thuộc về phía Nam núi Tu Di. Cũng gọi là “Nam Thiệm Bộ Châu” tức là trái đất chúng ta đang ở mà cõi Thiên Trước choán một phần rộng lớn. Sở dĩ có tên Diêm Phù Đề, vì cõi này có cây linh tên Diêm Phù (jambuds). Dưới bóng cây ấy có lần Thái tử Sĩ Đạt Ta ngồi tham thiền tại đây, nhằm lúc dân Ấn Độ làm lễ hạ điền (bắt đầu cày ruộng). Cho nên người ta cũng gọi cõi Thiên Trước (Ấn Độ) là Diêm Phù Đề. Ở cõi này có dãy núi Hy Mã Lạp Sơn cao hơn hết (8.840m).

Theo các Kinh nói “Cõi Diêm Phù Đề, bề vòng là 30.000 do tuần, hình phân nửa mặt trăng. Dân sống đến 100 tuổi là cùng, và phải làm cực khổ mới có đủ phương tiện: ăn, mặc, ở. Ngoài ra còn phải chịu muôn ngàn khổ lụy, kể chẳng xiết”.

Thế nên Đức Thầy hằng khuyên chúng sanh, rón tu làm sao cho vượt khỏi cảnh này, tức là giải thoát về Niết Bàn, Cực lạc. Như Ngài kêu gọi:

***“Muốn cho rónặng hóa cù,
Xả thân làm phước Diêm phù vượt qua”.***

ÁC HUNG: Còn gọi là hung ác, hung dữ ác nhon. Đức Thầy có câu: **“Mê muội ác hung về Địa ngục”**. (Xem bài “Hai mươi chín tháng chạp”, chung tập).

TIẾP NGHINH: Tiếp là đón nhận. Nghinh: Rước. Cung nghinh và tiếp đón.

NHON ĐỨC: Nhon là lòng thương người, mến vật. Đức: Tâm lành, thể hiện nhân lành. Nhon đức là người có tâm từ rộng lớn, hay làm việc giúp đời bất vụ lợi.

DƯƠNG TRẦN: Cõi chúng sanh đang sống. Nó đầy gian lao bụi bặm.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 9 đến câu 16)

Đức Huỳnh Giáo Chủ định ninh giữ lời nguyện ước với chúng dân: Làm lành niệm Phật không có tổn tiền bạc, nó vừa thoát ngục mê, vừa được về Tiên cảnh.

Ngài còn nói rõ sau này Chúa Thánh chỉ chọn người biết tu sống đời Thượng Nguơn thánh đức, và hành phạt kẻ hung ác xuống Diêm đài.

CHÁNH VĂN:

- 17.- **“Rán tu vệt phá đạo lu-bù,
Thấy chúng đời nầy lạc chữ tu.
Sớm tỉnh kẻ kinh tìm hiểu lý,
20.- Một ngày hội hiệp hết mờ lu.**

*

* *

- Mờ lu được sáng rần hóa cù,
Hiệp mặt phân trần nổi ám-u.
Tớ Thầy tôi chúa cùng nhau gặp,
24.- Khấp hết thể-gian thoát chốn tù”.**

CHÚ THÍCH:

ĐẠO LU BÙ: Mỗi đạo không có tôn chỉ giáo lý rõ ràng; thuộc loại tà giáo, chủ trương tu theo mê tín dị đoan, ông lên bà xuống. Ngày xưa thời Phật Tổ thành Đạo, trước

đó đã có Lục Sư ngoại đạo. Ngày nay khá nhiều như: Thanh Hải Vô Thượng Sư, Đạo Nằm, Đạo Nổi v.v...

HỘI HIỆP: Hội hiệp nhóm họp, cùng gặp gỡ. Nghĩa rộng: Cuộc nhóm họp của nhiều người, chỉ ngày hiệp mặt tôi hiền chúa Thánh.

RẮN HÓA CÙ: Rắn là loại bò sát. Hóa là biến đổi. Cù là con rồng. Nghĩa bóng: Chúng sanh nhờ tu tập đúng chuẩn sẽ trở thành Phật Thánh. Đức Thầy có câu:

“Muốn cho rắn động hóa cù,

Xả thân làm phước Diêm phù vượt qua”.

ÁM U: Âm: Tối tăm. U: Lặng lẽ. Tối tăm lặng lẽ. Đức Thầy có câu: ***“Hạ nguồn sanh chúng ám u”.***

THẾ GIAN: Cõi dương gian, chỉ cảnh chúng ta đang ở đây gian lao tạm giả, ngục tù. Đức Thầy có câu: ***“Cảnh thế gian đường thế chốn ao tù”.***

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 17 đến câu 24)

Đức Tôn Sư PGHH khuyên chúng sanh rón lo tu cho chính đạo để vệt phá đạo lu bù. Hiện giờ phần đông còn nhiều lầm lạc chữ tu. Thay vì tu ngay tâm để kiến tánh thành Phật, chúng sanh lại tưởng:

“Đức Phật lớn chùa cao bồi rồi,

Mà làm cho Phật giáo suy đồi”.

Ngài khuyên sớm thức tỉnh, làm đúng ý nghĩa của chữ tu bằng cách đào sâu chân lý, và tìm hiểu nghĩa kệ kinh tường tận truy nguyên căn gốc để hành theo cho khỏi lầm lạc. Nếu ta làm đúng một ngày gần đây sẽ sum họp cảnh vui đẹp tôi chúa trùng phùng, chắc chắn thoát khỏi ngục tù thế gian.

CHÁNH VĂN:

- 25.- ***“Chốn tù vốn thiệt cõi Ta-bà,
Tiên cảnh được về mới lánh xa.
Chúng-sanh chìm đắm trong vòng khổ.
Khuyến dạy bởi vừng sắc Ngọc-tòa.***

*

* *

**29.- *Ngọc-tòa Phật-Tổ nấy sai ta,
Xuống cứu thế-gian nẻo vạy tà.
Hiệp sức tớ Thầy truyền diệu-pháp,
Cho đời thấu tỏ Đạo ma-ha***”.

CHÚ THÍCH:

TA BÀ: Còn gọi là Sabà, Phạn ngữ SaHa. Dịch nghĩa: Kham nhẫn, đại nhẫn. Bởi chúng sanh ở cõi này kham chịu mọi điều thống khổ, tức là cõi chúng ta đang ở. Kinh Phật có câu: “*Ta bà khổ, Ta bà chi khổ, thùý năng sở*”. Đức Thầy cũng cho biết:

**“*Ta bà khổ, Ta bà lắm khổ,
Có bao người xét cho tốt chỗ*”.** (Q.V)

TIÊN CẢNH: (Xem chú thích bài “Tối Mồng Một”, chung tập).

CHUNG SANH: (Xem chú thích bài “Hai Mươi Chín Tháng Chạp”, chung tập).

NGỌC TÒA PHẬT TỔ: Nơi Đức Phật Thích Ca ngự, Phật Tổ còn hiểu nghĩa: Vị giáo Tổ khai sáng nền Đạo Phật tại Ấn Độ, cách đây trên 25 thế kỷ qua. Ngài là chứng nhân lịch sử có một không hai.

VẬY TÀ: Còn gọi là tà vạy. Có nghĩa: Gian dối cong vẹo, không ngay thẳng chơn chánh. Đức Thầy có câu:

**“*Bị vô minh vọng tưởng vạy tà,
Nên quay lộn ta bà cõi khổ*”.** (Q.V)

DIỆU PHÁP: (Xem chú thích bài “Hai Mươi Tháng Chạp”, chung tập).

MA HA: (Xem chú thích bài “Đến Làng Nhơn Nghĩa”, chung tập).

LƯỢC GIẢI:
(Từ câu 25 đến câu 32)

Đức Giáo Chủ xác nhận: Cõi Ta bà là chốn ao tù. Đúng vậy: ***“Cảnh thế gian dường thế chốn ao tù, trong biển khổ mấy ai mà thoát đặng”***. Chỉ có nơi Tiên cảnh mới nhàn an tự tại. Vì chúng sanh chìm đắm trong vòng khổ nên Ngài mới vưng lĩnh Ngọc Tòa để xuống cứu thế gian. Ngài vừa khuyến hóa và vừa kêu gọi. Đệ tử tất cả đều có bổn phận truyền bá Phật Pháp để cho đời thấu tỏ chơn lý diệu huyền của nền Đạo Phật giáo nói chung, PGHH nói riêng.

CHÁNH VĂN:

- 33.- ***“Ma-ha thoàn nhỏ dọn rồi đa,
Bước xuống đi qua bến giác mà.
Sao hồi còn chờ Ta rẻo mãi?***
36.- ***Dân tình xem giảng cứ ngâm-ngà.***

*

* *

- Ngâm-ngà việc khổ tới bên a,
Bổn phận tu hiền phải lánh xa.
Biết Đạo tùy thời mau tránh khổ,***
40.- ***Chớ đừng thi-thố những tài ba”***.

CHÚ THÍCH:

MA HA THOÀN NHỎ: Ma ha chỉ nền Đạo rộng lớn. Nó vẫn rộng không sáng tỏ, đồng với bản thể với đạo tâm (nói đến Ma ha là nói đến Đại Đạo). Thoàn nhỏ: Chiếc ghe nhỏ của Đức Ông, Đức Huỳnh Giáo Chủ có xác nhận:

***“Thoàn nhỏ ly gia vị tất nan,
Bửu sanh du lịch lục châu giang.
Kim sơn thương mãi toàn lê thứ,
Thức tỉnh bá gia giác mộng tràng”***.

MA HA THOÀN NHỎ DỌN RỒI ĐA: Nền đại Đạo rộng lớn của Phật Giáo nói chung, PGHH nói riêng, Đức Huỳnh Giáo Chủ đã ra đời trước ngày sáng tác sáu tháng, tại Thánh địa Hòa Hảo, nơi phát tích nền Đại Đạo hiện đại. Đức Thầy đã phương tiện mượn chiếc ghe lịch sử

của Đức Ông đi chu du khắp Nam Kỳ lục tỉnh, tỉnh thức bá gia, Ngài đã dọn rồi, tức đã ra đời giáo Đạo. Nền Đại Đạo đó tuy hiện giờ bó gọn trong chiếc thuyền nhỏ nhưng mai sau nó sẽ bành trướng sâu rộng như nền Đạo Phật Thích Ca. Như Ngài xác nhận:

***“Ta bây giờ tu niệm tâm thường,
Sau danh thể sạ hương khắp chốn”.***

Nói rõ, Đức Tôn Sư mượn sự dễ bày lý. Dùng chiếc thuyền nhỏ đi du lịch để nêu sự kiện thực tế để hóa độ đời. Chớ chơn linh Ngài biến mấy chiếc ghe to cũng được. Như Ngài xác nhận: ***“Đến đây Thầy tứ hóa mười”***. Chỉ có Thầy trò mà biến thành mười người để diễn xuất sơn đông.

BẾN GIÁC: Do chữ giác ngạn, tức bờ giải thoát. Đối tượng với bến mê. Đức Thầy có câu:

***“Thả thuyền từ bến giác nâng niu,
Kể hiểu đạo mau mau bước xuống”.***

NGÂM NGA: Đọc hoặc ngâm lên. Như đọc giảng hoặc ngâm thơ theo vần điệu nhất định. Nghĩa bóng: đọc thơ suông không có dụng ý gì cả.

THI THỎ: Thi: Là thi hành một việc gì. Thỏ: Đặt một vật làm ra cho mọi người trông thấy. Đem sở đắc của mình để cho mọi người biết.

TÀI BA: Còn gọi là tài hoa, tài năng biểu lộ, phát rõ ra ngoài. Cổ nhân có dạy: “Tài cần phải học, học cần phải tĩnh; không học, không rộng được tài. Không tĩnh, không thành việc học”. Cụ Nguyễn Du cũng có câu: *“Có tài mà cậy chi tài, Chữ tài liền với chữ tai một vần”*. Đức Tôn Sư cũng thốt lên ý nghĩ đó:

***“Tài tai hai chữ cân phân,
Trời ban họa phước một lần cho Ta”.***

Qua đó rút ra bài học kinh nghiệm: Đức Giáo Chủ khuyên ta chớ nên thi thố tài ba, mà chỉ nên âm thầm, rèn luyện đức tài, chờ khi hữu sự phương tiện giúp đời thì

chắc chắn thành công. Như gương của Hàn Tín nhẫn bọn thiếu niên giữa chợ, khi chưa gặp vận.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 33 đến câu 40)

PGHH là nền tảng hiện đại, Đức Huỳnh Giáo Chủ đã khai mở vào ngày 18/05/Kỷ Mão, tại thánh địa Hòa Hảo, Ngài đã dọn thuyền xong rồi nên giục thúc nhơn sanh hãy nhanh chơn bước xuống để Ngài đưa qua bến giác. Chiếc thuyền này tuy nhỏ nhưng sau này công dụng vô cùng tận. Ta đừng thờ ơ chờ Ngài kêu réo mãi. Vậy chúng dân rón xem kệ giảng để vừa học vừa hành theo những lời dạy chỉ xác thực hợp thời cơ. Chúng ta vừa ngâm giảng vừa biết việc khổ tới nơi, vừa phải tu hành chơn chất và xa lánh chỗ tranh danh đoạt lợi, tùy thời ứng dụng thích đương, đừng khoe sức khoe tài mà uổng mất một kiếp con người.

CHÁNH VĂN:

- 41.- *“Tài ba khoe sức uống thầy mà!
Nhứt dạ yêu đời dụng khuyến ca.
Tỉnh thức nhơn dân đang mờ ám,*
- 44.- *Nên làm thi phúặng ngâm-ngà.*

*

* *

- Ngâm-ngà hiểu nghĩa đáng kim ngà,
Huyền-bí nhiều lời chỉ thiệt xa.
Bổn-đạo rón tìm cho cận-kê,*
- 48.- *Lòng hiền Phật độ khỏi tình-ma”.*
(Hòa-Hảo, đêm mùng 1 tháng giêng, Canh-Thìn)

CHÚ THÍCH:

NHẤT DẠ: Ngày đêm.

KHUYẾN CA: Khuyến: khuyên. Ca: hát. Dùng thi ca dệt thành văn, thành khúc để khuyến nhủ chúng sanh.

TỈNH THỨC: Còn gọi là thức tỉnh. Tỉnh là hiểu biết. Thức: Giác ngộ. Bổn nhiên tỉnh ngộ hiểu biết. Nghĩa

bóng: Khi người được giác ngộ. Đức Thầy có câu: ***“Mau thức tỉnh tu thân kéo trễ”***.

NHƠN DÂN: Nhon: người. Dân: người dân. Những người cùng sống chung một đất nước. Đức Thầy có câu: ***“Lục châu xao xuyên nhơn dân khổ”***.

MỜ ÁM: Tối tăm, ngu muội.

THI PHÚ: Thi: thơ. Phú: mô tả. Một đoạn văn vắn tả cảnh vật, phong tục, hay trào lộng một thời đại... Thi phú dùng để tiêu biểu cho các loại văn vắn. Đức Thầy có câu: ***“Người chỉ thi phú công hầu cổ nhân”***.

KIM NGÀ: Kim: vàng. Ngà: nanh voi. Hai vật quý báu.

HUYỀN BÍ: Huyền: sâu kín, màu nhiệm. Bí: Bí ẩn tiềm tàng.

NGÂM NGÀ HIỂU NGHĨA ĐÁNG KIM NGÀ, HUYỀN BÍ NHIỀU LỜI CHỈ THIẾT XA: Đức Tôn Sư PGHH dụng ý khuyên chúng sanh: vừa ngâm nga kệ giảng, vừa tìm hiểu nghĩa lý để thực hành theo mới là quý báu.

Xưa nhà hiền triết Dương Vương Minh dùng pháp ***“Tri hành hợp nhất”*** mà thành công trên mọi lãnh vực. trong đoạn giảng khác Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên: ***“Tìm hiểu nghĩa làm theo đức Đạo”***.

Thật vậy, nếu ngâm nga mà không hiểu nghĩa, chỉ đọc cho êm giọng, ngâm suông thì kệ giảng thiếu chất lượng. Trái lại, mỗi câu mỗi chữ, mỗi dấu trong Sám Kệ đều có nghĩa lý thâm huyền. Do đó hành giả phải truy tìm nghĩa lý ***“Chuyên chú nghĩ suy từ nét dấu”*** để thông đạt. Vì: ***“Ít câu mà lý nghiệm sâu, Nghĩ suy cho cạn mới hầu khôn ngoan”***.

Hơn nữa, những điều bí ẩn trong cuộc đời hay bước đăng trình trên bờ giác Đức Tôn Sư đã chỉ rạch ròi, sâu xa cho bốn đạo.

BỒN ĐẠO: Bồn: Bồn phận mình. Đạo: Đạo giáo, tôn giáo mà mình đang tín ngưỡng. Đức Thầy có câu: ***“Bồn đạo ôi! Hãy rán sửa mình”***.

CẶN KẼ: Kỹ lưỡng, tỉ mỉ. Đức Thầy có câu: ***“Rán tìm cặn kẽ nỗi ma ha”***.

TINH MA: Yêu ma, quỷ quái. Nghĩa bóng: Người ranh mãnh.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 41 đến câu 48)

Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên những trang anh tuấn, chớ dùng tài ba khoe sức uổng kiếp con người. Vì: *“Cao nhân tất hữu cao nhân trị”*. Và: *“Vỏ quít dày có móng tay nhọn”*. Vì quá yêu đời Đức Tôn Sư dùng thi phú chỉ dạy, thức tỉnh chúng sanh còn ngủ vùi trong cơn mờ ám.

Ngài nhấn mạnh yếu điểm: Bồn đạo phải vừa ngâm nga kệ giảng, vừa tìm hiểu nghĩa lý, những câu huyền bí. Vì Ngài đã giải bày cặn kẽ, chúng sanh phải tìm hiểu để hành theo mới mong đắc Đạo. Quan trọng là chỗ tâm trong sạch hiền từ thì Phật độ thoát đường tà quái.

Bài 7.- VIẾNG NON ÔNG KẾT

(SGTVTB 2004, tr. 283 - 284)

XUẤT XỨ:

Ngày xưa Đức Sĩ Đạt Ta tìm Đạo phải lận lội suốt 12 năm dài trên Hy Mã Lạp Sơn mới tìm ra chánh Đạo nhiệm mầu phổ độ chúng sanh. Đó là thời chánh pháp: **“Đạo Phật diệu diệu thâm thâm”**. Thời Đức Phật Thầy Tây An, bản thân cũng lưu lạc thời gian khá lâu mới hưng truyền mới Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, mở đầu giáo dân hướng thiện.

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng thế, trước khi khai hóa Đạo mầu, lập nền Đạo vĩ đại ở bản địa Miền Nam Việt Nam, Ngài cũng đăng sơn bốn lần trên dãy Thất Sơn hùng vĩ. Núi Kết, còn gọi “Anh Vũ Sơn” (Một trong bảy núi báu). Xa nhìn mồm đá nhọn tượng hình như mỏ kết. Nơi đây Đức Thầy và số đệ tử đang ngoạn cảnh thiên nhiên, gió lùa qua hàng cây kẽ lá xạt xào như cung đàn hòa tấu làm mát cõi lòng của khách du sơn mộ Đạo. Nhân đó Ngài tức cảnh viết lên 4 bài thể tứ cú để bày tỏ hoài bão của một đáng hoạt Phật vì tiền đồ Đạo Pháp bị lấp vùi, vì dân tộc ngựa nghiêng đang gánh nặng oằn vai của một trang anh tuấn.

Ngài sáng tác xong có đọc cho ông Hương Giáp Tập chép trên non. Và khi về nhà Ngài còn đọc lại cho anh em tín đồ chép nữa. Do đó ta thấy tầm quan trọng và giá trị của bài thơ.

VĂN THỂ:

Bài này Đức Thầy cũng viết theo thể thất ngôn tứ cú Đường luật, dài 16 câu. Vồn vẹn có bốn bài. Nhưng rất hàm súc, đáng làm mô phạm trên bước truyền giáo. Riêng bài này Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng không theo thể bằng trắc, chỉ có một chữ thứ sáu của bài thơ thứ nhì, tức chữ “Non”. Theo chữ “Non” phải là trắc mới đúng. Nhưng

Đức Huỳnh Giáo Chủ chỉ dụng tâm: xét đề, xét cảnh, xét thật tế (?), đầy đủ chất lượng.(?) Khởi đầu bằng câu: ***“Non Tiên gió mát toại lòng thay”*** và chấm dứt bởi câu: ***“Tu hành được thấy cảnh Bồng lai”***.

NỘI DUNG:

Đức Huỳnh Giáo Chủ xúc cảnh sanh tình: Trời thanh, trăng sáng, gió mát non Tiên khiến tâm hồn Giáo Chủ lâng lâng thanh thoát, Ngài diễn tả 16 câu thơ Đường. Mỗi câu, mỗi chữ chứa đựng một bầu nhiệt huyết thanh cao.

Ngài dặt xác phàm về Thất Sơn viếng cảnh để cho môn đồ chứng kiến cái diệu huyền của non linh cảm tú. Đoàn người chỉ biết tạm ghé đêm thôi, nhưng một đêm tao phùng hiếm có, đầy đủ chư vị Sơn Thần Bảy Núi đồng qui tụ.

Sáng lại, đoàn du sơn đồng lui gót, nhưng Đức Huỳnh Giáo Chủ không quên giục thúc chư Thần trở gót theo Thầy xuống núi đồng dẫn dắt quần sanh được minh tâm đạo đức, hầu sớm trở về Bồng lai Tiên cảnh.

CHỦ ĐÍCH:

Đức Huỳnh Giáo Chủ muốn mọi người nhận rõ căn Tiên cốt Phật của Ngài. Ngài xuống thế gian là có sứ mạng, đồng thời Ngài muốn một số tín đồ chứng kiến cảnh huyền vi của non linh để vững niềm tin trên đảng tu thân lập mạng.

CHÁNH VĂN:

- 1.- ***“Non Tiên gió mát toại lòng thay,
Tức cảnh thi văn nhả một bài.
Cổ tưởng ước mơ về nhược thủy,***
- 4.- ***Ngặt vì không cánh lầy gì bay”.***

CHÚ THÍCH:

NON TIÊN: Núi có Tiên ở. Nghĩa bóng: chỉ cho cảnh thoát tục.

THI VĂN: Thi: là văn văn. Văn: là văn xuôi. Dùng để chỉ chung tất cả thơ văn, bất luận là loại nào, hoặc trào đại nào.

CỐ TUỞNG: Cố: xưa, nguyên nhân. Tưởng: nhớ tưởng. Ở đây dụng ý muốn nói: nhớ lại quê xưa làm Tiên Trưởng ở núi Tà Lơn: ***“Sớm chiều hầu chơn Phật nghe kinh, ngao du tứ hải, dạo khắp Tiên bang, cảnh an nhàn của người liễu đạo, muôn ngày vô sự, lòng sạch phàm tâm...”***

NHUỘC THỦY: Nói cho đủ là: “Non bông nước nhược”. Nghĩa bóng nơi Tiên ở. Ông Nguyễn Kỳ Trân có viết: *“Cầm tú lắng tai người nhược thủy”*.

NGẶT VÌ KHÔNG CẢNH LẤY GÌ BAY: Vì còn mang xác phàm phải chấp nhận cái chi phối của định luật thiên nhiên, phải chịu cảnh: sanh, trụ, dị, diệt, theo dòng thời gian đều mòn xác thể. Nhưng được biết dụng tâm là Ngài dùng lời khiêm nhượng để hòa mình vào vạn loại chúng sanh, từ từ hướng dẫn tín đồ đi từ thực tế đến siêu thực. Trong Kim Cổ Ký Quan của Ông Ba Thối có diễn tả đời Thượng Nguơn Thánh Đức như sau:

“Không có cánh đi được trên mây,

Phép tài văn võ hơn nay nước nào”.

Và trong Quyển Nhứt, Ngài cũng thố lộ: ***“Đằng vân đến tỉnh Gò Công”***.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 1 đến câu 4)

Non Tiên là cảnh diệu huyền khó tả, lại còn gió mát trăng trong, hóa công đã un đúc cảnh thiên nhiên vô cùng đẹp đẽ, dành trong bức tranh thủy mặc sống thực, bồi đắp cho non bông nước nhược ở non Ông Kết. Đức Huỳnh Giáo Chủ vì tức cảnh nên nhả một bài thơ làm kỷ niệm, ghi dấu ấn sâu đậm chốn non linh. Ngài cố tưởng trong ký ức những cái thanh bai tao nhã đượm mùi thiền vị ở cõi Tiên.

Nhưng tạo hóa đã sắp bày bốn phận Ngài phải nhập thể hành tròn chí nguyện độ đời vốn đã un đúc từ lâu. Nên nay phải mang xác phàm không cao bay xa chạy được.

CHÁNH VĂN:

- 5.- *“Dắt xác phàm phu viếng non Đoài,
Hỏi nhờ đá cục ngủ đêm nay.
Chư sơn Bảy núi đều qui tụ,*
8.- *Thầy tổ cảnh Tiên rõ mặt mày.*

*

* *

- Nhìn xem cây lá gió lung-lay,
Sáng lại lui chơn trở gót hài.
Vạy hồi chư Thần mau nổi gót,*
12.- *Theo Thầy dắt chúng khỏi nông cay”.*

CHÚ THÍCH:

XÁC PHÀM: Xác do tứ đại hợp thành, phàm phu tục tử. Trong bài “Trao Lời Cùng Ông Táo”, Đức Thầy có thổ lộ: *“Chọn một chàng tuổi trẻ tục phàm, Mượn tay gã tài hoa thần hạ bút”*. Xác phàm: Âm chỉ xác tứ đại (nhục thân) của Đức Huỳnh Giáo Chủ.

VIẾNG NON ĐOÀI: Viếng cảnh Tiên ở.

CHƯ SƠN BẢY NÚI: Các vị thần ở miền Thất Sơn có bốn phận gìn giữ bảo vệ nơi linh hiển. Thuộc tỉnh An Giang.

CHƯ SƠN BẢY NÚI ĐỒNG QUI TỰU, THẦY TỔ CẢNH TIÊN RÕ MẶT MÀY: Đêm Đức Huỳnh Giáo Chủ dừng chân ở non Ông Két, chư Thần Bảy Núi đồng qui tụ chào mừng. Vì Ngài là Đức Kim Sơn Phật, giữa Thầy tổ hợp mặt tại cảnh Tiên rất tâm đắc vui vẻ.

LUNG LAY: Rung chuyển. Đức Thầy có câu: *“Chuyển miền Nam địa lung lay”*.

TRỞ GÓT: Quay lại, trở về bản xứ.

CHU' THẦN: Chư: nhiều. Thần: thần giữ núi. Những vị Thần gìn giữ nước non, có bổn phận bảo vệ chốn huyền linh.

VẬY HỒI CHU' THẦN MAU NÓI GÓT, THEO THẦY DẮT CHÚNG KHỎI NỒNG CAY: Đức Huỳnh Giáo Chủ kêu gọi chư vị Sơn Thần ở miền Thất Sơn hãy xuống thế cùng Thầy hóa độ chúng sanh. Vì gần đúng ngày giờ Trời Phật sắp đặt cuộc biến thiên.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 5 đến câu 12)

Vì muốn nhơn sanh và đồng đạo nhận được chân lý nhiệm mầu, linh hiển ở vùng Bảy Núi, nên vào ngày 14 thnág giêng năm Canh Thìn (1940). Đức Thầy có dất xác phàm, tức nhục thể của Ngài lên miền Bảy Núi viếng non Ông Két. Cùng đi với số đệ tử. Đêm dừng chân tạm nghỉ có đủ các vị Thần Tiên họp mặt trao đổi Phật Pháp. Sáng ra Ngài kêu gọi thiết tha các vị sơn thần phải xuống thế giúp đời, cùng Thầy vun quén nền Đại Đạo hiện đại của Ngài sắp khai mở tại miền Nam nước Việt.

CHÁNH VĂN:

- 13.- *“Lầu đài núi Cẩm lộ nay mai,
Thức tỉnh chúng sanh mới tỏ bày.
Khuyên dạy dân tình mình đạo đức,*
16.- *Tu hành được thấy cảnh Bồng Lai”.*

CHÚ THÍCH:

LẦU ĐÀI NÚI CẨM: Đèn vàng điện ngọc trên Thiên Cẩm Sơn (Châu Đốc). Đức Thầy có câu:

“Thất sơn lộ về đài lầu,

Chừng ni mới thấy nhiệm mầu của Ta”.

THỨC TỈNH: Thức: biết. Tỉnh: hiểu biết. Bồng nhiên tỉnh ngộ hiểu biết. Trạng thái của người khi giác ngộ. Nhưng chữ thức tỉnh ở đây là chỉ lòng từ của Phật kêu gọi đạo tâm cho tín đồ trực tỉnh cơn mê.

TU HÀNH: Tu: là sửa. Hành: là làm. Đức Thầy có câu:

***“Qui y thì khá hành y,
Giữ lòng thanh tịnh từ bi giúp đời”.***

BÔNG LAI: Cảnh Tiên. Một trong ba hòn đảo biển
Bột Hải: Bông Lai, Phương Trượng, Doanh Châu.

LƯỢC GIẢI:
(Từ câu 12 đến câu 16)

Theo cơ thiên định, núi Cẩm sắp lộ đèn vàng, tất cả
lầu đài đều do thiên nhiên sắp đặt, là nơi: Vua, Chúa,
Thánh, Thần, Tiên, Phật hội hiệp để xử phân kẻ nghịch
phản và ban thưởng tôi hiền. Vì lòng mến mộ chúng sanh
nên Đức Thầy bày tỏ tâm sự cho mọi người biết. Ngài
nhấn mạnh: ***“Dạy khôn trần thế chớ nào dạy ngu”***. Hành
giả răn tu sẽ thấy cảnh Bông Lai tại thế.

Bài 8.- XUÂN HẠ TÁC CUÔNG THƠ

(SGTVTB 2004, tr. 328 - 330)

XUẤT XỨ:

Bài “XUÂN HẠ TÁC CUÔNG THƠ”, Đức Thầy sáng tác khoảng cuối tháng 3 đầu tháng 4, tức cuối mùa Xuân mà đầu mùa Hạ. Năm Canh Thìn (1940) tại Hòa Hảo. Thêm nữa, Ngài thường ký tên với bút hiệu là “Cuông Sĩ”. Có thể vì lẽ đó mà Ngài đề tựa đề cho bài giảng này là “XUÂN HẠ TÁC CUÔNG THƠ”.

VĂN THỂ:

Ngài viết bài giảng này bằng vận văn (văn vần), thể song thất lục bát, loại thuyết giáo, dài 76 câu. Khởi đầu bằng câu: *“Sĩ điền tịnh tiểu nhơn lẩn lướt”*. Và chấm dứt bởi câu: *“Dầu ai chế nhạo phận mình mình toan”*.

NỘI DUNG VÀ ĐẠI Ý:

Điểm chính Ngài kêu gọi môn đồ hãy yên tâm điềm tĩnh trước mọi cường quyền đàn áp hành hung để lo tu hành chờ khi có cuộc Phong Thần đảo lại, ngày mà *“Trụ kia bạo ác phải nhường, Võ Vương hữu đức đường đường trị dân”*.

Chính lúc ấy là lúc Thần, Tiên, Phật, Thánh đồng hiệp mặt như cù hóa long và khắp nơi thái bình an lạc.

BỐ CỤC:

(Chia ra nhiều đoạn)

Đoạn mở đề gồm có 4 câu: từ câu *“Sĩ điền tịnh tiểu nhơn lẩn lướt”*, đến câu: *“Chúc câu lai thời xóm làng vĩnh miên”*.

Đoạn thứ hai: từ câu: *“Xưng danh hiệu nửa tiên nửa tục”*, đến câu *“Cùng nhau thảo thuận danh hiền mới thơm”*.

Đoạn thứ ba: từ câu: *“Đốc chờ ngày sen đơm nhụy trở”*, đến câu *“Ngặt ông thất thủ hạ bì khó toan”*.

Đoạn thứ tư: từ câu: *“Ta Diên thuở Tam Hoàng Thượng Cổ”*, đến câu: *“Võ Vương hữu đức đường đường trị dân”*.

Đoạn thứ năm: từ câu: *“Thì rõ việc Phong Thần trở lại”*, đến câu *“May nhờ Đại Thánh phi đằng cứu nguy”*.

Đoạn kết từ câu: *“Lôi Âm tự đường đi chưa đến”* đến câu *“Dầu ai chế nhạo phận mình mình toan”*.

CHÁNH VĂN:

- 1.- *“Sĩ diêm tịnh tiểu-nhơn lần-lướt,
Thời-vận hèn dụng nhược thắng cang.
Cầu cho bốn biển bằng an,
4.- Chúc câu lai thời xóm làng vĩnh-miên”*.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 1 đến câu 4)

Đoạn mở đề của bài “Xuân Hạ Tác Cuồng Thơ”, Đức Thầy kêu gọi các tín đồ đã là sĩ nhân quân tử khi đối mặt với phường tiểu nhơn, lúc nào cũng bình tâm yên lặng để nhin nhục cho qua truông và thành tâm cầu nguyện khắp vạn dân sớm được an lành vĩnh cửu.

CHÚ THÍCH:

DIÊM TỊNH: Cũng gọi là diêm tịnh. Có nghĩa không lao chao bồng bột, lúc nào cũng giữ tâm bình thản, trầm tĩnh để suy nghĩ phán xét mọi việc nên ít khi bị làm lạc.

TIỂU NHƠN: Hạng người tánh tình ích kỷ nhỏ hẹp, thù vật. Kẻ tầm thường.

LẦN LƯỚT: Ý mạnh hiệp đáp kẻ yếu hèn.

DỤNG NHƯỢC THẮNG CANG: Dùng yếu mà thắng mạnh. Do câu: *“Nhu thắng cang, nhược thắng cường”*. Thời Đông Châu Liệt Quốc có Liêm Pha lần lướt Lạn Tương Như, nhưng Tương Như dùng thế yếu nhường nhin làm cho Liêm Pha sau phải chịu phục thiện. Quốc gia

Việt Nam ta, thời Trần Hưng Đạo cũng dùng thể yếu mà thắng đảng quân Mông Cổ.

CHÁNH VĂN:

- 5.- *“Xưng danh hiệu nửa Tiên nửa tục,
Đứng trung-thần gạn đục tầm trong.
Gìn câu thủ cựu gia phong,
Gom nhành lá rụng vun trồng giống xưa.
Tơ lòng nhiều đoạn đứt-đưa,*

- 10.- *Mong ơn Phật-Thánh phước thừa cho dân”.*

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 5 đến câu 10)

Đức Giáo Chủ lâm phạm khai hóa nhơn sanh, Ngài tự xưng danh hiệu khi thì như bậc Thần Tiên, có khi như kẻ phàm tục, mặc tình ai hiểu thế nào thì hiểu: *“Ra đời xưng hiệu Khùng điên, Nào ai có rõ Thần Tiên là gì!”*

Hay là:

*“Điên đàm luận ít câu dốt nát,
Mong chị anh bàn bạc thế nào?
Lời văn thô ý kiến chẳng cao,
Nội quan cảnh tâm vô kỳ vật”.*

Ý để mỗi người tự nhận xét như thế nào thì nhận, chớ lòng Ngài lúc nào cũng thương xót sanh linh, hằng cầu mong chư Phật Thánh thừa ban phúc báu cho dân lành chung hưởng.

CHÚ THÍCH:

DANH HIỆU NỬA TIÊN NỬA TỤC: Đức Thầy ra đời tự xưng nhiều danh hiệu, khi thì quỉ ma điên dại (*Quỉ của Phật Bà...*), khi có ẩn ý Phật Tiên Thần Thánh.

GẠN ĐỤC TẦM TRONG: Chọn lọc để lừa cặn đục ra, còn lại chất nước trong. Ý chỉ người muốn chọn chúa hiền để theo hay chọn Đạo chánh để thờ,

THỦ CỰU GIA PHONG: Gìn giữ các phong tục tốt đẹp xưa cũ của nước nhà.

GIỐNG XƯA: Giống cũ. Gốc đạo cũ của nước nhà, hoặc các chân tâm sẵn có của mình từ trước.

PHƯỚC THỪA: Phước dư. Ý chỉ chư vị Phật Tiên lúc nào cũng phước đức đầy đủ có thể thừa sức để ban ân huệ cho chúng sanh.

CHÁNH VĂN:

- 11.- *“Chúng lấy thuyết vô thần bài bác,
Quyết một ngày thông đạt địa thiên.
Chúng-sanh nghe thừa lời truyền,
14.- Cùng nhau thảo thuận danh hiền mới thom.
Đốc chờ ngày sen đơm nhụy trở,
Khởi bùn lầy tông-tổ hiển vang.
Bá-Nha hiệp mặt tao-đàn,
18.- Tử-Kỳ trở giọng khải hoàn bốn phương”.*

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 11 đến câu 18)

Giữa thời mạt pháp có thuyết vô thần ra đòi bài bác đối lập với các tôn giáo (hữu thần). Họ không tin có Trời Phật Thần Thánh hay quả báo luân hồi, chê bai biếm nhẽ các đạo giáo; chủ trương thông đạt khoa học và những gì thực tại trước mắt mà thôi.

Đức Thầy khuyên mọi người nên đối xử với nhau cho được ôn hòa thảo hiếu hầu để tiếng đòi sau ca ngợi. Quyết tu sẽ có ngày kết quả, như hoa sen vượt khỏi bùn lầy, tắt mình và ông bà cha mẹ hiển vinh. Trong tín đồ hiểu được và thi hành đúng theo lời Thầy dạy, cũng như Tử Kỳ nghe được tiếng đàn của Bá Nha tức nhiên sẽ có ngày hòa hợp, hát khúc khải hoàn.

CHÚ THÍCH:

VÔ THẦN: Một chủ thuyết không tin có thần quyền, không có luân hồi quả báo. Do Mã Khắc Tư (thủ Tể của Cộng Sản đưa ra) ở Âu Châu chủ xướng để đối lập với các tôn giáo như là Thiên Chúa Giáo. Trong Chánh Tinh Tấn, Đức Thầy có nói: *“Phái vô thần luận thường cho*

rằng: Thân xác tức là con người, thân còn tức là người còn, thân mất người mất; không có Thánh, Thần, Trời, Phật, không có quả báo luân hồi; cũng chẳng có tội, có phước, có vía, có hồn. Đời là thân xác con người, sống là tranh đấu mạnh được yếu thua. Thế nên biết bao nhiêu mảnh khoe gian hùng, bao nhiêu ngón điều ngoa xảo trá, bao nhiêu tàn bạo ngược ngang đều được đem ra dùng cả thấy”.

BÀI BÁC: Chê bai, bác bẻ, bài xích.

ĐỊA TIÊN: Các tà thuyết dị đoan, đối ngược với Thiên Tiên chánh giáo hay lờ đời gạt chúng.

***“Địa Tiên tài phép đa đoan,
Phi đao bửu kiếm mê mang mắt trần”.***

(SG/Q.III)

NGHE THỬA: Hãy vâng lệnh như vậy, rán nghe lệnh truyền dạy như vậy để thực hành theo.

BÁ NHA: Bá Nha tộc danh là Du Thụy, làm quan Thượng Đại Phu nước Tống thời chiến quốc (TH). Một hôm ông đi sứ nước Sở về, gặp đêm trăng thanh gió mát cảnh vật nên thơ ông cho dừng thuyền ở mé sông Hàm Dương rồi lấy đèn ra khảy. Tiếng đàn du dương thanh thót, bỗng nhiên đèn bị đứt dây, ông kinh ngạc bèn sai tiểu đồng lên bờ tìm xem có ai nghe trộm không thì có tiếng người đáp lại:

- Xin đại nhân chớ ngại, tôi là một tiểu phu đi đón củi về ngang, nghe tiếng đàn của đại nhân hay quá nên dừng lại nghe, chớ không phải là kẻ bắt lương.

Bá Nha nửa tin nửa ngờ, liền mời Tử Kỳ xuống thuyền. Ông sửa dây đàn, khảy lên một bản rồi hỏi Tử Kỳ: Ông bạn nói biết nghe âm nhạc, vậy tôi đàn bản vừa rồi là bản gì?. Tử Kỳ đáp:

- Đó là khúc nhạc Đức Khổng Tử khóc thầy Nhan Hối tài cao mà đoản mệnh.

Bá Nha khen thăm, liền sửa dây tưởng mình trên non cao khảy lên...Tử Kỳ tán thán:

- “*Nga nga hồ chí tại cao sơn*” (Thật chí đại nhơn tuyệt vời trên núi cao).

Bá Nha thả hồn theo dòng nước đàn một bản nữa...Tử Kỳ cũng ca ngợi:

- “*Dương dương hồ chí tại lưu thủy*” (Chí của đại nhơn cuộn cuộn nơi dòng nước chảy).

Bá Nha hết sức vui mừng nhận Tử Kỳ là bạn tri âm, biết thưởng thức điệu dao cầm qua ý chí của mình, rồi mới cùng nhau yếm ẩm và kết bạn thâm giao. Sáng lại, trước khi từ giã hai người hẹn nhau sang năm cũng vào ngày tháng năm này sẽ tái ngộ nơi đây.

Một năm trôi qua, đến ngày hẹn, Bá Nha trở lại bên cũ, trông mãi chẳng thấy Tử Kỳ, bèn lấy đàn ra khảy, tiếng đàn phát ra tiếng ai oán não nùng. Lòng nghi ngại, Bá Nha đợi sáng ra lên bờ tìm tới nhà mới hay Tử Kỳ đã chết, ông liền đến bên mộ Tử Kỳ bày nghi án cúng tế rồi lấy đàn ra khảy bản “*Thiên thu trường hận*”, bản dịch của người sau như vậy:

*“Năm qua nhớ một chiều thu,
Bên sông trong chiếc cô chu gặp người.*

*Năm nay trở lại thôi rồi,
Tri âm đâu vắng trắng trôi lạnh lùng!*

*Núi hoang một nắm mồ phong,
Trăm năm đeo vết thương lòng từ đây.*

*Lòng đau đầy đoạn tháng ngày,
Giọt sương hồ cạn lại đầy tâm tư.*

*Sâu dăng lớp lớp trầm phù,
Đến vui đi những mịt mù khổ đau.*

*Tử Kỳ em hơi nơi nao,
Mấy vàng so được cao sâu nghĩa này.*

*Cung đàn ta khảy hôm nay,
Tơ đàn đã đứt từ đây phím lòng.*

*Đàn ơi năm sợi tơ đồng,
Thiên thu xin gởi theo cùng cố nhân!”*
Đòn xong Bá Nha đập chiếc dao cầm bẻ nát, buồn
bã trở về ngâm lên bốn câu thơ (chép theo bản âm):

*“Dao cầm đập nát đau lòng phượng,
Đòn vắng Tử Kỳ, đòn với ai?
Gió xuân khắp mặt bao bè bạn,
Muốn kiếm tri âm ôi khó thay!”*

Đức Tôn Sư PGHH dùng điển ngữ Bá Nha Tử Kỳ
để nói lên ngày chúa tôi hòa hiệp, ca khúc khai hoàn.

CHÁNH VĂN:

- 19.- *“Lòng chạnh cảm quê-hương nghèo-ngặt,
Các nước ngoài bán mắc hàng lên.
Ơn cha nghĩa mẹ phải đền,*
22.- *Một ngày hiệp mặt lập nền từ-bi.
Những mơ-uớc hồi qui thượng-cổ,
Thì hết câu ái-ố gièm-pha.
Phương Nam rạng ngọc chói lò,*
26.- *Lưu-ly hổ-phách mấy tòa đài cung.
Dành cho kẻ lòng trung chánh-trực,*
28.- *Quân cùng Thần náo-nức vui-tươi.
Liên-hoa đua nở nụ cười,
Rước tôi lương-đồng chào người chơn tu.
Thế-gian thoát chốn ngục-tù,*
32.- *Thần Tiên hiệp mặt thì cù hóa long”.*

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 19 đến câu 32)

Lòng Đức Huỳnh Giáo Chủ cảm chạnh nỗi nghèo
khổ của quê hương xứ sở. Hàng hóa ngoại bang bán ngày
càng đắt giá. Nhưng cái ơn sanh thành và tình nghĩa thầy
trò, Ngài hứa một ngày kia sẽ họp mặt. Và chừng đó nên
đại đạo PGHH sẽ chấn hưng rạng rỡ, chan hòa trong đại
chúng.

Đức Giáo Chủ tỏ lòng mơ ước, đây cũng là lời tiên tri, sẽ có một ngày trở lại cõi đời Thánh Đức như trước kia. Đó là định luật xoay vòng chọn lọc của hóa công.

Ngày ấy chẳng còn kẻ chê bai ganh ghét người Đạo nữa, bởi cá nhân công phu của số người tu hành đã tạo nên một miền Nam nước Việt rạng rỡ khắp năm châu. Từ đất cát đến lầu đài, đường xá toàn bằng bảy báu. Nhưng có điều đặc biệt là các sự vật ấy đều dành cho người biết tu hành ngay chánh, hiểu thuận, từ hòa.

Còn điểm báu quý nữa là nơi ao sen báu của Phật đều nở để chào rước người chơn tu về cảnh ấy. Đó là kết quả của công phu hành đạo: ***“Phật, Tiên, Thánh an bang cùng định quốc”***.

CHÚ THÍCH:

TỪ BI: (Xem STTĐ, trang 406,.....)

HỒI QUY: Trở về.

THƯỢNG CỒ: Đời xưa, thời nguyên thủy trước hết, thời con người hiền lành tốt đẹp, chẳng có ái ố gièm pha, thương ghét chê bai.

PHƯƠNG NAM: Miền Nam nước Việt Nam.

LƯU LY HỔ PHÁCH: Hai vật quý báu trong bảy báu ở cõi Cực Lạc: vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, xích châu, mã não.

LIÊN HOA: Hoa sen. Ao thất bảo ở cõi Cực lạc, khi nào có một người ở thế gian phát tâm niệm Phật làm lành một cách chí thành chí thật thì bên ao thất bảo ở cõi Cực lạc nở ra một hoa sen, chờ khi người ấy vãng sanh thì nở ra một cái như nụ cười để rước người ấy về đó.

Người chơn tu bấy giờ sẽ thoát khỏi ngục tù nơi cõi Ta bà, thì Phật Tiên Thần Thánh đồng hiệp mặt như cù hóa long, có gì vui đẹp cho bằng.

CHÁNH VĂN:

33.- ***“Mắt nhìn thấy thần thông biến hóa,
Đức Di-Đà hiện chóa hào quang.***

- Việt-Nam là giống Hồng-Bàng,*
36.- *Không còn hung-bạo lãng-loàn như nay.*
Dòm khắp chốn rồng mây chơi giỡn,
Dân hai lòng hết bốn Khùng-Điên.
Thiên cơ biến ảo diệu huyền,
40.- *Hiệp chung tam cỏi dưới miền trần ai”.*

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 33 đến câu 40)

Đại lược tám câu giảng trên, Đức Thầy cho biết, ngày chung cuộc, Đức A Di Đà sẽ rọi hào quang rước người hiền lành về dự hội. Bấy giờ người Việt Nam chẳng còn hung bạo lãng loạn như ngày nay nữa.

Trái lại, lúc đó những kẻ hung hăng dối trá không còn bốn cột ché nhạo kẻ Khùng Điên, mà chỉ còn lại con người hiền lương đức hạnh, hiệp chung trong tam cỏi đều hòa mặt trong cảnh vui tươi an lạc.

CHÚ THÍCH:

THẦN THÔNG: Nói cho đủ là 6 phép thần thông. Khi nhà tu diệt được lục căn không còn ô nhiễm lục trần sẽ đắc sáu phép thần thông: “*Nhân căn trần thanh tịnh nhi đắc lục thông thị hiện dã giả*”. Sáu phép thần thông gồm có:

- 1- Thiên nhãn thông.
- 2- Thiên nhĩ thông.
- 3- Thần túc thông.
- 4- Tha tâm thông.
- 5- Túc mạng thông.
- 6- Lưu tận thông.

Đức Thầy có câu:

“Chùng nào đắc được lục thông,
Vớt hồn cha mẹ tổ tông bầy đời”.

(Cho ông Cò Tàu Hảo)

HỒNG BÀNG: Họ của vua Lạc Long Quân. Vị vua đầu tiên sản sanh ra giống dân Việt Nam. Đức Thầy viết: **“*Hồng Lạc giống xưa cũng tuyệt vời*”**.

RỒNG MÂY: Nghĩa của chữ Long Vân. Rồng mây chơi giỡn là ý chỉ cho hội Mây Rồng.

TAM CÔI: Ba côi. Dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Đức Thầy bảo:

**“*Trung ương tam côi đều hòa mặt,
Ta mới thanh thoi trở gót hài*”**.

CHÁNH VĂN:

- 41.- **“*Bút nghiên hạ viết bài an lạc,
Dầu cho người dốt nát cũng nghe.
Kìa kìa con cuộc gọi hè,
Chẳng lo gieo giống đậu, mè, bắp, khoai.*”**
- 45.- **“*Thi tả cảnh Bồng-Lai tại thế,
Mãi chân-chờ e trễ kỳ thi.
Muôn năm Trời định khắc kỳ,*”**
- 48.- **“*Ngặt ông thất thủ Hạ-bì khó toan*”**.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 41 đến câu 48)

Đức Giáo Chủ mượn bút mực sáng tác bài giảng này, nếu nhân giả nào nương đó mà tu hành tất được an lành vui vẻ. Dầu cho người ít học kém trí cũng có thể xem coi được, vì đây là Ngài viết lời chân thật dễ nghe dễ hiểu.

Đức Thầy còn cho biết nay đã đúng thời kỳ Phật Tiên tạo cảnh Bồng Lai tại thế. Vậy mọi người hãy rần tỉnh ngộ tu hành cho kịp kỳ đúng lúc. Cũng như nhà nông đã đến mùa tiết phải lo chuẩn bị các loại giống gieo trồng kéo bị trễ bê, ắt mùa màng thất bát. Người tu học nếu giải đãi trễ kỳ thi thì nguy hồng, vì cả vạn năm mới có một thời kỳ may mắn như thế. Sự bê trễ thất bại cũng giống như Quan Công Hầu bị thất thủ thành Hạ Bì thuở nọ.

CHÚ THÍCH:

BỒNG LAI TẠI THẾ: Cảnh Tiên tại thế gian. Trời Phật lập đời Thượng Nguyên thánh đức tới đây, giống y như cảnh Bồng Lai (Tiên) vậy.

CON CUỐC GỌI HÈ: Chim cuốc cũng gọi chim quốc. Chim cuốc hay kêu vào mùa hè, ý báo hiệu cho nhà nông hay để chuẩn bị xuống giống cho kịp mùa tiết.

ĐẬU MÈ BẮP KHOAI: Nhà nông từ trước tới giờ, ngoài lúa nếp ra còn làm thêm các thứ hoa màu như: đậu, mè, bắp, khoai, mía, mì, sắn... Cũng như nhà tu cần làm hết các việc từ thiện.

MUÔN NĂM: Nghĩa của chữ “Vạn niên”. Ý nói thời gian lâu lắm. Đức Thầy thường viết:

***“Muôn năm mới có một thời,
Đến kỳ hiệp hội Phật Trời định phân”.***

(Bài Cảm Tác)

CHÁNH VĂN:

49.- ***“Ta diên thuở Tam-Hoàng Thượng-cổ,
Khùng thế thời khùng lộ ngoài da.
Ghét dòng con nịnh độc xà,***

52.- ***Khinh-khi trung nghĩa hải hà lòng nhơn”.***

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 49 đến câu 52)

Bốn câu giảng trên ý nói: Đức Thầy ra đời Thượng cổ tới giờ, vì thời thế mà Ngài giả dạng Diên Khùng ở bên ngoài, chớ bên trong là chẳng phải thật Khùng.

Còn số người gian tà nịnh tặc (khẩu Phật tâm xà) thì không ai thích vì hề thấy ai có lòng trung nghĩa nhơn đức hơn họ thì họ tìm cách khinh khi nhạo báng.

CHÚ THÍCH:

TAM HOÀNG THUỶ CỔ: Theo sử Trung Hoa chép: Vào thời Thượng cổ (xa xưa) có ba ông vua: Thiên Hoàng, Địa Hoàng, Nhơn Hoàng, khoảng này độ khoảng ba ngàn năm. Nói đến ba vị vua đó tức nói đến thời tạo thiên lập địa, bắt đầu có loài người.

HẢI HÀ LÒNG NHƠN: Lòng nhơn ái hay thương người mến vật rộng lớn như sông biển.

CHÁNH VĂN:

53.- *“Đường gai góc thiên sơn vạn hải,
Đẹp cho rồi tướng bái đàn đăng.*

Tử-Nha như thể cát-đăng,

56.- *Tùng quân dựa bóng vui bằng hưng Châu.*

Các nơi Tiên-trưởng đâu đâu,

Lư-bồng hội hiệp đồng châu Thánh-vương.

Trụ kia bạo-ác phải nhường,

60.- *Võ-vương hữu đức đường đường trị dân”.*

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 53 đến câu 60)

Phàm ở trong đời ai muốn đi đường xa hay muốn làm việc lớn không phải dễ dàng là được thành công, mà phải trải qua nhiều khó khăn hay muôn sông ngàn núi mới kết quả. Cũng như Khương Thượng Tử Nha trước khi được Võ Vương rước về đăng đàn bái tướng, ông phải nhiều gian nan vất vả. Phải:

“Mười năm nghèo túng áo còn bầu,

Phải gượng mua vui chớ chác sầu”.

Và phải:

“Ngồi đá Bàn Khê câu đợi vận,

Chờ xe vương giả rước về hầu”.

Lại nữa, Tử Nha ví như dây cát đăng. Võ Vương ví như bóng tùng, khi nào hai người gặp nhau thì Trụ Vương mới hết thời và *“Võ Vương hữu đức đường đường trị dân”.*

CHÚ THÍCH:

THIÊN SƠN VẠN HẢI: Ngàn núi muôn sông. Ý chỉ đường đi hay việc làm nhiều khó khăn trở ngại.

TƯỚNG BÁI ĐÀN ĐĂNG: Cũng gọi đăng đàn bái tướng. Có nghĩa một ông vua chọn một người có tài đức đáng làm tướng soái cầm quân dẹp giặc. Đích thân nhà

vua rước vị đó về lập đài bái tượng và giao trách nhiệm như: Hán Bái Công phong Hàn Tín. Võ Vương bái Khương Thượng. Ở đây Đức Thầy chỉ ngay Võ Vương và Tử Nha. Như Ngài đã viết:

***“Tạo Lư Bồng ngỗ hội quần Tiên.
Khương Tử Nha sông Vị còn phỉn,
Câu không ngạnh chờ non phụng gáy”.***

LƯ BỒNG: Quan niệm hồi xưa các tướng soái cất cái đài lầu cao ráo sạch sẽ để rước các Thần Tiên trợ giúp dẹp giặc phò tri Thánh chúa.

CHÁNH VĂN:

- 61.- ***“Thì rõ việc Phong-Thần trở lại,
Thuyền Đông-Pha lèo lái cánh trương.
Con lành mau lại Phật đường,***
64.- ***Cùng Thầy cộng hưởng một vườn từ-bi”.***

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 61 đến câu 64)

Cuộc diện của thế giới hiện nay sẽ xoay chuyển trở lại như thời Phong Thần thuở trước. Những người hiền lương mới được sống sót. Còn kẻ thiếu đức dù tài trí đến đâu cũng khó tồn tại. Như Tô Đông Pha xưa kia, tuy đủ tài văn học, trí lực hơn người, gia đình tới ba người học thức đều đến địa vị “Học sĩ”, nhưng cũng phải lao đao lận đận. Song nhờ thời gian sau ông biết quày đầu hướng thiện, nên được sư Phật Ấn hộ trì tiến lên đường Phật sự.

CHÚ THÍCH:

PHONG THẦN: Lễ tấn phong những người chết được làm Thần Thánh. Theo phong tục người Tàu và nước Nam ta, hễ người biết trung quân ái quốc, sau khi chết được Phong Thần, như thời hai Bà Trưng có bà Lê Chân và Bát Nàn. Nam thì có thời Thục An Dương Vương có Ngài Lỗ Trung và Lỗ Quốc. Thời cận đại có Ngài Nguyễn Hữu Cảnh được phong là Thượng Đẳng Công Thần. Ngài

Nguyễn Trung Trực được vua Tự Đức truy phong là Thượng Đẳng Đại Thần. Đức Thầy hiện nay đã xác định:

***“Sanh vi tướng, tử vi thần,
Câu châm ngôn ấy truyền lần đến nay”.***

Và:

***“Đầu không siêu cũng dựng về Thần.
Nhờ hai chữ trung quân ái quốc”.***

(Giác Mê Tâm Kệ)

Chữ Phong Thần Đức Thầy dùng trong bài giảng này là nói cuộc Phong Thần của Khương Thượng Tử Nha và Châu Võ Vương (Trung Hoa). Đòi mạt Thương các Thần Tiên hay xuống núi phá khuấy dân chúng nên Tam Giáo mở hội chọn lọc những Tiên gia kém đức được làm Thần Thánh. Còn những ai đầy đủ đức hạnh cho thành Tiên Phật.

Khương Tử Nha được lệnh treo bảng Phong Thần, ai kém phước chết linh hồn vào đó. Đến ngày kết cuộc ai phước đức đầy đủ thì được tiếp dẫn vãng linh Đức Phật Tổ tiếp độ về cõi Phật; ai kém đức vào Bảng Phong Thần. Tử Nha cắt đất trấn giữ mỗi nơi. Ai còn sống có công trận và trung quân ái quốc thì được Châu Võ Vương chia đất, phong Vương, chia ra tới 800 chư hầu.

Cuộc Phong Thần này Đức Thầy thường nhắc đến:

***“Nên thuở xưa Trời sắp cuộc Phong Thần,
Diệt kẻ quấy lợc lừa dân lương thiện”.***

(Bài Không Buồn Ngủ)

THUYỀN ĐÔNG PHA: Ông chính là Tô Thức, tự là Tử Chiêm. Người gốc ở Mai Sơn nay thuộc Tứ Xuyên (Trung Hoa). Ông cùng với cha, anh được ca tụng là ba văn gia đời Tống, người ta thường gọi là Tam Tô. Ông đỗ Tấn Sĩ năm 20 tuổi (1056). Nhân cuộc phản đối tân pháp của Vương An Thạch nên bị biếm ra Hàng Châu (nay là Hàng Giang) thuộc tỉnh Hồ Bắc. Ông cất nhà bên sườn núi, từ đó ông tìm đạo tu hành nên có hiệu là Đông Pha cư

sĩ. Năm 1086, vua Tiết Tông triệu ông về kinh phong là Hàn Lâm Học Sĩ, rồi lên Binh Bộ Thượng Thư (1089). Vì không đồng ý với kẻ quyền thần nên bị giáng làm Tri châu huyện Hàng Châu (nay thuộc tỉnh Chiết Giang).

Ông là một nhà văn có lối viết mạnh mẽ, súc tích, trôi chảy và bình dị nhất, lại nổi tiếng là viết chữ đẹp. Tư tưởng không gò bó. Ông nghiên cứu thông cả Tam giáo. Sau kết bạn với sư Phật Ấn và lo tu hành kết quả (cuộc đời ông xảy ra nhiều chuyện lý thú, đây xin miễn chép lại).

Nhắc đến chuyện Tô Đông Pha, Đức Thầy muốn nói đến tài văn chương lỗi lạc, bất phục kẻ cường quyền và sau trở thành một cư sĩ dung thông cả Tam giáo, chẳng màng đến vinh hoa phú quý.

PHẬT ĐUỜNG: Đạo Phật hay nhà Phật.

CHÁNH VĂN:

- 65.- *“Chớ nóng-nảy sân-si hư việc,
Phải đợi thời vua Việt (1) hồi qui.
Xử phân những đũa vô nghi,*
68.- *Mới là khỏá lấp vít tỳ ngọc son.
Khuyên răn giữ cho tròn đời đạo,
Đừng cho loài cây cáo lung-lăng.
Yêu tình chực nuốt Đường-tăng,*
72.- *May nhờ Đại-Thánh phi đằng cứu nguy”.*

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 65 tới câu 72)

Hiện giờ trong đạo đang gặp hoàn cảnh trái ngang, tây tà thống trị, kẻ vô đạo lấn áp. Đức Giáo Chủ khuyên môn đồ không nên sân si nóng giận, chống kinh vô ích mà nên ẩn nhẫn đợi thời, tất sẽ có ngày đất nước nắm lại chủ quyền, người hiền tự do hành đạo. Bấy giờ kẻ ỷ quyền thiếu đạo sẽ bị trừng trị đích đáng, tất nhiên người hiền đức không còn bị chê bai biếm nhẽ nữa.

(1) Có bản chép là vua Kiệt hồi qui.

Trên đường tu chúng ta nên gìn giữ Đạo đời trọn vẹn cả hai mặt thì không còn ai quấy phá được. Cũng như xưa kia Đường Tam Tạng đi thỉnh kinh được an toàn vì có Tôn Ngộ Không bảo trì.

CHÚ THÍCH:

SÂN SI: Nghĩa của chữ sân nô, tức là tánh nóng giận oán thù.

VUA VIỆT HOẶC VUA KIỆT: Có 2 bản chép khác nhau. Chúng tôi chưa dám quyết là vua Việt hay vua Kiệt nên giải 2 ý:

1/. Nếu là vua Việt thì nên hiểu nước ta bị Pháp lấy mất. Khi nào vua Việt Nam phục hồi được đất nước thì những kẻ không có đạo nghĩa sẽ bị trừng trị.

2/. Nếu hiểu theo chữ vua Kiệt và Trụ Vương đàn áp cai trị nước ta (?) khi nào họ trở về nước họ thì kẻ thiếu đạo nghĩa sẽ bị trị tội.

VÔ NGHÌ: Không có đạo nghĩa.

VÍT TỶ: Hột ngọc bị vít tỳ thì xấu, giảm giá trị. Ý chỉ nền Đạo bị người ta bêu xấu, chê bai. Cho đến khi nào nền Đạo không còn ai biếm nhẽ nữa, như hột ngọc hết tỳ vít lem ố.

YÊU TINH: Yêu ma tà quái hay phá khuấy người tu.

ĐƯỜNG TẶNG: Tức Tam Tạng Pháp Sư vâng lệnh vua Đường đi Tây phương thỉnh kinh, dọc đường hay bị yêu tinh đón bắt.

PHI ĐĂNG: Đăng vân đi trên mây.

CỨU NGUY: Bảo vệ trong lúc bị nguy hại.

CHÁNH VĂN:

73.- *“Lôi-Âm tự đường đi chưa đến,
Nên giữa chừng kẻ mền người khinh.
Thôi thôi ta để mặc tình,*

76.- *Đầu ai chê nhạo phận mình mình toan”.*

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 73 đến câu 76)

Đoạn kết bài “Xuân Hạ Tác Cuồng Thơ”, Đức Thầy cho biết Ngài có trách nhiệm đưa chúng sanh đến cảnh Phật (Lôi Âm Tự). Giờ đây là lúc còn đang đi nửa chừng nên phải còn kẻ yêu kính, người lại khinh chê gièm siểm. Song lúc nào Ngài cũng an lòng, dù ai có ngạo khinh cũng mặc, miễn nhiệm vụ của Ngài được tròn vẹn.

Bài 9.- TỪ GIÃ BỒN ĐẠO KHẮP NƠI

(SGTVTB 2004, tr. 332 – 336)

XUẤT XỨ:

Khoảng tháng ba năm Canh Thìn (1940), Đức Ông, Đức Bà (song thân của Đức Thầy) được tin nhà cầm quyền Pháp sắp lưu đầy Đức Huỳnh Giáo Chủ đi nơi khác nên rất lo lắng. Đức Thầy thấy vậy liền trấn tĩnh ông bà và tín đồ:

- Họ chỉ không cho tôi truyền Đạo trong tỉnh nhà thôi, chớ có sao đâu. Nếu họ quyết định như vậy thì tôi có dịp phổ truyền giáo lý rộng ra.

Quả đúng như lời tiên đoán của Đức Huỳnh Giáo Chủ, vào ngày mùng một, tháng tư, năm Canh Thìn (1940) trước khi bị lưu đầy 12 hôm, Ngài sáng tác bài “TỪ GIÃ BỒN ĐẠO KHẮP NƠI”.

VĂN THỂ:

Đây là một bài văn văn, thể lục bát, loại khuyến tu, dài 158 câu. Khởi đầu bằng 2 câu:

***“Canh Thìn năm thiệt là rồng,
Từ ngày mượn xác trần hồng đáo lai”.***

Và chấm dứt với 2 câu:

***“Rưng rưng nước mắt hai hàng,
Lánh nơi cõi tục Phật đang lui chơn”.***

NỘI DUNG:

Đại lược Ngài nói lên những lời từ giã và nhiều ý tứ khuyến dẫn môn đồ:

***“Từ nay cách biệt xa ngàn,
Ai người tâm đạo đừng toan phụ Thầy.
Giữa chừng đờn nữ dứt dây,
Chưa vui buổi hiệp bồng Thầy lại xa”.***

Ngài còn nói rõ: Tuy Ngài bị người Pháp lưu đầy, xác thân không có ở nhà, nhưng pháp thân của Ngài luôn bao trùm cả vạn vật: ***“Ta phần hồn đạo khắp thể gian”.*** Nếu tín đồ nào biết thành tâm tưởng nhớ đến Ngài thì giữa

tâm hồn chúng ta và Ngài sẽ giao cảm nhau trong nháy mắt:

***“Tĩnh say trong giấc mộng hoa,
Mơ màng như tưởng có Ta bên mình.
Tuy là hữu ảnh vô hình,
Chớ dân lòng tưởng sân trình đáo lai”.***

Đức Thầy còn báo tin những viễn cảnh chông gai sắp đến và ân cần dặn dò môn đệ răn nhớ tri hành đúng y những lời dặn bảo của Ngài thì sau này mới được gặp lại Đức Thầy:

***“Giảng kinh đọc tụng chiều mai,
Làm theo lời chỉ ngày rày gặp Ta”.***

TIÊU ĐỀ:

Bài giảng nói trên Đức Thầy không có đề tựa. Nhưng sau này Ban Sư Tập căn cứ theo ý nghĩa của bài mà tạm đặt cho cái tiêu đề là: “TỪ GIÃ BỐN ĐẠO KHẮP NƠI”.

CHÁNH VĂN:

- 1.- ***“Canh-Thìn năm thiệt là rỗng,
Từ ngày mượn xác trần-hồng đáo lai.
Tháng năm Kỷ-Mão đến nay,
4.- Khắp trong bá-tánh gặp bài sám-kinh.
Lời văn tao-nhĩ hữu tình,
Bồi vưng sắc-lệnh Thiên-Đình sai ta.
Xuống trần Lão dụng khuyến-ca,
8.- Đầu đuôi cạn tổ ngâm-ngà ít bài”.***

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 1 đến câu 8)

Đức Huỳnh Giáo Chủ nhắc lại từ khi Ngài lâm phạm 18/5 năm Kỷ Mão, đến ngày mừng một thánh tư năm Canh Thìn là đủ 11 tháng. Khắp trong bá tánh phần đông tiếp nhận được Sám Kinh của Ngài để xem coi học hỏi. Bởi Ngài có sắc lệnh của Thiên Đình mới đem toàn là lời thanh bai đạo đức khuyến lon và kể mọi sự trạng sắp

xảy ra như thế nào để kêu gọi những ai hữu tình với Ngài thì hãy sớm hồi tâm thức tỉnh.

CHÚ THÍCH:

CANH THÌN: Năm 1940 (theo dương lịch)

TRẦN HỒNG: Cũng gọi là hồng trần. Có hai bản chép khác nhau. Nếu chữ **hồng** nằm trước thì không ăn vận với chữ **rồng**. Trái lại chữ trần đứng trước thì đảo ngữ nhưng nó hợp âm luật lục bát. Có lẽ ở đây Đức Thầy viết lỗi đảo ngữ.

NĂM KỶ MÃO: Là năm 1939 theo dương lịch.

SÁM KINH: Quyền giảng có tiên đoán thời cơ nên gọi là Sám. Kinh là quyền giảng có giải bày về giáo lý.

TAO NHÃ: Lời văn rất thanh bai nhã nhặn êm dịu.

HỮU TÌNH: Theo Hán học thì chỉ cho chúng sinh có tri giác, có mạng sống. Đây chỉ loài người và cả bốn loài: Noãn sinh, thai sinh, thấp sinh và hóa sinh.

Theo Phật học thì hữu tình xuất phát từ phạn ngữ “Satra”, phiên âm là tát đỏa. Tàu dịch là chúng sanh hay hữu tình; tức chỉ những loài có tri giác, có tình thức (?) và mạng sống. Nhưng chữ hữu tình ở đây chỉ cho những người có duyên lành với Phật pháp. Ý nói tâm của mỗi chúng sanh đều có hột giống Phật (giác ngộ). Nay lại hữu duyên gặp được lời giáo pháp của Tổ Thầy, nếu ai xem được đây mà tu hành ắt sẽ đắc Đạo. Đức Thầy thấy chúng sanh hiện nay ít người giác ngộ nên không ngớt lời khuyên nhắc:

“Nên ít người khảo xét kệ kinh,

Được dắt chúng hữu tình thoát khổ”.

Khi xưa, lúc Tổ Già Da Đa Xá truyền pho chánh pháp cho ngài Cưu Ma Đa La. Tổ có kệ rằng:

“Hữu chúng hữu tâm địa,

Nhân duyên đương phát sanh.

Ư duyên tắc tương ngại,

Đương sinh, sinh bất sinh”.

Có nghĩa: Đã có hột giống, có đất đai (tâm địa), nhưng phải nhờ gặp mọi duyên lành đầy đủ thì hột giống kia mới phát sanh nảy nở được. Đối với mọi duyên đã không ngăn ngại được thì quyết định sẽ phát sanh quả vô sanh. Ý nói người tu hành khi được đầy đủ mọi duyên và không bị cái gì làm chướng ngại thì quyết định đòi đòi chứng quả Vô Sanh.

THIÊN ĐÌNH: Triều đình trên cõi Trời.

KHUYẾN CA: Những bài thi ca có tánh cách khuyên lơn mọi người tỉnh thức tu hành.

CHÁNH VĂN:

- 9.- *“Tạm đây Ta mắc lui hải,
Vị trên bệ-ngọc triệu rày hồi-quì.
Không đành tách gót ra đi,
12.- Nên dùng lời lẽ từ thì bá gia.
Thiên đường lộ ấy nào xa,
Muốn cho khỏi khổ xem qua lời truyền.
Dấu xưa noi tích Thánh-hiền,
16.- Thương trần mượn xác bút liền ra cơ”.*

LƯỢC GIẢI

(Từ câu 9 đến câu 16)

Hiện giờ Đức Ngọc Đế triệu Đức Giáo Chủ về Thiên Đình bàn việc. Ngài vì quá thương xót chúng dân, không nỡ đành ra đi nên phải dùng lời lẽ từ già.

Ngài còn nói rõ cảnh Thiên đường là cảnh an vui hết buồn khổ, từ đây tới đó cũng không xa lắm, chỉ cần nhứt tâm giác tỉnh quay đầu hướng thiện, là *“Phàm thánh cách nhau một ngoáy đầu”*. Nếu ai muốn khỏi cảnh đau khổ ở trần gian thì y theo lời dạy của Ngài và noi theo gương hạnh các bậc hiền thánh mà thoát ra là kết quả.

CHÚ THÍCH:

LUI HẢI: Trở gót, chỉ người có ra đi từ trước giờ trở lại.

BỆ NGỌC: Cái thềm bằng ngọc ở trước mặt của chư Phật Thánh và đức Ngọc Đế thường ngự.

THIÊN ĐƯỜNG: Đường lên cõi Trời, cũng gọi là cõi Tiên.

DẤU XƯA: Dấu tích của người xưa đã đi hoặc những gương hạnh của các bậc hiền thánh đã thi hành thuở trước.

MƯỢN XÁC BÚT LIỀN RA CƠ: Đức Thầy dùng từ mượn xác phàm phu ra cơ giảng là ý muốn đánh lạc hướng của người Pháp hiệu Ngài như một người thượng xác cõi đồng (thầy phù thủy). Chớ thật ra Ngài chuyển kiếp đã từ lâu chờ đến ngày ra trợ thế.

CHÁNH VĂN:

17.- *“Thấy trong bá tánh ngẩn-ngơ,*

Nay Thầy xa tớ bơ-vơ một mình.

Gẫm trong hai chữ nhục-vinh,

20.- *Xưa nay thiên hạ kệ kinh ít dùng.*

Cúi đầu tâu lại cửu trùng,

Ngọc-Hoàng ban chiếu lão Khùng giáo-dân.

Gái trai lớn nhỏ ân cần,

24.- *Chùi lau vện mặt thì gần Thánh Tiên”.*

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 17 đến câu 24)

Đức Thầy trông thấy tình cảnh tớ thầy xa cách ai cũng ngẩn ngơ. Người sống trong cảnh đời sự vinh nhục là lẽ thường, nó cũng là một định luật không ai tránh khỏi.

Từ xưa đến nay đa số người chạy theo lợi danh quyền tước, nên ít ai chịu nghe theo lời kinh tiếng kệ. Đức Thầy tấu trình điều này với Đức Ngọc Đế; Ngài nghe liền ban chiếu cho Đức Thầy có trách nhiệm giáo khuyên dân chúng.

Ngài kêu gọi gái trai lớn nhỏ từ đây hãy cần chuyên tu sửa chùi lau cho thân tâm mình được trong sạch, tất sau này được gần gũi Tiên Phật.

CHÚ THÍCH:

CỬU TRÙNG: Chín từng. Đây chỉ chỗ ngự của bậc vua chúa hay đức Ngọc Đế. Nhưng chữ cửu trùng ở đây là chỉ cho đức Ngọc Đế.

LÃO KHÙNG: Chỉ cho Đức Thầy vì Ngài hay xưng hiệu là Khùng. Thí dụ: “Kệ Dân Của Người Khùng” hoặc **“Khùng vâng lệnh Tây phương Phật Tổ”** và **“Khùng cả tiếng kêu dân ơi hồi”**.

CHÙI LAU VẸN MẶT: Tu sửa trau dồi cho trong sạch để xứng đáng người tốt đẹp: **“Vẹn mày cho đẹp, đẹp Tiên gia”**.

CHÁNH VĂN:

- 25.- **“Tây-phương đưa nở hoa liên,
Chờ người hữu phước thiện duyên từ-hòa.
Nhấn cùng bốn-đạo gần xa,**
- 28.- **Ta về âm cảnh thiết-tha tâm tràng.
Đời nay hiếm kẻ nghinh-ngang,
Chẳng kiêng lời lẽ Phật-đàng từ-bi.
Lang tâm trắc-nết vô-ngì,**
- 32.- **Nhỏ không biết nể kính vì bề trên”**.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 25 đến câu 32)

Đoạn trên ý nói hoa sen ở cõi Tây phương Cực Lạc lúc nào cũng đua nở để chờ đón những người hiền lương đức hạnh và có duyên lành cùng Phật pháp rước về an ngự trên đó.

Ngài nhấn nhủ bốn đạo khắp nơi, sau khi truyền Đạo thời gian Ngài trở về thế giới vô hình, lòng Ngài lúc nào cũng tha thiết nhớ thương khắp bá tánh đang gặp hồi đau khổ. Ngài cũng nhận thấy con người đời nay lắm kẻ nghinh ngang hung ác, không có tình nghĩa đạo đức và nể vì kẻ lớn người nhỏ.

CHÚ THÍCH:

THIỆN DUYÊN: (Xem STTĐ, trang 435...)

TỪ HÒA: Từ bi và hòa hảo. Đây là hai đức tánh tốt đẹp mà tín đồ PGHH cần phải có để đối xử từ thân tâm đến mọi người bên ngoài.

ÂM CẢNH: Cảnh giới vô hình. Chỉ cho cảnh Phật Tiên an trụ.

THIỆT THA: Cũng gọi là tha thiết. Ý chỉ sự đậm đà mật thiết lắm.

***“Thiết tha thiện tín cầu cầu nguyện,
Vui đẹp dạ Thầy luống ước ao”.***

(Bài Mấy Đoạn Tơ Lòng)

TÂM TRÀNG: Tâm là lòng dạ, tràng là gan ruột. Cũng có nghĩa là Đạo tràng tức chân tâm của mỗi người. Đây là nói tấm lòng của Đức Thầy thương xót tất cả chúng sanh quá tha thiết nào nùng:

***“Thấy thiện tín chan hòa giọt lụy,
Tâm nào nùng chạnh nghĩ xa vơi.
Chìm trời dựng ổ chiều mơi,
Bầy con chịu chút cả đời nhàn thân”.***

(Bài Thu Đã Cuối)

HIẾM KẺ: Nhiều người, không ít. Cũng giống như chữ thiếu chi kẻ. Đức Thầy có viết:

***“Thiếu chi kẻ dựng chim bể ná,
Hiếm bao người dựng cá quên nơm”.***

(Bài Diệu Pháp Quang Minh)

CHẲNG KIÊNG LỜI LỄ PHẬT ĐÀNG TỪ BI: Chẳng kiêng cử hay kính nể lời chỉ dạy của Phật Tiên Thần Thánh. Đức Thầy có câu:

***“Chẳng kiêng chẳng nể Phật Thần,
Suy mưu làm quấy nghiệp trần phải mang”.***

LANG TÂM: Lang là một loại thú hình giống như chó sói, nhưng hung hãn hơn. Đức Thầy thường bày tỏ:

***“Trời Nam sốt ruột chờ con đỏ,
Đất Bắc lòng lang nổi thạm lời”.***

Hoặc là:

***“Lang tâm như thú thiếu lông,
Trở trâu cửa miệng trong lòng gươm đao”.***

TRẮC NÉT: Không có hạnh nết, làm những điều xấu xa, hư hỏng, bất chánh.

VÔ NGHÌ: Không có đạo nghĩa.

NHỎ KHÔNG BIẾT NỀ KÍNH VÌ BỀ TRÊN: Kẻ nhỏ vô lễ, ăn ở đối xử chẳng biết nể nang tôn ti người lớn.

CHÁNH VĂN:

33.- ***“Nhỏ to lời lẽ chớ quên,
Rán mà nguyện vái đặng đền ơn sâu.
Bá gia bá tánh đâu đâu,***

36.- ***Xem lời ta chỉ về cầu tại gia.
Có đau thì thuốc đó mà,
Dòm trong bản chữ về nhà kiếm cây.***

***Nay Thầy chịu lệnh về Tây,
40.- Tạm ngưng đạo-đức ít ngày Thầy qua”.***

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 33 đến câu 40)

Đức Thầy dặn dò các môn đồ đừng quên lời phân trần dạy khuyên của Ngài, sớm hôm hai thời cúng bái phải thường xuyên đừng để quên lãng, hầu đền đáp công ơn tổ tiên cha mẹ, đất nước đồng bào. Ngài cũng khuyên nhà nhà rán nghe lời chỉ dạy, nên cầu nguyện với Phật tại gia. Nếu khi nào có đau ốm nên chếp ba toa thuốc nam mà Ngài biên sẵn trên bảng, về nhà tìm các vị thuốc đó sắc uống thì bệnh chi cũng hết.

Hôm nay Đức Thầy vưng sắc lệnh của Đức Phật ở Tây Phương đòi về nên Ngài phải nhủ khuyên bốn đạo hãy nhớ lời dặn bảo ấy, chỉ trong ít ngày thì Ngài sẽ trở lại.

CHÚ THÍCH:

NGUYỄN VÁI: Cầu nguyện và cúng bái (lễ bái).

ƠN SÂU: Bốn điều ơn sâu nặng như trời biển, gồm có: Ân tổ tiên cha mẹ, ân đất nước, ân tam bảo và ân đồng bào nhân loại.

CẦU TẠI GIA: Cầu nguyện và lễ bái tại nhà. Ý chỉ người cư sĩ (tại gia). Bởi quan niệm rằng: người không có hiểu thảo thì chẳng làm được việc gì, nếu có hiểu chẳng những đáp được Ân tổ tiên cha mẹ mà còn đáp được trọn vẹn cả 4 ân và tạo được vô lượng phước đức và còn tiến lên đường giải thoát. Vì Kinh Phật đã dạy: 4 ân là đại phước điền. Đức Giáo Chủ luôn nhắc nhở: **“Tứ ân đã trả chẳng còn tội căn”**, và Ngài còn khuyên: **“Lục tự Di Đà giữ tứ ân”**. Kinh xưa hằng dạy:

“Thương thay đời không rõ,

Hai vị Phật tại nhà.

Ấy là cha mẹ đó,

Như Di Lặc, Thích Ca.

Biết thành tâm hiếu kính,

Khỏi cầu công đức xa”.

CÓ ĐAU THÌ THUỐC ĐÓ MÀ: Lúc Đức Thầy mới khai sáng nền Đạo (1939) các loại thuốc trị bệnh rất hiếm, nên Ngài có viết ra ba toa thuốc nam dán trên bảng cây, để mỗi người có bệnh thì tự động biên chép đem về tìm đủ các vị thuốc ấy rồi sắc uống, bệnh chi cũng hết.

CHÁNH VĂN:

- 41.- **“Đạo trong khắp cõi ta-bà,**
Nơi nơi chốn chốn quỷ ma rối loạn.
Chữ rằng: “Nhơn thiện vi nan”.
- 44.- **Dầu cho tài trí cũng mang nợ nần.**
Có đeo bệnh tật vào thân,
Giấy vàng xé nhỏ vái Thần độ vô.
Thành lòng nước lã nên hồ,
- 48.- **Hữu tâm chí đức cam-lồ Phật ban”.**

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 41 đến câu 48)

Đức Thầy lâm phạm đạo qua khắp cõi Ta bà, thấy rằng nơi nào cũng có kẻ quỷ ma gian ác gây rối loạn cho cả nhơn sanh, chẳng có chỗ nào bình yên.

Người xưa từng bảo: Sanh làm con người đã khó mà làm được người lành lại càng khó hơn.

Bởi con người ta đã có tạo nghiệp mới đầu thai vào cõi trần. Nghiệp lực ấy dẫn dắt mình càng đi càng lún vào vô minh tội lỗi. Dù ai có tài trí đến đâu, hay cỡ nào cũng khó mà thoát ly vòng nghiệp báo.

Đã mang thân nghiệp báo thì thân xác phải chịu giầy vò những cơn bệnh tật.

Đức Thầy vì muốn giác tỉnh quần sanh nên phải dùng phương tiện cứu họ hết bệnh, đó là giai đoạn trước nhất, rồi lần lượt đưa họ vào sự hiểu biết giáo lý tu hành.

Ngài bảo: Ai rủi có mang bệnh vào thì dùng giấy vàng xé nhỏ đem lên bàn Phật, rồi thành tâm khấn vái chư Phật và Thánh Thần gia hộ, uống vào sẽ hết bệnh. Quan trọng ở tấm lòng thành khấn đó có diệu năng làm cho giấy vàng trở nên thuốc, và nước lã trở thành hồ. Ngài còn dặn bảo lúc cầu nguyện lòng phải chí thành chí đức, các món đó trở thành nước cam lồ của Phật.

CHÁNH VĂN:

- 49.- *“Cám thương bá-tánh tai nàn,
Gặp cơn đông tố nào an lòng nầy.
Đờn ta vốn thiệt không dây,
52.- Vô duyên khó biết lời Thầy nói xa.
Từ trên tới dưới thuận hòa,
Hay hơn châu báu ngọc-ngà giàu sang.
Thầy về tàu lại Phật-đàng,
56.- Cúi xin nhỏ phước xóm làng bình yên”.*

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 49 đến câu 56)

Đức Giáo Chủ thương xót bá tánh hiện lâm vào cảnh tai nàn thống khổ như bị cảnh đông tố bão bùng. Lời khuyên nhủ của Ngài ví như tiếng đờn, nhưng tiếng đờn này lại không dây không phím. Đó là chánh pháp vô vi, nay Ngài phương tiện đem ra thuyết giáo cho chúng sanh

hiếu. Nếu người thiếu duyên lành với Ngài thì ắt khó nghe hiểu được lời pháp giáo sâu mầu.

Ngài còn dạy các môn đồ sự ăn ở trong gia đình nên đối xử trên thuận dưới hòa thì dù cho ngọc ngà châu báu cũng không sánh kịp. Hôm nay, Ngài cầu xin với Đức Phật, Đức Thầy ban phước lành cho khắp bằng nhân bá tánh đều được vui vẻ an lành.

CHÚ THÍCH:

ĐÒN TA VỐN THIẾT KHÔNG DÂY: Câu này nói lời giáo pháp của Đức Thầy ví như cây đòn không dây không phiếm, nhưng khảy lên vẫn kêu. Nên tiếng đòn ở đây chỉ cho chánh pháp vô vi “không mà có”, nghe nó rất sâu mầu khó tả, chỉ những người có duyên lành với Ngài mới hiểu đặng.

VÔ DUYÊN: Không có duyên lành với Đức Thầy.

PHẬT ĐÀNG: Đường Phật. Cũng có nghĩa: Nhà Phật, Đạo Phật. Đây chỉ cho Đức Phật.

THUẬN HÒA: Hòa hài thuận thảo với nhau.

CHÁNH VĂN:

- 57.- *“Giống nòi thiết cốt Rồng Tiên,
Mà nay lạc mất gương hiền nơi đâu.
Muốn xem bốn chữ Long-Châu,*
- 60.- *Bền gan sắt đá sông-nâu tu trì.
Tu hành mà mãi nan nghi,
Sợ ta gạt-gẫm cũng kỳ cho dân.
Giã từ khắp hết dương-trần,*
- 64.- *Vân du chốn cũ lưới Thần bủa ra”.*

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 57 đến câu 64)

Nguồn gốc của dân tộc Việt Nam khi xưa là giống Tiên Rồng sanh ra, con người rất hiền từ ngay thật mà nay để lạc mất tâm hồn tốt đẹp đó. Từ ngày Đức Phật Thầy Tây An ra đời khai sáng giáo hệ Bửu Sơn Kỳ Hương, đến nay nối tiếp là Đức Giáo chủ PGHH, các Ngài vun trồng

hột giống tốt đẹp đó trở lại. Nếu người nào muốn chứng kiến sự thành công rực rỡ của bốn chữ quý báu đó, hãy rán bền gan sắt đá vun trồng thì ắt sau này sẽ thấy tận mắt.

Lời báo tin của Đức Giáo Chủ là sự thật, thế mà có nhiều người nghi hoặc cho rằng bị Ngài gạt gẫm, thật là điều rất kỳ lạ!

Viết đến đây Ngài có lời từ giã để trở lại nơi hành đạo của Ngài từ trước và dùng lưới thần trị người hung ác mới yên được.

CHÚ THÍCH:

CÓT RỒNG TIÊN: Dân tộc Việt Nam gốc từ giống Rồng của vua Lạc Long, và giống Tiên của bà Âu Cơ mà sanh ra cho nên gọi là cốt Rồng Tiên.

BỐN CHỮ LONG CHÂU: Bốn chữ quý báu tức Bửu Sơn Kỳ Hương. Bửu là quý báu, chỉ cho miền Thất Sơn sau này. Kỳ Hương là mùi thơm lạ sẽ bay khắp mười phương, chuyển thời kỳ Long Hoa đại hội. Giảng xưa ông Ba Thối có viết:

“Tiếng Kỳ Hương thơm nức biên thù,

Bửu Sơn mai quế qui kỳ thất niên.

Long Hoa hội đến đó mới yên,

Đầu Sơn nhứt sĩ trừ phiến anh hùng”.

Đức Giáo Chủ PGHH cũng từng cho biết:

“BỬU châu công luyện chốn non Tân,

SƠN thủy môn giang bảo giác dân.

KỲ quái chờ nơi thiên nhứt định,

HƯƠNG nồng dành thưởng kẻ tròn ân”.

NAN NGHI: Cũng viết là nghi nan. Nghĩa ngờ vực không quyết định rõ rệt, không trọn lòng tin tưởng trong việc làm, nên gặp nhiều khó khăn trở ngại.

LƯỚI THẦN: Cũng gọi là lưới Trời do chữ *“Thiên la địa võng”*. Đây cũng gọi là luật nhân quả. Lưới trời đã bủa ra rồi tuy thưa nhưng chẳng lọt một mảy lông. Lời xưa

đã bảo: “*Thiên võng khôi khôi phân khúc trực, Thần linh hích hích định khuynh vịnh*”.

CHÁNH VĂN:

- 65.- “*Non cao nhiều thứ cáo-xà,
Trừ loài độc-địa mới là yên thân.
Biết sao cho toại lòng dân,*
68.- *Kẻ ưa đạo-đức người cần vinh-hoa.
Xót lòng cây nước ma-ha,
Hộp vô ba hộp ắt là lạng tâm.
Thân Khùng đêm vắng khóc thầm,*
72.- *Cựa mình cũng nhớ giấc nằm nào an*”.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 65 đến câu 72)

Đức Thầy cho biết: sau này trên núi cao có rất nhiều loài thú dữ như: cọp, beo, rắn, rít có trách nhiệm diệt trừ loài độc địa hung ác, chừng đó dân chúng mới yên thân. Ngài còn nói rõ ở đời không ai làm sao cho dân được thỏa mãn, bởi kẻ muốn vậy người muốn khác: kẻ muốn giàu sang vinh hiển, người ham chức tước bạc vàng, nên lo giành giật hơn thua, đua đòi cầu xé, gây đau khổ cho nhau liên tục.

Đức Giáo Chủ còn cho biết ai muốn bớt đau khổ hãy bước vào con đường Đạo đức, tìm ra chánh pháp nhiệm mầu, tu rèn cho mình có đủ giới, định, huệ để tâm được bình lặng sáng mầu mới là hết khổ. Hằng đêm, không lúc nào Ngài quên nghĩ đến sự đau khổ của chúng sanh để tùy phương cứu giúp.

CHÚ THÍCH:

CÁO XÀ: Hai loài thú chồn và rắn, hai loại thú hung, lại thường biết tu hành và diệt trừ các loại thú khác.

TOẠI LÒNG: Vừa lòng thỏa mãn, không còn bứt rứt khó chịu.

NƯỚC MA HA: (Xem STTĐ, trang 221.....)

HÓP VÔ BA HÓP: Uống vào ba lần. Mỗi khi khát nước uống vào một lần chưa đã khát. Nếu uống thêm đủ ba lần sẽ hết khát. Nghĩa bóng: Là chỉ cho ba pháp: Giới, Định, Huệ. Ai muốn trí huệ sáng màu tất phải tu giới, định, huệ sẽ kết quả.

LẶNG TÂM: Lòng bình lặng trong sáng. Đức Thầy có dạy: *“Nếu ai mà biết chữ tu trì, Tâm bình tịnh được thì phát huệ”*. (Q. IV)

CHÁNH VĂN:

- 73.- *“Từ nay cách biệt xa ngàn,
Ai người tâm đạo đừng toan phụ Thầy.
Giữa chừng đòn nỡ đứt dây,
76.- Chưa vui buổi hiệp bồng Thầy lại xa.
Tỉnh say trong giấc mộng hoa,
Mơ-màng cũng tưởng như ta bên mình.
Tuy là hữu ảnh vô hình,
80.- Chớ dân lòng tưởng sân trình đáo lai”*.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 73 đến câu 80)

Đến đây Đức Thầy ngỏ ý với các tín đồ, tuy Tớ Thầy phải xa cách, nhưng Ngài khuyên trong bốn đạo hãy giữ tâm lòng giữa Thầy trò trước sau như một:

*“Sống sanh ra phận râu mày,
Một đời một đạo đến ngày chung thân”*.

Nếu tình nghĩa giữa Thầy trò chẳng được như vậy thì không khác gì bản đòn nửa chừng bị đứt dây. Để tránh trường hợp bi đát ấy, Đức Thầy khuyên chúng ta dù khi thức hay lúc ngủ, trong giấc mộng gì cũng vậy, nếu ai thành tâm tưởng nhớ đến Ngài thì giữa tâm hồn Ngài với chúng ta sẽ giao cảm nhau trong nháy mắt.

CHÚ THÍCH:

TÂM ĐẠO: Người một lòng vì đạo, trước sau chẳng hề thay đổi. Lúc Đức Thầy ở Sài Gòn, một hôm

nhân dịp có người mua hoa về cúng. Đức Thầy liền hỏi: Đố các ông trong các loại hoa, hoa nào quý hơn hết?

Có người lẹ miệng đứng lên thưa: Hoa sen là quý hơn hết, bạch Thầy. Người khác liền cãi lại: Hoa huệ mới quý, Thầy. Đoạn rồi, mỗi người đều bênh vực theo ý kiến của mình đã thích, nào hoa hải đường, thược dược, mẫu đơn, lài, cúc, sen...

Để mọi người luận cãi một hồi, Đức Thầy mới nói: Các loại hoa của quý ông vừa đưa ra, hoa nào cũng đẹp cũng thơm tho, nhưng chẳng có hoa nào là đặc sắc hơn hết cả. Chỉ có hoa vạn thọ là quý hơn hết.

Mọi người trong bọn đứng lên nói:

- Phải hoa vạn thọ có cái tên sống lâu là quý không Thầy? Ngài đáp:

- Chẳng phải do cái tên sống lâu đâu, mà nó có cái tính đặc biệt là các loài hoa khác khi gần tàn thì hoa nào cũng buông mình ra khỏi cuống đài, còn riêng về hoa vạn thọ cho đến khi tàn rụi, nó vẫn ôm sát cuống đài. Nó quý ở chỗ đó. Người ta theo Đạo cũng thế!

Nên Đức Thầy hằng khuyên chúng ta:

“Sống sanh ra phận râu mày,

Một đời một đạo đến ngày chung thân”.

PHỤ THẦY: Phụ rầy Thầy Tổ. Ở đời người ta hay gặp những trường hợp khi tớ Thầy vui vẻ thời vận hành thông thì Thầy tớ thủy chung duy nhất. Ngược lại, khi gặp cảnh nạn tai nguy khốn thì họ bỏ Thầy ra đi, có khi phản lại Thầy là khác: ***“Trò phản Thầy tội ấy đáng không?”***

GIÁC MỘNG HOA: Giác mộng tốt đẹp.

Do điển tích Giang Yên, một nhà thơ nổi tiếng ở Trung Hoa. Lúc đầu ông thích làm thơ nhưng thơ của ông viết chưa hay lắm, song ông chẳng nản lòng, lúc nào cũng tha thiết cầu tiến. Nhân một đêm nọ ông nằm mộng thấy nơi đầu cây viết của mình trở một hoa sen tuyệt đẹp. Bất

đầu từ đó về sau ông làm thơ rất hay, được vang danh là thi sĩ tài hoa, văn chương lỗi lạc.

Qua hai câu giảng trên và điển ngữ “Giác mộng hoa”, Đức Thầy có ý dạy người tu lúc nào cũng tưởng nhớ đến Đức Phật, Đức Thầy và nhớ những điều thuần lương chân chánh hầu sớm được trọn lành trọn sáng để tâm tánh được đồng hòa với chư Phật:

***“Tu cầu Phật hóa tánh tình,
Lưới mê chẳng buộc nhẹ mình tiêu dao”.***

(Khuyến thiện, Q.5)

HỮU ẢNH VÔ HÌNH: Có bóng nhưng không có hình thể. Ý nói người Pháp bắt Đức Thầy đem xác thể ra đi, nhưng chơn ảnh (bóng) của Thầy vẫn còn và gần tâm hồn của mỗi môn đồ ***“Ta phần hồn đạo khắp thể gian”***. Bởi đạo tràng tức là chơn tâm, xác thể tuy mất nhưng chơn tâm không bao giờ mất, nơi nào cũng có, nó bao trùm cả vũ trụ vạn hữu. Cho nên hễ tâm ta tha thiết nhớ Đức Thầy thì Đức Thầy và chúng ta sẽ gặp nhau như hai luồng điện luôn hòa hợp.

SÂN TRÌNH: Từ ngữ Sân Trình thường ghép chung với từ ngữ Cửa Khổng, làm cho thành ngữ “Cửa Khổng Sân Trình”. Ý chỉ nơi đạo tràng (trường dạy Đạo). Theo Phật học, Đạo tràng còn chỉ cho cái chơn tâm của mọi người. Vậy chữ “Sân Trình” là do điển tích ông Trình Tử (sân dạy học của ông Trình Tử).

Ông sanh vào đời Tống (Trung Hoa), (1033-1107), tên thật là Trình Di, hiệu là Y Xuyên nên cũng gọi là Trình Y Xuyên. Ông vốn là một nhà đại nho, dạy học trò rất đông. Những giờ ông giảng sách, học trò ngồi nghe chật ních từ trong trường đến ngoài cửa ngoài sân, nên gọi là sân Trình.

Ngoài ra ông còn hiệp với Chu Hội An chú thích rất nhiều kinh truyện để lại cho đời. Về sau các nhà văn

chương thường dùng chữ Sân Trình để chỉ nơi dạy học, dạy Đạo. Nhà thơ Đặng Trần Phát có viết:

*“Thế sự sương mờ đôi mắt lạc,
Sân Trình vắng vẻ khách ra vào”.*

Qua điển tích và hai câu giảng trên, Đức Thầy có ngụ ý cho biết: Tuy hiện giờ người Pháp bắt thân xác của Ngài lưu đầy không còn ở Tổ Đình Hòa Hảo nữa, nhưng chơn linh (pháp thân) của Ngài trùm khắp thế gian, nơi nào cũng có **“Ta phần hồn đạo khắp thế gian”**. Nếu tín đồ nào thành tâm tưởng nhớ đến Đức Phật, Đức Thầy và giữ lòng luôn thanh tịnh, tốt lành thì giữa tâm hồn mình và tâm hồn của các Ngài sẽ giao cảm nhau trong tức khắc (sân trình đảo lai).

ĐÁO LAI: Trở lại. Ý chỉ thầy trò cách xa bây giờ được trở lại gặp nhau.

CHÁNH VĂN:

- 81.- *“Nghe sơ lời lão cạn bày,
Tìm trong não óc gặp ngày bình-an.
Kim-lân, xích-phụng lâm nan,
84.- Cho nên phận lão đâu an thân già.
Tảo-tần lo liệu năm ba,
Biết sao hiệp mặt lòng già mới nguôi.
Mặt ngoài gượng-gạo bãi-buôi,
88.- Chớ trong tìm phổi rồi nùi như tơ.
Tuồng đời như cá trong lò,
Thọc tay vô bắt còn ngờ kệt hom.
Bao nhiêu tâm não góp tom,
92.- Dặn-dò kỹ-lưỡng chăm-nom khắp cùng.
Chùng nào tôi được hết Khùng,
Thì là dân-sự còn dùng làm chi.
Bận lòng cạn tổ vân-vi,
96.- Bớ dân hai chữ công-trì sớm khuya”.*

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 81 đến câu 96)

Đức Huỳnh Giáo Chủ bảo chúng ta chỉ nghe sơ qua lời Ngài bày tỏ. Mục đích chính lo tìm nơi tim óc, tu sửa bản thân ắt có ngày được bình an. Hiện giờ vua chúa thánh hiền đều lâm nạn. Dù vậy nhưng chí độ đời và ngày hiệp mặt Ngài vẫn lo liệu cho tròn vẹn mới thỏa dạ. Hiện giờ, mặt ngoài tuy gượng gạo, nhưng tâm trí vẫn canh cánh lo toan.

Đức Giáo Chủ PGHH cho biết kiếp sống của con người ví như một vở tuồng và cũng như cái lờ ai bước vào thì dễ mà rút ra thì rất khó, vì bị bao nhiêu hom đó bao vây. Ngài dồn hết tâm cơ trí não để giữ gìn dạy dỗ nhân sinh.

Ngài còn dặn bảo chừng nào bá tánh nhận Ngài chẳng phải là kẻ Khùng Điên thì bấy giờ người ta mới tìm Ngài để dùng thì việc quá trễ. Đức Thầy cũng đem hết tâm trí dạy dỗ nhân sinh hãy sớm lo công phu bái sám, sớm khuya giữ gìn chuyên trì giới luật để sớm kết quả tu hành.

CHÚ THÍCH:

CÁ TRONG LỜ: Cái lờ giống như cái lợp nhưng ngắn hơn, cũng dùng để bắt cá. Miệng lớn hơn nhỏ. Khi cá chun vô thì dễ, rút trở ra thì khó. Thọc tay vào bắt lại càng khó hơn vì miệng hơn nhỏ và nhọn và bóp vô nên ai thọc vào bị kẹt, rút ra không được.

KIM LÂN XÍCH PHỤNG: Thời Đông Châu Liệt Quốc (TH), có gia đình ông Thúc Lương Ngột, vợ là bà Nhan Trung Tại, ông bà hạ sanh được 9 người con toàn là gái, chưa có người trai nào để nối dõi tông đường nên thường lui tới núi Khâu Sơn để cầu tự.

Sau đó bà thụ thai, một hôm có con Kỳ Lân đi ngay vào nhà nhả tờ ngọc thơ: “*Thủy tinh chi tử, kế suy chu vi đế vương*”. (Con thủy tinh nối nhà Chu mà làm vua không ngôi).

Bà đản sanh Khổng Tử ngày Canh Tý, tháng 10, năm Canh Tuất (trước TL 551 năm) đời Châu Linh Vương

thứ 21. Ngài lớn lên thông minh xuất chúng, làm quan đến tướng quốc. Khổng Tử đi chu du khắp thiên hạ, sau về ẩn cư mở trường dạy học trò, san định sách vở Thánh hiền, xiển dương Nho giáo. Người đời sau tôn Ngài là Thánh Khổng Tử, mỗi đạo do Ngài chủ xướng gọi là Khổng Giáo.

Vào thời Ngũ Đế bên Trung Hoa: Phục Hy, Thần Nông, Huỳnh Đế, Vua Nghiêu và Vua Thuấn, dân chúng được sống trong cảnh thái bình an cư lạc nghiệp. Chim Phụng Hoàng bay lượn khắp nơi. Qua thời Kiệt Trụ, hôn quân vô đạo bỗng nhiên chim Phụng biến mất.

Mãi đến Châu Võ Vương sắp ra đời, người ta nghe tiếng chim Phụng Hoàng gáy trên núi Kỳ Sơn, báo hiệu thời thanh bình sắp trở lại. Quả nhiên Võ Vương lên ngôi, lập lên cơ nghiệp nhà Châu kéo dài đến 800 năm ***“Xưa mặt Thương, Phụng gáy non Kỳ. Bối Võ Vương đáng bực tu mi, Nay trở lại khác nào đời trước”***.

Qua hai câu giảng trên: Kim Lân và Xích Phụng đang lâm nạn, ý Đức Thầy muốn nói vua chúa nước Việt Nam sống thời Pháp thuộc như lâm tai nạn, tấm thân Đức Giáo Chủ cũng bị người Pháp lưu đày, không lúc nào yên ổn đăng.

CHÁNH VĂN:

- 97.- ***“Nhớ câu ăn giấy bỏ bìa,
Được thân sung-sướng vội lìa Tổ-Tông.
Kể ra lại bắt mũi lòng,***
100.- ***Ngán đời mua buổi bán bông chát-chua.
Cứ theo cái lối a-dua,
Dạ toan đốt miếu phá chùa từ-bi.
Vàng kho thêm gánh ích gì,
Thôi ta than lắm vậy thì thẹn thêm”***.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 97 đến câu 104)

Người xưa có câu: “*Ăn giấy bỏ bìa*”. Đây là Đức Thầy thống trách nhiều người không nhớ ơn Tổ tiên cha mẹ để lo đền đáp cho tròn câu hiếu thảo. Khi hưởng được sự cao sang sung sướng vội quên đi công sanh thành dưỡng dục của ông cha.

Càng nghĩ đến Ngài càng ngậm ngùi chán ngán cho hạng người tham gian tráo chát, mua bưởi bán bòng. Họ nỡ a dua theo kẻ vô đạo gian tà nịnh tặc, phá miếu đốt chùa, nhiều hại những người có đạo đức. Đối với những kẻ giàu sang dù ta có nịnh hót đem thêm cho họ một vài gánh vàng nữa cũng chẳng lợi ích gì mà còn mang câu bội thần phản đạo để tiếng xấu muôn đời.

CHÚ THÍCH:

ĂN GIẤY BỎ BÌA: Xài miếng giấy mà không nhớ đến bìa giấy. Ý nói hưởng ngọn mà quên gốc, ăn trái chẳng nhớ kẻ trồng cây. Hồi xưa người ta dùng giấy vắn thuốc hút. Vậy bìa giấy là gốc mà người ta lại quên đi. Ở đây chỉ cho số người bội phản công ơn Tổ tiên nòi giống.

Lúc Đức Thầy còn hóa đạo tại nhà ông Võ Mậu Thạnh, thấy có người vắn thuốc hút, xé bỏ bìa giấy rách không xài. Ngài liền tức cảnh viết bài thi mang tựa đề là “Giấy Vàng”:

*“Giấy vàng nay đã quá cao thẳng,
Bìa trắng lại chê vội bỏ lẩn.
Thương lắm chúng quăng nằm kẹt hóc,
Chủ nhà quét tước lượm lẩn xăn”.*

(Xà No tháng 4 năm Canh Thìn)

TỔ TÔNG: Ông bà dòng họ.

MỦI LÒNG: Động lòng, động tới tình thương xót.
Thí dụ: Mũi lòng rơi nước mắt.

MUA BƯỞI BÁN BÔNG: Hai loại trái bưởi và bòng, hình thức vóc dáng giống nhau, nhưng vị của nó thì khác. Bưởi thì vị ngọt, còn bòng là vị chát, ý chỉ người hay

tráo chác, mưu xảo không thật lòng. Bưởi và bòng để lộn nhau mà nói là bưởi khiến người ta mua lầm.

A DUA: A từng nịnh hót theo một kẻ nào đó, tâng bốc nịnh bợ để thủ lợi.

ĐÓT MIẾU PHÁ CHÙA: Cũng gọi “Phá chùa đốt miếu”, ý chỉ những người không thật tu, không thật đạo, hay a dua theo kẻ vô đạo, gây phấp nạn cho kẻ có đạo, cản trở phá rối với những người lo hành đạo như nạn Tam Võ thuở xưa.

VÀNG KHO THÊM GÁNH ÍCH GÌ: Ý chỉ người đã giàu có mà ai đó cho thêm một gánh vàng nữa cũng không ích gì.

CHÁNH VĂN:

- 105.- *“Bóng trăng cây đỗ ban đêm,
Trầu ăn nhả bã lại tèm mời hoài.
Khùng ngồi nói chuyện quá dai,
108.- Bị lòng bác ái nói hoài chẳng thôi.
Thấy đời mặt lọ không bôi,
Lại khoe kếp giỏi một hồi múa men.
Từ nay cửa Không gài then,
112.- Chờ Ta trở lại thì đèn hết lu”.*

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 105 đến câu 112)

Đoạn giảng trên ý nói mặt trăng nhờ ban đêm mới sáng, chớ không phải sáng luôn ban ngày được, cũng như đế quốc Pháp, nó văn minh và đàn áp các nước nhược tiểu chỉ nhất thời mà thôi. Ví người ăn trầu chỉ vui miệng một lát rồi cũng phải nhả bỏ hết bã.

Sở dĩ Đức Thầy phải khuyên tu mãi là vì Ngài có lòng thương yêu rộng lớn khắp bằng nhân bá tánh. Song càng nhắc đến Ngài càng thêm thẹn cho thói đời. Ở trong thế trần người ta hay khoe khoang tài giỏi hơn thiên hạ, chẳng khác nào một kếp hát trên sân khấu, họ chỉ trang điểm cho đẹp trong một tuồng hát chớ không được lâu

bền. Đức Thầy còn cho biết hoàn cảnh xa vắng của Ngài hiện giờ giống như đạo tràng của đức Khổng Tử khi xưa, chỉ lu mờ trong thời đóng cửa, nhưng mỗi tín đồ phải rán đợi chờ khi Ngài trở lại tất được sáng tỏ như xưa.

CHÚ THÍCH:

BÓNG TRẮNG CẬY ĐỒ BAN ĐÊM: Bóng trắng chỉ sáng ban đêm, ngày thì không sáng được. Nghĩa bóng: là chỉ cho sự giàu sang vinh hiển chỉ được một lúc rồi thôi, không lâu bền được.

*“Vinh hoa đường thế cúc mai,
Cuối mùa tàn rụi lâu dài đặng đâu”.*

TRÀU ĂN NHẢ BÃ: Trầu, cau, vôi, thuốc là những vật giúp cho người ta ăn vào chỉ được vui miệng trong một lúc thôi. Nghĩa bóng là chỉ cho những gì giả tạm, chẳng lâu bền.

MẶT LỌ KHÔNG BÔI: Một kép hát hóa trang cho đẹp là đóng tuồng trên sân khấu, họ bôi trét những son phấn đủ màu sắc. Tất cả đều là giả tạo, thế mà họ tưởng mình như một người kép giỏi, khoe khoang hãnh diện. Nghĩa bóng là chỉ cho cái gì giả tạo không chân thật lâu bền.

CỬA KHÔNG: (Xem STTĐ, trang 186....)

GÀI THEN: Gài then cửa, đóng cửa lại. Cửa Khổng gài then là ý nói lúc Đức Khổng Tử đi chu du truyền đạo thì Đạo tràng của Ngài đóng cửa không dạy nữa. Khi nào Ngài trở về mới mở trường dạy học trò lại.

CHÁNH VĂN:

- 113.- *“Thân Khùng là phận sĩ-phu,
Chẳng ham danh-diệu miễn tu vương tròn.
Khôn thì lánh chốn đau đòn,*
- 116.- *Dại thì lòn cúi đồ ngon ăn thừa.
Hai lòng uốn lưỡi đẩy đưa,
Ý hơi Hạng-Võ mắc lừa Trương-Lương.
Nhớ qua hồi lúc đời Đường,*

**120.- *Hiền thần Nhơn-Quý người đương ẩn mình.
Cửu-Thiên còn giấu tại dinh,
Chờ ngày mãn hạn phép linh ban rày*”.**

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 113 đến câu 122)

Đức Giáo Chủ cho biết Ngài là bậc sĩ phu có học thức rõ thông đạo lý, chẳng màng đến vinh huê phú quý, miễn sao sự tu thân hành đạo cho vẹn tròn là tốt rồi. Ngài cũng khuyên dạy môn đồ, đã là người trí cũng nên xa lánh đầu lụy những chỗ xấu xa dễ tiện mà nên chọn chỗ trong sạch tốt lành để sống.

Hạng Võ xưa kia tìm cách dối gạt, lừa đảo bạn bè vua chúa, nên cuối cùng bị Trương Lương đưa vào chỗ nguy hại chịu khổ nhục suốt đời. Còn hiền thần Nhơn Quý lúc chưa gặp thời phải bị cha con Trương Sĩ Quý hãm hại, song nhờ có Cửu Thiên Huyền Nữ cứu an tai nạn.

CHÚ THÍCH:

THÂN KHÙNG: Đức Thầy ra đời xưng hiệu là Khùng, nhưng Khùng theo Ngài mà biết thương dân mền nước và Khùng biết âm dương kết liễu, biết đem Đạo mầu cứu vớt sanh linh.

SĨ PHU: Người nam nhi sĩ khí, có học thức thanh cao và trung cương nghĩa khí.

HẠNG VÕ: Người ở Hạ Tượng, thuộc đất Cối Kê (Trung Hoa) tên là Tịch, có sức mạnh cử cái đỉnh ngàn cân. Vào thời Tần Sở không ai địch lại, trong lúc đẹp nhà Tần vì tánh hiếu sát mà không được lòng quân dân nên vào Bá Tượng (Hàm Dương) sau Lưu Bang. Hạng Võ ý mạnh phụ lời ước hẹn, giành làm vua Tây Sở Bá Vương và đẩy Lưu Bang (Hán Trung Vương) vào Bao Trung.

Lưu Bang theo kế hoạch của Trương Lương lúi vào Bao Trung, sai Tiêu Hà chiêu binh mãi mã, tích trữ quân lương; còn Trương Lương tìm được Hàn Tín làm Phá Sở Đại Nguyên Soái, thi hành kế ly gián, chia rẽ giữa Phạm

Tăng và Hạng Võ khiến Võ rút về Bành Thành bỏ trống Tam Tần. Nhân đó Lưu Bang và Hàn Tín kéo binh trở ra đánh bại, khiến Hạng Võ trở tay không kịp.

Từ đó Hạng Võ phải đánh với Lưu Bang ròng rã sáu năm trường, bao phen thất điên bát đảo trước tài chỉ huy mưu lược của Hàn Tín. Rốt cuộc Hạng Võ phải bỏ mình tại bến Ô Giang.

HIỀN THẦN NHƠN QUÍ: Cũng gọi là Tiết Nhơn Quý, tên thật là Tiết Lễ, người ở Thái Bình Trang, huyện Long Môn, tỉnh Sơn Tây (Trung Hoa). Thân phụ là Tiết Anh, thân mẫu là Phạm Thị, gia thế giàu có, cha làm viên ngoại trong vùng.

Nhơn Quý cam từ thuở lọt lòng mẹ, đến 15 tuổi bỗng một hôm thấy bạch hổ nhảy vào trướng nhà vào mình nên hoảng hốt la lớn lên và từ ấy mới nói chuyện được, không bao lâu cha mẹ lâm bệnh từ trần. Nhơn Quý một mình thừa hưởng gia tài to lớn. Ông tự tập anh em lại rước thầy về luyện văn tập võ, nhưng vì ăn chơi phung phí nên của tiền đều hết sạch, bù vào đó ông lâu thông thạo bát ban võ nghệ.

Thuở ấy vua Đường Thái Tôn khi tảo Bắc xong trở về, một hôm nằm mộng thấy đi săn, bỗng có tướng mặt xanh cầm đao vọt ngựa rượt theo muốn giết vua, Thái Tôn kinh hãi giục ngựa chạy, chẳng may ngựa sa lầy nơi mé biển. Trong lúc nguy cấp bỗng có tướng bạch khôi bạch giáp cầm kích cỡi ngựa xông tới đánh người mặt xanh té xuống biển chết. Vua Thái Tôn mừng rỡ kêu lại hỏi tên họ để tạ ơn, tướng ấy đáp:

“Gia trụ diêu diêu nhưt điểm hồng,

Phiêu phiêu tứ hạ ảnh vô tông.

Tam tuế hài đồng thiên lượng giá,

Bảo vương khóa hải khứ chinh đông”.

Nói xong tướng ấy bị con rồng hút bay mất, Thái Tôn kinh hãi giật mình tỉnh giấc, liền cho vời quân sư Từ

Mậu Công đến nhờ giải dùm điềm mộng. Mậu Công giải như sau:

- Theo điềm mộng sẽ có người mặt xanh dấy loạn ở phương Đông, không ai đánh lại, nhờ có hiền thần áo trắng kia mới cứu được. Còn tên họ hiền thần đã nói rõ trong bài thi là: Câu thứ nhứt: “*Gia trụ diêu diêu nhứt điểm hồng*”; nghĩa là mặt trời lặn về phương Tây còn một chút điểm hồng đỏ, thì người ở chôn Sơn Tây. Còn bệ hạ thấy rồng hút người ấy mà bay, thiết là người ở huyện Long Môn. Câu thứ nhì: “*Phiêu phiêu tứ hạ ảnh vô tông*”; có nghĩa trong khi trời lạnh thì có tuyết xuống mù mịt, không rõ gốc tích ở đâu, chắc người này họ Tiết. Câu thứ ba: “*Tam tuế hài đồng thiên lượng giá*”; là con nít lên ba tuổi đáng giá ngàn lượng, thiết là cao quý, chắc tên là Nhon Quý. Còn câu thứ tư: “*Bảo vương khoá hải khứ chinh đông*”; có nghĩa hiền thần sẽ bảo giá vượt biển chinh Đông. Nếu bệ hạ muốn gặp hiền thần thì bệ hạ cho người đi mộ binh ở huyện Long Môn, Sơn Tây sẽ có. Thái Tôn nhận lời cho tiên phuông Trương Sĩ Quý đi chiêu binh là kết quả.

Nhon Quý hay tin liền ra đầu quân (nhưng vì Sĩ Quý vốn gian xảo nghe vua thuật điềm mộng tả hình dáng giống con rết hăn là Hà Tôn Hiến nên muốn cho con rết mình lập công). Thấy Nhon Quý mặc giáp trắng cầm phượng thiên họa kích giống điềm mộng của vua. Sĩ Quý sợ Nhon Quý đoạt công nên không thu. Đã hai lần đầu quân không được, ông buồn trở về gặp Trình Giảo Kim bị cọp rượt, ông ra tay đánh hổ cứu thoát. Thấy người tài năng, Trình Giảo Kim ban cho cây lệnh tiễn giới thiệu cho đi đầu quân. Sĩ Quý thấy vậy không dám cãi, nên cho Nhon Quý làm Hào đầu quân (quân nấu cơm) và buộc đổi tên họ khác mới thu. Sĩ Quý còn dọa rằng: Vì vua nằm mộng thấy tướng bạch hào bạch giáp cầm kích rượt giết vua, và có đọc bài:

“*Gia trụ diêu diêu nhứt điểm hồng,*

*Phiêu phiêu tứ hạ ảnh vô tông.
Tam tuế hài đồng thiên lượng giá,
Sanh tâm tất đoạt tổ kim long”.*

Quân sư có bàn rằng: Ba câu đầu là người ở Sơn Tây, tên là Tiết nhơn Quý, còn câu thứ tư sau người ấy ắt sanh tâm tiếm đoạt thiên hạ, nên vua truyền giết đi để trừ hậu hoạn. Nay ta thấy người vô tội không nỡ gia hình nên nhiều lần tha người, ấy là ta muốn tha người đó, chẳng phải ta muốn ích kỷ đâu.

Khi giặc Phiên làm phản không dâng cống lễ, vua Thái Tôn nổi giận nên ngự giá chinh Đông, truyền Sĩ Quý đi tiền đạo. Khi đi ngang Thiên Cái Sơn, đất bỗng sụp xuống thành một hang rất sâu. Sĩ Quý muốn giết Tiết Lễ nên sai xuống thám địa huyết. Nhưng khi xuống tới đáy địa huyết thấy con rồng xanh bị trói liền mở thả ra, ông đi lần vào trong thấy mấy xiềng bánh (?), có một cái hình con rồng, 2 cái hình con cọp, 9 cái hình trâu, sẵn bụng đói ông liền ăn. Một lúc sau lại gặp bà Cửu Thiên Huyền Nữ, được bà cho biết rằng:

Con rồng kia vốn có thù oán với người, nay người thả nó ra, nó sẽ xuống nhập vào xác Cáp Tô Văn mà đánh người. Ta biết trước nên bày ra địa huyết để ban cho người 5 món bửu pháp là: 2 Bạch Hổ Tiên, Thủy Hỏa Bào, Chấn Thiên Cung, 5 mũi Xuyên Vân Tiễn và quyển Vô Tự Thiên Thư để hộ thân mới cự nổi Cáp Tô Văn. Còn những cái bánh người ăn, có hình con gì người sẽ mạnh bằng con nấy. Thôi người hãy rán giữ mình mà phò Đại Đường Hoàng Đế.

Tiết Lễ mừng rỡ lãnh báu vật lạy tạ trở về. Từ đó ông mạnh vô cùng. Sĩ Quý sai ông đi tiền đạo, phá thành đập lũy, không ai đánh lại cả. Có lần nguyên soái Uất Trì Cung bị giặc bắt, nhờ ông cướp tù xa cứu khỏi. Sau Đường Chúa bị Cáp Tô Văn là nguyên soái Phiên binh vây phủ, nhờ ông về giải vây đánh Cáp Tô Văn học máu mà

chạy. Tất cả mọi công lao hạn mã của ông, Sĩ Quý đều mạo là của Hà Tôn Hiến, nhưng Uất Trì Cung không tin, lập kế điều tra mà chẳng được. Sau Uất Trì Cung hăm dọa đòi giết Sĩ Quý. Sĩ Quý sợ hãi mới khai thiệt câu chuyện gian trá từ trước tới nay. Uất Trì Cung giận nói:

- Vậy nhà ngươi quả thật gian ác, phải mau đem hiền thần Nhơn Quý ra bằng không thì đánh chết. Sĩ Quý vâng dạ lui ra nhưng lại lập mưu định giết Nhơn Quý để phi tang, nên cho đòi Tiết Lễ đến bảo rằng:

- Nay Nguyên Soái đã tra ra bọn ngươi, nên bảo đem các ngươi ra hành hình, nhưng ta thấy bọn ngươi có công nên không nỡ giết chết, lại cho các ngươi hay trước để tìm phương lánh nạn. Ta thấy phía sau trại này có một cái hang tên Thiên Tiên Cốc rất kín đáo có thể tạm trú yên thân được. Vậy các ngươi hãy lên đó ở, chừng Nguyên Soái bớt giận ta sẽ xin cho.

Tiết Lễ tưởng thiệt nên cùng 8 người anh em ra đi, nhưng khi vào cửa hang, Sĩ Quý cho lấp cửa hầm đốt. Trong lúc nguy cấp, bỗng có bà Cửu Thiên Huyền Nữ hiện đến cứu thoát đưa lên Tàng Quân Động ẩn mặt để lánh nạn, đợi đến thời cơ sẽ ra mặt giúp vua.

Thời gian sau, một hôm vua Đường cỡi ngựa đi săn bị Cáp Tô Văn rượt chạy, chẳng may ngựa sa lầy nơi mé biển. Cáp Tô Văn đứng trên bờ hỏi thúc vua mau viết huyết biểu hàng đầu. Trong khi ấy Tiết Lễ đang ngồi trong động Tàng Quân, thấy ngựa Lô hý vang. Ông lấy làm lạ bèn nai nịt lên yên đi ra, bỗng ngựa chạy như bay dừng lại không được. Khi đến chân núi thấy vua lâm nạn. Ông rượt đánh Cáp Tô Văn chạy dài, cứu vua thoát nạn. Thấy ứng điềm mộng vua Đường mừng rỡ đem ông về trọng dụng và hứa rằng: “Dầu sau này hiền thần lâm lỗi nặng đến đâu, trẫm cũng tha hết”.

Trương Sĩ Quý thấy vua trọng dụng Nhơn Quý sợ lộ sự ra mà chết, nên lén đem quân cướp hết chuyến

thuyền vượt biển về triều đình định giết thái tử cướp ngôi. Nhờ có quân sư Từ Mậu Công toán biết nên chỉ biểu Nhơn Quý cướp được con Thoại Long Cu (ngựa đi ngày 1.000 dặm đường và có tài chạy trên nước như trên đất liền), đi suốt mấy ngày đêm về Trường An bắt được cả bọn cứu an thái tử.

Thấy công rất trọng, nên Đường Thái Tôn phong làm Thiên Hạ Đô Chiêu Thảo Sứ Bình Linh Đại Nguyên Soái. Suốt 12 năm dài chinh chiến, Nhơn Quý giết được Cáp Tô Văn và bình xong giặc Phiên nên khi về triều ông được phong chức Bình Liêu Vương, trấn thuê tỉnh Sơn Tây, cùng vợ con chung hưởng hạnh phúc. Mưu gian của Sĩ Quý lộ ra nên cả bọn đều bị giết.

Riêng con gái của Sĩ Quý là Trương Mỹ Cơ vốn là vợ lẽ của hoàng thúc Lý Đạo Tông là chú của vua hiện làm chức Thành Thang Vương nên khỏi bị giết. Nhân việc giết cha nên nàng đem lòng hận oán, ngày đêm khóc lóc khuyên chồng lập mưu trả thù. Đạo Tông nghe lời bèn mạo chiếu vua dối rằng: Vua bệnh nên triệu Nhơn Quý về Kinh, Nhơn Quý tưởng thật ngày đêm riết về. Khi đi ngang phủ Quang Thiên thấy Đạo Tông chực sẵn rước vào dinh đãi tiệc. Nhơn Quý thấy trời tối không thể vào chầu được và vị tình Hoàng thúc khoản đãi nên ở lại. Trương Mỹ Cơ liền bỏ thuốc mê vào bình rượu của ông khiến ông bất tỉnh nhân sự, bị Đạo Tông trói lại đem bỏ vào phòng Quận Chúa Lý Loan Phụng, Quận Chúa hồ người đập đầu mà thác. Lý Đạo Tông tức giận, truyền khảo Nhơn Quý hơn 100 roi trầy da tróc thịt hết mà ông vẫn mê không hề hay biết. Khảo tra đã rồi Lý Đạo Tông vào triều tâu rằng:

- Hồi hôm này Nhơn Quý lên về Trường An, tôi thấy người có công nên rước về dinh mà thiết đãi. Chẳng ngờ Bình Liêu Vương đòi cưới con gái tôi, tôi không khứng. Nhơn Quý ỷ mạnh xốc vào làm hỗn ép việc mây

mưa với Quận Chúa. Quận Chúa không thuận tình bị Nhơn Quý đập chết rất thảm thương.

Tâu xong Lý Đạo Tông khóc rống lên. Vua Đường Thái Tôn thấy vậy giận lắm, truyền xử trảm Nhơn Quý tức thì, nhờ các quan hết sức can gián nên Thái Tôn dừng lại ra lệnh giam Nhơn Quý vào đại lao. Lúc này, Nhơn Quý còn mê man như chết không hay biết gì cả. Khi tỉnh dậy mới hay mình bị giam, nghe trong châu thân đau nhức vô cùng. Nhơn Quý hối hận vì quá tin người mà bị nạn. Đến hạn gia hình vua truyền xử trảm, các quan tâu xin mãi không được, nhờ có quân sư Từ Mậu Công về can gián, nhắc lại lời hứa của Thái Tôn khi xưa mới cứu được ông.

Sau vua Tây Phiên là Hấp Mê làm phản, phong Tô Bảo Đồng làm Tảo Đường Diệt Khẩu Đại Nguyên Soái cầm binh đánh nhà Đường. Vua Thái Tôn sợ hãi bèn tha tội Nhơn Quý và phong làm Chinh Tây Đại Nguyên Soái đem quân chinh phạt. Vừa ra khỏi tù ông tâu rõ việc hàm oan trong ba năm tù tội. Vua Thái Tôn nghe xong hối hận vì lầm mưu gian thần mà không hay, nên vua truyền giết Trương Mỹ Cơ và tên giả thiên sứ (?). Còn Lý Đạo Tông là chủ nên vua không nỡ gia hình. Sau Trình Giảo Kim dụ Đạo Tông vào chùa Nguơn Minh rồi lấy chuông úp lại cho đến chết.

Trả thù xong, Nhơn Quý liền khởi binh chinh Tây. Đến Bạch Hổ Quan bị con là Tiết Đình San bắn làm mà thác.

Đọc truyện hiền thần Nhơn Quý thấy rằng: Vì thời cơ chưa đến nên ông phải lao đao oan khốc. Song nhờ lòng trung chánh bao giờ cũng được Phật Tiên cứu độ và tiếng khen lưu để muôn đời. Hậu thế há chẳng theo đó làm gương hạnh đầy ư!

CHÁNH VĂN:

- 123.- *“Giảng kinh đọc tụng chiều mai,
Làm theo lời chỉ ngày rày gặp ta.
Xác trần để lại làng Hòa,*
- 126.- *Lời thăm bốn phía Ngọc-tòa ta lui.
Âm dương cách trở xa-xuôi,
Nhấn cùng bá tánh chớ nguôi tắc lòng.*
- 130.- *Phận Khùng thân hồi long đong.
Còn lo cho thế hai lòng toan mưu.
Ta không gây oán kết cừu,*
- 132.- *Cớ sao dân-sự phiền ưu nỗi gì?”.*

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 123 đến câu 132)

Đoạn này ý dạy tuy Đức Thầy xa vắng tín đồ, song nếu mỗi người sớm chiều siêng năng xem coi đọc học kệ kinh sấm giảng của Ngài và thi hành y theo lời chỉ dạy trong đó tất sau này sẽ gặp lại.

Nay Ngài được lệnh trở về kiến diện Đức Phật Tổ, đi bằng chơn linh hay pháp thân, còn phần thể xác vẫn lưu ngụ tại làng Hòa Hảo. Tuy thầy trò âm dương cách trở, nhưng Ngài khuyên bá tánh chớ buồn lòng.

Hiện giờ thân phận Đức Thầy còn phải rày đây mai đó, nhưng Ngài vẫn an lòng, chỉ lo cho trần thế còn toan mưu ám hại người hiền. Đối với mọi người dân lúc nào Ngài cũng thương xót, không hề gây thù kết oán một ai, nhưng cũng có người không vừa lòng.

CHÚ THÍCH:

LÀNG HÒA: Tức làng Hòa Hảo, nơi Đức Thầy sinh trưởng và khai Đạo, Đức Thầy có câu:

*“Hòa thôn hảo cảnh xứ chi Ta,
Tạm dất nhơn sanh khỏi ái hà”.*

BỐN PHÍA: Khắp bốn phương, không sót nơi nào. Sấm Giảng Quyền III Đức Thầy bảo:

*“Phiên bình bốn phía tứ vi,
Kể sao cho xiết chuyện ni sau này”.*

ÂM DƯƠNG: Tồi và sáng. Ý chỉ cho kẻ vô hình và nơi có hình tướng xác thể.

CHỚ NGUÔI: Ngủ ngủ, chớ nguôi là chớ ngủ ngủi thương nhớ. Ý nói âm dương tở thầy xa cách, Đức Thầy dặn dò môn đồ nên bớt lòng thương nhớ.

CHÁNH VĂN:

- 133.- *“Khoa tràng lệnh mở hội thi,
Nên Ta xuống bút dạy thi trần-gian.
Chớ mình hồn dựa lâm-san,*
136.- *Thanh-thời còn xuống thế-gian làm gì?
Ước-mơ Thượng-cổ hồi qui,
Thế-trần no ấm phú thi an nhàn.
Quân-thần, phụ-tử vinh-vang,*
140.- *Hết lo cay đắng, Khùng an phận Khùng.
Tới đây từ biệt khắp cùng,*
142.- *Thầy lia khỏi xác Thiên-cung phản hồi”.*

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 133 đến câu 142)

Phật trời đã ra lệnh mở trường thi để chọn lọc hiền còn dữ mất. Do đó, Đức Thầy phải hạ bút viết ra kinh giảng để khuyên bá tánh sớm tỉnh tâm tu niệm. Chớ Ngài đã có ngôi vị nơi cõi Tiên Phật an nhàn tự tại, sao còn xuống phàm gian mà làm gì?

Lòng Ngài lúc nào cũng mong đợi đến ngày Thượng Nguơn trở lại để toàn dân được hưởng an cư lạc nghiệp. Chính ngày ấy chúa tôi thầy tở đồng hưởng sự vinh quang sum hiệp. Thân Thầy cũng được an lành nơi ngôi vị. Viết đến đây Ngài có đôi lời từ biệt môn đồ để trở về cung điện của Đức Ngọc Đế.

CHÚ THÍCH:

KHOA TRÀNG: Trường thi khoa cử. Trong một quốc gia hằng năm hay nhiều năm đều có mở khoa thi, chia ra nhiều cấp bậc. Cấp nhà nước (trung ương) hay các tỉnh, quận, xã hoặc tại trường để tuyển chọn những người

có đủ văn võ nghiệp nghề ra giúp việc cho quốc gia. Khoa trường ở đây là Đức Thầy có trách nhiệm thi cử chọn lọc các bậc hiền tài để lập lại cuộc đời Thượng Nguơn thánh đức. Còn kẻ bạo tàn hung ác sẽ bị luật đào thải diệt vong.

LÂM SAN: Rừng và núi, nơi an nhàn thanh thoi và vắng lặng.

THƯỢNG CỐ HỒI QUI: Trở lại đời xưa như hồi trước.

THIÊN CUNG: Cung điện của Trời, tức là nơi Đức Ngọc Đế ngự.

PHẦN HỒI: Trở lại. Ý nói trước kia từ đó ra đời, bây giờ trở lại chỗ đó.

CHÁNH VĂN:

- 143.- *“Đục trong cạn tổ khúc nôi,
Thấy dân tu dối nghĩ thôi bận lòng.
Lang tâm như thú thiếu lông,*
- 146.- *Trớ-trêu cửa miệng trong lòng gươm đao.
Ra đời chẳng nệ công lao,
Chẳng hờn không giận, hùng-hào còn ganh.
Hiệp chung một cội nhánh-nhánh,*
- 150.- *Sum-sê lá thắm chim xanh nổi đường”.*

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 143 đến câu 150)

Đức Thầy viết kệ giảng bày tỏ hết hoàn cảnh hư nên tốt xấu, trong đục cho mọi người được rõ. Thấy trong thế gian có nhiều người tu dối trá khiến Ngài phải bận lòng dạy răn. Bên ngoài họ tự xưng là đạo đức, hiền từ; song trong lòng thì tính toan việc hung ác chẳng khác gì lòng lang sói, không giống con người ở chỗ có lông hay không vậy thôi.

Đức Giáo Chủ quyết lòng khai Đạo độ đời chẳng nệ sự gian lao cực khổ; không hề hờn ghét một ai, thế mà có nhiều kẻ ác hung đem lòng ghét ghen đố kỵ. Ngài cũng thấy lẽ thăng trầm vinh nhục, tạo hóa đã sắp đặt chúa tôi

Thầy tới tới đây sẽ có ngày hòa hiệp, mà có khai Đạo của Ngài là cuộc báo tin tới ngày sum hiệp ấy.

CHÚ THÍCH:

CẠN TỔ: Tổ bày hết mọi lẽ đầu đuôi gốc ngọn.

KHÚC NÔI: Kể hết hoàn cảnh sự tình. Ý nói Đức Thầy ra cơ giảng nói hết mọi sự việc hưng hiển trong đục cho người được nghe.

TU DỐI: Tu không thật tâm. Ý chỉ như “mặt người lòng thú” hay “khẩu Phật tâm xà”.

HIỆP CHUNG MỘT CỘI: Biết thương yêu đoàn kết với nhau làm một, tất sẽ có ngày sum hiệp.

LÁ THẮM: Danh từ lá thắm do thành ngữ “Sum sê lá thắm”. Đức Thầy dùng trong bài “Từ Giã Bỏn Đạo Khắp Nơi” ở đây: Lá thắm là dịch nghĩa của chữ “Hong Diệp”; do điển tích Vu Hựu và Hàn Thúly Tần đời Đường (TH).

Vu Hựu là nhà văn học, môn khách của Hàn Vinh. Một hôm nhân cuộc du ngoạn ngoài thành, Vu Hựu đến bên dòng Bích Câu ngồi xem cảnh.

Còn Hàn Thúly Tần là một cung nữ của vua Đường, vì ở trong thâm cung lâu ngày buồn bức nhớ quê hương, nên nàng lượm một lá cây đỏ (lá thắm) mới rụng đề vào đó một bài thơ rồi thả xuống dòng nước trôi ra ngoài thành. Bài thơ ấy như sau:

*“Nước chảy sao mà vội,
Cung sâu cả buổi nhàn.
Ấn cần khuyển lá thắm,
Đưa quách tới nhân gian”.*

Vu Hựu đang ngồi dựa mé rạch nhìn mây nước, bỗng gặp lá thắm tấp vào vội vớt lên thấy có bài thơ. Xem xong chàng liền viết hai câu thơ trên lá cây khác hỏi lại:

*“Đã nghe lá thắm đề thơ oán,
Trên lá đề thơ định hỏi ai?”*

Khi nước chảy vào, Vu Hựu liền thả xuống dòng ngư câu (?), lá ấy trôi vô thành. Ở trong thành Hàn Thúc Tần vớt được. Hai người liền rửa sạch các lá cây đó, cất vào rương để kỷ niệm, mặc dù cả hai đều chưa biết mặt nhau.

Thời gian sau nhà vua cho thấy hồi 30 cung nữ về quê lập gia đình. Vu Hựu may mắn cưới được Hàn Thúc Tần. Trong đêm tân hôn, đôi giai nhân nhắc chuyện năm xưa, rồi đem so hai bài thơ thấy đích thị là của mình, đồng nói lá thắm ấy đã mai mối cho đôi bên nên nghĩa đá vàng, nên có thơ rằng:

*“Nhất liên thi cú tùy lưu thủy,
Thập tải ưu tư mãi cố hoài.
Tam nhật khước thành loan phụng hỷ,
Phượng chi hồng diệp thị lương mai”.*

Có nghĩa:

*“Một đôi thi cú theo dòng nước,
Mười mấy xuân qua nhớ đầy đầy.
Mừng bấy ngày nay loan sánh phụng,
Cũng nhờ lá thắm khéo làm mai”.*

Do điển tích đó, xưa nay văn chương thường dùng chữ “Lá thắm” để chỉ những người có nhân duyên với nhau thì dù có xa xôi cách trở, rồi lại cũng được gặp nhau.

Điển ngữ “Lá thắm” Đức Thầy dùng trong bài “Tứ Giã Bồn Đạo Khấp Nôi” ở đây dụng ý chỉ cho tín đồ và Ngài đã có duyên Thầy trò từ trước nên hiện giờ đang gặp nhau. Thế thì từ đây dù có xa cách gian lao nhưng rồi cũng sẽ đang cùng nhau sum hiệp:

*“Hiện lành chừng đó sum vầy,
Quân thần cộng lạc mấy ngày vui chơi”.*

Nếu ai muốn tận hưởng cảnh ấy thì hiện giờ phải vâng theo lời dặn dò của Ngài:

*“Giảng kinh đọc tụng chiều mai,
Làm theo lời chỉ ngày rày gặp ta”.*

CHIM XANH: Là nghĩa của chữ “Thanh Loan Điểu”, xuất phát từ điển tích vua Hán Quang Võ (TH) gặp được Tiên.

Một hôm vua Đông Hán Quang Võ (TH) cùng quần thần đang dạo xem phong cảnh nơi vườn ngự uyển, bỗng có đôi chim to lớn bay đến đậu gần đó.

Vua liền hỏi bá quan:

- Ai có biết đó là chim chi chăng?

Đông Phương Sóc quỳ tâu:

- Muôn tâu bệ hạ, chim này gọi là chim xanh, tên chữ của nó là “Thanh Loan Điểu”. Nó vốn là sứ giả của bà Tây Vương Mẫu, mẹ của chư Tiên cõi Trời. Nó cũng có tên là chim đem tin (nổi đường). Hôm nay, nó bay tới báo tin trước, chút nữa đây sẽ có bà Tây Vương Mẫu ngự đến.

Vua tôi liền hoi trào.

Quả nhiên, được quân vào phi báo với vua: Có bà Tây Vương Mẫu đến xin ra mắt.

Vua vui mừng cùng quần thần ra cửa tiếp rước. Khi vào đến cung điện. Vương Mẫu nói:

- Ngài là vua nhân từ, hữu phước nên nay tôi đem ít quả đào tiên, đây là lộc Trời ban cho. Vua tạ ơn thâm nhận và hỏi cách trồng đào.

Điển tích Chim xanh có ngụ ý: Nếu người nào biết ăn ở hiền từ phước đức thì là điềm báo tin sắp được gặp Phật tiên. Cho nên người sau cũng xác định:

“Đã là thấy bóng chim xanh,

Ắt rằng Vương Mẫu hậu hành đáo lại”.

Đại lược câu chuyện nêu trên, Đức Thầy ngụ ý kêu gọi chúng dân hãy thương yêu đoàn kết lẫn nhau trong việc hiền lương đạo đức thì sau này sẽ gặp Phật Tiên cứu độ thoát khỏi sanh tử luân hồi:

“Kể hiền đức sau này được hưởng,

Phép thần linh của Đức Di Đà.

Lại được thêm thoát khỏi Ta bà,

Khởi luân chuyển trong vòng lục đạo”.

CHÁNH VĂN:

- 151.- ***“Từ-bi tình ấy đoạn trường,
Kể qua tích cũ mà lường lòng đây.
Như ai có đạo đoạn này,
154.- Xin đừng chê nhạo rằng Thầy nói nhăng.
Muốn sao có phép phi đẳng,
Cũng như Đại-Thánh, Đường-Tăng thoát nần.
Rung-rung nước mắt hai hàng,
158.- Lánh nơi cõi tục Phật-đàng lui chơn”.***

*Hòa-Hảo, ngày 1 tháng 4 năm Canh-Thìn
(Đức Thầy viết bài này vì Ngài tiên-tri rằng Ngài sẽ xa
cách bốn-đạo. Quả thật ngày 12/04 năm Canh-Thìn nhà
chức-trách ở Châu-Đốc dời Ngài đi Sa-Đéc).*

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 151 đến câu 158)

Tính từ bi của Đức Thầy đối với vạn loại chúng sanh thật là sâu đậm thiết tha khó mà lường tính được. Thấy chúng sanh đang gánh chịu vô vàn đau khổ, Ngài cũng đau đớn từ đoạn ruột. Cái tình từ bi ấy ví như cha mẹ đối với con, hay loài vượn đối với con nó: Vượn con bị tên mà ruột con không sao, còn ruột mẹ không bị tên mà đứt từng đoạn ruột. Đức Thầy kể lại điển cố này là để cho bá tánh lường được lòng từ bi của Ngài như thế nào.

Sau này nếu có ai xem đến đoạn giảng trên hãy suy lường cho kỹ, chớ đừng vội cho Ngài nói nhăng.

Ngài cũng mong ước cho mỗi người đều có phép thần thông để cứu nguy bá tánh. Cũng như Tề Thiên Đại Thánh khi xưa dùng phép Cân đầu vân để cứu Đường Tăng Tam Tạng. Viết đến đây Đức Thầy có lời từ giã hết bốn đạo để rời khỏi trần gian lui chơn về cõi Phật.

CHÚ THÍCH:

TỪ BI: Hai trong bốn đại đức của chư Phật (Từ, bi, hỷ, xả). Có nghĩa hiền lành thương xót do câu: ***“Từ năng***

*dữ nhưt thiết chúng sanh chi lạc; **Bi** năng bạt nhưt thiết chúng sanh chi khổ”.*

ĐOẠN TRƯỜNG: Có nghĩa là đứt ruột. Từ ngữ này chỉ cho lòng từ bi của Phật và Thầy thương xót chúng sanh rất bao la vô bờ bến như tình mẹ thương con: “*Mẹ thương con như biển hồ lai láng*”. (Ca dao).

Từ trước tới nay xuất phát nhiều điển tích, ở đây xin điển tích một chuyện:

Xưa có ông Hứa Tinh Vương dẫn đoàn tùy tùng đi sâu vào rừng, bỗng gặp con vượn còn tơ, vua lập tên bắn trúng vượn, vượn mang tên chạy miết. Vua giục ngựa đuổi theo tới một nơi nọ, vua thấy vượn con nằm phục dưới chân vượn mẹ. Ngài dừng lại xem thử, thấy vượn mẹ cắn mũi tên nhỏ ra rồi le lưỡi liếm chỗ vết thương của vượn con. Vua ra lệnh cho đoàn tùy tùng tiến bắt, vượn mẹ quần quít bên vượn con không chạy, thế là hai mẹ con nhà vượn đều bị bắt hết.

Về tới triều, vua sai làm thịt hai con vượn, lúc mổ ra những người làm thịt thấy ruột con vượn mẹ đứt từng đoạn, còn vượn con tuy bị thương nhưng ruột của nó vẫn còn nguyên vẹn, họ liền đem trình bày cho vua xem. Vua nhận xét: Vượn mẹ tuy không bị tên nhưng vì quá thương con nên ruột đứt từng đoạn (đoạn trường), loài thú còn vậy huống chi loài người.

Luôn mấy ngày suy nghĩ, vua vô cùng hối hận hành động của mình, liền bỏ hết cung tên, nhường ngôi cho thái tử rồi vào núi tu hành, sau được thành chánh quả và mở cơ phổ hóa nhân sanh.

Đọc truyện trên nhận thấy rằng: Đức Thầy dùng điển ngữ đoạn trường là muốn cho môn đồ có nhận xét: Tình mẹ thương con của loài vượn còn đến thế thì tình từ bi của Phật và Thầy thương xót vạn loại chúng sanh còn hơn rất nhiều. Cho nên trên bước đường cứu độ chúng

sanh dù phải gặp muôn ngàn đắng cay, nghịch cảnh các Ngài cũng chẳng hề nao lòng nản chí.

***“Thân ta dù lắm đoạn trường,
Cũng làm cho vẹn chữ thương nhưn loài”.***

TÍCH CŨ: Tích xưa, những cốt truyện đã xảy ra từ trước.

PHÉP PHI ĐĂNG: Phép bay trên mây mà đi, cũng gọi là đăng vân. Do các bậc Phật Tiên giai đoạn trước tu hành chứng đắc mà được.

ĐẠI THÁNH: Tức là Tề Thiên Đại Thánh. Ông nguyên gốc từ cục đá sanh ra, chứng tỏ “vạn vật duy tâm tạo”, hay “Vạn vật đồng nhứt thể”. Khi trở thành người, ông đến thọ giáo với Tổ Sư Bồ Đề, tức là tâm chánh đẳng chánh giác sẵn có của mỗi người.

Tu học một thời gian ông được chứng đắc hai pháp: Một là Thất thập nhị huyền công, hai là pháp Cân đầu vân (tức nhảy một cái là tới tận chân trời).

Lúc chưa gặp Phật Quan Âm độ rồi thì tánh còn ngang bướng, đòi làm Tề Thiên Đại Thánh, chọc trời khuấy nước loạn Thiên cung. Sau bị Phật Tổ thân phục, giao cho Quan Âm giáo độ. Quan Âm cho Đại Thánh làm đệ tử Đường Tăng Tam Tạng để sau này đi Tây phương (Ấn Độ) thỉnh kinh.

Nhờ có lòng bảo hộ Đường Tăng đi thỉnh kinh mà sau thành được Đầu Chiến Thắng Phật.

ĐƯỜNG TĂNG TAM TẠNG: Vị cao tăng nước Đại Đường đến Thiên Trúc (Ấn Độ) thỉnh được Tam Tạng kinh điển đem về Trung Quốc nên gọi là Đường Tam Tạng.

Thuở nhỏ phụ thân ông thi đậu được vua bổ nhậm. Đi dọc đường bị giặc cướp chặn bắt, phụ thân ông chết, rồi ép mẹ ông ưng thuận. Mẹ vì có thai ông nên rán nhẫn chịu. Khi sanh ra, mẹ để ông vào cái thúng gĩa lớn, viết thơ gửi

gắm rồi thả trôi ra sông lớn. Vài hôm sau nhà sư vớt được đem về nuôi. Từ đó ông ở tu học luôn trong chùa.

Sau vua tuyển chọn các tăng sư giỏi cho đi Tây phương thỉnh kinh. Ông được trúng tuyển và vua Đường nhận làm em nuôi nên có tên là Đường Ngự Đề.

Trên đường đi Tây phương (Thiên Trúc), Ngài trải qua nhiều cảnh gian lao cực khổ, nào bị yêu tinh bắt ăn thịt, nào bị ép duyên thiêu đốt. Chúng tuyên truyền rằng: “Ăn được miếng thịt của Đường Tăng sống hằng vạn năm”.

Cuối cùng Đường Tăng nhờ có Tiên Phật gia hộ và ba người đệ tử bảo vệ tận tình nên đi được đến Tây phương thỉnh được tam tạng kinh đem về Đông Độ (Trường An) và sau tu hành được thành chánh quả.

Bài 10.- TẠM NGƯNG LÝ THUYẾT

(SGTVTB 2004, tr.336)

XUẤT XỨ:

Hôm ấy vào ngày 10 tháng 04 năm Canh Thìn. Lý do là sở mật thám Pháp ở Châu Đốc đến Tổ Đình (nhà Đức Ông) dòm ngó theo dõi Đức Huỳnh Giáo Chủ, nên Ngài tạm ngưng sáng tác và thuyết giảng giáo lý, chỉ viết có hai bài thi tứ cú (8 câu). Do đó bài được mang tựa đề là “TẠM NGƯNG LÝ THUYẾT”.

VĂN THỂ:

Đức Thầy sáng tác bài “TẠM NGƯNG LÝ THUYẾT” bằng thể thơ tứ cú Đường luật. Khởi đầu bằng câu: *“Gặp buổi gian truân tiếng nhộn nhàng”*, và chấm dứt bởi câu: *“Tớ Thầy sẽ gặp việc hay ho”*.

CHÁNH VĂN:

- 1.- *“Gặp buổi gian-truân tiếng nhộn-nhàng,
Cảm-tình bốn-đạo sự riêng than.
Thầy an nghỉ xác trong đôi bữa,*
4.- *Đây cũng trải qua hết nhộn-nhàng”*.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 1 đến câu 4)

Bài thi thứ nhứt Đức Thầy cho biết trên đường hoằng pháp lợi sanh của Ngài phải gặp nhiều cảnh gian nan sóng gió.

Tình cảnh đó khiến Thầy trò phải gặp cảnh gian truân khắc khổ. Lòng Đức Thầy rất cảm thông cho hoàn cảnh ấy và Ngài cũng nói rõ đây là dịp may để cho Thầy yên nghỉ xác thân trong thời gian ngắn. Rồi đây thời cơ cũng phải vượt qua hoàn cảnh khó khăn đó.

CHÚ THÍCH:

TRUÂN CHUYỀN: Rộn ràng, rắc rối, nhiều công việc rắc rối.

“Đạo diệu mầu gặp lúc truân chuyên,

Phận môn đệ phải lo vun quén”.

(Khuyến Thiện, Q.V)

CẢM TÌNH: Cũng gọi là tình cảm. Có nghĩa cảm xúc, động lòng. Mọi công việc đối xử với nhau do ngoại cảnh kích thích mà sanh ra tình cảm bên trong. Đức Thầy viết:

“Kỷ Mão hạ san mượn xác trần,

Cảm tình đồng loại Lão khuyên dân”.

NGHĨ XÁC: Cho thể xác nghỉ ngơi, bớt lao động để lấy lại sức khỏe.

CHÁNH VĂN: (4 câu thi chót)

5.- ***“Nhộn-nhàng già trẻ có lòng lo,***

Mà ấy chẳng qua ngược gió đờ.

Đậu lại ít ngày chờ lặng sóng,

8.- ***Tớ Thầy sẽ gặp việc hay-ho”.***

Hòa-Hảo, ngày 10-4 Canh-Thìn

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 5 đến câu 8)

Bốn câu thi chót Đức Thầy nói rõ cảnh bận rộn, truân chuyên hiện giờ khiến cho tín đồ phải lo lắng. Ấy chẳng qua như chiếc đò bị ngược gió vậ thôi, cho nên Đức Thầy phải dừng thuyền chờ lặng sóng trong đôi lúc. Sau đó Thầy tớ ắt sẽ gặp cuộc hay ho may mắn.

Bài 11.- ĐẾN LÀNG NHƠN NGHĨA (Cần Thơ)

XUẤT XỨ:

Trên đường lưu cư Đức Huỳnh Giáo Chủ phải trải qua Châu Đốc, Sa Đéc rồi được đưa đến làng Nhơn Nghĩa (Cần Thơ). Cũng nhờ bà Võ Mậu Thạnh hiệp cùng Cô Hai Gương đứng xin, nên người Pháp cho Đức Thầy về xứ Xà No. Đây là quê hương của ông Võ Mậu Thạnh, bà Thạnh có lẽ đã quy y lúc ở Tổ Đình Hòa Hảo nên có mặt trên chuyến đi Sa Đéc. Như ta được biết vùng Cần Thơ cách Tổ Đình khoảng 100 km thuộc về sông Hậu. Thời Pháp thuộc gọi là Tây Đô, thời Cộng Hòa là vùng 4 chiến thuật và thời cách mạng là Quân khu 9. Từ Sa Đéc đến làng Nhơn Nghĩa, cách 14 ngày Đức Giáo Chủ sáng tác bài “ĐẾN LÀNG NHƠN NGHĨA” vào ngày 29 tháng 04 năm Canh Thìn. Cũng như ở Sa Đéc, Ngài sáng tác trong công cuộc truyền bá, kỷ niệm những ngày lưu cư ở xứ sở quê người thân tặng ông bà Võ Mậu Thạnh và tín đồ trong những ngày xa vắng.

VĂN THỂ:

Đức Giáo Chủ viết bài này bằng thể văn Song thất lục bát biến thể. Vô 2 câu đầu Ngài viết lối văn lục bát. Khoảng giữa bài Ngài dành trọn vẹn 11 bài thất ngôn tứ cú Đường luật liên hoàn thi và có xen bài khoán thủ đề tên Võ Mậu Thạnh. Đoạn sau và đến rốt bài Ngài viết lối song thất lục bát và có xen vài câu lục bát. Khởi đầu bằng câu: ***“Vui mừng gặp chốn hiền lương”***, và chấm dứt bởi câu: ***“Trách dân chẳng sợ hùm lang cứ gần”***, dài 86 câu.

NỘI DUNG:

Đức Huỳnh Giáo Chủ thấy lòng người ly tán, trà trộn tà tâm nên Ngài đem đạo huyền thâm đến phổ độ. Kế đó Ngài luận giải về nợ luân thường con người đã vay mang phải lo đền đáp, rồi Ngài luận về bản tâm thanh tịnh

của mình sẵn có từ đời vô thủy. Sau rốt Ngài chỉ rõ Bát Chánh Đạo và nguồn gốc phát sinh pháp môn này. Đồng thời diễn tả ngày tận diệt hầu kẻ để khuyên người lo tu tỉnh.

CHỦ ĐÍCH:

Đức Huỳnh Giáo Chủ quyết tâm đem nền Đạo Học Phật Tu Nhân lan tràn khắp chốn để phổ độ người lành. Kế đó Ngài kêu gọi đoàn kết để cứu nguy dân nước và lo tu hành giải khổ, tìm kiếm bản tâm thanh tịnh để thật thi đúng nền đạo vô vi của Phật Thích Ca.

CHÁNH VĂN:

- 1.- *“Vui mừng gặp chốn hiền lương,
Đốc lòng mở cửa Phật-đường độ dân.
Làng Nhơn-Nghĩa để chân đến chốn,*
- 4.- *Thấy dương-trần trà-trộn tà tâm.
Oai Thần đem đạo huyền thâm,
Nhiệm-mầu phổ-độ âm-thâm ai hay”.*

CHÚ THÍCH:

HIỀN LƯƠNG: Hiền lành tốt đẹp. Đức Thầy có câu: *“Phật từ bi độ tử độ sanh,*

Là độ kẻ hiền lương nhơn ái”.

PHẬT ĐƯỜNG: Nhà Phật hay Đạo Phật. Ngoài ra còn có nghĩa: Con đường về cõi Phật. Đức Thầy có câu: *“Chốn Phật đường rán trau đức hạnh”.* Hoặc: *“Tìm con lành dắt lại Phật đường”.*

NHON NGHĨA: Địa danh một xã ở thành phố Cần Thơ. Tiếng địa phương còn gọi là Xà No.

DƯƠNG TRẦN: (Xem chú thích bài DPQM, Quyển Hạ, tập 1/2,...)

TRÀ TRỘN: Lẫn lộn xen lẫn nhau.

OAI THẦN: Oai lực Thần Thánh. Đức Thầy có câu *“Ơn nhờ chư Phật oai linh giáo truyền”.*

HUYỀN THÂM: Huyền: Mầu nhiệm kín đáo. Thâm: Sâu xa. Mầu nhiệm sâu xa.

NHIỆM MÀU: Còn gọi là màu nhiệm, huyền diệu sâu kín. Đức Thầy có câu: ***“Chùng ni mới thấy nhiệm màu của Ta”***.

PHỔ ĐỘ: Phổ: Khấp cả, tất cả. Độ: sang qua. Cứu độ và tế độ khấp cả chúng sanh thoát khỏi chốn mê đồ. Đức Thầy có câu: ***“Nam mô Tây phương Cực lạc thế giới đại từ đại bi phổ độ chúng sanh A Di Đà Phật”***.

ÂM THẦM: Lặng lẽ, kín đáo. Đức Thầy có câu: ***“Tự giác âm thầm kiến Tiên bang”***.

LUỘC GIẢI:

(Từ câu 1 đến câu 6)

Đức Tôn Sư PGHH tỏ sự hân hoan khi bước đến làng Nhơn Nghĩa vì làng này có nhiều người hiền lương đức hạnh nên Ngài dốc lòng khai mở mỗi Đạo màu tại đây.

Song càng đi sâu vào lòng người, Ngài thấy có số người không thật tâm trà trộn vào để quấy nhiễu nhưng Ngài cũng quyết tâm dùng oai lực Thần Thánh đem mỗi Đạo lành ban rải khắp nơi bằng phương pháp âm thầm kín đáo.

CHÁNH VĂN:

- 7.- ***“Mẹo đã hết, rồng bay vợ-vẫn,
Khấp hoàn-cầu nghịch lẫn cùng nhau.
Lê-dân trăm họ xáo-xào,***
- 10.- ***Rã-rời phụ tử, máu đào nhuộm tuôn.
Thương quá sức bắt cuồng tâm nã,
Quyết cứu người dùng Đạo phổ thông.
Ước-mơ cho được đại-đồng,***
- 14.- ***Trần-trẻ khấp cả, Lạc-Hồng thanh-thời.”***

CHÚ THÍCH:

MẸO ĐÃ HẾT: Tức năm Kỷ Mão (1939)

RỒNG: Năm Canh Thìn (1940); năm Đức Thầy đến làng Nhơn Nghĩa.

VÔ VÂN: Bâng quơ không nhất định. Đức Thầy có câu: ***“Mèo lui rồng tới bay vợ vẫn”***.

HOÀN CẦU: Khắp cả trái đất, các nước trên thế giới. Nghĩa rộng: Hành tinh đang quay xung quanh hệ mặt trời. Bề mặt tính được 511.000.000 km, vòng tròn 140.000.000 km. Đường trục kín 12.740 km. Riêng biển chiếm 3/4 diện tích mặt địa cầu. Đức Thầy có câu: ***“Khắp hoàn cầu ó ré một nơi”***.

LÊ DÂN: Dân đen. Chỉ chung mọi người.

TRĂM HỌ: Chỉ chung tất cả mọi người.

XÁO XÀO: Rầy rà, xung đột. Nghĩa bóng: Cảnh tranh đua giành giựt gây ra xung đột, hay cảnh chiến tranh giặc giã.

RÃ RỎI: (Xem chú thích bài Nang Thơ Cẩm Tú...)

PHỔ THÔNG: Phổ: khắp nơi. Thông: suốt khắp. Thông suốt tất cả mọi nơi. Đức Thầy có câu: ***“Chớ cũng mừng được dịp phổ thông”***.

ƯỚC MƠ: Mong mỏi, hy vọng. Đức Thầy có câu: ***“Người đòi lòng những ước mơ”***.

ĐẠI ĐỒNG: Đại: To lớn. Đồng: Cùng khắp. Rộng khắp mọi nơi. Nghĩa bóng: Không phân biệt giai cấp, bình đẳng rộng khắp thế giới. Đức Thầy có câu: ***“Dựng cuộc hòa mình khắp đại đồng”***.

TRẦN TRỀ: Ngập đầy, tràn ngập tất cả. Đức Thầy có câu: ***“Dục dân tâm sôi nổi trần trề”***.

LẠC HỒNG: Còn gọi là Hồng Lạc, tức họ Hồng Bàng sanh Lạc Long Quân, vị vua đầu tiên nước Việt Nam. Gọi chung Hồng Bàng và Lạc Long Quân là Hồng Lạc; tức Tổ tiên người Việt Nam. Cổ thi có câu: *“Nhớ câu một bốn thủy nguyên, Cháu con Hồng Lạc lưu truyền ngàn xưa”*.

Đức Thầy cũng bảo: ***“Quyết chí nâng niu giống Lạc Hồng”***.

THÀNH THỜI: rảnh rang, thung dung, không bận lo nghĩ. Ca dao có câu:

*“Bao giờ đồng ruộng thành thời,
Ngồi trâu thổi sáo vui đời Thuấn Nghiêu”.*

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 7 đến câu 14)

Năm Mẹo đi qua năm rồng đã đến, đó là năm Đức Huỳnh Giáo Chủ bị người Pháp lưu cư, cũng là năm thế giới nổi dậy phong ba, hoàn cầu nghịch lẫn cùng nhau làm cho lê dân tan tác, cha con chồng vợ chia ly, máu đào nhuộm đỏ khắp nơi.

Nhìn cảnh dầu sôi lửa bỏng, lòng Đức Huỳnh Giáo Chủ đau đớn vô ngần, tâm não bất cuông loạn. Ngài quyết định cứu người, đem đạo màu ban rải khắp nơi nơi, Ngài ước mong toàn dân hiệp chí đồng chung lo cho tình hòa hảo chan hòa trong vũ trụ. Mọi người đồng hưởng cảnh thanh bình, khắp cả nước Việt Nam giống Hồng Lạc được thành thời an lạc.

CHÁNH VĂN:

- 15.- *“Nhìn vạn vật cuộc đời ngao-ngán,
Bởi hoàn-cầu thù oán cứ gây.
Vẽ hình rồi lại vẽ mây,*
18.- *Vẽ tranh Thiên tạo Bồng-Lai cảnh tình.
Lại thêm vẽ phù sanh cõi tạm,
Dắt hồn người hắc ám khỏi mang.
Cầu cho cuối xóm cùng làng,*
22.- *Trẻ già lớn nhỏ Phật-đàng yên thân”.*

CHÚ THÍCH:

VẠN VẬT: Nói chung muôn loài và vạn vật. Những gì ta thấy chung quanh, bao gồm: cây cỏ, sông núi, các loài động vật và con người. Đức Thầy có câu: **“Phá bức tường mây nhìn vạn vật”.**

NGAO NGÁN: Buồn rầu, chán nản. Đức Thầy có câu: **“Ngao ngán tình đời gấm cuộc âu”.**

THÙ OÁN: Cừu thù oán hận. Cừu mang trong lòng chờ ngày phản công mới nguôi ngoai. Ca dao có câu:

*“Bà Trưng quê ở Châu Phong,
Giận người tham bạo thù chồng chẳng quên”.*

THIÊN TẠO: Thiên: Trời. Tạo: gây dựng, tạo lập. Cảnh thiên nhiên tạo hóa đã sắp bày.

BÔNG LAI: Còn gọi là Bồng Hồ. Một trong ba hòn đảo ở biển Bột Hải: Bồng Lai, Phương Trượng, Doanh Châu. Ý chỉ cảnh Tiên, tiêu diêu thoát tục. Đức Thầy có câu: ***“Bồng Lai Diên đại có ngôi”.***

PHU SINH: Phù: nổi. Sinh: sống. Kiếp sống nổi của con người. Nghĩa bóng: Kiếp sống con người và vạn vật rất ngắn ngủi, như đám mây bay, như bọt nước nổi đầu ghềnh dễ bị tan biến. Đức Thầy có câu: ***“Phù sinh nhược mộng đời lao khổ”.***

HẮC ÁM: Nơi tối tăm. Đức Thầy có câu: ***“Quyết chỉ nẻo lánh vòng hắc ám”.*** Hoặc:

***“Khá chí tâm học hành kinh sách,
Thoát nơi miền hắc ám phong ba”.***

PHẬT ĐÀNG: Đàng về cảnh Phật, nhà Phật.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 15 đến câu 22)

Đức Tôn Sư PGHH nhìn suốt cả vạn vật thấy cuộc đời thật là ngao ngán vì trên thế giới ngày nay từ con người đến thú cầm sanh vật sống chỉ biết gây nợ máu với nhau, ân oán giang hồ trả vay vay trả.

Định luật thiên nhiên rất là công lý không hề tư vị một ai. Hóa công hết vẽ hình rồi đến vẽ mây, có khi vẽ cả bức tranh thủy mặc: trời đất, cỏ cây, sông núi, non bồng nước nhược, Tiên Phật lâm phạm cứu thế độ dân.

Có lúc vẽ cả cuộc sống bấp bênh, số phận con người sinh trong cõi tạm. Đức Tôn Sư PGHH nhận chân được cuộc đời nên Ngài cương quyết dìu dẫn nhơn sanh thoát vòng mê khổ, đồng thời Ngài cầu nguyện thế giới

bình an, già trẻ gái trai tu hành tinh tấn và gặp được muôn điều phúc lạc.

CHÁNH VĂN:

THI:

- 23.- *“Luân-thường nặng nợ phải vai mang,
Nhuần gọi thừa ân của Phật-đàng.
Cố-gắng tâm trì theo đến chốn,*
26.- *Một ngày vinh-diệu ắt bằng an.*

*

* *

- Bằng an bốn biển khỏi đua tranh,
Bồi khắp bá gia được chí lành.
Trau sửa tâm phàm tìm cội cũ,*
30.- *Về nơi Tiên cảnh mới nhàn thanh”.*

CHÚ THÍCH:

LUÂN THUỜNG: Luân: giềng mối, đạo lý. Thường: đạo thường hằng, phép tắc thông thường mà ai ai cũng biết. Những phép tắc thường hợp đạo lý. Theo Nho giáo luân thường còn gọi Ngũ luân (Đạo vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em và bè bạn). Ngũ thường: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Đức Thầy có câu: *“Ấy chẳng qua là đạo luân thường”.*

NHUẦN GỘI: Thuần thực chan hòa, lan tỏa khắp mọi nơi. Đức Thầy có câu: *“Nhuần gọi ơn trên rải đạo màu”.*

THỪA ÂN: Cũng gọi là ân thừa, chịu ơn của người khác. Trong Cung Oán có câu: *“Thừa ân một giấc canh tài”.*

PHẬT ĐUỜNG: Đạo Phật, nhà Phật.

CỐ GẮNG: rần sức dù bị cản trở cũng rần lướt qua. Thí dụ: Cố gắng học hành, làm ăn phải cố gắng mới khá. Đức Thầy có câu: *“Cố gắng tâm trì theo đến chốn”.*

TÂM TRÌ: Cũng gọi là trì tâm. Tâm: lòng. Trì: gìn giữ. Gìn giữ tâm luôn được trong sạch.

VINH DIỆU: Vinh: vẻ vang. Diệu: sáng, rực rỡ.
Đức Thầy có câu: **“Đất với nước hậu lai vinh diệu”**.

BẢNG AN: Cũng gọi bình an hoặc bường an.
Mạnh giỏi không việc gì trắc trở.

BỐN BIỂN: Bốn biển lớn ở chung quanh quả địa cầu gồm: Nam Băng Dương, Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương và Thái Bình Dương, chỉ chung thế giới.

CHÍ LÀNH: Đến chỗ tốt lành.

TIỀN CẢNH: Còn gọi cảnh Tiên. Cảnh hoàn toàn thoát tục. Tương truyền nơi biển Bột Hải có mọc hòn đảo để dành Tiên ở. Cảnh siêu thoát.

NHÀN THANH: Còn gọi thanh nhàn. Thanh bạch, nhàn nhã, nơi tự tại an vui, thoát vòng sanh tử.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 23 đến câu 30)

Làm thân con người nợ luân thường luôn nặng gánh, với thời mạt pháp lại được nhuần gội thừa ân của chư Phật ban cho nên ta phải cố gắng tu trì theo đến nơi đến chốn. Đến ngày hội thi nếu thân ta còn, không có vinh diệu nào bằng **“Chùng đó xe Tiên thế dép giày”**, đất nước khỏi còn tranh đua giành giật. Mọi người đều biết tu hành đến chỗ tốt lành. Hằng ngày chỉ biết trau tâm sửa tánh, từ phạm tâm rèn đức trở nên Phật Thánh, từ con người chạy theo văn minh vật chất giờ đây lại biết quay về cội cũ **“Gốc ông cha ta cũng tu hành”** nên được chư Phật rước về Bồng Lai tiên cảnh hưởng cuộc đời nhàn lạc âu ca.

CHÁNH VĂN:

- 31.- ***“Nhàn thanh tìm kiếm, kiếm nơi tâm,
Phật cũ này xưa hầy rón tằm.
Nhành lá sum-sê màu đượm vẻ,
34.- Non Thần biến đổi hết rừng lâm.***

*

* *

*Rừng lâm cây đá thấy ngày nay,
Mà ruột năm non có các đồi.
Chờ đợi con hiền noi tục cổ,
38.- Tới thời thượng-cổ đểu hòa mai”.*

CHÚ THÍCH:

NHÀN THANH: (Xem chú thích đoạn trước).

PHẬT CŨ: Phật xưa. Ông Phật từ vô thi. Theo kinh Phật cho biết: *“Nhơn nhơn hữu tánh Như Lai”*. Hoặc câu: *“Nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh”*. Đức Thầy bảo *“Các chúng sanh đều có như ta”*. Căn cứ theo đó: mỗi chúng sanh đều có Phật tánh. Nhưng: *“Phật đi Phật biết đàng về, Minh đi mình lạc u mê tại mình”* (TS). Ông Phật này vốn tại tâm, ngoài tâm không có Phật. *“Phật tại tâm chớ có đâu xa, Mà tìm kiếm ở trên non núi”*. Vậy tâm ta ở đâu? – Tâm ở chỗ thức biết, cũng gọi là Giác. Nếu giác là Phật, mê là chúng sanh. Các Phật ba đời đều tu từ chỗ tâm đó. Nếu ta tự biết tâm chúng sanh tức là biết tâm Phật vì tâm Phật cũng chính từ đó mà sinh. Đó chính là Phật cũ, Phật từ vô thi như ta bàn giải ở đoạn trước.

SUM SÊ: Như tiếng sum xê: Rậm rạp, tươi tốt.

NON THẦN: Núi có các sơn thần trấn giữ. Nghĩa bóng: núi linh thiêng.

RỪNG LÂM: Đồi núi có nhiều cây cối rậm rạp, hoang vu vắng vẻ.

NĂM NON: Năm cái chóp cao còn gọi là vồ trên núi Cẩm (Thiên Cẩm Sơn).

1/. VỒ BỒ HONG: Cao 716 m, khi xưa ít người lai vãng, giống Bồ Hong sanh sản nhiều vô số nên gọi là vồ Bồ Hong.

2/. VỒ ĐẦU: Cao 584 m, có thể là cái vồ đầu tiên mà người ta nhìn thấy khi lên núi từ ngã Thum Chung.

3/. VỒ BÀ: (Phnom Barech) cao 579 m. Ở đây vô số điện thờ bà Chúa Xứ.

4/. VỒ ÔNG BUỐM: Ông Bướm và ông Vôi là tướng của Cao Miên đã qui thuận với Đức Cố Quân (Trần văn Thành) sau về núi tu hành đến ngày đắc quả.

5/. VỒ THIÊN TUẾ (Phnom Prapeal) cao 514 m. Ngày xưa ở đây có bãi thiên tuế rộng lớn. Đức Thầy có câu: ***“Trên Năm Non rộng phụng tốt tươi, Miền Bảy Núi ngày sau báu quý”***.

CÁC ĐÀI: Còn gọi là đài các. Các: gác, lầu. Đài: cái đài rộng. Đức Thầy có câu: ***“Đặng xuê xang đài các xe tàu”***.

TỤC CỔ: Nề nếp xưa kia, trước kia. Đức Thầy có câu: ***“Nòi tục cổ xác Khùng để tóc”***. Hoặc: ***“Huy hoàng tục cổ của ông cha”***.

THƯỢNG CỔ: Còn gọi là Thượng Ngươn (thời xa xưa) trước thời Trung cổ. Đức Thầy có câu: ***“Huòn lai Thượng cổ mới bình yên”***.

ĐIỀU HÒA MAI: Điều: chim; Hòa: hòa hợp; Mai: là cây mai. Điều hoà mai: chim đậu cành mai. Nghĩa bóng: Ngày chúa tôi sum họp, thầy tớ gặp nhau.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 31 đến câu 38)

Nhân lúc rảnh rang chúng ta cần quay lại tìm kiếm bản tâm mình, Phật cũ ngày xưa còn lẫn khuất trong đó. Chúng ta phải tri nguyên tận nguồn gốc để biết rõ: tâm này do đâu sanh, sanh ra để làm gì? Và khi chết tâm nó đi về đâu? Một khi giải đáp được thắc mắc trên, hành giả mới khổ công tu luyện để trở về bản tánh nguyên thủy. Bản tánh đó và Phật tâm chứng đắc ngày hôm nay nó chỉ là một. Thí dụ: thân này xưa lầm lỗi và thân này ngày nay giác ngộ cũng một xác thân, chừng đó mới bật ngửa.

Khi hành giả tìm được Phật xưa, tìm được tâm hằng hữu của mình, té ra chính mi là ông chủ ngàn đời của xác thân ta; siêu hay đọa cũng do mi; Tiên, Phật, thánh, phàm,

ma quỷ cũng tại mi ***“Cái chữ tâm mà quỷ hay ma, Tiên hay Phật cũng là tại nó”***.

Hôm nay, ta đã biết rồi, mi không còn trốn chạy đi đâu được. Ta sẽ truy cứu, mổ xẻ mi từng mảnh vụn để cho ta được thăng hóa về cõi an lành miên viễn.

Đức Huỳnh Giáo Chủ cho biết, khi ta kiếm được Phật cũ, cũng là ngày thế giới hòa bình, toàn dân vui vẻ, hợp mặt tại vùng Sơn Cẩm. Và non Thần sẽ biến đổi hết rừng lâm: cỏ cây, hoa lá sum suê thành mậu.

Hiện giờ núi Cẩm tuy thấy toàn là cây đá, nhưng bên trong nó ẩn chứa tòa lâu đài bằng ngọc ngà châu báu của Đức Thánh Quân trong tương lai. Tòa lâu đài đó đang chờ đợi con hiền noi theo cổ lệ xưa, thân tuy ô trược, tâm tợ Thánh đức. Và chừng đó cuộc đời sẽ biến đổi cảnh Thượng Ngươn an lạc, tôi chúa tương phù, thầy trò hiệp mặt giống như chim đậu được cành mai.

CHÁNH VĂN:

39.- ***“VỖ-vỗ đêm thanh nước giọng vàng,
Kiểng cây sum MẬU đượm nùi nhang.
Phù dung rã gánh thân yên nhả,***

42.- ***THẠNH thời gia trung gặp chữ nhàn.***

*

* *

***Chữ nhàn vô sự mới nên Tiên,
Bát-nhã từ đây gặp cửa thiền.
Bể giác bờ mê ngày vượt khỏi,
46.- Lánh đời tục lụy rút tiền khiên.***

*

* *

***Tiền khiên kiếp tạo bởi trần thân,
Đạo diệu giới-trau lập chí cần.
Luyện tánh, trau tâm cho sạch-sẽ,
50.- Rút rồi nợ thế khỏi ưu-phiền.***

*

* *

*Ưu-phiền thường sự chốn ta-bà,
Phật cảnh mau về ắt lánh xa.
Tĩnh ngộ từ đây người gặp chủ,
54.- Phải trần tìm kiếm chữ Ma-ha”.*

CHÚ THÍCH:

VỖ VỖ: Còn gọi là vò vồ, buồn bã một mình.
Truyện Kiều có câu: “*Song sa vò vồ phương trời*”.

ĐÊM THANH: Đêm vắng vẻ, không tiếng động.
Ông Hoàng Xuân Hãn có câu:

*“Đồn rằng núi Lục có thầy Tiêu,
Ngồi nhìn đêm thanh lắng muỗi kêu”.*

Đức Thầy có câu: “***Đêm thanh vắng tiếng đồn
khoan nhứt***”.

NÚC GIỌNG VÀNG: Nức tiếng kêu gọi lời lành.
Nghĩa bóng: hằng đêm Đức Tôn Sư PGHH nức lời kêu gọi
ông Võ Mậu Thanh.

SUM MẬU: Sum: đoàn tụ. Mậu: thanh vượng. Sum
hợp một cách thanh vượng.

ĐUỖM MÙI NHANG: Đuộm mùi hương khói.
Nghĩa bóng: đuộm mùi đạo hạnh.

PHÙ DUNG: Tên một loài hoa đẹp, hoặc đơn hoặc
kép, nở vào mùa xuân. Bạch Cư Dị xưa dùng hoa phù
dung để ví với người đàn bà đẹp: “*Phù dung như điện,
liễu như my*” (Điện mạo như hoa phù dung, lông mày như
liễu rữ). Trong Cung Oán có câu: “*Vẻ phù dung một đóa
khoe tươi*”.

Nhưng chữ phù dung ở đây Đức Tôn Sư dùng tiếng
lóng trong giang hồ. Nghĩa bóng: Hút á phiện.

PHÙ DUNG RÃ GÁNH: Ông Võ Mậu Thanh bỏ
hắn được nghề hút á phiện.

YÊN NHÃ: Yên: Yên ổn. Nhã: Lịch sự, thanh tao,
có lễ độ. Yên nhã: người lịch sự thanh bai và có lễ độ.

THẠNH THỐI: Thanh: Lớn lao. Thối (thái): yên vui. Nghĩa bóng: Cảnh thanh bình thanh trị. Đức Thầy có câu: ***“Vạn bĩ xa chờ câu thanh thối”***.

GIA TRUNG: Gia: nhà. Trung: trong. Tại nhà. Đức Thầy có câu: ***“Chùng nào Thầy lại gia trung”***.

CHỮ NHÀN VÔ SỰ MỚI NÊN TIÊN: Do câu: *“Vô sự vô lự tiểu Thần Tiên”*, được nhàn, biết nhàn mới là người biết đủ. Ông Nguyễn Công Trứ có câu: *“Tri túc, tiện túc, dãi túc, hà thời túc, Tri nhàn, tiện nhàn, dãi nhàn, hà thời nhàn”*. Nghĩa là Người biết đủ dù sống hoàn cảnh nghèo cũng biết đủ; Kẻ biết nhàn dù sống hoàn cảnh bận rộn cũng được nhàn. Qua ý trên ta nhận thấy: Sống hoàn cảnh nào không để tâm lo nghĩ như người vô sự mới nên Tiên được.

BÁT NHÃ: Nói cho đủ: Ma ha bát nhã ba la mật đa. Nghĩa là: Trí huệ rộng lớn qua được bờ bên kia, là một trong lục độ vạn hạnh: Bồ thí, nhẫn nhục, trì giới, tinh tấn, thiền định, trí huệ.

BÁT NHÃ TỪ ĐÂY GẤP CỬA THIỀN: Trí huệ của ông Võ Mậu Thanh giờ đây gấp nền Đạo chơn chánh đúng với đường lối chân truyền vô vi Phật Tổ.

BỀ GIÁC: Còn gọi bốn giác. Bờ giác ngạn đối với bờ mê.

BỜ MÊ: Bờ mê khô. Cõi tục phàm.

BỀ GIÁC BỜ MÊ NGÀY VƯỢT KHỎI: Nếu ta bước thẳng qua bờ giác ngạn, có ngày ta xa hẳn được bốn mê.

TỤC LUY: Tục: chỉ cõi trần tục. Luy: ràng buộc. Những việc ràng buộc cuộc đời tục lụy.

TIỀN KHIÊN: Tiền: trước. Khiên: lỗi lầm. Những điều lỗi lầm trước kia. Đức Thầy có câu: ***“Nợ hồng trần túc trái tiền khiên”***.

ĐẠO DIỆU: Đạo: con đường của tâm hồn; Đạo là bốn phận; Đạo là chơn lý tuyệt đối. Diệu: Tốt đẹp, màu

nhệm. Con đường đưa đến nơi tốt đẹp màu nhiệm **“Mùi đạo diệu gọi nem khó sánh”**.

DÔI TRAU: Dòi: Dòi mài. Trau: Trau chuốt. Sửa soạn cho hoàn hảo. Nghĩa rộng: Cố rèn luyện tu tập cho thuần thực công việc trong chứng đắc. Đức Thầy có câu: **“Thường trau dôi chí hướng cao thanh”**.

LẬP CHÍ: Nuôi dưỡng ý chí để đạt mục đích.

LUYỆN TÁNH: Rèn luyện tánh đức trở thành người tốt, gương tốt. Nhưng ở đây Đức Thầy dạy: Luyện tánh mình hết ô nhiễm trở thành người thoát tục.

TRAU TÂM: Trau: sửa. Tâm: lòng. Trau sửa lòng cho trong sạch để đạt mục đích giải thoát.

SẠCH SẼ: Không dơ bẩn. Nghĩa bóng: Sự trong sạch thể xác lẫn tinh thần.

UÙ PHIỀN: Lo âu phiền muộn. Đức Thầy có câu:

**“Nào vợ đẹp hầu xinh là lựa,
Không được thì bức tức ưu phiền”**.

TA BÀ: Còn gọi là Sa bà. Phạn ngữ: Sa ha. Dịch nghĩa: Kham nhẫn. Cổ nhân có câu: **“Ta bà khổ, ta bà khổ, Ta bà chi khổ tùy năng sở”**. Tức là cõi chúng ta đang sống. Đức Thầy có câu: **“Ta bà khổ, Ta bà lắm khổ”**.

PHẬT CẢNH: Cõi Phật, nơi Phật ngự. Nói chung cảnh giới của chư Phật. Đức Thầy có câu: **“Cả vạn vật đồng về Phật cảnh”**.

TỈNH NGỘ: Tỉnh: không còn say, không còn mê man. Ngộ: biết. Hiểu rõ điều sai lầm để sửa đổi. Đức Thầy có câu: **“Rày tỉnh ngộ ái hà quyết dứt”**.

PHỦI TRẦN: Rút bỏ nợ trần. Nghĩa rộng: Con người thoát tục.

MA HA: Phạn ngữ Ma ha. Dịch nghĩa: Rộng lớn. Sự rộng lớn ví như hư không, đồng bản thể với đạo tâm. Nói đến Ma ha là nói đến đại đạo, cái gốc để hoàn nguyên phản bổn, trực kiến chơn như tự tánh. Đức Thầy có câu: **“Biết khôn tìm kiếm ma ha”**.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 39 đến câu 54)

Hằng đêm Đức Tôn Sư PGHH nức lòng kêu gọi ông Võ Thạnh Mậu. Hiện giờ gia đình ông được sum họp đậm mùi đạo hạnh và chứng nghiệm á phiện lần lần rút bỏ. Sau đó Đức Thầy cầu cho gia đạo ông an khang thịnh vượng và hưởng sự an lành.

Làm thân người phải sống an nhiên, bớt lo nghĩ việc đời mới được hưởng cảnh tiêu dao tự tại của cõi Thần Tiên. Và từ đây ông Mậu sẽ gặp Ma ha bát nhã, đại đạo thiên na của Đức Phật Tổ ngày xưa di truyền lại. Nếu ta quyết tâm bỏ giấc thì bờ mê ngày kia sẽ vượt khỏi, và ta sẽ xa lánh xiềng xích ràng buộc từ lâu nó vay trả, trả vay.

Đức Tôn Sư cho biết nợ tiền khiên nếu ta không buông bỏ, càng ngày làm khổ xác thân. Vậy ngày nay ta cương quyết lánh xa, lo trau giồi đạo hạnh bằng cách phải lập thân nuôi chí cho cây bồ đề sum suê nảy nở, trau tâm luyện tánh cho tinh minh để dứt xong nợ thế.

Những điều phiền muộn ưu tư vốn là thường sự ở cõi Ta bà. Nếu ta quyết nương về Phật cảnh tức lần lần nhẹ bớt nghiệp trần. Ông Mậu Thạnh ơi! Từ đây đã gặp minh sư rồi, hằng ngày ông hãy phải hết trần duyên tìm nguồn đại đạo để thông đạt chân lý siêu mầu của Phật giáo.

CHÁNH VĂN:

- 55.- *“Ma-ha mùi ngọt mật cùng đa!
Cảnh thế nhìn xem lũ cáo-xà.
Múa gút nhả nanh ưa thịt béo,*
58.- *Nào khờn dạ ái của thiên-gia.*

*

* *

*Thiên-gia chí cả dốc hành thân,
Diệu diệu truyền thi cảm kích thần.*

62.- *Những tưởng thói đời ôi chát lạt!
Đạo mầu siêu-việt của thiền lâm.*

*

* *

66.- *Thiền lâm Phật Thích thuở xưa kia,
Non tuyết rền ra bát chánh kỳa.
Phổ hóa dân lành trong khắp chúng,
Hoàn-cầu bốn biển khắp danh bia”.*

CHÚ THÍCH:

MA HA MÙI NGỌT MẬT CÙNG ĐA: Nền Đại Đạo là mùi vị ngọt ngon, giá trị cao quý trên đời, không có cái gì sánh bằng, hơn các loại mật thiệt. Vì mật có giá trị tương đối thế gian, vì nó hữu hình. Còn mùi đạo vị giá trị tuyệt đối xuất thế gian bởi nó vốn vô hình. Đức Tôn Sư PGHH xác định như sau: *“Trên dương thế hữu hình tắc hoại”*. Mật giá trị chỉ dùng làm thuốc trị thân bệnh. Nguồn Đại Đạo siêu xuất suốt thời gian và cả không gian, muôn năm vẫn còn và đưa con người siêu phàm nhập thánh, thoát đọa trầm luân.

LŨ CÁO XÀ: Bầy cáo và rắn. Nghĩa bóng: Chỉ số đông giặc Pháp hung tợn.

MÚA GÚT NHẪN NANH: Chỉ loài thú dữ tợn. Nghĩa bóng: Giặc Pháp tung hoành khắp miền Nam Việt Nam.

THIỀN GIA: Nhà thiền. Chỉ nền Đại Đạo.

CHÍ CẢ: Chí lớn hơn người. *“Chí giải thoát mới gọi là chí cả”*. Đức Thầy có câu:

“Nam nhi mang chí cả,

Bao tấm lòng sắt đá”. (Bài Chí Nam Nhi)

HÀNH THÂN: Hành đạo. Trau sửa bản thân.

DIỆU DIỆU: Sâu thật sâu. Ý nói: Nền Đạo thật thâm sâu không có gì sâu bằng.

TRUYỀN THI: Truyền: trao cho. Thi: thơ văn. Truyền lại bằng thơ văn.

CẢM KÍCH THẦN: Cảm kích: Gây cảm xúc làm cho người cảm động. Thí dụ: Giọng du dương náo nức kích cảm cả tâm hồn. Thần: Tôi. Nghĩa rộng: Làm tín đồ xúc động mạnh.

NHŨNG TƯƠNG THỐI ĐÒI ÔI CHÁT LẠT: Theo quan niệm nhân sinh của người đời nay cứ tưởng thối đời thật ê chề chua chát. Nghĩ như vậy xét thấy còn khiếm diện, cục bộ, không có lối thoát. Thật ra trên đời dù lắm khúc quanh, nhiều khi cũng có một hai ngã tắt vì nó nằm trong vòng tương đối.

ĐẠO MÀU: Đạo: Tôn giáo, vừa khế cơ khế lý. Màu: Là cao sâu màu nhiệm. Một con đường hay một nền Đạo vừa cao sâu vừa đúng chơn lý, vừa hợp căn cơ của chúng sanh. Thí dụ: PGHH, Cao Đài giáo...

SIÊU VIỆT: Siêu: vượt lên trên. Việt: vượt qua. Siêu việt: Vượt lên trên tất cả mọi người. Đức Thầy có câu: **“Đạo màu siêu việt tập đề là đây”**.

THIÊN LÂM: Thiên: Cửa chùa, cửa Phật. Lâm: rừng. Còn gọi là rừng thiên, nơi tu hành yên tĩnh. Đức Thầy có câu: **“Đuốc thiên lâm phương Đông chói ánh”**.

PHẬT THÍCH: Nói đủ Phật Thích Ca, Giáo chủ cõi Ta bà. Một vị trên thông thiên văn, dưới đạt địa lý, trung quán nhân sự. Có đầy đủ tam giác: Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Đức Thầy có câu:

**“Đạo Thích Ca nhiều nẻo cao sâu,
Hãy tìm kiếm cái không mới có.
Ngôi Tam bảo phải thờ trần đỏ,
Tạo làm chi những cốt với hình.
Khùng nói cho già trẻ làm tin,
Theo Lục Tổ chớ theo Thần Tú”**. (Q. II)

BÁT CHÁNH: (Xem STTĐ, trang 35....)

PHỔ HÓA: Phổ: rộng rãi, khắp nơi. Hóa: dạy dỗ. Phổ hóa: Dạy dỗ khắp nơi. Đức Thầy có câu: **“Phổ hóa hiền hơn kiến Phật Tiên”**.

HOÀN CẦU: Khấp cả trái đất, các nước trên thế giới. Nghĩa rộng: Hành tinh đang quay xung quanh hệ mặt trời. Bề mặt tính được 510 triệu km², vòng tròn 140.000 km, đường trục kính 12.700 km. Riêng biển chiếm 3/4 diện tích mặt địa cầu. Đức Thầy có câu: ***“Hoàn cầu đến đó ấm cùng no”***.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 55 đến câu 66)

Nền Đạo Phật thật cao sâu huyền diệu ví nó như mật ngọt. Xét ra hơn mật ngọt rất nhiều vì mật ngọt chỉ làm thuốc thể gian, giải trừ thân bệnh. Trái lại nền đại đạo đưa hành giả thoát ly sinh tử, siêu xuất cả không gian và thời gian.

Cuộc đời là trường tranh đấu, mạnh được yếu thua. Tâm chúng sanh phần đông chứa ngầm độc ác. Hơn nữa lại áp phe với loài giặc mạnh, công rắn cắn gà nhà, nhăn nanh múa gút ưa đồ thịt béo. Nhìn cảnh bi đát trên lòng Đức Tôn Sư càng thêm cảm chạnh, nên Ngài bày tỏ tấm chân tình đạo đức, tình yêu nhân loại thật tràn trề lai láng: ***“Yêu để cứu chứ không yêu để hại”***, để nhơn sanh bớt hoài nghi, bớt hiểu lầm giá trị cao quý của nền Đạo Phật.

Đạo Phật từ xưa đến nay luôn mang chí cả. Một dòng máu bất khuất, nguyện độ tận chúng sanh thoát vòng sanh tử và nguyện cởi mở xích xiềng dân tộc. Song song hai nhiệm vụ Đạo và Đời gắn liền vào cuộc sống bản thân. Đức Huỳnh Giáo Chủ là chứng tích điển hình. Ngài đã từng thể hiện hoài bão to tát: Chấn hưng đạo Phật và giải ách xích xiềng thế tục qua bài ***“Chí Nam Nhi”***:

“Nam nhi mang chí cả,

Bao tâm lòng sắt đá.

Thương giống nòi đẹp bả vinh huê”.

Xu thế cuộc đời, người ta cứ tưởng thói đời thật chua chát; ít ai hiểu rằng: ***“Ngoài cuộc phù du của trần***

thế, có cái gì không di không dịch, vĩnh viễn trường tồn...”. Đó là đạo Phật.

Thật vậy, Đạo Phật rất thâm thâm diệu diệu và hay dung hóa vào nếp sống nhân sinh. Dùng thi ca để cảm kích lòng dân, để đưa vào những triết thuyết vô vi nhưng vô cùng thực tế, tùy thời đại mà ứng dụng thích đương khắp mọi nơi mọi giới để chúng sanh nhận được chân giá trị thực tiễn giáo lý siêu mầu của Phật Giáo. Ta có thể xác định: *“Đời không Đạo đời vô liêm sỉ,
Đạo không đời Đạo biết dạy ai”*.

Nguồn gốc đạo Phật phát tích từ thời Thái tử Sĩ Đạt Ta giáng lâm tại Trung Ấn Độ (Nepal) đã cách nay trên 25 thế kỷ qua. Ngài là một chúng sanh bằng da bằng thịt, dùng tâm bi, trí, dũng tâm ra ánh Đạo vàng tại nơi non Tuyết, rừng Ưu Lô Tàn Loa, phía nam núi Tượng Đầu, gần bờ sông Ni Liên Thuyền. Ngài tự rèn ra Bát Chánh Đạo và khi chúng đắc xong lần đầu tiên, Ngài đi độ 5 anh em Kiều Trần Như cũng bằng pháp môn độc nhứt vô nhị đó là “Tứ diệu đế và Bát Chánh Đạo”. Và từ độ ấy, Phật, Pháp, Tăng có đủ. Nền Đại Đạo lưu hành toàn cõi Ấn Độ, lan rộng khắp các nước trên thế giới, thanh danh Phật Thích Ca đời đời thế nhân ca tụng và tán dương ***“Công đức Phật từ bi vô lượng”***.

CHÁNH VĂN:

67.- ***“Luồng thanh điển nhào qua như chớp,
Chuyển căn tiền nhắc lớp người xưa.***

Phật, Tiên vận chuyển lọc-lừa,

70.- ***Kiểm con hữu phước mà đưa trở về”***.

CHÚ THÍCH:

THANH ĐIỂN: Thanh: Tiếng. Điển (điện): chớp. Nguồn năng lượng do thiên nhiên hay con người tạo ra. Thanh điển: Tiếng động do thiên nhiên tạo nên. Nghĩa bóng: Nền giáo pháp có công năng giác ngộ chúng sanh một cách nhanh chóng.

CĂN TIỀN: Căn: Góc của mọi việc. Tiền: Trước kia. Nguyên nhân gốc rễ trước kia. Kinh Phật: *Kim sinh đoản mạng đa bệnh giả, Giai từng sát nghiệp trùng lai* (những người kiếp này bị chết yểu, nhiều bệnh tật đều do nghiệp sát đi trước cả). Đức Thầy có câu: ***“Rủi ồm đau bởi tại căn tiền”***. (Q.V). Nhưng căn tiền ở đây ý Đức Thầy cho biết: Ngài mượn xác tái sanh nổi vai tuồng của Đức Phật Thầy xưa đã lưu lại.

VẬN CHUYỂN: Từ nơi này đến nơi khác. Nghĩa rộng: xê dịch, xoay vần, không đứng yên một chỗ. ***“Cuối năm Thìn sẽ lo vận chuyển”*** (ĐT).

LỘC LỬA: Lựa chọn.

HỮU PHƯỚC: Có phước. Do tạo nhiều nhân lành. Thí dụ: Xả thân giúp đời. Hay làm những việc hữu ích cho người và vạn vật.

LUỘC GIẢI:

(Từ câu 67 đến câu 70)

Lời giáo pháp có công năng giác ngộ chúng sanh nhanh chóng như lạng điện chớp. Đức Huỳnh Giáo Chủ xác minh đã nhiều lần chuyển kiếp độ đời. Từ thế hệ BSKH đã qua, nay đến kiếp chót là PGHH.

Mỗi lần tái sanh là mỗi lần chọn lọc, tuyển chọn những bậc đại căn đại trí có nhiều phước đức đưa về ngôi vị sẵn dành của từng cấp bậc: Phật, Tiên, Thần, Thánh.

CHÁNH VĂN:

- 71.- ***“Ôi! khổ lắm bốn bề sóng dậy,
Đòm lừng trời lửa cháy liên-miên.
Tiêu-diêu sản-vật điên viên,***
- 74.- ***Thần-thông biến hóa dưới miền Trung-Uương.
Ngục môn đầy quỷ vô thường,
Dắt hồn kẻ bạo Diêm-Vương luật trừng.
Nhìn xa nước mắt rưng rưng,***
- 78.- ***Thương đời mê muội trầm-luân hoài hoài”.***

CHÚ THÍCH:

LIÊN MIÊN: Liên liên, luôn luôn, kéo dài tình trạng. Ca dao có câu:

*“Tĩnh ra lắng lắng yên nhiên,
Tương tư bệnh phải liên miên cả ngày”.*

Nhưng ở đây ý nói: Lửa cháy kéo dài không dứt. Nghĩa bóng: Chỉ cảnh giấc không phút nào yên.

TIÊU ĐIỀU: Lặng lẽ, vắng vẻ (ngụ ý buồn rầu xơ xác). Trong Sở Từ có câu: *“Sơn tiêu điều nhi vô thú hê”* (Núi tiêu điều mà không có thú vật hê). Đức Thầy có câu: *“Thiên môn vẹn vẻ quá tiêu điều”.*

SẢN VẬT: Sản: sinh ra. Vật: vật phẩm. Phẩm vật làm ra.

ĐIỀN VIÊN: Điền: Ruộng. Viên: Vườn. Ruộng nương, vườn tược. Đức Thầy có câu: *“Sơn hải điền viên tất tảo nan”.*

THẦN THÔNG: Phạn ngữ : Rddi. Dịch: Linh diệu khôn lường, lưu thông tự tại vô ngại. Đức Thầy có câu: *“Đạo gần đắc Ma Vương theo khuấy, Dùng thần thông nghị lực dẹp tan”.* (Q.V)

TRUNG ƯƠNG: Chính giữa, trung tâm quả địa cầu. Ngày xưa trái đất xoay cối trung ương ở trung tâm xứ Ấn Độ (Nepal) vào thời Đức Phật Thích Ca còn tại thế. Sau đó cả ngàn năm đạo Phật chuyển sang đất nước Trung Hoa thì trục địa cầu cũng xoay theo qua xứ Trung Quốc, trung ương nằm ở đất nước này. Sau 1.000 năm nữa trái đất xoay về phương Nam thì cối Việt Nam chúng ta nằm trung tâm điểm của trục giao thông. Nên hôm nay Đức Huỳnh Giáo Chủ PGHH xác định:

*“Cối Trung ương nằm đất nước Việt Nam,
Chọn một chàng tuổi trẻ tục phàm.
Mượn tay gã tở hoa thần hạ bút”.*

THẦN THÔNG BIẾN HÓA DƯỚI MIỀN TRUNG ƯƠNG: Đất nước Việt Nam sau này các bậc Phật, Thánh, Tiên đồng xuống thế. Bên Triệt giáo thì dùng thần thông,

thiên hủy quả địa cầu, tiêu diệt loài người, biến hóa đủ thiên hình vạn trạng ***“Kêu trời giậm đất cũng thì dạ rân”***. Phía Xiển giáo thì ra tay cứu nần bá tánh, dùng lòng phép thâm phục bọn tà ma, quỷ quái. Cõi trần gian biến thành một tràng ác chiến dữ dội. Người thật tu thì sống sót, kẻ gian tà đua nịnh phải một phen đền tội gớm ghê.

NGỤC MÔN ĐẦY QUỶ VÔ THƯỜNG, DẮT HỒN KẼ BẠO DIÊM VƯƠNG LUẬT TRỪNG: Âm chỉ cảnh trần gian đầy cảnh địa ngục. Quỷ vô thường luôn tìm kiếm bắt hồn người hung bạo để trừng phạt, khảo tra, dày sát. Ôi! Một thảm cảnh diễn ra chưa từng thấy ở quả địa cầu này đã có trên 4.000 năm lịch sử của kiếp nhân sinh.

MÊ MUỘI: Mờ tối, u mê. Đức Thầy có câu: ***“Yêu đời mê muội luống bầm gan”***.

TRÂM LUÂN: Trâm: chìm. Luân: trôi nổi. Lăn lộn trong cõi thế gian. Đức Thầy có câu: ***“Trâm luân oan nghiệt càng gây thêm hoài”***.

HOÀI HOÀI: Diễn tiến liên tục, luôn luôn mãi mãi. Đức Thầy có câu: ***“Bệnh với tử từ kim chí cổ, Sanh với già hai chữ hoài hoài”***.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 71 đến câu 78)

Ôi! Cảnh khổ thảm của ngày tận diệt nhơn loại trông vào thật là khiếp đảm. Dầu ta có lòng gan dạ sắt cũng phải rùng mình: Chiến tranh giặc giã tứ bề bốn phía ***“Dòm lừng trời lửa cháy liên miên”*** thiêu rụi tất cả con người và vạn vật. Thần thông của hai phe tà chánh tranh nhau thi triển thật vô cùng hiểm ác. Một bên quyết lòng tiêu diệt nhơn loại. Một bên ra tay cứu độ sanh linh, cả bầu trời đất địa rung rinh. Thật là cảnh hãi hùng ác chiến chưa từng thấy ở lịch sử nhơn loại. Hôm nay lại diễn ra tại trung tâm điểm Việt Nam.

Địa ngục trần gian được diễn ra trước mắt loài người, bao oan hồn uổng tử đến đòi nợ máu, quỷ vô

thường đến bắt hồn kẻ bạo khảo tra. Diêm Vương ra lệnh trừng phạt kẻ bắt trung bắt hiếu.

Nhìn cuộc đời gian truân khổ hải mà hai hàng lệ của chư Phật Thánh rung rung chảy cũng vì quá thương đời mà ra có sự này. Ôi! Đất nước đảo điên, lòng người ly tán, nhơn loại cứ trầm luân oan nghiệt hoài hoài.

CHÁNH VĂN:

- 79.- *“Tay hạ bút viết bài chung cuộc,
Ai rõ lòng con cuộc khởi kêu.
Thân khùng vận bĩ trở-trêu,*
82.- *Phiêu-lưu trôi giạt danh nêu khắp cùng.
Ai giàu có thung-dung thanh nhã,
Ta lo đời sắt đá bền gan.
Âu sâu nức giọng riêng than,*
86.- *Trách dân chẳng sợ hùm lang cứ gần”.*

CHÚ THÍCH:

CHUNG CUỘC: Kết thúc cuộc đời.

CON CUỘC: Con quốc, cũng gọi là Đỗ Quyên. Còn gọi là Tử Qui hay Đỗ Vũ; chim miệng lớn đuôi dài, lưng màu tro và bụng sắc trắng. Nó không tự làm lấy tổ, để trứng vào tổ chim oanh để chim oanh nuôi cho khôn lớn.

Tiếng chim Đỗ Quyên kêu nghe réo rắt, khiến cho khách lữ hành động lòng nhớ nhà. Tương truyền vua nước Thục là Đỗ Vũ thông dâm với vợ Biệt Linh và truyền ngôi cho vợ Biệt Linh để tránh họa vào thân, rồi bỏ nước mà đi. Sau thác, Thục Đế hóa thành chim Đỗ Quyên, nhớ nước ngày đêm kêu mãi không thôi. Truyện Kiều có câu: “*Ấy hồn Thục Đế hay mình Đỗ Quyên*”.

THÂN KHÙNG VẬN BĨ TRỞ TRÊU, PHIÊU LƯU TRÔI GIẠT DANH NÊU KHẮP CÙNG: Tầm thân của Đức Huỳnh Giáo Chủ gặp phải cơn vận bĩ, trôi giạt long bong không biết đâu là định hướng. Thật vậy, hết ở Tổ Đình (HH) kể đến Châu Đốc, rồi xuống Sa Đéc, nay lại

sang qua Nhơn Nghĩa (Cần Thơ), rồi phải còn đi đâu nữa, cảnh trạng quá trớ trêu. Nhưng ***“Càng đi càng biết nhiều nơi, Càng đem chơn lý tuyệt vời phổ thông”***. Ngài mượn cảnh đàm tình, vui với cảnh vật mà phô bày đạo đức. Ngài mượn sự lưu đầy làm phương tiện luân lưu hóa Đạo. Ôi! Thật là bi đát nhưng cũng thật hữu tình. Ngài càng phiêu lưu trôi giạt, càng đem đạo màu phổ hóa khắp nơi, càng làm con thuyền đại đạo tung hoành khắp chốn và danh thể Ngài chói rạng khắp Nam Kỳ lục tỉnh nói riêng, năm châu bốn biển nói chung, tạo hóa sao sắp bày chi cạy nghiệt, nhưng cũng để bắt nhịp cầu giao lưu: ***“Khắp bốn biển liên dây Hòa Hảo”***.

THUNG DUNG THANH NHÃ: Thung dung : Còn gọi là thông dong, rảnh rang thông thả. Đức Thầy có câu: ***“Nam Việt dân tình mãi thung dung”***. Thanh nhã: Trong sạch tao nhã. Thung dung thanh nhã: Nhàn hạ thanh thoi. Nghĩa bóng: Âm chỉ người chẳng biết lo xa, ai chết mặc kệ ai, chỉ lấy cá nhân làm trọng.

AI GIÀU CÓ THUNG DUNG THANH NHÃ, TA LO ĐỜI SẮT ĐÁ BỀN GAN: Qua hai câu trên mỹ ý Đức Huỳnh Giáo Chủ bày tỏ quan niệm nhân sinh của xã hội kim tiền, chỉ chú trọng vào sự nghiệp giàu sang ***“Lên quan xuống huyện ăn xài lả lẽ, Gặp ai đói rách cười chê, Miệng kia hở mở chưởi thề vang rân”***. Tội ngày cứ ung dung nhàn hạ, ăn sung mặc sướng, ai đói rách nghèo khổ mặc ai.

Trái lại, theo lòng từ bi của Đức Phật vào thời đại nào đều luôn luôn lo cho đời, đem nguồn giáo pháp ban rải khắp nơi nơi để mọi người đồng biết lo tu hành hầu vơi đi những điều đau khổ trong hiện tại và tương lai, dầu trái bao thử thách cam go tù đầy hay có hy sinh tánh mạng, Ngài vẫn nhứt quyết thật hiện mục đích cứu đời, lòng Ngài cứng như sắt đá.

ÂU SÂU: Lo lắng buồn phiền.

ÂU SÀU NÚC GIỌNG RIÊNG THAN, TRÁCH DÂN CHẴNG SỢ HÙM LANG CỨ GẦN: Lòng Đức Giáo Chủ luôn lo nghĩ kiếp sống nhân sinh, phần đông không ý thức được cuộc đời, đã mang thân ô trược, lại sống kiếp đọa đầy, nô lệ của ngoại bang mà không suy xét cho tường tận để vùng lên hầu giải ách xích xiềng cho thế tục. Trái lại, lân la với giặc, học đòi theo cách sống xa hoa trụy lạc. Thật là điều đáng trách.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 79 đến câu 86)

Viết đến đây Đức Huỳnh Giáo Chủ sắp dừng bút để kết thúc bài “ĐẾN LÀNG NHỜN NGHĨA”. Ngài đưa lên một sự kiện lịch sử, có ai rõ thấu tâm lòng Ngài đau thương vì quốc biến suốt cả đêm trường như hồn Thục Đế ngày xưa chăng? Nếu thấu rõ hãy cùng Ngài chia sẻ bầu tâm huyết.

Ngài vì ai mà phải giả dạng Diên Khùng, lại gặp phải con vận bĩ, thật là trớ trêu. Ông Tạo ơi! Sao ông nở đan tâm ban luôn hai điều (họa, phúc) cho đời Ngài. Thật đau quá nhỉ ! ***“Trời già tay khéo khéo luôn, Sắp chi chua ngọt pha buồn lẫn vui”***. Nhưng soạn giả còn nhớ sách xưa có câu: ***“Khổ tận cam lai”***.

Thật vậy, trên những đoạn đường phiêu lưu trôi dạt, tôi đã học được những bài học khôn rất là ý nhị: ***“Càng đi càng biết nhiều nơi, Càng đem chơn lý tuyệt vời phổ thông”***. Trong chín cái rủi lại có một cái may. Cái may đó có phải chẳng là được truyền Đạo khắp bằng nhân bá tánh: ***“Ta chịu khổ, khổ cho bá tánh”***. Càng đi danh thể ta càng nêu cao giá trị. Càng nghĩ ta càng cảm ơn kiếp phiêu lưu trôi giạt.

Còn bản thân thế sự có giàu sang, cứ mặc kệ đời. Con người ta có quyền thụ hưởng, mặc nhiên thụ hưởng. Riêng phần ta cứ lo cho đời đến ngày chung cuộc, miễn bá tánh an vui hạnh phúc là ta thỏa nguyện. Nhưng có một

điều chúng dân nên tự hỏi, hãy lánh xa người bạn ngoại
xâm vì chúng là kẻ thù với hồn thiêng sông núi của con
Hong cháu Lạc. Nếu ai còn đeo đuổi lân la với bọn chúng,
ta vô cùng thống trách.

Bài 12.- CHO HƯƠNG BỘ THẠNH

(SGTVTB 2004, tr. 361 – 363)

XUẤT XỨ:

Những ngày lưu cư nơi xứ Xà No ghi những kỷ niệm khó quên. Hương Bộ Thạnh muốn qui y với Đức Thầy, nhưng bản ngã chưa buông bỏ được nên ra điều kiện “Tu thì tu nhưng con không qui y”. Đức Thầy bảo ông làm “Huấn Luyện Viên”. Buộc lòng ông phải lạy “mẫu” cho những người mới vào Đạo coi theo. Sau đó Hương Bộ Thạnh mới thấy được dụng tâm của Đức Thầy. Từ đó ông mới hết ray rứt cõi lòng và cúng lạy bình thường như bao tín đồ khác.

Bài “CHO HƯƠNG BỘ THẠNH” được viết vào cảnh qui y đặc biệt của đời ông.

VĂN THỂ:

Bài này Đức Huỳnh Giáo Chủ viết theo thể liên hoàn thi thất ngôn tứ cú Đường luật. Cũng gọi là lối biến thể. Trong đó có bài khoán thủ lối tự sự có pha thuyết giáo. Dài 48 câu. Khởi đầu bằng câu ***“Hương đăng thom nước quá nhẹ nhàng”*** và chấm dứt bởi câu ***“Theo dõi Bồng lai lánh cõi thiên”***.

NỘI DUNG:

Đức Huỳnh Giáo Chủ tả cảnh ***“Hương Bộ mang soi bận áo dà”***. Rồi Ngài so sánh tâm đức của ông cha xưa thật là cao cả, ngày nay con cháu noi gương ấy lo tu để gặp lại người xưa.

Nhứt là Ngài khuyên ông Võ Mậu Thạnh bỏ dứt bệnh nghiện ma túy, để tiến lên đường giải thoát, bền lòng chặt dạ theo dõi cõi Bồng Lai Tiên cảnh.

CHỦ ĐÍCH:

Đức Huỳnh Giáo Chủ giác ngộ cho ông Võ Mậu Thạnh nhận được cõi uế trược Ta bà, học đòi gương hạnh ông cha để tiến thẳng về Phật đài Tiên cảnh.

CHÁNH VĂN:

- 1.- *“HƯƠNG dâng thơm nức quá nhẹ nhàng,
BỘ đời còn kẹt nổi hùm lang.
THẠNH thay thời sự đưa Khùng đến,*
4.- *Đạo-đức bày ra bữa khắp làng”.*

CHÚ THÍCH:

HƯƠNG ĐĂNG: Hương: Mùi thơm, còn gọi là nhang. Đăng: đèn. Nhang và đèn: hai vật dụng trong lễ cúng bái. Đức Thầy có câu: *“Hương dâng nghi ngút lễ vọng cầu”*.

NHE NHÀNG: vừa nhẹ, vừa dịu.

THỜI SỰ: Thời: lúc, đang lúc. Sự việc đang lúc xảy ra.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 1 đến câu 4)

Nhà ông Hương Bộ Thanh từ khi có Đức Huỳnh Giáo Chủ tạm trú, nhang đèn rực rỡ, mùi hương bay vừa nhẹ vừa thơm. Nhưng cuộc đời của ông Thanh còn ẩn chứa nỗi lòng khó tả, Đức Thầy khuyên hãy chờ thời cơ cũng như có dịp đưa ta tới, chừng đó Đạo đức sẽ bày biện bữa ra khắp làng xóm.

CHÁNH VĂN:

- 5.- *“Hương-bộ mang soi bận áo dà,
Đêm ngày tiếp rước khách gần xa.
Nhơn dân bá tánh đều trông thấy,*
8.- *Hương-bộ mang soi bận áo dà.*

*

* *

- Áo dà Hương-bộ bận mang soi,
Ai có tức cười hãy đến coi.
Dòm riết chú chàng vùng mắc cỡ,*
12.- *Áo dà Hương-bộ bận mang soi”.*

CHÚ THÍCH:

HƯƠNG BỘ: Túc Hương Bộ Thạnh. Ông họ Võ, lót Mậu Thạnh, ở làng Nhơn Nghĩa (Cần Thơ) là tín đồ qui y với Đức Giáo Chủ PGHH. Ông có nhiệm vụ đặc biệt Đức Thầy đề cử hướng dẫn nghi thức cúng lạy sớm chiều cho bốn đạo mới phát tâm. Đức Thầy có đề cập:

“Trễ chơn Thầy mắc đi xa,

Hỏi thăm Hương Bộ vậy mà cách tu”.

ÁO DÀ: Áo nhuộm bằng vỏ cây màu dà. Người ta xem sắc áo mà biết được người đó thuộc môn phái nào, hay hạng người nào. Chẳng hạn như áo nâu dà thuộc Đại thừa Phật giáo, áo choàng vàng thuộc Tiểu thừa Phật giáo... Riêng đạo phục bằng chiếc áo choàng màu dà, chỉ mặc để cúng lạy tại gia, trong những ngày sóc vọng tại chùa, và các ngày lễ Đạo.

NHON DÂN: Người dân sống chung trong đất nước.

BÁ TÁNH: Bá: trăm. Tánh: họ. Trăm họ.

MẮC CỖ: Hồ người, thẹn thùng. E thẹn.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 5 đến câu 12)

Đoạn này Đức Thầy diễn tả hình ảnh và bộ tịch Hương Bộ Thạnh mặc áo choàng dà để làm “Huấn Luyện Viên”, cúng bái mẫu cho những tín đồ mới vào Đạo học theo. Đức Huỳnh Giáo Chủ khéo dẫn dụ đưa ông Bộ Thạnh thực hành nghi thức “mẫu” để ông vui dạ và khỏi từ nan.

Vì ông Thạnh theo tu học qui y mà xin miễn cúng lạy. Đức Thầy đáp “Được”! Nhưng sau đó Ngài buộc ông phải cúng lạy “mẫu” cho những tín đồ mới vào tập theo.

Mặc đạo phục choàng dà, mà cặp mắt mang kiếng trông rất lạ, ai ai cũng phải dòm. Nhưng dòm riết chú chàng vùng mắc cỡ. “Cảnh trạng trông thật ngộ nghĩnh”.

CHÁNH VĂN:

- 13.- *“Võ nghệ ngày xưa của nước nhà,
MẬU truyền nên chẳng kiếm cho ra.
Luyện tập để dành khi đến việc,*
16.- *THẠNH thời mới được hưởng vinh-hoa.*

*

* *

- Vinh-hoa cũng phải rán công phu,
Tìm kiếm mà coi sáu hóa cù.
Kiếp trước ông cha làm đức cả,*
20.- *Ngày sau con cháu rán lo tu.*

*

* *

- Võng dù sao chẳng rán mà tu,
Gặp đặng người xưa phước bổ bù.
Bởi trước giữ-gìn nền đạo-đức,*
24.- *Bảng vàng chói rạng chẳng hề lu”.*

CHÚ THÍCH:

VÕ NGHỆ: Nghề võ. Thông thạo binh đao, kiếm kích. Nói cho đủ “Thập bát võ bang”, nghĩa: “Mười tám thứ binh khí đều lâu luyện”.

THẠNH THỜI: Thời vận thịnh vượng.

VINH HOA: Vinh: Cỏ đơm bông. Hoa (huê): Cây đơm bông. Kinh Lễ “Thảo mộc vinh hoa” (cây cỏ đơm bông). Nghĩa bóng: Ngày hiển đạt. Đức Thầy có câu: *“Vinh hoa phú quý chòm mây bạc”.*

CÔNG PHU: Công: kết quả của sự việc. Phu: một người. Một người đem hết sức ra để thành tựu công việc (sự việc). Trong Tản Thao Ngọc Yến có câu: *“Tứ hồi phao khước tứ công phu”* (Mấy lần bỏ hấn công phu thua). Nghĩa rộng: gắng sức kiên trì. Đức Thầy có câu: *“Vững vàng bất thối công phu vương tròn”.*

SÁU HÓA CÙ: Sáu: loài bò sát, sống theo sông biển, thân hình rất to lớn và dài, có thể ăn thịt người. Cù:

con rồng. Sấu hóa thành rồng. Nghĩa bóng: Phàm nhơn tu tập đắc quả trở nên Tiên Phật.

ĐỨC CẢ: Đức lớn, có công to lớn với đời, được nhiều người ca tụng.

VÔNG DỪ: Nói cho đủ là “Dù che võng lọng”, chỉ bậc quyền quý cao sang.

GIỮ GÌN: Không để cho mất cho hư. Ví dụ: Giữ gìn sức khoẻ, giữ gìn của cải. Đức Thầy có câu: **“Giữ gìn biên cảnh bằng an đời đời”**.

LƯỢC GIẢI:

Ngày xưa võ nghệ được các nước nói chung, Việt Nam nói riêng, nung đúc cổ võ đào luyện thuần thực để giữ gìn bờ cõi. Tinh thần thượng võ rất cao độ, từ Trung chí Bắc đều có lò luyện võ, tục ngữ Trung phần ca tụng dân bản xứ: *“Ai về Bình Định mà coi, Đàn bà cũng biết đánh roi đi quyền”*.

Ngày nay Ông Mậu Thạnh truyền lại cho con cháu chỉ nhất thời, khó đạt được mục đích. Chỉ luyện tập chờ thời hưng thịnh mới có dịp hưởng vinh hoa. Nhưng phải rán trì chí công phu, có thuở sấu hóa cù. Kiếp trước ông cha ta người nhơn đức, vậy con cháu hiện giờ phải rán nổi chí tu hành.

Nếu ta rán cố chí trau thân gìn Đạo sẽ gặp lại người xưa, phước báu dồi dào, bằng vàng chói rạng khắp mọi nơi.

CHÁNH VĂN:

25.- **“HUƠNG đèn cầu nguyện với ông cha,
BỘ đạo tìm ra nẻo chánh tà.**

NHƠN ái giữ nền noi lối cũ,

28.- **NGHĨA hòa huynh-đệ phụng tông gia.**

*

* *

**Rày mừng gặpặng lúc ban ân,
Duyên trước ngày nay mới có phần,**

*Hãy rán dặn lòng lo trung hiếu,
32.- Đến chùng gặp hội có Tiên, Thần.*

*

* *

*Mùi hương phưởng-phất ghẹo cùng đời,
Công-tử sang giàu tiếp cuộc chơi.
Trải mặt phong-trần tìm món lạ,
36.- Nào dè thâm nhiễm tổn hao hơi.
Bo-bo ngày tối lo nôi ống,
Chặt-chĩa hằng đêm đổi tiếng lời.
Những mảng ham vui mang bệnh nghiệt,
40.- Gầy mòn thân thể vội buồn ngơi”.*

CHÚ THÍCH:

HƯƠNG ĐÈN: Nghĩa của chữ “Hương Đăng”.
Hương: mùi thơm, còn gọi là nhang. Đăng: đèn. Nhang và
đèn là hai vật dụng cần dùng trong lễ cúng bái. Đức Thầy
có câu: **“Hương đăng nghi ngút lễ vọng cầu”**.

CẦU NGUYỆN: Cầu: xin được trợ giúp. Nguyện:
ước muốn. Cầu xin được hợp với ý muốn.

CHÁNH TÀ: Chánh: ngay thẳng. Tà: cong, xiên
xẹo. Nghĩa rộng: Kẻ tốt người xấu, ngay thẳng hay xiêu
vẹo. Thơ Lục Vân Tiên có câu: **“Vân Tiên biết kẻ chánh
tà”**. Đức Thầy cũng bảo: **“Ông còn phân biệt chánh tà
nữa thôi”**.

NHON ÁI: Nhon: là lòng thương người mến vật.
Ái: yêu. Lòng thương yêu vạn vật.

NGHĨA HÒA: Nghĩa: hay làm việc phải giúp người
bất vụ lợi. Hòa: thuận thảo. Vừa giúp đời vừa hòa thuận
với mọi người.

HUYNH ĐỆ: Huynh: anh. Đệ: em. Tình anh em
máu mủ, hay tình anh em bốn đạo, để phân biệt giai thứ
cùng xưng huynh đệ. Đức Thầy có câu: **“Niềm huynh đệ
cùng nhau râu xé”**.

TÔNG GIA: Tông: người gầy dựng dòng họ. Gia: nhà. Người đứng đầu gầy dựng trong tông tộc. Đức Thầy có câu: ***“Lạy luôn bốn lạy tạ rày tông gia”***.

BAN ÂN: Cho ân huệ.

TRUNG HIẾU: Do câu: “Trung quân vương, hiếu phụ mẫu”. (Trung với vua, hiếu thảo với cha mẹ). Đức Thầy có câu: ***“Trung hiếu giữ gìn phận con tôi”***.

TIÊN THẦN: Cũng đọc là Thần Tiên. (Xem chú thích bài “SAY” chung tập).

PHUỞNG PHÁT: Cũng gọi là phảng phát. Nghĩa lơ mờ, lảng vảng, không rõ ràng. Đức Thầy có câu: ***“Thánh Thần phưởng phát hồn bay, Ở đâu cũng đến độ rày chúng sinh”***.

CÔNG TỬ: Công: ông. Tử: con. Bên Trung Quốc, con của các chư hầu thời phong kiến đều gọi là công tử. Vào thời quân chủ không còn chư hầu thì con trai Hoàng Tử gọi là Công Tử.

PHONG TRẦN: Phong: gió. Trần: bụi. Nghĩa bóng: Cõi đời đầy bụi bặm, nhơ nhớp, đau khổ. Truyện Kiều có câu: ***“Đã đầy vào kiếp phong trần”***. Đức Thầy cũng bảo: ***“Gây ra lắm nợ phong trần, Luân hồi sáu nẻo khôn lần bước ra”***.

THÂM NHIỄM: Thâm: sâu, nhiều. Nhiễm: nhuộm, lây phải. Nhiễm lây, vương lấy một cách sâu xa.

BO BO: Giữ chặt.

CHẶT CHÌA: Cũng gọi là chặt chẽ. Có quan hệ khăng khít, gắn liền với nhau. Ý nói đêm đêm gắn bó trong việc vui chơi, trau dồi tâm tình qua lời ăn tiếng nói trong băng nhóm.

BỊNH NGHIỆT: Còn gọi là bệnh hiểm nghèo. Bệnh làm nghiệt ngã mạng sống.

GẦY MÒN THÂN THỂ VỘI BUỒN NGÔI: Do cơn bệnh làm thân thể gầy mòn, ngày một yếu dần đến lúc kiệt lực, nên vội buồn không còn ham muốn gì nữa.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 25 đến câu 40)

Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên Ông Hương Bộ, muốn thay đổi cuộc đời phải dùng nhang đèn cầu nguyện trước bàn thờ Cửu Huyền: Ngày này, tháng này nhờ Ông Bà Cha Mẹ chứng giám cho mình tìm được chánh Đạo, bỏ lối xa hoa trụy lạc, gìn tâm nhơn ái, giữ nếp gia phong, trước lấy nghĩa hòa cùng huynh đệ, sau thờ phụng tông đường.

Hôm nay rất mừng gặp lúc Trời Phật ban ân, cũng do duyên trước có phần như vậy. Nên răn dặn lòng lo tròn hai điều trung hiếu để chờ cơ hội sẽ gặp Phật, Thần, Thánh, Tiên nơi đại hội Long Hoa.

Mùi hương của chất ma túy khi đốt hương bay phưởng phất trên ghẹo tốp người ăn chơi cứ tiếp tục làm những việc ngông cuồng vô ý thức. Càng trải mặt phong trần càng đắm nhiễm và tìm những món ngon vật lạ để cung phụng cho thân xác, nào dè càng lúc càng thâm nhiễm hao hơi tổn tướng. Ngày tối cứ bo bo ngồi đối diện trước mâm đèn, nôi ống hơi á phiện, và càng lúc càng bảo thủ giữ gìn chặt chĩa, có khi thâu đêm suốt sáng, lời qua tiếng lại với bọn sì ke.

Những tưởng vui chơi giải niếm tâm sự nào ngờ phải vương mang bệnh nghiệt, khó mà điều trị, càng ngày càng gầy mòn thân thể và nỗi buồn càng len nhẹ vào tim.

CHÁNH VĂN:

- 41.- *“Chán bệnh hiểm nghèo cậy Phật Tiên,
Tâm thành phù hộ hết nạn ghien.
Dưỡng thân đạo-đức giới linh trí,*
- 44.- *An thể hiền tu ắt được nguyên.
Chặt dạ tình-thần thêm mập khá,
Bền lòng khí-lực tráng nguơn nhiên.
Dẹp mê, dẹp chiếu cho tiêu tán,*
- 48.- *Theo dõi Bồng-Lai lánh cõi thiêng”.*

Xà-No, tháng 5, năm Canh-Thìn.

CHÚ THÍCH:

PHẬT TIÊN: (Xem chú thích từ Phật Tiên trong bài “Nang Thơ Cẩm Tú”, Quyển hạ, tập 1/2, trang 377).

PHÙ HỘ: Phù: giúp đỡ. Hộ: cứu giúp, tương trợ. Cứu trợ lẫn nhau. Đức Thầy có câu: **“May Trời phù hộ phước cho thâm”**.

NẠN GHIÊN: Nạn ghien á phien rất nặng. Sau khi qui y, Hương Bộ nhờ Đức Thầy dùng huyền diệu làm ông bỏ được bệnh này.

DƯỠNG THẦN: Tu dưỡng xác thân, giải điều tai ách.

LINH TRÍ: Linh: thiêng liêng, ứng nhiệm. Trí: thông minh hiểu biết rộng rãi.

AN THỂ: Thể xác an ổn.

HIỀN TU: Còn gọi tu hiền, tu sửa hiền lành, trau dồi đạo đức.

ẮT ĐƯỢC NGUYÊN: Tất được nguyên vẹn. từ tinh thần lẫn thể xác.

TINH THẦN: Phần khôn biết thiêng liêng sáng suốt của con người. Đức Thầy có câu: **“Lấy tinh thần hiệp vẹn ngút mây”**.

KHÍ LỰC: Khí: chí khí. Lực: sức mạnh. Sức mạnh của ý chí.

NGUỒN NHIÊN: Nguơn (nguyên): nguồn gốc. Nhiên: nhen, thấp sáng. Nguồn gốc phát sinh. Sức mạnh sẽ cường tráng, trở lại thuở ban đầu.

TIÊU TÁN: Tiêu: làm cho mất đi. Tán: làm cho tan ra. Tan biến đi.

BÔNG LAI: (Xem chú thích từ “Bông Lai” bài Đến Làng Nhơn Nghĩa, chung tập).

CỐI THIỀNG: Còn gọi là cối thành. Chỉ chỗ đô hội chợ búa, ăn chơi xa xỉ.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 40 đến câu 48)

Bấy giờ Hương Bộ Thanh đã thấm mùi Đạo, nên chán chê bệnh hiểm nghèo, nhờ Phật, Tiên trị giúp cho qua cơn ngặt. Đức Thầy bảo ông rán thành tâm hồi cải, Trời Phật sẽ phù hộ hết cơn nghiện ngập. Nhứt là phải dưỡng thân lo giới mài linh trí sẽ hồi nguyên sinh lực, chặt dạ tinh thần và thể xác sẽ khoẻ mạnh như xưa.

Đồ nghề mê muội chiếu dẹp đi, gìn tâm theo dõi tu sửa theo gương Tiên Phật.

Bài 13.- TỪ GIÃ LÀNG NHƠN NGHĨA

(SGTVTB 2004, tr. 376 – 380)

XUẤT XỨ:

Sau mấy tháng lưu cư ở làng Nhơn Nghĩa, dưới sức ép của nhà cầm quyền Pháp, Đức Thầy gửi đơn xin về Bạc Liêu. Bài này viết ngày rằm, tháng sáu năm Canh Thìn (1940) tại nhà Ông Hương Bộ Võ Mậu Thạnh, ở Rạch So Đũa (còn gọi là Kinh Xáng Xà No), thuộc làng Nhơn Nghĩa, tỉnh Cần Thơ, để từ giã bồng đạo ở đây trước lúc lên đường.

VĂN THỂ:

Bài “TỪ GIÃ LÀNG NHƠN NGHĨA” được Đức Thầy viết theo thể thơ lục bát, thuộc loại tự sự, trần tình, xen lẫn với thuyết giáo, dài 144 câu. Khởi đầu bằng câu: *“Kể từ mười tám tháng tư”*, và chấm dứt bởi câu: *“Chúc cầu lạc nghiệp nhà nhà ấm no”*.

NỘI DUNG:

Tiên đoán sắp phải rời xa nơi nương náu, Đức Thầy bày tỏ tình cảm cao thượng của Ngài đối với người dân địa phương nói riêng, và cả nhân sinh nói chung. Đức Thầy cũng đau lòng trước cảnh đảo huyền, con người hung ác. Ngài dặn dò bồng đạo ở lại, hãy an lòng giữ vẹn đức tin, nghiêm trì công phu, qui giới sẽ thấy được ngày thành công vinh diệu.

CHỦ ĐÍCH:

Đức Thầy viết bài này nhằm mục đích nung nấu tinh thần đạo đức cho bồng đạo tại làng Nhơn Nghĩa trước lúc Ngài phải xa rời họ.

CHÁNH VĂN:

- 1.- *“Kể từ mười tám tháng tư,
Canh-Thìn lưu chữ thiện-từ tới đây.
Cho làng Nhơn-Nghĩa biết Thầy,
Đem truyền mỗi đạo thang mây chỉ chừng.*

*Nay vì thời vận chuyển luân,
6.- Ở trong cõi tạm đã từng đổi thay”.*

CHÚ THÍCH:

KÊ TỪ MUỖI TÁM THÁNG TƯ: Kể từ ngày, giờ, năm, tháng nói trên Đức Thầy đặt chân đến làng Nhơn Nghĩa, còn gọi là Kinh Xáng Xà No.

CANH THÌN: 1940.

LƯU CHỮ THIÊN TỪ: Thiên: lành. Từ: lời nói hoặc văn chương. Vì lưu chữ hiền lành mà Đức Thầy đến đây chung ngụ với Ông Hương Bộ Thạnh để đánh dấu trang sử Đạo trong những ngày xa xứ.

NHƠN NGHĨA: Địa danh một thôn trong tỉnh Cần Thơ, còn gọi là Kinh Xáng Xà No, nơi quê hương của Ông Hương Bộ Thạnh.

THANG MÂY: Do chữ “Vân Thê”. Vân: mây. Thê: Thang. Một cái thang rất cao để quân Sở leo vào thành nước Tống. Cái thang ấy tên Vân Thê (Thang Mây). Dùng để nói về việc leo cao. Nghĩa bóng: Nói về việc thi đỗ. Thơ Lục Vân Tiên có câu: “*Con dẫu bước đặng thang mây*”.

CHUYỀN LUÂN: Chuyển: Quay, lay động. Luân: Bánh xe. Bánh xe quay. Nghĩa bóng: Tiếp nối không ngừng như bánh xe quay. Đức Thầy có câu: “*Chuyển luân trong nhơn vật các loài*”.

LƯỢC GIẢI:

Kể từ ngày 18 tháng tư năm Canh Thìn làng Nhơn Nghĩa có cơ duyên gặp gỡ Đức Thầy và được Thầy truyền Đạo lý siêu thượng. Tuy nhiên theo luật vô thường hằng chuyển, cơ duyên hy hữu ấy rồi cũng trôi qua.

CHÁNH VĂN:

7.- “*Cầu cho già trẻ gái trai,
Rủ nhau niệm Phật liên-đài ắt lên.
Thế-gian ngày thảo đáp đền,
10.- Ngày sau sẽ được chần mền thom-tho”.*

CHÚ THÍCH:

LIÊN ĐÀI: Đài sen, nơi các hàng Bồ Tát và chư Phật phu tọa. Đức Thầy có câu:

***“Ở trần cho trọn nghĩa nhân,
Quyết làm tôi Phật gởi thân liên đài”.***

THẾ GIAN: Thế: đời. Gian: khoảng. Khoảng đời sống của nhơn loại. Cụ Nguyễn Bình Khiêm có câu: *“Thế gian biến cải vừng nên đời”*. Đức Thầy cũng bảo: ***“Tâm đáng hiền từ cứu thế gian”***.

NGAY THẢO: Nói cho đủ: ngay cha thảo chúa, do câu: “Trung quân vương, hiếu phụ mẫu”. (trung thành với vua, hiếu đạo với cha mẹ). Đức Thầy có câu: ***“Ngay cha thảo chúa Phật Trời cứu cho”***.

CHẴN MÈN THƠM THO: Tắm để đắp cho ấm, được may bằng vải, bông hoặc len, da...Nghĩa bóng: Được Phật Trời che chở và cứu giúp thành công tốt đẹp.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 7 đến câu 10)

Ra đi, Đức Thầy mong tất cả mọi người ở lại hãy cùng nhau niệm Phật để cầu vãng sanh về cõi Phật. Nhưng song song đó mọi người cũng nên nỗ lực đắp đền ân nợ thế gian, giữ tròn câu ngay thảo về sau sẽ hưởng những phần thưởng xứng đáng.

CHÁNH VĂN:

11.- ***“Tục kêu là rạch Xà-No,
Vàm kinh ông Bồn eo-co khúc đường.
Ngày Thầy lìa cách quê-hương,
Về đây nương ngụ bởi thương dân lành.
Phủ trần xóa bỏ lợi danh,***

16.- ***Quyết lòng lánh trước tâm thanh mai chiêu”.***

CHÚ THÍCH:

TỤC KÊU LÀ RẠCH XÀ NO, VÀM KINH ÔNG BỒN EO CO KHÚC ĐƯỜNG: Địa danh quê hương của Ông Võ Mậu Thạnh. Kinh Xáng Xà No và Vàm Kinh Ông

Bồn, có nhiều khúc đường eo co. Do đó ghi lại bao kỷ niệm triu mến, luyến lưu của khách lữ hành khi xa xứ.

QUÊ HUƠNG: Nơi chôn nhau cắt rốn, chỗ sanh thành thời còn thơ ấu.

DÂN LÀNH: Còn gọi là dân hiền. Người dân biết kính thờ Trời Phật, và ăn ở thảo cha ngay chúa.

PHỦI TRẦN XÓA BỎ LỢI DANH, QUYẾT LÒNG LÁNH TRƯỚC TÂM THANH MAI CHIỀU: Từ ngày về tạm ngụ quê hương Ông Võ Mậu Thạnh, Đức Tôn Sư không quên nhắc nhở chúng dân: chớ nên say đắm lợi danh trần trước khổ lụy, mà phải cố gắng tìm kiếm con đường thanh cao Phật Pháp hầu có ảnh hưởng an vui hạnh phúc sau này.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 11 đến câu 16)

Địa danh phong cảnh nơi Rạch Xà No đã từng ghi dấu những tháng ngày Đức Thầy nương náu. Ngài yêu thương người dân bản xứ và một lòng muốn xa lánh chốn thế trần nhiễm ô danh lợi, mong được sớm chiều vui với cuộc sống thanh bạch thoát phàm.

CHÁNH VĂN:

- 17.- *“Thuở xưa thời buổi Thuần-Nghiêu,
Thái-bình thịnh-trị mến yêu khẩn tình.
Chớ đâu đồ-thán sanh-linh,*
- 20.- *Bởi nay lỗi đạo kệ kinh ngạo cười.
Lo cho mình được đẹp tươi,
Phụ-phàng nghĩa cả lại cười Phật Tiên.
Luật Trời báo ứng nhân tiền,*
- 24.- *Khấp trong thiên-hạ đảo huyền từ nay”.*

CHÚ THÍCH:

THUẦN NGHIÊU: Thuần: Tức Đế Thuần (2256-2195 trước Tây lịch). Họ Diêu, tục danh Trùng Hoa, nổi tiếng hiếu tử, được vua Nghiêu gả con và truyền ngôi, đóng đô ở Đồ Bản. Trị vì được 61 năm, thọ 101 tuổi.

Nghiêu: Một ông vua Trung Hoa thời xưa nổi tiếng có hiếu và thương dân, họ là Đào Đường, tại vị được 72 năm. Đức Thầy có câu: ***“Đem điều cay nghiệt phá tuồng Thuấn Nghiêu”***.

THÁI BÌNH THANH TRỊ: Thái: rất. Bình: yên ổn. Thanh: dồi dào. Trị: là công cuộc được sửa sang, dân chúng sống trong cảnh yên ổn. Đời sống yên vui sung túc đầy lạc quan. Đức Thầy có câu: ***“Chúc cầu thanh trị thối lại xóm làng”***.

ĐỒ THÁN: Đồ: bùn. Thán: than nóng. Trong cảnh bùn lầy và than nóng. Nghĩa bóng hết sức cực khổ ***“Nhơn dân bốn phía đương đồ thán”***.

SANH LINH: Sanh: sống. Linh: thiêng liêng. Nói chung mạng sống thuộc giới hữu tình. Đức Thầy có câu: ***“Nào hay ta đã thương ngẫm sanh linh”***.

KỆ KINH: (Xem chú thích từ Kệ Kinh, bài “Tối Mừng Một”, chung tập).

PHỤ PHÀNG: Bạc đãi khinh khi, không nhìn đến. Đức Thầy có câu: ***“Lo trang sức kim thời huê mỹ, Rồi phụ phàng tục cổ nước nhà”***.

NGHĨA CẢ: Nghĩa lớn. Nghĩa bóng: Thâm ân cha mẹ ví như trời biển.

PHẬT TIÊN: (Xem chú thích từ Phật Tiên, Quyển Hạ, tập 1/2, trang...)

LUẬT TRỜI: Cũng gọi là luật Thiên đình, luật Tạo hóa, luật Thiên nhiên hay luật thiên công. Là luật công bình chánh đáng, không hề tư vị một ai. tội trừng công thưởng. Còn gọi là luật thưởng phạt. Nhưng chưa hẳn hoàn toàn tuyệt đối, cũng có thể thay đổi đôi chút, tùy theo tội nhơn biết phục thiện hồi cải.

BÁO ỨNG: Báo: trả lại. Ứng: đáp lại. Được trả lại bằng những gì mình đã làm ra. Đức Thầy có câu: ***“Cơ trời sẽ báo ứng đến những hành vi đen tối”***.

NHÃN TIỀN: Nhãn: con mắt. Tiền: trước. Việc xảy ra trước mắt.

THIÊN HA: Chỉ chung những người sống trong cõi hạ giới. Đức Thầy có câu: ***“Gẫm trong thiên hạ nhiều nhà thiếu cơm”***.

ĐÀO HUYỀN: Treo ngược đầu xuống. Nghĩa bóng: khổ sở đến cực điểm không thể nghĩ bàn.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 17 đến câu 24)

Đức Thầy nhắc lại thời Thuần Nghiêu xưa rất thái bình thanh trị. Còn trong hiện tại Đạo lý suy đồi, lòng người tham lam hiểm ác nên luật nhân quả sẽ báo ứng nhãn tiền, đưa nhân loại vào thảm cảnh đảo điên, ly loạn.

CHÁNH VĂN:

- 25.- ***“Ra đi để lại một bài,
Cho trong bốn-đạo hôm mai rền lòng.
Băng chừng tách dậm xa trông,***
28.- ***Dân-sanh gặp trận trời long hầu kẻ”***.

CHÚ THÍCH:

DÂN SANH: Người dân sanh sống trong một đất nước.

TRỜI LONG: Nói đủ “Trời long đất lở”. Cảnh hãi hùng của cuộc biến thiên. Nghĩa bóng: Chỉ nạn binh đao khói lửa và tai trời ách nước do cơ Thiên định.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 25 đến câu 28)

Trước khi ra đi, Đức Thầy để lại cho bốn đạo một bài thi đạo đức. Ngài ra đi mà mắt vẫn đau đáu nhìn lại chốn xưa, vì biết nơi đây sắp ngập chìm trong khổ nạn.

CHÁNH VĂN:

- 29.- ***“Tôi lui bùa thuốc bộn-bề,
Chon dòi khỏi cửa ra về phũ ớn.
Thấy đời tu dối khuyên lon,***
32.- ***Từ đây sửa lại gặp cơn thái-bình.***

- Phật Trời đâu dụng phép linh,
Chỉ dùng đạo-đức mặc tình ghét ưa.
Nghinh-ngang làm thiếu lấy thừa,**
- 36.- **Mẹ cha chẳng kể dối lừa ngỗ-ngang.
Ngày nay mới đến Phật-dàng,
Niệm một tiếng Phật đòi an bình liền.
Chậm lành chê Phật ngạo Tiên,**
- 40.- **Rồi sau tội nghiệp liên-miên tới mình”.**

CHÚ THÍCH:

BÙA THUỐC BỘN BỀ: Thời Đức Huỳnh Giáo Chủ mới khai Đạo, lấy việc trị bệnh làm phương tiện cứu giúp kẻ ít căn lành. Cho nên Ngài dùng dây chuỗi làm bùa và giấy vàng xé nhỏ cho bệnh nhân uống, hoặc nước lã chẳng hạn. Ở đây Đức Thầy diễn lại cảnh trạng nói trên, nhiều người tới lui xin thuốc, xin bùa, thật là bề bộn. Nhưng tâm địa của chúng sanh rất tráo trở, chỉ dụng việc điều trị cho hết bệnh, chớ không thực chất ăn năn hối cải.

TU DỐI: Tu giả dối. Mượn hình thức hoặc chiếc áo Đạo để loè đời.

KHUYÊN LON: Vừa khuyên vừa dạy.

PHÉP LINH: Tài trí linh thiêng...do công năng tu tập mà được. Song phép linh có chánh có tà. Tà thì thanh hành được một lúc. Còn chánh không bao giờ mất “*Chánh luôn luôn thắng tà*”.

PHẬT TRỜI ĐÂU DỤNG PHÉP LINH, CHỈ DÙNG ĐẠO ĐỨC MẶC TÌNH GHÉT ƯA: Trong bài Sứ Mạng, Đức Thầy có viết: “...*Ta không thể đem phép huệ linh mà cứu an tai họa chiến tranh tàn khốc do loài người tàn bạo gây nên...*” Theo định luật nhân quả: Hễ gieo giống chi hưởng trái nấy: “*Chúng qua hoàn đắc qua, chúng đậu hoàn đắc đậu*”. Đức Thầy chỉ đem đạo đức giác ngộ con người, rồi tự chúng ta cải thiện cuộc đời, chớ không sửa luật Nhơn quả được, vì định luật ấy suốt cổ kim chẳng lọt một ai: “*Luật Nhơn quả thật là cao viễn, Suốt*

cổ kim chẳng lọt một ai". Minh tu để giải nghiệp cá nhân của mình. Nên các Ngài không dùng phép linh mà chỉ dùng đạo đức mặc tình ai ưa ghét.

NGHINH NGANG: Ngang tàng bướng bỉnh, không phục tùng một ai. Đức Thầy có câu: ***"Nghinh ngang hỗn ẩu phải chữa"***.

LÀM THIẾU LẤY THỪA: Làm công việc tính toán, làm thì thiếu lấy thì dư.

NGÕ NGANG: Ngược ngạo không xem ai ra gì. Đức Thầy có câu: ***"Dân ta dòng giống Tiên bang, chó đâu có giống ngỗ ngang hung sùng"***.

PHẬT ĐÀNG: Còn gọi Phật đường. Nhà Phật hay Đạo Phật, ngoài ra còn có nghĩa: Con đường về cảnh Phật. Đức Thầy có câu: ***"Chón Phật đường rón trau đức hạnh"*** hay ***"Tìm con lành dắt lại Phật Đường"***. Và:

***"Ngày nay mới đến Phật đường,
Niệm một tiếng Phật đòi an bệnh liền."***

***Chậm lành chê Phật ngạo Tiên,
Rồi sau tội nghiệp liên miên đến mình"***.

Hành giả mới vào cửa Đạo, chỉ niệm một tiếng Phật trông mau hết bệnh, nếu bệnh chưa thuyên lại chê bai Phật Tiên. Xét thật tội nghiệp cho hành giả đó quá!

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 29 đến câu 40)

Suốt thời gian qua, nơi đây Ngài đã phát phù trị bệnh cốt để gây tạo lòng tín ngưỡng cho mọi người. Đáng tiếc lòng tín ngưỡng đã bị một số người hiểu sai thành ra mê tín. Sử dụng phép màu chỉ là phương tiện mà việc phổ truyền giáo lý mới là mục đích chính của Phật Trời. Lắm người không hiểu điều ấy cứ làm việc xấu xa vô Đạo rồi đến cầu Phật hoặc niệm Phật để mong hết bệnh, không thấy kết quả như ý muốn thì trở lại phi báng Phật Tiên. Đó là hành động sai lầm, sẽ kết thành tội nghiệp oan khổ.

CHÁNH VĂN:

- 41.- “*Dương-trần phú trọng bản khinh,
Mảng lo bơi móc cầu vinh thân phàm.
Biết sao đầy được túi tham,
Không ngăn không đáy càng làm không kiên.
Mĩa-mai đến kẻ tu hiền,
Làm cho thỏa chí mới yên giấc nồng.
Gẫm đời bụng dạ gai chông,*
48.- *Nên còn khổ sở trời đông túng nghèo”.*

CHÚ THÍCH:

DƯƠNG TRẦN: Dương: dương gian. Trần: bụi. Cõi chúng ta đang ở đầy gian nan và bụi bặm.

PHÚ TRỌNG BẢN KHINH: Trọng giàu, khinh nghèo.

BIẾT SAO ĐẦY ĐƯỢC TÚI THAM, KHÔNG NGĂN, KHÔNG ĐÁY, CÀNG LÀM, KHÔNG KIỀNG: Túi tham con người không đáy. Làm suốt kiếp không đầy, nên càng làm thẳng tay chớ không còn kiên nể ai.

MĨA MAI: Nói chế nhạo một cách kín đáo.

GÃM ĐỜI BỤNG DẠ GAI CHÔNG, NÊN CÒN KHỔ SỞ TRỜI ĐÔNG TÚNG NGHÈO: Xét thấy lòng con người đầy đầy ác độc, nên phải còn khổ sở nghèo túng. Đó là lẽ tất nhiên.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 40 đến câu 48)

Con người hiện tại lại quá xấu xa, chỉ biết sống ích kỷ tham lam, lòng dạ chất chứa điều gian tà sâu hiểm lại còn xúc phạm đến cả bậc tu hành. Chính đó là nguyên nhân đưa đến cảnh khổ sở bần cùng trên cả phạm vi rộng lớn.

CHÁNH VĂN:

- 49.- “*Nhìn dân ruột thắt gan teo,
Rán tâm gậy cũ mà leo qua bờ.
Nếu không, gặp cảnh bơ-vơ,*
52.- *Thuyền ghe chẳng có bến bờ cũng không.*

*Một mai thấy được non Bồng,
Cảnh Tiên rực-rỡ mây rồng đẹp thay.
Lại thêm thấy chốn Phật-đài,*

56.- Không già không bệnh chẳng ngày nào lo”.

CHÚ THÍCH:

RUỘT THẮT GAN TEO: Ruột bị thắt lại, gan bị teo đi. Nghĩa bóng: Đau xót não nề.

GÂY CŨ: Gây xưa. Nghĩa bóng: Chỉ giáo lý vô vi chân truyền của Đạo Phật. Giáo lý Thích Ca Mâu Ni và giáo lý Bửu Sơn Kỳ Hương.

BƠ VƠ: Nổi trôi không nơi nương tựa. Đức Thầy có câu: **“Đón đau sắp đến bơ vơ một mình”.**

MỘT MAY: Một ngày kia, một việc tốt hiếm có.

NON BỒNG: Nói đủ: “Non bồng nước nhược”. Chỉ cảnh siêu thoát. Tương truyền nơi biển Bột Hải có ba hòn đảo: Bồng Lai, Phương Trượng, Doanh Châu để sẵn dành cho Tiên ở.

MỘT MAI THẤY ĐƯỢC NON BỒNG, CẢNH TIÊN RỰC RỠ MÂY RỒNG ĐẸP THAY. LẠI THÊM THẤY CHỐN PHẬT ĐÀI, KHÔNG GIÀ KHÔNG BỆNH CHẴNG NGÀY NÀO LO: Đoạn này chỉ cảnh Bồng lai của Tiên ở, đêm có Hạc múa, ngày mây che, vừa rực rỡ vừa thanh nhàn trông thật tuyệt. Còn cảnh Phật lại huy hoàng hơn nữa, có đài sen báu hoàn toàn tịch tịnh an vui.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 49 đến câu 56)

Nhìn cảnh khổ đau, Đức Thầy rất đau lòng. Ngài đã dùng những đạo lý truyền thống để làm phương tiện cứu vớt sanh linh. Nếu ai không chịu nương tựa vào đó chắc sẽ bị đắm chìm nơi khổ ải. Trái lại, nếu ai biết nương vào giáo pháp của Ngài để tu hành, chẳng những sau này sẽ thấy được cảnh đời tân đẹp để mà còn được sanh về cõi Phật thoát kiếp luân hồi.

CHÁNH VĂN:

- 57.- ***“Bây giờ Lão lại thúc dò,
Đưa qua bến giác đông to tới nhà.
Vậy mà còn ghét kệ ca,***
60. ***Không gây tình cảm để Già nhọc khuyên.
Thương đời ta phải truân-chuyên,
Bạc-Liêu xứ ấy ta liền đến nơi.
Giã từ bốn-đạo ít lời,***
- 64.- ***Gìn câu nguyện vãi chó lơi nghĩa Thầy.
Bớt lòng thương nhớ từ đây,
Chẳng nên bịn-rịn để Thầy an tâm.
Nhớ lời dạy dỗ ca ngâm,***
- 68.- ***Di-Đà sáu chữ trì tâm chó sồn”.***

CHÚ THÍCH:

LÃO: Già. Chỉ người lớn tuổi.

THÚC DÒ: Giục thúc con thuyền. Nghĩa bóng: Hối thúc lữ hành sớm bước đường tu.

BẾN GIÁC: Bờ giác ngộ, bờ giải thoát.

DÔNG TO TỚI NHÀ: Gặp gió lớn thuyền sẽ kíp mau tới cảnh Phật.

KỆ CA: Kệ là thể văn trong kinh Phật, thường một thiên kinh có một bài Kệ. Để tâng tụng, hoặc dịch ý nghĩa đoạn kinh đó ra. Như bài Kệ của Sư Thần Tú, bài Kệ của Đức Lục Tổ Huệ Năng, hoặc bài Kệ “Đêm Thanh”, hay bài “Tiếng Kệ Từ Bi”. Ca: Còn gọi là hát, giọng ngâm nga cao thấp. Kệ ca ở đây: Ý nói lời Kinh Giảng được Đức Thầy xướng ngâm giọng du dương để mọi người cảm động thức tỉnh. Đức Thầy có câu: ***“Kệ cùng ca lựa tuyển con lành”.***

GIÀ: Âm chỉ Đức Phật Thầy Tây An thuở xưa trở lại. Đức Thầy có câu: ***“Nay Khùng đã hết già hóa trẻ,
Nên giữa đồng bồng lại có sông”.***

TRUÂN CHUYỀN: Gian nan, vất vả. Đức Thầy có câu: ***“Đạo diệu mầu gặp lúc truân chuyên, Phận môn đệ phải lo vun quén”.***

BẠC LIÊU: Nguyên trước kia là trấn Trần Di của trấn Hà Tiên, do Mạc Thiên Tứ lập năm Ất Mão (1735). Thời Pháp thuộc là tỉnh thứ 20 của Nam Kỳ. Đến năm 1956 sát nhập với tỉnh Sóc Trăng trở thành tỉnh Ba Xuyên. **“Lá phép xin về tỉnh Bạc Liêu”**. (ĐT)

BỊN RỊN: Quân quít, khó rút đi. Đức Thầy có câu: **“Bịn rịn đời cực khổ tang thương”**.

DẠY DỠ: Chỉ dạy, dỗ dành. Đức Thầy có câu: **“Thương dân dạy dỗ biết bao nhọc nhằn”**.

DI ĐÀ SAU CHỮ: Nghĩa của lục tự Di Đà. (Sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật) danh hiệu của Đức Phật A Di Đà có công năng đưa mình từ bờ mê sang bến giác.

TRÌ TÂM: Trì: gìn giữ. Tâm: lòng. Gìn giữ luôn trong lòng, bất chấp thời gian, không gian, hoặc **“...đi, đứng, nằm, ngồi, rán niệm chớ quên không đợi gì thời khắc”** (Bài Niệm Phật).

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 57 đến câu 68)

Đức Thầy ví mình như người lái đò vượt dòng gió hiểm nguy đưa khách trần mê về bến giác. Thế mà có kẻ không hiểu, còn mang nặng ác cảm với Ngài. Mặc dù vậy, Đức Thầy vẫn tiếp bước hành trình độ thế. Trước mắt, Ngài sẽ giã từ chốn cũ để xuống Bạc Liêu. Ngài nhắn nhủ bốn đạo ở lại đừng quá nhớ thương Thầy mà nên giữ gìn công phu nguyện vãi và trì tâm niệm Phật.

CHÁNH VĂN:

69.- **“Cuộc trần Thầy tỏ thiệt hơn,
Mấy người bê-trẻ chậm chơn tới Thầy.**

**Nghe theo lời chỉ sau đây,
72.- Lãnh bài cầu nguyện về rày mà tu.**

**Dạy dân đầu tóc rối bù,
Mà trong bá-tánh hiểm-thù chi ta.**

**Trễ chơn Thầy mắc đi xa,
76.- Hỏi thăm Hương-Bộ vậy mà cách tu”**.

CHÚ THÍCH:

BÊ TRỄ: Bê tha, trễ nải.

LÃNH BÀI CẦU NGUYỆN: Lãnh bài cầu nguyện cúng hằng đêm. Tức bài “Cúi kính dung hương, Bài qui y và năm câu nguyện...”

ĐẦU TÓC RỐI BÙ: Còn gọi đầu bù tóc rối. Chỉ cảnh bộn bề, đa đoan nhiều việc. Nghĩa bóng: Sự gian lao cực khổ không thể nghĩ lường.

HIỀM THỪ: Thù hiềm khiêu khích. Thù ghét chống đối lẫn nhau.

HƯƠNG BỘ: Ông tên VÕ MẬU THẠNH. Thời gian tạm ngụ nhà ông, Đức Thầy có trao cách thức tu và dạy ông làm “Huấn luyện viên” (lạy mẫu) để hướng dẫn cách cúng lạy cho đồng bào mới phát tâm.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 69 đến câu 76)

Về cách thức tu những chỗ yếu lý Đức Thầy sẵn sàng chỉ rõ. Riêng những người có lòng mộ đạo nhưng tới đây trễ nải. Không gặp được Thầy, cứ lãnh lấy bài cầu nguyện hỏi thăm ông Hương Bộ Thạnh về cách thức tu hành, về nhà tự lo tu niệm. Cuộc dạy dỗ Ngài sẽ chịu nhiều gian lao như vậy, thật là điều đáng chua xót.

CHÁNH VĂN:

- 77.- “*Trăng còn khi tỏ khi lu,
Cho nên phận Lão viễn du đổi dời.
Càng đi càng biết nhiều nơi,*
80.- *Càng đem chơn-ly tuyệt-vời phổ thông.
Người Khùng trí lại cuông-ngông,
Cớ sao thế-cuộc lâu thông cũng kỳ,
Xả thân tâm Đạo vô-vì,*
84.- *Nhiệm-mẫu thâm-diệu nan-tri Lão bày”.*

CHÚ THÍCH:

VIỄN DU: Viễn: xa. Du: ngao du, đi xa. Mắc chuyện đi xa.

ĐÔI DỜI: còn gọi là dời đổi. Thay đổi cục diện, hay thay đổi chỗ ở.

CHON LÝ: Lý chân thật, còn gọi là chơn lý tuyệt đối. Nghĩa là bất di bất dịch. Nó vốn không dời đổi, dù bao thời gian và bao thời đại, nó vẫn vĩnh hằng. Nó thật không tên tuổi, tùy cơ ứng dụng, tùy lúc hành tàng. Xưa Tổ Phụ Đà Mật Đa có làm bài kệ:

*“Chơn lý vốn không tên,
Nhơn tên rõ chơn lý.
Thọ được lý chơn thật,
Chẳng chơn cũng chẳng ngại”.*

Trong bài Cho Ông Cò Tàu Hảo, Đức Huỳnh Giáo Chủ có xác định:

***“Làm cho chúng phục tùng chơn lý,
Trong sắc thân giám thị lục căn”.***

Tạm đặt cho nó là “Bản lai thanh tịnh”, hằng hữu của tất cả chúng sanh. Các Phật ba đời xưa cũng tu từ bản lai đó. Và chúng ta hôm nay cũng tu luyện tâm chơn như ấy mà chứng đắc Đạo quả. Nó vốn không do đâu sanh và cũng không do đâu diệt.

TUYỆT VỜI: Cực kỳ hết mức, cao xa rất mức. Nghĩa rộng: Sự thành công như ý muốn. Đức Thầy có câu: ***“Hồng Lạc giống xưa rất tuyệt vời”.***

PHỔ THÔNG: Phổ: khắp nơi. Thông: suốt khắp. Thông suốt tất cả mọi nơi. Đức Thầy có câu: ***“Chớ cũng mừng được dịp phổ thông”.***

CUÔNG NGÔNG: Cuông: ngậy đại. Ngông: ngông nghênh. Ngậy đại, ngông nghênh như người mất trí.

THẺ CUỘC: Còn gọi là thời cuộc. Cục diện trời đất đều rõ thấu.

LẦU THÔNG: Biết suốt cả. Đức Thầy có câu:

***“Nhiều người kinh sử lầu thông,
Mà không sửa tánh bởi lòng còn mê”.***

XẢ THÂN: Không kể tấm thân. Hi sinh bản thân cho chính nghĩa, chánh pháp. Tiền thân của Đức Phật xưa kia đã từng xả thân: Thí thân nuôi cọt đói, móc mắt làm thuốc, lóc thịt nuôi cha mẹ đói (La Đề Xà). Đức Thầy cho biết trong bài Sứ Mạng: ***“...Nhưng mà ta nghĩ nhiều tiền kiếp ta cũng hy sinh vì Đạo, nào quản xác thân. Kiếp chót này đây há lại tiếc chi thân phàm tục...”***.

TÂM ĐẠO: Còn gọi là tìm Đạo. Tìm con đường đưa mình có đủ tam giác: Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn và có đủ bốn đức: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Đức Thầy có câu:

“Đạo là vốn thiệt cái đàng,

Ta ra sức dọn cho toàn chúng sanh”.

VÔ VI: Vô: không. Vi: làm. Ngài Lão Tử có nói: ***“Vô vi, nhi vô bất vi”***. (không làm mà làm tất cả). Có nghĩa: Không có tướng người, tướng ta, tướng chúng, tướng thọ giả. Và lại, trong sách tướng có câu: ***“Hữu tâm vô tướng, tương tự tâm sanh. Hữu tướng vô tâm, tương tòng tâm diệt”***.

Theo chơn lý PGHH, Đức Thầy có xác nhận như sau:

***“Làm vô vi chánh đạo mới mau,
Đạo Thích Ca nhiều nẻo cao sâu.
Hãy tìm kiếm cái không mới có”.***

Và câu:

***“Đạo vô vi của Phật ân cần,
Nối theo chí Thích Ca ngày trước”.***

Do đó Ngài chủ trương không thờ hình tượng chỉ chú trọng vào tâm hồn, thờ chỉ tượng trưng. Mục đích là lấy hình tượng để chuyển nội tâm.

***“Nội quang cảnh tâm vô kỳ vật.
Đường đạo đức bước đi từ nấc,
Ngoại quan hình bất chấp kỳ hình”.***

NHIỆM MÀU: Còn gọi màu nhiệm. Huyền diệu sâu kín. Đức Thầy có câu: ***“Chùng ni mới thấy nhiệm***

màu của Ta". Hoặc giả: **“Đặng sau xem Phật pháp nhiệm màu”.**

THÂM DIỆU: Thâm: sâu, nhiều. Diêu: khéo léo. Càng tốt đẹp khéo léo, càng thâm sâu vi diệu. Đức Thầy có câu: **“Chuyển miền Nam địa càng thâm diệu”.**

NAN TRI: Nan: khó. Tri: biết. Khó biết.

NAN TRI LÃO BÀY: Những chỗ cao sâu khó biết, khó nhận thức, nay Đức Thầy sẵn sàng bày tỏ.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 77 đến câu 84)

Như trăng trên trời, có khi mờ khi tỏ, cuộc đời có khi đổi khi dời. Thân phận Đức Thầy có khi chịu truân chuyên xa xứ. Tuy nhiên, Ngài càng đi nhiều, càng biết nhiều và càng có dịp để truyền bá Đạo pháp rộng rãi thêm hơn. Đức Thầy tự cho mình là người Khùng của bậc siêu phàm, lấu thông thế sự. Từ lâu, Ngài đã quên bỏ thân mình để tầm Đạo lý siêu thượng và chỉ bày đạo lý ấy cho nhơn sanh tu tập.

CHÁNH VĂN:

- 85.- **“Cầm hương chắp lại hai tay,
Đưa lên trên trán nguyện bài qui y.
Nguyện rồi xá xuống tức thì,**
88.- **Cầm hương rồi cũng đứng thì thẳng ngay.
Đọc qua lời nguyện một bài,
Lạy luôn bốn lạy tạ rày tông-gia.
Bàn tay lật ngửa vậy mà,**
92.- **Chớ đừng lật sấp vì Thầy tái sanh.
Đi xa thì phải dặn rành,
Bàn thông-thiên cũng thiết hành như y.
Bốn phương đều đọc vậy thì,**
96.- **Cúi đầu bái tạ từ-bi Phật Trời.
Sớm chiều bình-đẳng chớ lời,**
98.- **Thường hành như vậy nhớ lời đừng sai”.**

CHÚ THÍCH:

BÀI QUI Y: Bài nguyện trước ngôi Tam Bảo, tín đồ hằng ngày khấn nguyện: “...*Qui y theo mấy Ngài, tu hiền theo Phật đạo*”.

ĐỌC QUA LỜI NGUYỆN MỘT BÀI, LẠY LUÔN BỐN LẠY TẠ RÀY TÔNG GIA: Bài nguyện thứ ba là bài ngũ nguyện. Nguyện xong lay bốn lay, tạ từ dòng họ nội ngoại. Hứa nguyện: “*Rán tu đắc đạo cứu Cửu huyền*”.

BÀN TAY LẬT NGỬA VẬY MÀ, CHỖ ĐỪNG LẬT SẤP VÌ THẦY TÁI SANH: Xưa Đức Phật Thầy Tây An dạy lay lật sấp. Nhưng tùy phong hóa Đức Thầy hiện nay dạy môn đệ lay lật ngửa, vì Ngài đã tái sanh trở lại:

*“Tạo xác Huỳnh danh thanh sắc trẻ,
Chờ thời thiên định thiết hùng ca”.*

BÀN THÔNG THIÊN: Bàn thông lên trời, bàn thờ tam giáo đồng nguyên, được đặt chính giữa trước sân nhà của mỗi tín đồ PGHH. Bàn này cũng đọc bài qui y rồi bài ngũ nguyện.

BỐN PHƯƠNG: Gồm có: Đông, Tây, Nam, Bắc, lấy bàn thông thiên làm hướng chánh, bốn phía đều đọc bài ngũ nguyện rồi bốn lay để bái tạ Trời Phật.

BÌNH ĐẰNG: Bình: bằng nhau, ngang nhau. Đẳng: thứ bậc. Ngang hàng không hơn, không kém. Bình đẳng còn ví cho con thuyền Đại Đạo, tức là Đạo Phật. Đạo Phật siêu việt hơn các tôn giáo khác là ở chỗ chơn thật bình đẳng. Đức Thích Ca xưa, bỏ cuộc đời vương giả đi tu là chọn con đường bình đẳng, không phân biệt giai cấp, trí ngu, già trẻ, nghèo giàu. Ngài quan niệm: “*Nhơn hơn hữu tánh Như Lai*”. Đức Huỳnh Giáo Chủ ngày nay cũng xác định theo chủ thuyết bình đẳng của Đức Phật:

*“Các chúng sanh đều có như Ta.
Bị vô minh vọng tưởng vạy tà,
Nên quay lộn Ta bà cõi khổ”.*

Nếu hành giả giữ được tâm bình đẳng là đã điều luyện dứt được bản ngã, thoát ngoài vòng tứ tướng (Nhơn tướng, ngã tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng). Nếu bốn tướng không còn, khỏi cần giữ giới. Kinh Pháp Bửu Đàn, Đức Lục Tổ có giải: *“Lòng bình đẳng đâu cần giữ giới, Làm việc ngay há đợi tu thiền”*.

Bình đẳng là tâm rốt ráo của đạo Phật. Nhưng chữ bình đẳng ở đây dụng ý Đức Thầy bảo chúng ta không dư không thiếu thường hành mãi mãi.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 85 đến câu 98)

Ở làng Nhơn Nghĩa, Đức Thầy hướng dẫn tỉ mỉ về cách cúng lạy của người bốn đạo, trước khi Ngài xa cách họ. Ngài căn dặn mọi người phải thực hành công phu đều đặn sớm chiều không nên bê trễ.

CHÁNH VĂN:

- 99.- *“Có đau xem thuốc ba bài,
Tâm thành cầu nguyện ắt nay bệnh lành.
Giấy vàng xé nhỏ dành rành,
Để trên bàn Phật chí thành uống ngay.
Thánh Thần phưởng-phất hồn bay,*
104.- *Ở đâu cũng đến độ rày chúng-sanh”*.

CHÚ THÍCH:

THUỐC BA BÀI: Ba bài thuốc nam ở phía sau quyển SGTVGL Toàn Bộ mà Ban Biên Tập đã liệt kê, gồm có trị bệnh ho, bệnh ban, bệnh thương. Đây là ba bài thuốc tượng trưng. Công dụng tốt ở chỗ thành lòng. Tục ngữ có câu: *“Nước lã mà vã nên hồ”*. Đức Thầy có dạy: *“Thành lòng nước lã nên hồ, Hữu tâm chí đức cam lồ Phật ban”*.

GIẤY VÀNG: Giấy có mạ màu vàng. Lúc mới khai đạo Đức Huỳnh Giáo Chủ có tạm dùng huyền diệu của Tiên gia, nên Ngài có cho uống nước lã giấy vàng trị bệnh cho bá tánh. Nhờ thế mà thời đó thu hút tín đồ rất đông.

Nhưng đó chỉ phương tiện nhất thời, nó không phải phương pháp cứu cánh, nên Đức Thầy không dụng lâu.

ĐÀNH RÀNH: Đánh: cố nhiên. Rành: rõ ràng. Rất rõ ràng minh bạch. Đức Thầy có câu: ***“Miếu son tạc để đành rành chẳng sai”***.

THÁNH THẦN: (Xem chú thích bài “Hai Mươi Chín Tháng Chạp”, chung tập).

PHUỞNG PHÁT: Còn gọi phảng phát. Lò mờ lảng vảng không rõ ràng. Đức Thầy có câu: ***“Mùi hương phưởng phát ghẹo cùng đời”***. Ở đây ý nói: các bậc Thần Thánh du hành khắp mọi nơi đang tìm kiếm những người hiền đức. Hồn thiêng các Ngài còn phảng phát đâu đây.

LUỘC GIẢI:

(Từ câu 99 đến câu 104)

Khi ta đau ốm, tuy không có Thầy bên cạnh nhưng nếu mọi người thành tâm cầu nguyện chắc chắn kết quả lành bệnh. Cứ theo phương pháp độ bệnh của Ngài: Dùng giấy vàng xé nhỏ, cầu Phật rồi uống, tâm thành sẽ cảm ứng. Thánh Thần ra tay cứu độ.

CHÁNH VĂN:

- 105.- ***“Con rồng mới nũa gút nanh,
Mà trong bá-tính thất thanh hỡi-hùng.
Chùng nào Thầy lại gia trung,***
108.- ***Thì trong bốn-đạo bóng tùng phủ che.
Trách dân còn tiếc lựa the,
Chẳng làm phước-thiện họa e đến mình.
Hết nhục rồi lại đến vinh,
Nghe không thì cũng mặc tình thế-gian.
Để cho dân-sự luận bàn,***
114.- ***Nếu tu thì phải chọn vàng lừa thau”***.

CHÚ THÍCH:

CON RỒNG: Nghĩa của chữ Canh Thìn, tức năm 1940.

MỚI NỬA GÚT NANH: Mới có nửa năm rồng mà nạn điều linh rất dữ tợn.

THẤT THANH HẢI HÙNG: Thất: mất. Thanh: tiếng. Khóc nhiều quá đến nỗi không còn ra tiếng. Nghĩa bóng: Sự sợ hãi khiếp đảm.

HẢI HÙNG: Sự sợ hãi khiếp đảm.

GIA TRUNG: Gia: nhà. Trung: trong. Tại nhà.

BÓNG TÙNG PHỦ CHE: Bóng của cây tùng rất lớn. Có thể che mát một khoảng rộng. Nghĩa rộng: sự che chở phù hộ.

Theo khẩu truyền: Xưa thầy Trần Huyền Trang trước khi rời Đông Độ qua Tây Thiên thỉnh kinh, Ngài có vỗ vào cây tùng trồng trước sân chùa tiên báo rằng: “Khi Ta qua Tây Thiên, nhà người cũng xoay mình qua hướng Tây. Chừng nào Ta về người cũng xoay trở lại như cũ”. Cây Tùng làm y theo lời Thầy dạy. Qua 13 năm sau Tam Tạng sắp về nước. Cây Tùng cũng xoay mình trở lại Đông độ như cũ. Các đệ tử của ông reo lên âm i: Thầy ta sắp trở về. Nghĩa bóng: Ngày Đức Huỳnh Giáo Chủ sắp trở về, nền Đạo Phật được phục hưng rực rỡ. Công năng của Đạo pháp sẽ bao trùm khắp chốn, người tu được Ngài chở che và dìu dắt về nơi Tiên Phật.

LUA THE: Lua: hàng dẹt bằng tơ, mỏng, mịn. The: hàng dẹt bằng tơ nhỏ sợi, mặt thưa, mỏng và không bóng mịn. Lua the: lua là gấm vóc, sự chung diện của nhà giàu có. Nghĩa bóng: chỉ sự ăn chơi xa xỉ.

PHƯỚC THIỆN: Phước: Sự may mắn tốt đẹp. Thiện: Lành. Phước đức lương thiện.

HỌA E ĐẾN MÌNH: Họa đến thành lành. Sách Thánh có câu: “*Chung thân hành thiện, thiện du bất túc. Nhất nhật hành ác, ác tự hữu dư*”. (Trọn đời làm lành, sự lành còn chẳng đủ. Một ngày làm ác, ác tự có dư). Cho nên ta phải luôn làm thiện để chở che cho cái bất thiện không đến bên ta.

HẾT NHỤC RỒI LẠI ĐẾN VINH: Sự vinh nhục nó vốn không tồn tại, tức nó không trung thành cho đối tượng nào. Đức Thầy có câu: ***“Đường vinh nhục rủi may một lát”***. Hay: ***“Chữ vinh chữ nhục mấy hồi”***. Ý nói: Cuộc đời tự nó luôn thay đổi.

CHỌN VÀNG LỬA THAU: Vàng là kim khí quý hiếm. Thau: kim loại rẻ tiền. Nghĩa bóng: Chọn bậc quân tử, Đạo giáo mà học đòi theo, xa lánh những người tiểu nhân ích kỷ hay tà giáo.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 105 đến câu 114)

Chiến tranh thế giới đang diễn ra ác liệt, chỉ mới giữa năm 1940 mà chiến cuộc đã gây bao tang tóc cho nhân loại. Chỉ đến khi nào Thầy hoàn thành xong sứ mạng, trở lại quê hương thì bốn đạo của Ngài mới thật sự được che chở bình an. Hiện tại, nếu mọi người cứ sống vô Đạo, ích kỷ, không tạo tác phước điền thì chắc chắn sẽ lâm vòng tai họa, Đức Thầy đưa ra cái triết lý: vinh, hư, tiêu, trường ở đời để con người giữ vững niềm tin vào chánh Đạo, nhưng con người có nghe hay không Ngài cũng chẳng ép nài. Sự tu hành là do con người tự suy gẫm, phát tâm và lựa lọc chánh tà.

CHÁNH VĂN:

- 115.-** *“Cá to mà phải ở ao,
Muốn ra biển rộng phải nhào kiếm sông.
Một mai dạo được Tây, Đông.*
- 118.-** *Khắp trong thế-giải thỏa lòng ước-mơ.
Nuôi tằm ắt được nên tơ,*
- 120.-** *Nếu ta làm phải phước hồ bên lưng”.*

CHÚ THÍCH:

AO: Chỗ đào sâu dưới nước, thường hay cạnh nhà, vườn ở nông thôn để giặt rửa, thả cá, nuôi bèo...

BIỂN: Vùng nước mặn rộng lớn trên bề mặt trái đất. Rộng như biển. Nó trùm cả năm châu thế giới.

SÔNG: Dòng nước tự nhiên tương đối lớn, chảy thường xuyên trên mặt đất, thuyền bè đi lại được. Thí dụ: Sông Hồng, sông Đà, sông Tiền, sông Hậu...

MỘT MAI: Một: số đầu tiên của dãy số tự nhiên, duy nhất một đơn vị. Thí dụ: một người, một con gà. Mai: mang máng mai má. Một mai: Một dịp hiếm có, một việc bất ngờ đưa đến.

THẾ GIẢI: (Xem chú thích bài “Viếng Làng Phú An”.)

NUÔI TẦM ẤT ĐƯỢC NÊN TƠ, NẾU TA LÀM PHẢI PHƯỚC HỒ BÊN LUNG: Tầm: một loại sâu được người nuôi bằng lá dâu xanh để lấy tơ dệt lụa. Người ta có công nuôi tầm chắc chắn được nên tơ. Cũng như người làm các việc giúp ích cho đời sẽ kết quả hiện tại và phúc báo trong tương lai 100% không sai chạy.

LUỘC GIẢI:

(Từ câu 115 đến câu 120)

Đức Thầy ví mình và tất cả mọi người như loài cá kinh ngư mà phải sống trong ao cạn, tức là mang một chí lớn mà hiện tại phải chịu không chế trong cảnh ngộ kềm kẹp, nên chỉ còn cách noi dấu đường lành, từng bước tiến đến tương lai xán lạn. Ngài tin ở luật nhân quả nghiêm minh, nhân toàn thiện thì quả sẽ do đó mà toàn thiện vậy.

CHÁNH VĂN:

- 121.- “Núi non rùng rợn thăm cũng từng.
Bây giờ phiêu lạc ta mừng khắp nơi.
Cho dân đều hiểu cuộc đời,
124.- Thiên-cơ để dạ Lão thời yên thân.
Đại-đồng chuông Đạo bon ngân,
Cho người say ngủ tỉnh lần giấc mê.
Biết lo sửa kiếng trồng huê,
Thơm-tho gia-trụ danh đề Tô-Tông.
Bấy lâu lòng những ước-mong,
130.- Cha con hội hiệp thì lòng mới nguôi”.

CHÚ THÍCH:

NÚI NON RỪNG THẮM CỪNG TỪNG, BẦY GIÒ PHIÊU LẠC TA MỪNG KHẮP NƠI: Sau ngày khai Đạo, Đức Giáo Chủ PGHH đã đăng sơn 4 lần, mỗi lần đều có dất tín đồ, và ông Cả. Hơn nữa, ***“Kể từ Tiên cảnh Ta về, Non Bồng ta ở dựa kề mấy năm”***. Do đó cảnh quan miền Bảy Núi Đức Huỳnh Giáo Chủ đã tường. Hôm nay bị quân Pháp bắt buộc Ngài phải sống cuộc đời phiêu lạc, đối với người dương thế cho đó là kiếp đày đọa tẩm thân, nhưng đối với bản thân, Ngài xem đó như dịp may hiếm có. Vì nhờ đó làm phương tiện ***“Để cho Thầy đi đạo Ta bà, Đặt dạy kẻ đường xa chưa rõ”***, Ngài lấy làm mừng và vui nhận: ***“Miễn sanh chúng thông đường giải thoát”***. Như trong bài “Sa Đéc”, Ngài đã xác nhận: ***“Ta còn thương thương trò liệu diệu, Chớ cũng mừng được dịp phổ thông”***.

THIÊN CƠ: Thiên: trời. Cơ: máy. Máy trời. Trời sắp đặt mọi việc như có cả guồng máy, nhưng lại là guồng máy bí mật, người ta sẽ không biết được việc gì sẽ xảy ra.

LÃO: già. Chỉ tiền thân của Ngài, tức Đức Phật Thầy Tây An (Núi Sam).

ĐẠI ĐỒNG: Đại: to lớn. Đồng: cùng khắp, rộng khắp thế giới. Đức Thầy có câu: ***“Dựng cuộc hòa minh khắp đại đồng”***.

CHUÔNG ĐẠO BON NGÂN: Tiếng chuông của nền Đại Đạo bon ngân giục thúc. Ở đây Đức Tôn Sư PGHH dụng sự để bày lý. Ngài dùng tiếng chuông chùa để đánh lên vang dội, trầm hùng giữa đêm u tịch để kêu gọi những ai có thiện căn sớm trở về chánh Đạo vô vi của Đức Phật Tổ từ ngàn xưa đã dày công hoằng hóa. Đại Đạo PGHH là hiện sinh của ***“Chánh pháp nhãn tàng, niết bàn diệu tâm”*** của Đức Phật đã truyền lưu từ Ấn sang Hoa suốt ***“Tam thập tam tổ”*** xưa kia. Nền Đại Đạo này siêu việt ở chỗ ***“Bất tùy phân biệt”***, không biên cương ranh

giới, vượt cả không gian và thời gian, trụ vào chỗ vô trụ, vô tướng, vô tâm. Chính Đức Lục Tổ Huệ Năng đã đặc truyền với Tổ Hoằng Nhãn: “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”.

Ngài xác định: Chuông Đạo chứ không phải chuông mõ. Chuông là tướng, đạo là tâm. Chuông Đạo là chánh pháp vô vi, chứ không phải hữu vi. Như Ngài xác nhận:

***“Đạo Thích Ca nhiều nẻo cao sâu,
Hãy tìm kiếm cái không mới có”.***

Bởi “*Vạn vật duy tâm tạo*”...Đạo từ tâm sanh và cũng từ tâm diệt: “*Tâm sanh chủng chủng pháp sanh, Tâm diệt chủng chủng pháp diệt*”. Nền Đạo cũng từ tâm sanh. Chúng sanh ngộ cũng từ tâm giác.

Tóm lại, PGHH là nền Đạo đại đồng, trùm cả thế giới, không vướng mắc một pháp nào trong thế gian và xuất thế gian. Bỏn nguyện vừa chấn hưng Đạo Phật Thích Ca, vừa “***Đựng cuộc hòa bình khắp đại đồng***”. Tức vừa cứu khổ, vừa ban vui, vừa đưa nhân loại đi vào vòng hạnh phúc của thời đại 21 này. Đức Huỳnh Giáo Chủ có sứ mạng không tiền khoáng hậu. Cho nên Ngài không dùng chuông chùa mà dùng chuông Đạo, và đã đánh lên suốt 69 năm qua.

BIẾT LO SỬA KIỂNG TRỒNG HUÊ, THƠM THO GIA TRỤ DANH ĐỀ TỔ TÔNG: Hai câu này cũng dùng hai nghĩa: đen, bóng. Trước nhứt Ngài đem việc chơi kiểng lồng vào giáo pháp: Vừa săn sóc, vừa uốn nắn, vừa vun phân tưới nước, vừa chiết cành, tỉa lá...cho miếng vườn được đơm hoa tươi tốt, cho mọi người đều yêu chuộng và tán thán tài nghệ của chủ nhân.

Kế đó, Ngài đem những người có tâm hồn hướng thượng hăng hái tỉnh giấc mê lầm, lo vun trồng miếng ruộng tâm sản có bằng cách trau sửa bản thân, giỏi mài trí tuệ cho tinh minh. Chừng tâm bừng sáng danh lưu muôn thuở, đời đời hiển vang Tông tổ.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 121 đến câu 130)

Trong tiền kiếp Đức Huỳnh Giáo Chủ đã từng ẩn tu khắp vùng linh địa nay lại có dịp đạo khắp thế gian, đem những điều Ngài đã chứng ngộ thức tỉnh người đời. Đó là thỏa nguyện vọng, nên Ngài lấy làm mừng vui. Ngài ước mong tất cả mọi người quyết tâm nỗ lực vun bồi Đạo đức để làm đẹp mặt giống dân Hồng Lạc, và sau được trở về nguồn cội gặp Phật, gặp Thầy.

CHÁNH VĂN:

- 131.-** *“Từ nay ai có tới lui,
Cúi đầu bái Phật lòng vui tu hành.
Xin đừng đeo-đắm lợi-danh,*
134.- *Bỏ trôi đạo-đức hư danh dạy truyền.
Mai sau được gặp cõi Tiên,*
136.- *Phỉ tình nguyện ước khỏi phiền lòng ta”.*

CHÚ THÍCH:

TỪ NAY AI CÓ TỚI LUI, CÚI ĐẦU BÁI PHẬT LÒNG VUI TU HÀNH: Kể từ ngày 12 tháng 4 năm Canh Thìn (1940), Đức Huỳnh Giáo Chủ bị nhà cầm quyền Pháp dời đi Châu Đốc rồi xuống Sa Đéc, kể đến Xa No. Ngài ý thức môn đồ biết: Những ai có thiện duyên còn lui tới viếng thăm Thầy, xin vui lòng bái Phật lo tu hành tinh tấn mới không phụ công trình dạy khuyên của Ngài.

ĐEO ĐẮM LỢI DANH: Đeo náu, đắm nhiễm theo danh, lợi, tình, là người say mê con đường trụ lạc, đua đòi vật chất phù hoa. Hạng người này xem xác thân là trọng, tối ngày cung phụng, trưởng dưỡng và chiều chuộng nó; còn gọi bon chen theo vật dục kim tiền. Đức Thầy bảo chúng ta đừng đeo đắm nó.

CÔI TIÊN: Còn gọi là cảnh Tiên. Cõi của Tiên ở. Tương truyền biển Bột Hải có ba hòn đảo dành cho Tiên ở: Bồng Lai, Phương Trượng, Doanh Châu. Cõi Tiên ở

đây Đức Thầy ám chỉ miền Thất Sơn, hay Tà Lơn. Đức Thầy có câu:

***“Kể từ Tiên cảnh Ta về,
Non Bồng Ta ở dựa kề mấy năm”.***

PHỈ TÌNH NGUYỄN ƯỚC: Thỏa lòng mong ước của Đức Thầy, và được sống đời huy hoàng tốt đẹp gặp Phật gặp Tiên.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 131 đến câu 136)

Đức Thầy lại kỹ lưỡng dặn dò: Dù ai kia không còn gặp Thầy, cũng cứ tự mình lạy Phật qui y. Người đã tu rồi thì cứ giữ tròn đạo hạnh đừng sa ngã theo đường danh lợi và làm hoen ố danh Thầy. Được vậy mai sau sẽ được thấy cảnh giới siêu phàm, phỉ tình nguyện ước, đẹp dạ Tổ Thầy.

CHÁNH VĂN:

137.- *“Vài lời để lại khuyên ca,
Truy phong tách gót đường xa xír người.*

Trò buồn Thầy lại tức cười,

140.- *Đâu đâu bá tánh cũng người Trời sanh.*

Gần xa Thầy chỉ đành-rành,

Quyết tuyền con lành đem lại Phật-gia.

Cáo từ làng xóm trẻ già,

144.- *Chúc cầu lạc nghiệp nhà nhà ấm no”.*

Nhon-Nghĩa (Xà-No), ngày 15/6/ Canh-Thìn

CHÚ THÍCH:

KHUYẾN CA: Khuyến: khuyên, dạy dỗ. Ca: hát. Vừa đờn vừa hát. Điệu hát dân tộc cổ truyền ở một số địa phương miền Trung, Nam bộ. Thí dụ: Ca Huế...Ca: Bài văn vần rất ngắn dùng để ngâm. Thí dụ: Sáng tác thơ ca, hò, vè. Thi ca, tình ca, trường ca. Ở đây Đức Thầy sử dụng bài này nhằm mục đích vừa khuyên dạy, vừa khuyên nhủ, vừa ca hát cho quần chúng ý thức cuộc đời ly loạn để giác tỉnh tu hành.

TRUY PHONG: Truy: đuổi theo. Phong: phong hóa, tập quán. Theo dõi phong cách cuộc sống của nhiều nơi sắp đến.

ĐÂU ĐÂU BÁ TÁNH CŨNG NGƯỜI TRỜI SANH: Khắp cả toàn dân trong quả địa cầu chúng ta đang sống đều do đấng Ngọc Hoàng sanh ra. Ở đây Đức Thầy luận thuyết theo triết học: Lão giáo. Tục ngữ có câu: “*Trời sanh, Trời dưỡng*”. Hoặc giả: “*Trời sanh Trời chẳng phụ nào*”.

Vì Đức Huỳnh Giáo Chủ là tôn giáo (?) dung hòa tinh hoa Tam giáo nên ở đây Ngài luận theo triết thuyết Trời sanh.

ĐÀN H RÀNH: Tách bạch, rõ ràng, chính xác.

PHẬT GIA: Nhà Phật, Đạo Phật, con đường về cảnh Phật.

CÁO TỪ: Cáo biệt, từ giã.

LẠC NGHIỆP: Lạc: vui vẻ. Nghiệp: nghề, việc làm. Vui vẻ làm ăn. Đức Phật Thầy Tây An có câu: “*An cư lạc nghiệp phước vô biên*”. Đức Thầy cũng mong mọi: **“*Khắp thân dân lạc nghiệp an cư*”.**

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 137 đến câu 144)

Để kết thúc bài giảng này Đức Thầy nói lời chia tay với tất cả mọi người. Thầy không buồn mà lại mừng được đi khắp nơi giảng dạy. Vì ở đâu cũng là đồng loại cả. Chí nguyện của Ngài là tìm kiếm người lành đem về nhà Phật. Thầy chào hết thầy mọi người làng Nhơn Nghĩa chúc họ ấm no, lạc nghiệp.

Bài 14.- AI NGƯỜI TRI KỶ

(SGTVTB 2004, tr. 381-383)

XUẤT XỨ:

Trên đường lưu cư phải trải qua bao chặng đường gian khổ: từ Thánh Địa Hòa Hảo, đến Châu Đốc, xuống Sa Đéc, sang Cần Thơ, rồi lên an trí tại Nhà Thương Chợ Quán (Sài Gòn). Lúc ở Sa Đéc Đức Huỳnh Giáo Chủ sáng tác ngay trước mặt đông đảo quần chúng, nhưt là khi đối diện với Cò Bazin (Chánh sở Mật Thám), Ngài bộc lộ sự trạng uẩn khúc dòng đời của đảng hoạt Phật:

***“Muốn lập đạo có câu thành bại,
Sự truân chuyên của khách thiền môn.
Khấp sáu châu nước tiếng người đồn,
Ta chịu khổ, khổ cho bá tánh”.***

Thật thế, hơn một năm giáo Đạo, Thầy đã vì mọi người, mọi giới mà trang trải lòng từ, thử hỏi khách trần gian có hiểu cùng chăng? Nếu ai chợt hiểu, đó là bạn tri âm tri kỷ cùng Ngài. Nhược bằng chưa hiểu tới thì cơ duyên còn cạn.

Tri kỷ ngày xưa thật vô cùng tâm đắc, suốt cả cuộc đời chỉ dành cho bạn, vì bạn quên thân mình. Thời nay có mấy ai sánh được như thời xưa chẳng nhỉ!

Để rõ nỗi lòng bậc chân tu có sứ mệnh giáo truyền Đại Đạo của thế kỷ 20 và 21 này như thế nào, ta hãy bình tâm mà đón nhận. Bài này Đức Thầy sáng tác vào đêm 18/7 năm Canh Thìn (1940) tại nhà Thương Chợ Quán với tâm sự dẫn đo trắc ẩn.

VĂN THỂ:

Bài “AI NGƯỜI TRI KỶ” được viết theo loại văn vần, thể thất ngôn tứ cú Đường luật, khoán thủ, thập thủ liên hoàn thi. Lối thuyết giáo, dài 40 câu. Khởi đầu bằng câu: ***“Nghĩ việc đời xưa gẫm việc nay”*** và chấm dứt bởi câu: ***“Dưới đây com áo Lão về ngôi”.***

NỘI DUNG:

Đức Tôn Sư PGHH đặt câu nghi vấn: “AI LÀ NGƯỜI TRI KỸ” cùng Ngài. Kế đó Ngài nói lên thực trạng đau buồn của dòng đời xuôi ngược, có miệng phải đường cam. Rồi Ngài diễn tả cảnh hãi hùng cơ tận diệt của buổi Hạ Nguơn, khắp Âu Á đều nhuộm máu đào. Sau rốt Ngài khuyên toàn dân tích đức chờ Ngài đúng thời cơ sẽ sum họp chốn non Bồng.

CHỦ ĐÍCH:

Đức Huỳnh Giáo Chủ mong mỗi tín đồ đều là bạn tri âm cùng Ngài. Và Ngài hứa sẽ dìu dắt mọi người thoát qua cơn khổ hải, mặc dầu cho trời long đất lở.

CHÁNH VĂN:

- 1.- *“Nghĩ việc đời xưa gẫm việc nay,
Ai người tri kỹ ai là ai?
Tái sanh chọn lựa trang hiền thảo,
Thức tỉnh tâm trung sẽ vẹn mây”.*

CHÚ THÍCH:

TRI KỸ: Là người bạn thân tốt, biết rõ lòng nhau, những tâm tình trắc ẩn không thể nói với ai mà chỉ người bạn đó biết cho mình. Tình bạn tri kỹ thật hiếm có. Do điển tích: “Bảo Thúc Nha và Quán Trọng” (xem chú thích bài “Cho Ông Tham Tá Ngà” từ “Tri Kỹ” trang...Chú Giải Thi Văn, Q. Hạ, tập 1).

TÁI SANH: Tái: trở lại một lần nữa. Sinh: ra đời. Sanh lại một lần nữa, hoặc nói kiếp sau. Truyện Kiều có câu: *“Tái sinh chưa dứt hương thê”*. Đức Thầy cũng viết: *“Thương hồng trần mượn xác tái sanh”*.

TRANG HIỀN THẢO: Trang: bậc, hạng người có tài đức. Hiền thảo: Hiền lành thảo hiếu. Hết mực hiếu đạo và tận trung báo quốc.

THỨC TỈNH: Thức: biết. Tỉnh: thật hiểu. Bỗng nhiên tỉnh ngộ hiểu biết. Nghĩa bóng: Khi người được giác ngộ. Đức Thầy có câu: *“Mau thức tỉnh tu thân kéo trễ”*.

TÂM TRUNG: Tâm: lòng. Trung: trong. Trong lòng. Đức Thầy có câu: **“Nhằm năm lưng tức nẻo nề tâm trung”**.

VỆ MÀY: Do chữ tu my. Râu và lông mày. Chỉ bậc nam tử (đàn ông). Tròn phận nam nhân. Đức Thầy có câu: **“Muốn thấy người xưa hãy vệ mày”**.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 1 đến câu 4)

Đức Huỳnh Giáo Chủ than: Nghĩ chuyện đời xưa chỉ đời nay, ít có người đứng bậc tri kỷ cùng Ngài. Ngài tái sanh kiếp chót này đây để chọn lựa trang hiền thảo, vệ tâm lòng trung, vừa rạng danh Thầy, đẹp mặt nòi giống.

CHÁNH VĂN:

- 5.- **“Vệ mày mới đẹp, đẹp Tiên-gia,
Tông-Tổ thơm-tho phước hải hà.
Tịch mịch huyền sâu ai hiểu đựng,
Át là thấu tích sĩ cuồng ca.**

*

* *

- 9.- **Cuồng ca nẻo Đạo chốn huyền thâm,
Nghĩ việc xa xa ruột tím bầm.
Đau-đớn cho đời ôi thảm họa,
Mạch sẫu có miệng lại đường cam”**.

CHÚ THÍCH:

TIÊN GIA: Tiên: Bậc thoát tục. Gia: nhà. Các bậc chọn Tiên đã đắc Đạo.

TÔNG TỔ: Tông: dòng họ. Tổ: ông bà. Chỉ chung cho ông bà nội, ngoại cùng dòng họ. Ngoài ra còn gọi Tổ Tiên. Chỉ chung cho những bậc khai quốc gây dựng nòi giống dân tộc.

THƠM THO: Mùi hương dễ chịu bay lan tỏa khắp nơi. Nghĩa bóng: Việc hợp với đạo lý, khiến mọi người ưa thích làm theo. Đức Thầy có câu: **“Đốc chờ ngày bông trở**

thơm tho”. Hoặc giả: “*Thơm tho gia trụ danh đề Tổ Tông*”.

HẢI HÀ: Hải: biển. Hà: sông. Sông biển. Nghĩa rộng: Lòng dạ rộng rãi. Đức Thầy có câu: “*Ông nào lòng dạ hải hà*”. Ở đây ý nói: Phước đức của dòng họ rộng lớn như sông biển, tiếng tăm lan truyền khắp nơi.

TỊCH MỊCH: Tĩnh lặng không có tiếng động. Trong “Cung Oán Ngâm Khúc” có câu: “*Chiều tịch mịch đã gây bóng thỏ*”.

HUYỀN SÂU: Huyền diệu kín đáo. Sâu: thông suốt ngọn ngành.

SĨ CUÔNG CA: Sĩ: Bậc trí thức, người học thức giỏi, có danh vọng trong đời. Cuồng ca: Cuồng: bấn loạn tâm trí. Ca: hát. Là bậc trí thức giả điên, giả khùng để qua thời buổi. Sĩ Cuồng còn là biệt hiệu của Đức Huỳnh Giáo Chủ. Ngài ra đời vì gặp thời Pháp thuộc nên giả dại, giả ngu; xưng nhiều danh hiệu như kẻ cuồng trí hoặc vô danh.v.v...như Sĩ Cuồng, Hồng Vân Cư Sĩ, Vô Danh Cư Sĩ...

TỊCH MỊCH HUYỀN SÂU AI HIỂU ĐẶNG, ẮT LÀ THẤU TÍCH SĨ CUÔNG CA: Cái chơn lý của Đạo Phật rất thâm sâu huyền diệu, nó ẩn tàng trong tâm thức: Có khi biến, có lúc thường rồi huyền, thiết, đốn, tiệm...Hành giả phải nương theo thời thế để hành tàng cho kẻ cơ, kẻ lý bất kể Điên, Khùng. Trường hợp Tế Điên Tăng xưa cũng thế, hoặc thời chiến quốc Tôn Tản cũng giả điên để tránh nanh vuốt của Bàng Quyên. Đức Huỳnh Giáo Chủ há không thô lộ:

***“Ta Điên thuở tam hoàng Thượng cổ,
Khùng thế thời, khùng lộ ngoài da”.***

Tóm lại, ai rõ được huyền sâu của Đạo pháp tất thấu đạt sứ mạng, và danh xưng Khùng Điên của Đức Huỳnh Giáo Chủ.

HUYỀN THÂM: Huyền: mầu nhiệm kín đáo.
Thâm: sâu xa. Mầu nhiệm sâu xa, Đức Thầy có câu:

***“Oai thần đem đạo huyền thâm,
Nhiệm mầu phổ độ âm thầm ai hay”.***

TÍM BẮM: Ruột thịt đau đớn vì thương tích. Nghĩa bóng: chỉ hoàn cảnh trái ngang làm tâm can bầm dập, nhưng không diễn tả bằng hành động, hoặc lời nói, chỉ âm thầm chịu đựng.

ĐAU ĐÓN: Rất đau trên cơ thể, hoặc trong tình cảm tâm hồn. Thí dụ: những vết thương làm anh tê dại. Hoặc: Càng nghĩ chị càng đau đớn trong lòng. Truyện Kiều có câu: *“Đau đớn thay phận đàn bà!”*.

THẨM HỌA: Thẩm: đau xót. Họa: tai ương. Đau xót vì gặp phải tai nạn. Đức Thầy có câu: ***“Cuộc nguy cơ thẩm họa sắp tràn lan...”*** (Thay Lời Tựa).

MẠCH SẦU: Nỗi buồn lai láng. Đức Thầy có câu: ***“Mượn chước huyền cơ giải mạch sầu”.***

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 5 đến câu 12)

Hành giả giác ngộ từ bản tâm thanh tịnh sẽ được vẹn mầy và làm đẹp mặt Tổ Tiên nòi giống.

Nếu những ai hiểu đặng máy nhiệm mầu, cơ diệu pháp sẽ thấu cái giả dạng Diên Khùng của Đức Tôn Sư PGHH. Bằng không sẽ hiểu ngược lại...

Đức Thầy Diên vì diệu pháp gặp đời hỗn độn. Nhưng cũng nhờ Diên mới dám bày tỏ hết mỗi Đạo huyền thâm. Càng nhớ cuộc đời càng đau đớn cho thế sự. Mỗi sầu này có miệng cũng không bày tỏ được.

CHÁNH VĂN:

- 13.- ***“Đường cam khó nói, nói còn e,
Thiện tín thờ-ơ nổi rụt-rè.
Tiếng động bên tường nghe vắng vắng.***
- 16.- ***Sức hèn như chấu chống ngàn xe.***

*

* *

*Ngàn xe muốn nghiêng chầu còn bay,
Nước túng tìm phương chống kẻ tài.
Rốt cuộc tương-lai do quyết định,
20.- Phương trời xa thăm năm quyền oai.*

*

* *

*Quyền oai thế-hệ cực ta mang,
Luân chuyển nhơn-sanh lắm cuộc nần.
Ai hồi dân lành ta sẽ đợi,
24.- Đạo người sửa trọn dứt lầm than”.*

CHÚ THÍCH:

THIỆN TÍN: Nói đủ thiện nam, tín nữ. Chỉ những vị tu tại gia, một lòng gìn đạo và lần bước lên đường giải thoát. Nhà Phật còn gọi: Ưu bà tắc (thiện nam), Ưu bà di (tín nữ). Đức Thầy có câu: *“Thấy thiện tín chan hòa giọt lụy”*. Hoặc: *“Tín nữ thiện nam gìn mỗi Đạo”*.

THỜ Ơ: Lãnh đạm, lạt lẽo, không quan tâm đến. Đức Thầy có câu: *“Truân chuyên tạo hóa thờ ơ”*.

RUT RÈ: Nhút nhát, luôn sợ sệt.

VẮNG VẮNG: xa xa. Tiếng dội của bức tường nghe nho nhỏ như sâu lắng. Nguyên câu này Đức Thầy dùng lối tượng thanh. Đọc lên ta thấy hình ảnh sóng động như có thật trước mắt của chư độc giả.

CHẦU CHỐNG NGÀN XE: Đức Huỳnh Giáo Chủ dùng văn dụng điển. Do câu ca dao cổ nước ta: *“Nực cười châu chấu chống xe, Tưởng rằng chấu ngã ai dè xe nghiêng”*.

Phát xuất từ đời Tống Thần Tông bên Trung Quốc và vua nhà Hậu Lý nước ta. Do điển Lý Thường Kiệt làm chức Thái Úy kiêm Đại Nguyên Soái hơn một lần Bắc phạt quân Tống, đời vua Càn Đức.

Theo chính sử: Quân ta so lực lượng quân địch chỉ bằng 10%, thế mà Thái Úy Lý Nguyên Soái nghe tin vua

tôi nhà Tống định mở cuộc Nam chinh, ông lại quyết định đánh phủ đầu (dẫn mặt) chiếm được ba thành trì của giặc: Khâm Châu, Liêm Châu và Ung châu. Làm chúng phải chậm bước tiến suốt một năm sau mới mở cuộc tiến công nước ta được. Nhưng với tài thao lược và cách dùng binh thần tốc của Thái Úy nhà họ Lý, ông cho đắp sông Như Nguyệt suốt dặm dài biên giới từ Trung ra Bắc, chặn được bước tấn công của quân thù, làm về vang nòi giống và rạng rỡ sử xanh vàng son trong một thuở.

Ở đây dụng ý Đức Huỳnh Giáo Chủ dẫn chuyện xưa để làm nổi bậc chuyện ngày nay. Tuy quân Pháp hùng mạnh chiếm khắp Nam Kỳ lục tỉnh Việt Nam, nhưng với sức kháng cự mãnh liệt của quân dân ta nhất định sẽ thắng. Mà thực tế đã an bày vào cuộc đệ nhị thế chiến vào năm 1945 (Ất Dậu). Đức Thầy tiên tri: ***“Nhật không ăn hết con gà”***.

NGÀN XE MUỐN NGHIÊN CHÁU CÒN BAY, NƯỚC TÚNG TÌM PHƯƠNG CHỐNG KẼ TÀI: Nước Tàu là nước hùng mạnh nhất trên thế giới xưa, dùng danh xưng là Thiên Triều (Triều đình trên Trời). Chúng thường hay lấn chiếm các nước nhỏ như nước Việt ta chẳng hạn. Nhưng ông bà ta xưa anh dũng và quyết chống xâm lăng, qua các triều đại: Đinh, Lê, Lý, Trần...đã làm chứng tích điển hình cho thế hệ hậu sinh noi dấu. Dầu cho có ngàn xe muốn nghiền cho tan xác châu châu. Nhưng chúng không cưỡng lại mệnh Trời. Châu châu vẫn còn và bọn Thiên Triều đã bị đánh phủ đầu. Sau đó bị thua và tự động rút quân ra khỏi vòng chiến.

Pháp quốc và bọn tay sai cũng như những phe đối lập đường lối yêu nước, vì dân, vì độc lập, vì sự tự do hạnh phúc của đồng bào, vì miếng mồi chung đỉnh mà họ lại nhẫn tâm tìm mưu thâm độc tiêu diệt lần mòn kẻ tài trí, đó là những kẻ thật tâm yêu nước. Thật đau đớn thay!

RÓT CUỘC TƯƠNG LAI DO QUYẾT ĐỊNH, PHƯƠNG TRỜI XA THẮM NẮM QUYỀN OAI: Tất cả sự việc hưng vong thành bại trên đời tuy do con người toan tính, mưu mẹo đủ cách để đạt mục đích của lòng tham. Nhưng vì ta sống trong vòng tạo hóa nên phải chịu dưới sự chi phối của định luật thiên nhiên. Định luật này nó sẽ quyết định tương lai và việc làm của chúng ta. Và nó sẽ nắm quyền oai tất cả sự việc. Hay nói một cách khác: Tạo hóa sẽ sắp đặt, an bày định mệnh từng cá thể của con người và vạn vật. Câu nói của Ngài Gia Cát Lượng xưa đến nay còn giá trị: *“Nhơn nguyện như thử, như thử. Thiên lý dị nhiên, dị nhiên”*.

Nhưng chúng ta nên hiểu thêm rằng: Vạn pháp đều nằm trong lẽ tương đối. Người tu có thể giải nghiệp và chuyển nghiệp được. Như câu chuyện ông Khuru Trường Xuân trong truyện “Thất Chơn Nhơn Quả”.

Nhưng căn cứ theo đây ta phải hiểu sát nghĩa theo câu giảng trên.

QUYỀN OAI: Quyền: oai quyền. Oai: uy. Có thể lực khiến kẻ khác phải sợ. Tức quyền uy và thế lực.

THỂ HỆ: Thời đại có những mối quan hệ ràng buộc với nhau. Đức Thầy có câu: ***“Kim với cổ nhìn xem thế hệ”***.

LUÂN CHUYỂN: Luân: bánh xe. Chuyển: xê dịch, quay. Nghĩa bóng: Luân hồi chuyển kiếp, còn trong vòng sanh tử. Đức Thầy có câu: ***“Khổ, khổ thương đời luân chuyển kiếp”***.

NHƠN SANH: Nhơn: người. Sanh: ra đời. Chỉ chung mọi người cùng sống chung trên quả địa cầu, không phân biệt màu da, tiếng nói. Nghĩa rộng: đời sống con người. Đức Thầy có câu: ***“Tạm dất nhơn sanh khỏi ái hà”***.

LÂM THAN: Cơ cực vất vả. Nghĩa bóng: do thiên tai, dịch họa, hoặc chiến tranh gây ra khiến cho dân chúng

sống cơ cực vất vả. Đức Thầy có câu: ***“Thương đời nói rõ việc lắm than”***.

LƯỢC GIẢI:

(từ câu 13 đến câu 24)

Vì thời thế mà con người có miệng lại dường câm. Càng câm thì thân bớt khô, vì *“cái miệng nó kiện cái thân”*. Thế nên, người biết Đạo phải cẩn trọng khi thốt lời. Đức Khổng Thánh xưa kia chẳng bảo môn đệ: *“Trước khi nói phải uốn lưỡi bảy lần”*. Cho nên kẻ thức thời đứng trước nghịch cảnh phải thờ ơ rụt rè là phải! Đúng vậy.

Ngàn xưa lịch sử đã chứng minh trên đàng tranh đấu của toàn dân Việt:

***“Nước Nam Việt ở ven bờ Nam Hải,
Ngàn xưa từng chống lại họa xâm lăng.
Bạch Đằng Giang công nghiệp ấy ai bằng,
Quân Việt ít đánh tan Mông Cổ mạnh...”***

Đó cũng là sức hèn *“Châu chấu chống ngàn xe”*. Ngàn xe muốn nghiền nhưng châu chấu vẫn còn. Đó là chứng tích điển hình, cũng là lịch sử của dân tộc Việt.

Nhưng cái nhục nhã trong khi nước loạn mà có kẻ chủ mưu tiêu diệt kẻ tài. Đó là bọn tiểu nhân, chỉ biết quyền lợi cá nhân. Nhưng có điều là tất cả việc thành bại là do Thiên định, cội vô hình chủ động tất cả, toàn bộ thẩm quyền cả muôn loài vạn vật. Thế nhưng tại sao thế hệ của Đức Huỳnh Giáo Chủ phải gánh chịu cả đôi vai, chỉ để một mình Ngài mang nặng. Ấu cũng là định mệnh! Nói rõ là chí nguyện của Ngài: ***“Ta chịu khổ, khổ cho bá tánh”***. Ngài lăn xả vào đời hết kiếp này, rồi đến kiếp khác, rồi kiếp khác nữa. Ngài lúc nào cũng đang mong đợi: Ai là bạn tri âm cùng Ngài hãy sửa tròn vẹn kiếp sống, sẽ chấm dứt cuộc lắm than!

CHÁNH VĂN:

25.- ***“Lắm than khỏi lửa với binh đao,
Âu Á lung-tung nhuộm máu đào.***

28.- *Bá tánh say sưa mùi phú-quí,
Sau này sẽ vướng cảnh đồ lao.*

*

* *

32.- *Đồ lao muốn lánh sớm nghe ta,
Bồ thí trì chay giữ giới mà.
Phật Đạo trau dồi tâm tánh lại,
Giác thuyền chuyên chở lúc can qua”.*

CHÚ THÍCH:

BINH ĐAO: Binh lính và gươm đao. Nghĩa bóng: Chỉ cảnh giặc giã chiến tranh.

ÂU, Á: Nói đủ là: Châu Âu và Châu Á. Hai trong năm châu. Gồm gần phân nửa trái đất.

LUNG TUNG: Loạn xạ, không có thứ tự. Khắp nơi. Đức Thầy có câu: **“Cuộc lung tung rối rắm trời Âu”**.

MÁU ĐÀO: Cũng đọc là máu điều. Máu đỏ. Nghĩa bóng: Cảnh chết chóc giặc giã. Đức Thầy có câu: **“Chiến trận giao phong rưới máu đào”**.

BÁ TÁNH: Trăm họ. Nghĩa rộng: Chỉ tất cả mọi người. Đức Thầy có câu: **“Khắp trong bá tánh kẻ cảnh khổ”**.

SAY SƯA: Say đắm triền miên. Đức Thầy có câu: **“Cớ sao đời còn mãi say sưa”**. Hoặc: **“Say sưa chuyện cổ nhắc chùng đời”**.

PHÚ QUÍ: Phú: Giàu có. Quý (quý): Sang trọng. Sang trọng giàu có. Đức Thầy có câu:

**“Ham công danh quên chữ sanh thành,
Mến phú quý quên câu dưỡng dục”**.

ĐỒ LAO: Đồ: khôn khổ, khổ sở. Lao: nhà ngục. Nơi giam cầm tội phạm rất khôn khổ.

BỒ THÍ: Phạn ngữ: DĀNA. Phiên âm: Đàn na. Dịch: Bồ thí. Theo kinh Phật có ba cách bồ thí:

1/. Tài thí: Đem vật sở hữu của mình như: tiền, của cải để giúp đỡ người nghèo.

2/. Pháp thí: Dùng lời lẽ trí tuệ để giảng dạy, hoặc in kinh sách ấn tống.

3/. Vô úy thí: Quên mình để cứu người qua cơn sợ hãi, nguy khốn. Đức Thầy có câu:

***“Những người có của tiền dư,
Hãy nên bố thí dành tư làm gì”.***

TRÌ CHAY: Trì: giữ. Chay: (trai): ăn chay, chay lạt. Dùng chay để tránh sát sanh, tăng trưởng lòng bi.

GIỮ GIỚI: Giữ: gìn giữ. Giới: tiếng Phạn Sila, những điều giới luật đặt ra ngăn cấm các thầy tu (tín đồ) không được vi phạm. Theo PGHH, người tín đồ phải giữ 8 điều răn cấm và Thập giới (diệt 10 điều ác). Đức Thầy có câu: ***“Gìn giới cấm sửa tâm ô tạp, Niệm Phật thì phải dẹp lòng tà”.***

PHẬT ĐẠO: Còn gọi là Đạo Phật, hay Phật Giáo. Giáo chủ là Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni. Mở Đạo tại xứ Ấn Độ. Một tôn giáo có số tín đồ (phật tử) đông như thế giới và truyền bá lan rộng khắp các nước. Đã có trên 20 thế kỷ qua. Và hiện nay ban hành (?) mạnh mẽ như ***“Thờ Phật Đạo tỉnh cơn ác mộng”***. (ĐT)

TRAU DỒI: Trau sửa, dồi mài cho được hoàn toàn tốt đẹp. Nghĩa rộng: Cố rèn tập và tu sửa công việc cho thuần thực đến chỗ chứng đắc. Đức Thầy có câu: ***“Thường trau dồi chí hướng cao thanh”***. Hay: ***“Trau dồi đúng bậc thanh liêm”***.

TÂM TÁNH: Tâm: lòng. Tánh: bản chất. Dụng của tâm. Trời phú cho con người bản chất như vậy. Đức Thầy có câu: ***“Tâm tánh ngày nay muốn việc lành”***.

GIÁC THUYỀN: Còn gọi là thuyền giác. Ý nói chánh pháp giống như chiếc thuyền (hay trí huệ), có công năng chuyên chở hoặc đưa người từ bờ mê sang qua bên giác. Là một trong sáu chiếc đồ của hạnh Bồ Tát. Người tu nào cũng nhờ nó để đạt chí nguyện. Đức Thầy có câu: ***“Tịnh độ giác thuyền trị dục tâm”***.

CAN QUA: Can: cái mộc (thứ binh khí dùng để đỡ gươm, giáo, tên...). Qua: Cái mác, giáo. Gồm các loại binh khí. Nghĩa bóng: Nói đến chiến tranh. Đức Thầy có câu: ***“Vọng cầu thế giới dứt can qua”***.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 22 đến câu 32)

Cuộc cờ thế giới đã diễn đúng màn lớp chiến tranh khắp Âu Á, cảnh máu đào thật ghê gớm thế mà con người còn chưa kịp tỉnh, cứ mãi say sưa theo mùi phú quý đỉnh chung, chắc chắn sẽ gặp cảnh lao khổ.

Muốn tránh nạn binh đao sắp đến phải sớm giác ngộ tu hành, thật hành các đức tánh: bố thí, trì chay, giữ giới từ hình tướng đến nội tâm cho được hoàn hảo, từ đó ta tự tạo con thuyền đưa ta đến bờ giác ngộ.

CHÁNH VĂN:

- 33.- ***“Can qua dân chúng chớ buồn lo,
Tích đức chờ ta chốn hẹn-hò.
Tiên cảnh Phật đài xem rực-rỡ,
36.- Hoàn-cầu đến đó ấm cùng no.***

*

* *

- Cùng no bốn biển một cha thôi,
Bỏ dứt thói hư với tật tồi.
Trên có Phật Trời soi việc thế,
40.- Dưới đầy cơm áo Lão về ngôi”.***
Nhà thương Chợ-quán, đêm 18/7/1940 Canh-Thìn

CHÚ THÍCH:

DÂN CHÚNG: Dân: người ở trong làng, trong nước. Chúng: đông người. Toàn thể hay một số lớn nhân dân. Đức Thầy có câu: ***“Khải hoàn dân chúng mới nhàn an”***.

TÍCH ĐỨC: Tích: chứa. Đức: tâm lành. Giữ điều lành.

HẸN HÒ: Hẹn gặp nhau. Ca dao có câu: *“Trăm năm dầu lồi hẹn hò”*. Đức Thầy cũng bảo: ***“Tiền cảnh chúa tôi vẫn hẹn hò”***.

TIỀN CẢNH: Tiên: tiếng Phạn Richi. Bậc tu trên núi đã chứng đắc, có phép thuật và trường sanh bất lão. Cảnh: cõi, chỗ ở. Chỗ của Tiên ở.

PHẬT ĐÀI: Đài Phật ngự. Nghĩa rộng: Cõi Phật hay cõi Cực lạc. Đức Thầy có câu: ***“Tu cầu Tông tổ siêu thăng Phật đài”***.

RỰC RỠ: Lộng lẫy. Đức Thầy có câu: ***“Cảnh Tiên rực rỡ mây rồng đẹp thay”***.

HOÀN CẦU: Khấp cả trái đất, các nước trên thế giới. Nghĩa rộng: Hành tinh đang quay hệ mặt trời. Bề mặt tính được 510 triệu km². Vòng tròn 140.000 km. Đường trục kính 12.740 km. Riêng biển chiếm 3/4 mặt địa cầu.

ẨM CÙNG NO: Áo mặc và cơm ăn đầy đủ. Nghĩa bóng: Thanh thoi nhàn hạ, hoàn toàn sung sướng, chỉ cảnh đời thượng nguơn sắp đến, không có cảnh đi được trên mây; lúa tự lặn vào nhà và kiếp sống thọ trên ngàn tuổi.

BỐN BIÊN: (Xem chú thích bài Sa Đéc, Quyền Hạ, tập 1/2 , trang ...)

THÓI HƯ TẬT XẤU: Thói, tật lạc hậu, đòi bại. Ông Chu Văn xua có nói: *“Các thói hư tật xấu, phong tục đòi bại hay bị lẫn với tình cảm đạo đức”*. Đức Thầy có câu: ***“Lúc rảnh việc nên thường coi kệ giảng mà giữ gìn phong hóa nước nhà, giữ những tục lệ chơn chánh, bỏ tất cả những sự dị đoan mê tín thái quá mà làm cho Đạo đức suy đồi”***.

PHẬT TRỜI: Phật: tiếng Phạn: Bouda. Tàu dịch: Giác giả, giác giả là tỉnh giả, là bậc hoàn toàn giác ngộ, trên thông thiên văn, dưới đạt địa lý, trung quán nhân sự. Và đầy đủ tâm hồn tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn. Hơn nữa gồm đủ 4 đức: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Trời: Bậc siêu nhân, cai quản toàn cõi nhơn thiên, bậc tương đối như

vị Phật. Nhưng vì có bốn nguyên làm vua trung giới: cõi vô hình và hữu hình nên đến cõi nhân thiên mà lãnh đạo.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 32 đến câu 40)

Đức Huỳnh Giáo Chủ khuyên dân chúng chớ lo buồn cảnh khổ đau, hãy lo tích đức chờ đón Phật, Tiên, Thần, Thánh ở cảnh thái bình thời Thượng Nguơn sắp đến.

Chùng ấy ***“Bốn biển một nhà Cha Phật Thánh”***. Muốn được thế, hiện giờ bỏ dứt những thói hư tật xấu. Vì ở bên ta: ***“Trên có Phật Trời soi việc thế”***. Chùng đó chúng dân dư ăn dư để. Dưới có Đức Tôn Sư PGHH sẽ trở về ngôi vị xưa.

Bài 15.- **BÓNG HỒNG**

(SGTVTB 2004, tr. 384-386)

XUẤT XỨ:

Cũng tại nhà thương Chợ Quán, vào những năm (?) Canh Thìn (1940) nhà đương cuộc Pháp an trí Đức Thầy tại đây và gán cho Ngài mắc bệnh thần kinh. Nhưng trên thực tế là họ chặn đứng sự truyền giáo và sức bành trướng một nền tôn giáo bản địa vị nhân sinh của thế kỷ 20 này.

Mặc dù dưới sự kềm kẹp và sức ép của bọn thực dân, Đức Giáo Chủ PGHH vẫn an nhiên như không có chuyện gì xảy ra. Ngài đi đến đâu cũng mang hoài bão giúp đời đến hơi thở cuối cùng. Do đó trước tiên Ngài trị bệnh đau mắt cho mẹ anh gác cửa được lành, và cho y sĩ Tâm thấy sự màu nhiệm của Phật Pháp, khiến ông Tâm từ sự ngạc nhiên đến kính phục. Và cũng chính nơi đây Đức Huỳnh Giáo Chủ lại có dịp sáng tác qua nhiều bài thơ ngắn gởi về cho bốn đạo xem để tìm hiểu tiến tu.

Bài “Bóng Hồng” (trước và sau) được Đức Tôn Sư phân trần qua ý niệm của thời đại nhiễu nhương, của xã hội kim tiền **“Xấu nhau đặng có tranh ăn”**. Chẳng những người trong nước, đến các nước lân bang cũng mang tâm trạng biếng cười, biếng khóc.

VĂN THỂ:

Bài này Đức Huỳnh Giáo Chủ viết theo điệu văn vần, thể lục bát biến thể. Một thể văn phát xuất từ lòng dân tộc tính Việt Nam, lời thuyết giáo. Dài 58 câu, khởi đầu bằng câu: **“Bóng hồng vừa mới thoáng qua”** và chấm dứt bởi câu: **“Nhìn ông tận mặt hùng cường làm chi”**.

NỘI DUNG:

Đức Huỳnh Giáo Chủ diễn tả tâm trạng tủi bi của một đảng Hoat Phật đang lo cho thế sự, đất nước ngửa nghiêng, nền Đạo bị lấp vùi, cốt cách Rồng Tiên của ông cha ta xưa bị vùi lấp. Ngài muốn vùng lên chuyển lại thế

cờ, nhưng vì còn mang thân phàm phải ***“Ẩn nhẫn hoài chờ đợi vận hanh thông”***.

Hiện tại Ngài rất ***“Nực cười cho lũ sói muông”***, dám ***“Đem điều cay nghiệt phá tuồng Thuần Nghiêu”***, nhưng không thể được, bọn họ sẽ bị thất bại, kẻ hung tàn phải đền tội, và người chân tu sẽ bình an vô sự, được trở về quê xưa cảnh cũ.

CHỦ ĐÍCH:

Đức Huỳnh Giáo Chủ thống trách bọn thực dân và đám tay sai dùng sức mạnh đàn áp, lừa bịp người dân vô tội. Ngài kêu gọi bọn họ trở lại con đường chính nghĩa để khỏi bị quả báo ở ngày mai.

CHÁNH VĂN:

- 1.- ***“Bóng hồng vừa mới thoáng qua,
Nhơn-sanh tỉnh giấc tìm nhà Thánh Tiên.
Thánh chúa phán ra miền Nam-địa,
4.- Mặc cho đời mai-mỉa cười chê”***.

CHÚ THÍCH:

BÓNG HỒNG: Ánh sáng mặt trời màu đỏ. Nghĩa bóng: Tin vui, niềm hy vọng.

NHON SANH: Người đang sanh sống trên quả địa cầu.

TỈNH GIÁC: Tỉnh: thức, giác ngộ. Nhận điều phải và lập tâm làm theo con đường tỉnh ngộ. Giác: giác ngộ. Tỉnh giác: vừa qua cơn mê ngủ. Nghĩa bóng: Giác ngộ tu hành, làm theo con đường Phật dạy.

THÁNH TIÊN: (Xem chú thích từ Phật, Thần, Thánh, Tiên; bài “Hai Mươi Chín Tháng Chạp” trong tập này).

NAM ĐỊA: Nam: miền Nam Việt Nam, tức 6 tỉnh Miền Tây. Địa: đất. Đất địa phương Nam.

MAI MỈA: Châm biếm, chế nhạo. Đức Thầy có câu: ***“Theo học Đạo mặc ai mai mỉa”***.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 1 đến câu 4)

Dân chúng miền Nam Việt Nam được một tin vui, Đức Huỳnh Giáo Chủ ra đời dạy Đạo và mọi người tỉnh giấc tìm về Thánh Địa qui y tu tỉnh.

Đây là sứ mạng, là cơ trời sắp đặt, dù cho ai chế nhạo Ngài cũng mặc nhiên lo làm tròn bổn phận cứu đời, lập Đạo...

CHÁNH VĂN:

- 5.- *“Nhìn dân châu lụy ử-ê,
Biết sao trút hết gánh về ta mang.
Mang cho hết tai nạn thế-giới,
Kể tâm lành bớt đợi chờ trông.
Cốt xưa thiệt giống Lạc-Hồng,
10.- Trên hòa dưới thuận một lòng mến yêu”.*

CHÚ THÍCH:

CHÂU LUY Ử Ê: Châu lụy: giọt nước mắt rơi lả tả. Ử ê: buồn rầu áo não. Châu lụy ử ê: Cảnh buồn rầu vô số. Nghĩa bóng: Cảnh giặc giã, đói đau làm người dân khôn khổ cùng cực quá sức chịu đựng.

TAI NẠN: Còn gọi nạn tai. Tai trời ách nước. Những mối họa (tai nạn) dồn dập. Đức Thầy có câu: **“Đến nay là buổi tai nạn”**. Hoặc: **“Cảm thương bá tánh tai nạn”**.

THẾ GIỚI: Thế: đời. Giới: đất đai nằm trong khu vực. Đồng nghĩa với vũ trụ. Đức Thầy có câu: **“Ước mơ thế giới lân Hòa Hảo”**.

LẠC HỒNG: Còn gọi Hồng Lạc. Hồng Bàng sanh ra Lạc Long Quân. Vị vua đầu tiên nước Việt Nam. Gọi chung Hồng Bàng và Lạc Long Quân là Hồng Lạc, tức Tổ Tiên người Việt Nam. Cổ thi có câu:

“Nhớ câu mộc bốn thủy nguyên,

Cháu con Hồng Lạc lưu truyền ngàn xưa”.

Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng bảo: **“Quyết chí nâng niu giống Lạc Hồng”**.

TRÊN HÒA DƯỚI THUẬN: Cũng đọc dưới trên hòa thuận: Tinh thần đoàn kết của mái ấm gia đình. Nghĩa rộng: Chung lưng đầu cột bảo vệ giang san Tổ Quốc.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 5 đến câu 10)

Nhìn cảnh chiến tranh thực tại lòng Đức Huỳnh Giáo Chủ đau xót cho dân chúng, Ngài không biết làm sao trút hết gánh nặng về bản thân để giải sầu cho nhân thế. Xét ra toàn dân tộc Việt Nam đều là con Hồng cháu Lạc, một lòng mến yêu, hòa thuận đùm bọc lẫn nhau như con một cha.

CHÁNH VĂN:

- 11.- *“Nay hiểm kẻ ỷ nhiều tiền của,
Vội làm trò hát múa lừng-xăng.
Xâu nhau đặng có tranh ăn,*
14.- *Cùng là giành mặc cho bằng ngoại-bang.
Người sao lại bỉ-bàng tôm cá.
Thức ăn thừa khiếp nổi ném quăng.
Kẻ nghèo lo chạy ngày hằng.*
18.- *Lại không đủ bữa rồi những đòi người”.*

CHÚ THÍCH:

HÁT MÚA: Vừa hát, vừa múa. Nghĩa bóng: Chỉ sự khoe khoang tiền của danh vọng bằng lời nói, bằng điệu bộ ra mặt.

LẶNG XĂNG: Nhiều việc bề bộn, tất tả chạy ngược chạy xuôi. Đức Thầy có câu: *“Chủ nhà quét tước lượm lừng xăng”*.

XÂU NHAU: Tranh giành xung đột lẫn nhau. Đức Thầy có câu: *“Quyết tranh giành quyền lợi xé xâu nhau”*.

GIÀNH MẶC: Giành sự ăn mặc. Nghĩa bóng: Se sua chùng dợn giành giật tất cả mọi nhu cầu trong lẽ sống, chen lẫn trên thiên hạ.

BỈ BÀNG: Xem thường. Ngoài ra còn có nghĩa: vật quá dư thừa.

NGÀY HÀNG: Còn gọi hàng ngày. Nghĩa bóng: Chỉ sự vất vả, chạy ngược chạy xuôi mà không đủ miếng ăn. Chỉ sự nghèo túng.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 11 đến câu 18)

Xã hội kim tiền phân đông chạy theo sự xa hoa phung phí, bắt chước theo văn vật Âu Tây, ý nhiều tiền của tranh giành giết dọc rồi bỉ báng tục cổ nước nhà, đồ ăn dư thừa bỏ vãi ném quăng. Trái lại kẻ nghèo thiếu ăn thiếu mặc lo chạy từ đồng xu các bạc mà không ra tiền. Ôi! Cuộc đời sao lắm oái ăm quá nhỉ!

CHÁNH VĂN:

19.- *“Xem thế sự biếng cười biếng khóc,*

Chẳng rung-rinh quèo móc chỉ ta.

Cười là cười thối ranh ma,

22.- *Khóc là khóc kẻ chưa ta đồ-dành”.*

CHÚ THÍCH:

THẾ SỰ: Thế: đời. Sự: việc. Việc đời. Mọi việc trong đời. Truyện Kiều có câu: *“Vui vì thế sự mà mong nhân tình”*.

BIẾNG CƯỜI BIẾNG KHÓC: Do thành ngữ *“Lỡ khóc, lỡ cười”*. Còn gọi cười ra nước mắt. Nghĩa bóng: Chỉ sự oái ăm của tuồng đời. Kẻ quá nghèo, người lại quá giàu, xã hội nhiều phức tạp.

RUNG RINH: Lay qua, lay lại. Nghĩa rộng: Lung lay muốn đổ, công việc sắp bị thất bại, hay tiếng tăm địa vị sắp lung lay.

RANH MA: Nói cho đủ là ranh ma, ranh mãnh, tráo trở, lặn lừng.

ĐỒ DÀNH: Vỡ về, dành riêng để cho ai. Vỡ về an ủi một người nào đó. Đức Thầy có câu: *“Nằm lăn ca hát sớm trưa đồ dành”*.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 19 đến câu 22)

Nhìn cuộc đời hiện tại Đức Tôn Sư PGHH lỡ khóc, lỡ cười: ***“Cười là cười thối ranh ma”*** của người đời. Khóc là khóc kẻ chưa quy đầu Phật Pháp. Sao người đời chẳng lấy đó tỉnh tâm? Lại còn đâm thọc, quèo móc ngược lại Đức Huỳnh Giáo Chủ.

CHÁNH VĂN:

- 23.- ***“Cơn lỡ-dở buồn tanh chuyện quái,
Tim non đời kinh hãi bao phen.
Từ xưa ông cống xù quền,
26.- Ngày nay ông bệnh ông ghen việc nhà.
Bởi mắc việc đi xa đánh chén,
Bà ở nhà sẽ lên cải trang.
Sét tin ruột nọ bàng-hoàng.
30.- Gượng say làm tỉnh rồi nhàn cụng ly”.***

CHÚ THÍCH:

LỖ DỠ: Tan biến mất đi.

BUỒN TANH: Còn gọi buồn tên. Buồn cảm thấy cái gì hụt hẫng, thiếu vắng cái gì không rõ rệt. Thí dụ: Buồn tên như cảnh chợ chiều.

CHUYỆN QUÁI: Chuyện quái lạ. Chuyện bất ngờ xảy ra rất lạ lùng. Chuyện ít có.

TIM NON: Lòng còn trẻ dại. Nghĩa bóng: Người chưa đầy đủ kinh nghiệm sự đời.

KINH HÃI: Sợ hãi tới mức mất hết tinh thần.

ÔNG CỐNG XÙ QUỀN: Một chức quan (từ Sĩ Quan trở xuống) của Pháp. Được thực dân Pháp tin cậy cho làm việc trong bộ máy hành chánh của họ. Do chữ Cống Nghè, là các quan thời xưa nghênh ngang được thăng chức, dưới thời Pháp thuộc những tay sai của chúng còn ngang ngược hơn thời xưa, nên người ta thêm chữ “Xù” (chuột cống).

GHEN: Tức tối, bức dọc. Vì thấy người khác hơn mình, hoặc vì vợ hay chồng người yêu thiếu chung thủy. Thí dụ: Thấy nó làm ăn khá giả đâm phát ghen. Ghen bóng ghen gió.

CẢI TRANG: Thay đổi cách ăn mặc, làm khác về hình thể, dáng điệu làm người khác không nhận ra. Nghĩa bóng: Phụ bạc ân tình.

Ở đây Đức Thầy muốn nói chính quyền Pháp thay đổi chánh sách, nhường bộ máy lãnh đạo cho quốc tế dàn xếp...

SÉT TIN: Tin sét đánh. Tin đột ngột bất ngờ như Trời đánh.

BÀNG HOÀNG: Như chữ bồi hồi. Sách Sử Ký có câu: “*Bàng hoàng bất năng khứ*”. Nghĩa: Bàng hoàng không đi được. Không được tỉnh táo.

GUỘNG SAY: Còn gọi say guộng. Đã say còn làm bộ tỉnh. Nghĩa bóng: Tư lòng đã nát biến vì tin nước nhà (Pháp quốc) đã thay đổi cuộc cờ.

RỒI NHÀN: Còn gọi nhàn rồi. Rồi rãi không vướng bận làm một việc gì cả. Thí dụ: Thì giờ nhàn rồi, lúc nào cũng thanh thoi thông thả.

LUỢC GIẢI:

(Từ câu 23 đến câu 30)

Hung tin bất ngờ đem đến bọn thực dân và đám tay sai bất ngờ kinh hãi, nhà nước Lang sa đã thay đổi cuộc cờ chính trị, khiến đồng bọn phải bị lỡ dở và không biết tính sao, phải guộng say làm bộ tỉnh, tiếp tục chèn ép, nhưng đầu óc đã rời toanh.

CHÁNH VĂN:

- 31.- “*Thấy hiểm kẻ vô nghi lạc Đạo,
Đưa một lòng làm bạo làm xằng.
Ai mà xét đến ăn-năn,
34.- Quày đầu hướng thiện bản tăng dất giùm*”.

CHÚ THÍCH:

VÔ NGHĨ: Không có tình nghĩa. Đức Thầy có câu:
“Hãy tu thân chừa thói vô nghĩ”.

LẠC ĐẠO: Lạc: sai. Đạo: con đường. Làm sai với con đường Đạo đức. Nghĩa bóng: ám chỉ những người chạy theo danh lợi, làm tay sai cho giặc, trở lại phỉ báng Tổ Tiên nòi giống.

LÀM BẠO LÀM XẰNG: Làm việc điên cuồng hung bạo. Nghĩa bóng: hạng người mất gốc lai căn. Cồng rắn cắn gà nhà.

ĂN NĂN: sám hối, sửa đổi. Tránh lỗi trước và chừa bỏ lỗi sau, không cho tái phạm. Đức Thầy có câu:

***“Chữ tự hối nào đâu có lạ,
Là ăn năn cải sửa làm lành”***.

HƯỚNG THIỆN: Hướng về điều lành. Nghĩa bóng: lo tu hành trở lại tìm con đường giải thoát cho mình và vạn loại chúng sanh.

BẢN TĂNG: Thầy tu nghèo. Đối với hạng phú táng. Nghĩa bóng: Bậc giải thoát xem thường danh, lợi, tình *“Cư trần bất nhiễm, lữ tục không mê”*. Thường xả phú cầu bản, xả thân tu tỉnh. Ám chỉ: Tề Đền Tăng, Đức Huỳnh Giáo Chủ...

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 31 đến câu 34)

Cặp mắt Phật nhận chân cuộc đời hiện tại, phần đông là hạng người tu sai lạc chân lý, bất nghĩa bất nhơn, chỉ ham làm việc xằng bậy theo thời thế.

Vậy ai là người biết ăn năn cải hối lo tu sẽ được gặp Thầy tận tâm dẫn dắt.

CHÁNH VĂN:

35.- ***“Mắt thấy đũa vô nghĩ phát giận,
Ngặt nổi mình còn bận pháp-thân.***

Chờ con đầy-đủ nghĩa-nhân,

38.- ***Ra tay tế-độ dứt lằn về ngôi.***

Có ngày mở rộng qui-khôi,

Non thần vang chuyển Khùng ngồi xử phân.

Huyền cơ máy tạo xoay vần,

42.- *Đồng về Phật-cảnh mười phần xinh tươi.*

Thánh Tiên vừa nhích miệng cười,

44.- *Chúc mừng trần-thế có người chơn tu”.*

CHÚ THÍCH:

PHÁP THÂN: chơn thân của vạn pháp. Trong kinh Niết Bàn có giải: “*Pháp thân là bản thể của chư Phật, dùng cái pháp tánh thường trụ, chẳng biến đổi để làm thân*”. Lại có câu: “*Phật chơn pháp thân do như hư không, ứng vật hiện hình như thủy trung nguyệt*”. (Chơn pháp thân của Phật ví như hư không, tùy vật hiện hình như trăng dưới nước). Đức Lục Tổ luận giải như sau: “*Phải dòm ngó Phật ba thân trong tánh mình, người trong thế gian đều có Phật ba thân (Pháp thân, báo thân và hóa thân). Bối tâm còn mê muội nên không thấy sáng suốt trong tánh mình, người cứ tìm Phật ba thân ở ngoài mà không thấy Phật ba thân ở trong tâm*”. Đức Thầy có câu:

“Bực mình đeo đẫm pháp thân,

Chờ cơn gió tạnh sẽ lần bước ra”.

Pháp thân ở đây chỉ cho ba thân phàm tục, còn vướng mắc trong nghiệp lực của thiên nhiên. Thật ra là chưa hợp thời cơ nên phải chịu vậy. Nếu vận thời đưa đến sẽ tung mây một cách dễ dàng.

NGHĨA NHÂN: Hai trong ngũ thường. Là hai đức tánh cao quý trong nền Nho giáo của Đức Khổng Thánh đã nêu từ xưa. Bỏn phận làm con người phải có đủ hai đức đó. Nếu thiếu nó giống như loài thú. Ca dao có câu: “*Thương người như thể thương thân*”. Đức Thầy bảo: “*Nếu thiệt người thì biết thương người*”.

Con người ngày nay vì thiếu nhân nghĩa, Đức Thầy mới:

“Chờ cơn đầy đủ nghĩa nhân,

Ra tay té độ dắt lần về ngôi”.

TẾ ĐỘ: Dẫn dắt đưa qua. Dùng pháp mầu cứu độ, hoặc dạy chỉ phương thoát khổ. Đức Thầy có câu: ***“Tế độ dân nghèo trong lúc túng”***.

QUI KHÔI: Qui: trở lại. Khôi: đứng đầu to lớn. Làm cho trở lại to lớn đứng đầu.

NON THẦN : Núi phương Nam có Thần Thánh ở. Nghĩa bóng: Chỉ ngày Đại hội ở năm non có đủ Phật, Tiên, Thần, Thánh hiện hình dự thi và chờ Đức Thầy phân xử. Như Ngài cho biết:

***“Xử những kẻ hung hăng tội tệ,
Thưởng những người trung nghĩa vẹn toàn”***.

Hay là: ***“Phạt với thưởng hai đường tỏ rõ”***.

HUYỀN CƠ: Cũng gọi là cơ huyền. Huyền: mầu nhiệm. Cơ: máy trời. Sự vận hành của tạo hóa rất mầu nhiệm cơ mật. Đức Thầy có câu: ***“Đạo hạnh huyền cơ khuyên đó kiếm”***.

XOAY VẦN: Cũng viết vần xoay. Nghĩa bóng: Cuộc đời nó biến chuyển luôn. Đức Thầy hằng xác định: ***“Hết vinh tới nhục lẽ này thường xưa”***.

PHẬT CẢNH: Cũng viết cảnh Phật, xứ Phật. Chỗ Đức Phật Thích Ca cu hội đại chúng thuyết pháp, hay chỗ Đức Phật A Di Đà ngự.

THÁNH TIÊN: (Xem chú thích trongn bài “Hai Mươi Chín Tháng Chạp” trong tập này).

TRẦN THẾ: Cũng viết là thế trần. Trần: là bụi bặm. Thế: đời. Cõi đời đầy bụi bặm mà chúng ta đang ở. Đức Thầy có câu: ***“Cuộc thế trần nhiều đoạn khó khăn”***. Hay: ***“Trần thế lợi danh giấc mộng tràng”***.

CHON TU: Chon: thật. Tu: sửa. Một lòng lo đạo, giúp đời và nêu gương hạnh tốt đẹp cho mọi người noi dấu ***“Chon tu thì quá ít ỏi”***.

LƯỢC GIẢI:
(Từ câu 35 đến câu 44)

Cặp mắt của Đấng từ bi nhìn thấy số người bỏ căn gốc Tổ Tiên, chạy làm tay sai cho ngoại quốc, trở lại đàn áp giống nòi, lòng Ngài vô cùng đau đớn. Nhưng cố gắng nhẫn nại vì chưa đúng thời cơ, vì còn mang xác thân phàm. Hơn nữa còn phải chờ số tín đồ đền đáp nghĩa nhân trọn vẹn để tế độ lần về ngôi vị.

Một ngày gần đây nền Đạo PGHH sẽ bành trướng khắp mọi nơi và đồng chung về một mối. Chừng đó ***“Non Thần vang chuyển Khùng ngồi xử phân”***. Mọi người đồng về Phật cảnh, Thánh Tiên đều hợp mặt chúc mừng người hữu phước chơn tu.

CHÁNH VĂN:

- 45.- ***“Ngày nay vừa lúc trăng thu,
Tiết trời ảm đạm mịt-mù gió mây.
Mưa phùn lác-đác đượm bay,***
48.- ***Canh tràng thơ-thần thân Thầy bơ-vơ.
Truân-chuyên Tạo-hóa thờ-ơ,
Đưa người lương-thiện lỡ bờ xa quê”***.

CHÚ THÍCH:

ẢM ĐẠM: ảm: là sắc đen sậm. Đạm: nhạt. Một sắc đen mờ mờ không đậm hẳn (nói về cảnh vật hay nói về người). Cảnh tối tăm. Đức Thầy có câu: ***“Xuân sang ảm đạm ánh dương mờ”***.

MỊT MÙ: Xa xôi mù mịt không thấy gì. Đức Thầy có câu: ***“Con đông tổ mịt mù bụi cát”***. Nghĩa bóng: Chỉ cảnh giặc giã làm cuộc đời đen tối.

LÁC ĐÁC: Thừa thớt, rải rác. Bà Huyện Thanh Quan có câu: ***“Lác đác bên sông chợ mấy nhà”***.

CANH TRÀNG: Đêm dài. Nghĩa bóng: cuộc thử thách còn lâu.

THƠ THẦN: không làm chủ được hành động bản thân. Đức Thầy có câu: ***“Khi Ba Tàu xách gói hồi hương,
Vàng bạc tóm bỏ cô thơ thần”***. Ắm chỉ tâm thân của Đức Thầy bị thực dân Pháp đầy đoạ.

BỜ VƠ: Nổi trôi không nơi nương tựa. Đức Thầy có câu: ***“Đón đau sắp đến bơ vơ một mình”***.

TRUÂN CHUYÊN: Gian nan vất vả. Đức Thầy có câu: ***“Đạo diệu mầu gặp lúc truân chuyên”***.

TẠO HÓA: Tạo: làm ra. Hóa: thay đổi. Thường dùng chỉ cho ông Trời lập ra cõi đời và biến hóa vạn vật. Đức Thầy có câu: ***“Tuần hườn tạo hóa cầm cân”***.

THỜ O: Lãnh đạm, lạt lẽo. Không quan tâm đến.

LƯƠNG THIÊN: Hiền lành tốt đẹp. Đức Thầy có câu: ***“Người lương thiện hưởng muôn điều hạnh phúc”***.

LỖ BỜ XA QUÊ: Xa cách quê hương, lưng chừng nơi đất khách, lỡ cả bến bờ. Đức Thầy có câu: ***“Người quê quán chợ như thoàn linh đình”***.

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 45 đến câu 50)

Đức Huỳnh Giáo Chủ viết bài này vào lúc giữa thu, đáng lẽ trăng thanh gió mát. Trái lại ***“Tiết trời ảm đạm mịt mù gió mây”***, thêm lại có mưa phùn, cảnh vật thê lương làm tăng vẻ đìu hiu, thổn thức lòng người lữ thứ. Suốt canh tràng Ngài trần trọc khó an giấc điệp. Vì đâu mà tạo hóa nữ nhân tâm đưa đẩy Ngài vào cảnh ngộ trớ trêu? Làm thân Ngài phải bơ vơ nơi đất khách!

CHÁNH VĂN:

51.- ***“Ru con buồn ngủ chưa mê,***

Tầm đòi lên kén sợ dề phá chuông.

Nực cười cho lũ sói muông.

54.- ***Đem điều cay nghiệt phá tuồng Thuần-Nghiêu.***

Đến sau phách lạc hồn xiêu,

Rã-rời thân thể mang nhiều họa-wong.

Ai ôi! hãy ngấm cho tường,

58.- ***Nhìn ông tận mặt hùng cường làm chi?”***

(Viết tại nhà thương Chợ-quán, ngày 25-8 Canh-Thìn)

CHÚ THÍCH:

RU CON BUỒN NGỦ CHƯA MÊ, TẦM ĐÒI LÊN KÉN SỢ DÊ PHÁ CHUÔNG: Một thành ngữ ám chỉ công việc tất bật. Ba công việc dồn về một lúc: ru con chưa ngủ, tầm đòi lên kén, dê đói muốn phá chuồng. Nghĩa bóng: Đức Huỳnh Giáo chủ dạy Đạo chưa xong, giặc Pháp đòi quản thúc Ngài và chiến tranh đang bùng nổ. Còn có nghĩa: Thời cơ chưa thuận tiện, nên sứ mạng của Ngài chưa thành đạt.

SÓI MUÔNG: Chó sói và chim muông: Thú vật hung ác thường sát hại con người. Nghĩa bóng: Chỉ lòng hung bạo của Đế quốc Pháp và bọn tay sai.

CAY NGHIỆT: Đắng cay nghiệt ngã. Nghĩa bóng: Chỉ việc tàn bạo dã man, áp bức cùng cực.

THUẦN NGHIÊU: Thuần: Đế Thuần (vua Thuần 2256-2195 trước TL). Ông họ Diêu, tên Trùng Hoa, cháu 8 đời của vua Huỳnh Đế. Ông vốn là trang hiếu tử, đứng đầu trong “Nhị Thập Tứ Hiếu” của Trung Hoa. Nhờ hiếu thảo mà được vua Nghiêu gả con gái và truyền ngôi, đóng đô ở Đồ Bản (Ngũ hương, huyện Hà Đông, tỉnh Sơn Tây). Đổi quốc hiệu là Hữu Ngu. Đế Thuần trị vì được 61 năm, thọ 101 tuổi. Nghiêu: Tên một ông vua ở Trung Hoa thời xưa, nổi tiếng có hiếu và thương dân, họ là Đào Đường, tại vị được 72 năm, sau truyền ngôi cho Đế Thuần: “*Truyền hiền bất truyền tử*”. Đức Thầy có câu:

***“Thuở xưa thời buổi Thuần Nghiêu,
Thái bình thanh trị mến yêu khấn tình”.***

NỤC CƯỜI CHO LỮ SÓI MUÔNG, ĐEM ĐIỀU CAY NGHIỆT PHÁ TUỒNG THUẦN NGHIÊU: Đức Huỳnh Giáo Chủ cười bọn Pháp quốc và đám tay sai dám đặt điều độc ác hãm hại Ngài, nhưng không thể được. Ngài vẫn an nhiên và nền Đạo PGHH ngày càng rạng rỡ.

Thật vậy, qua thời “Đệ nhị thế chiến” Đức Thầy và nền Đạo của Ngài vẫn đứng vững với thời gian và không

gian cho đến ngày nay (1945-2008) và còn chói rạng hơn xưa nữa.

PHÁCH LẠC HỒN XIÊU: Còn gọi xiêu hồn lạc phách. Một thành ngữ chỉ cho trạng thái tiêu hồn mất xác, bị dọa lạc không còn mang dấu vết.

Theo định luật nhân quả: Những người bị phạm tội ngũ nghịch hoặc quá nặng, phải bị dọa tam đồ: Chết dở sống dở, tiêu hồn lạc phách, vất vợ vất vưởng không còn nơi nương tựa. Đọc truyện Phong Thần ta thấy: Sau khi Na Tra lóc thịt đền ơn cha mẹ, ba hồn chín phách nương tựa về miếu của bà Lý Tịnh lập tại đầu làng. Sau bị Lý Tịnh phá miếu, đập cột hình, khiến linh hồn Na Tra vất vưởng bay về núi nương với Thầy Thái Ất Chơn Nhơn. Ông Thanh Sĩ có diễn cảnh trạng ấy:

*“Làm bùn, làm đất, làm cây đá,
Trơ trọi giữa Trời vạn kiếp thu”.*

HÙNG CUỒNG: Hùng: mạnh mẽ. Cuồng: cứng cỏi. Nghĩa bóng: Sức mạnh, thế lực mạnh mẽ. Đức Thầy có câu:

***“Tuy ngày nay chúng nó hùng cường,
Chùng phân định thì Ta cao quý”.***

LƯỢC GIẢI:

(Từ câu 51 đến câu 58)

Vì chưa đúng thời cơ, nên Đức Thầy phải chịu lao đao lận đận: Nền Đạo mới khai mở thì giặc Pháp đầy ải Ngài, rồi nạn giặc giã lan tràn trên non sông đất Việt. Chẳng qua là ông tạo muốn thử lòng bậc chân tu có thói chí cùng chăng? Ngài nực cười cho giặc Pháp dám dờ những trò ký quái phá hoại sự nghiệp của vị Thánh Vương nước Việt ở ngày mai.

Hỡi bọn thực dân, nữa sau phải chịu tiêu tan hồn phách. Đức Thầy khuyên dân chúng hãy tin tưởng vào sự nghiệp cứu đời lập Đạo của Ngài, chắc chắn sẽ thành công. Hiện thời chúng bây đừng lên mặt, hãy nhìn Ngài

cho thật kỹ rồi sẽ thấy Trời Phật sắp đặt cuộc chiến trong tương lai, ai còn ai mất?

- HẾT -